

ĐẢNG ỦY - BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ
HUYỆN ĐẠI TỪ

HUYỆN ĐẠI TỪ
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG XÂM LƯỢC, XÂY
DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1945 - 2016)

BỔ SUNG TÁI BẢN NĂM 2016

Chỉ đạo nội dung chính lí, biên soạn bổ sung và tái bản

-Ban Thường vụ Huyện ủy, Đảng ủy và Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đại Từ.

Chịu trách nhiệm tái bản:

-Thượng tá Dương Ngọc Khánh (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ).

Ban Chỉ đạo chính lí, biên soạn bổ sung và tái bản:

-Lê Kim Phúc (Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy – Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện): Trưởng ban.

-Thượng tá Dương Ngọc Khánh (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy-Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện): Phó Trưởng ban.

-Trung tá Hầu Việt Dũng (Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện - Chính trị viên Ban CHQS huyện): Ủy viên.

-Trung tá Lý Xuân Lực (Đảng ủy viên Đảng ủy Quân sự huyện - Chính trị viên phó Ban CHQS huyện): Ủy viên.

Chính lí, biên soạn bổ sung :

Thượng tá Nguyễn Văn Thắng, nguyên Trưởng ban Khoa học Lịch sử - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

Bìa : Hoàng Đức Thuận

Ảnh: Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

Sửa bản in:

LỜI GIỚI THIỆU

Đại Từ là huyện miền núi thuộc tỉnh Thái Nguyên vị trí nằm ở vùng Tây - Tây Bắc tỉnh; phía bắc giáp huyện Định Hoá, phía nam giáp thị xã Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên, phía đông giáp huyện Phú Lương, phía tây giáp hai tỉnh Tuyên Quang và Vĩnh Phúc. Thị trấn Hùng Sơn huyện lỵ Đại Từ nằm cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 25 km về phía tây bắc. Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ vốn có truyền thống yêu nước và cách mạng.

Dưới thời Pháp thuộc, nhân dân các dân tộc Đại Từ liên tiếp nổi dậy chống Pháp. Sau ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930), địa bàn huyện Đại Từ trở thành vùng đất Căn cứ địa Cách mạng. Mùa Thu năm 1936, tại xã La Bằng, cơ sở Đảng Cộng sản Đông Dương đầu tiên ở huyện Đại Từ (đồng thời cũng là ở tỉnh Thái Nguyên) được thành lập. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, các xã khu vực phía Bắc huyện Đại Từ được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn làm An toàn khu trong Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, nơi ở và làm việc của nhiều cơ quan đầu não kháng chiến và nhiều đồng chí lãnh đạo cao

cấp của Đảng, Chính phủ và Quân đội. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ; Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân 11 xã trong huyện đã hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ An toàn khu, được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*. Trong kháng chiến chống Mĩ, Đại Từ là huyện duy nhất trong tỉnh có lực lượng dân quân bắn rơi máy bay Mĩ bằng súng bộ binh và cũng là huyện duy nhất trong tỉnh đạt năng suất 5 tấn thóc trên một héc ta gieo trồng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến. Trong thời kì đổi mới, Đại Từ là huyện có lực lượng vũ trang nhân dân địa phương hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương, được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kì đổi mới*.

Thực hiện chủ trương của Thường vụ Đảng ủy và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên, nhân dịp kỉ niệm 70 năm *Ngày Truyền thống Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ (19/12/1946 – 19/12/2016)*, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Huyện ủy, Đảng uỷ Quân sự và Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức chỉnh lí, biên soạn bổ sung cuốn sách *"Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, đế*

quốc Mỹ xâm lược và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của quân và dân huyện Đại Từ (1945 – 2000)", tái bản thành cuốn sách *"Huyện Đại Từ - Lịch sử kháng chiến chống xâm lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1945 – 2016)"*, làm tài liệu giáo dục lịch sử, truyền thống cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện.

Thay mặt Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ, tôi chân thành cảm ơn các cơ quan hữu quan và các nhân chứng lịch sử đã tận tình giúp đỡ để cuốn sách được chỉnh lí, biên soạn bổ sung, tái bản và phát hành đúng vào dịp kỉ niệm 70 năm Ngày truyền thống Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ (19/12/1946 - 19/12/2016).

Do điều kiện thời gian chỉnh lí, biên soạn bổ sung ngắn, nên chắc chắn cuốn sách *"Huyện Đại Từ - Lịch sử kháng chiến chống xâm lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1945 – 2016)"*, không tránh khỏi có những khiếm, khuyết. Đảng ủy - Ban Chỉ huy quân sự huyện mong cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện và đông đảo bạn đọc góp ý, phê bình.

BÍ THƯ HUYỆN ỦY

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ HUYỆN ĐẠI TỪ

Lê Kim Phúc

The American Medical Association is a non-profit corporation organized for the purpose of promoting the interests of the medical profession and the public. It was founded in 1847 and has since that time been the leading organization of the medical profession in the United States. The Association is composed of more than 50,000 members, who are physicians, surgeons, dentists, and other medical practitioners. The Association's primary concern is the advancement of the medical profession and the improvement of the medical service to the public. It does this by publishing the Journal of the American Medical Association, which is one of the most important medical journals in the world. The Journal contains the latest news and information in the medical field, and it is read by thousands of physicians and other medical practitioners. The Association also publishes other journals, books, and pamphlets, and it sponsors a variety of medical conferences and exhibitions. In addition, the Association is active in the field of medical education, and it has established a number of medical schools and hospitals. The Association's efforts have been instrumental in the development of the medical profession in the United States, and it continues to work for the improvement of the medical service to the public.

At the meeting of the Association held at the Hotel...
The following resolutions were adopted:
1. That the Association should continue to work for the improvement of the medical service to the public.
2. That the Association should continue to publish the Journal of the American Medical Association.
3. That the Association should continue to sponsor medical conferences and exhibitions.
4. That the Association should continue to be active in the field of medical education.

CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ



Ngày 22/8/1998, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 424/KT-CTN tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp* cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ.



Ngày 12/12/2000, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 465/KT-CTN tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì đổi mới (1989-2000)* cho Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ.



Chương I

QUÊ HƯƠNG - CON NGƯỜI - TRUYỀN THỐNG

Vùng đất huyện Đại Từ ngày nay, thời Hùng Vương, thuộc bộ Vũ Định; thời An Dương Vương, thuộc vùng đất Âu Lạc; thời Bắc thuộc, thuộc vùng đất quận Giao Chỉ, sau đó là Giao Châu, An Nam đô hộ phủ; từ đầu thế kỷ thứ X đến đầu thế kỷ XV thuộc châu, rồi trấn, phủ, châu Thái Nguyên.

Địa danh Đại Từ với tư cách là tên gọi của một huyện có từ thời nhà Lê. Thời ấy, vùng đất huyện Đại Từ ngày nay là đất của hai huyện Đại Từ và Văn Lãng thuộc phủ Phú Bình, thuộc về Bắc Đạo; từ năm 1469, thuộc Ninh Sóc thừa tuyên; đến năm 1490, thuộc xứ Thái Nguyên. Trong giai đoạn từ thời Tây Sơn đến giữa đời Minh Mạng (thời Nguyễn), đất huyện Đại Từ ngày nay thuộc phủ Phú Bình (trấn Thái Nguyên, từ năm 1831 là tỉnh Thái Nguyên). Lúc đó, huyện Đại Từ được chia thành 7 tổng, 27 xã, thôn, trang, phường; huyện Văn Lãng được chia thành 3 tổng, 8 xã, trang.

Năm 1835, nhà Nguyễn cắt châu Định (Định Hoá) và 3 huyện Đại Từ, Văn Lãng, Phú Lương khỏi phủ Phú Bình để lập phủ Tông Hoá. Thời vua Đồng Khánh (1886-1889) huyện Đại Từ có 7 tổng, với 28 xã, trang, phường; huyện Văn Lãng có 7 tổng, với 12 xã, trang.

Ngày 1/8/1922, chính quyền thực dân Pháp ra nghị định sáp nhập huyện Văn Lãng vào huyện Đại Từ. Huyện Đại Từ lúc đó có 9 tổng, với 38 làng⁽¹⁾.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, các đơn vị hành chính cấp tổng không tồn tại, các xã của huyện Đại Từ có nhiều biến động do việc phân chia địa giới hành chính và đặt tên mới cho phù hợp với chế độ mới.

Trong thời kì kháng chiến chống Pháp (trước giảm tô), huyện Đại Từ có 15 xã (Hùng Sơn, Phục Linh, Vĩnh Hòa, Trảng An, Phú Cát, Văn Cao, Hoàn Sơn, An Mỹ, Phú Cường, An Khánh, Cù Vân, Văn Yên, Tân Thành, Đức Lương). Đến thời kì giảm tô (cuối năm 1953) huyện Đại Từ chia 15 xã thành 29 xã (trong đó, xã Hùng Sơn được chia thành 3 xã Hùng Sơn, Bình Thuận, Tân Thái; xã Phục Linh

⁽¹⁾ Xem Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ (tập 1) xuất bản 1991. Trong lịch sử hàng nghìn năm của Đại Từ có 87 năm (1835-1922) bị tách làm hai, nhưng nhân dân ở nơi đây cùng chung dải đất, số phận và trách nhiệm với nhau nên chúng tôi lấy huyện Đại Từ làm chủ thể ít nhắc tới huyện Văn Lãng để người đọc tiện theo dõi.

được chia thành 2 xã Phục Linh, Hà Thượng; xã Trần Phú chia thành 2 xã Trần Phú, Độc Lập; xã Vinh Hòa được chia thành 3 xã Vinh Quang, Phú Thịnh, Hùng Cường; xã Trảng An được chia thành 3 xã Phúc Thọ, Lục Ba, Vạn Thọ; xã Phú Cát được chia thành 2 xã Bình Dân, Ký Phú; xã Văn Cao được chia thành 2 xã Yên Lãng, Phú Xuyên; xã Hoành Sơn được chia thành 2 xã Đoàn Kết, Tiến bộ; xã Phú Cường được chia thành 3 xã Phú Cường, Thắng Lợi, Minh Tiến; xã Đức Lương được chia thành 2 xã Đức Lương, Phúc Lương; còn 5 xã An Mỹ, An Khánh, Cù Vân, Văn Yên, Tân Thành giữ nguyên địa giới và tên gọi.

Theo Quyết định số 136-NV ngày 7/4/1967 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, các xã An Mỹ đổi thành xã Mỹ Yên, Bình Dân đổi thành Cát Nê, Đoàn Kết đổi thành Hoàng Nông, Độc Lập đổi thành Tiên Hội, Hùng Cường đổi thành Bản Ngoại, Tân Thành đổi thành Quân Chu, Thắng Lợi đổi thành Na Mao, Tiến Bộ đổi thành La Bằng, Trần Phú đổi thành Khôi Kỳ, Vinh Quang đổi thành Phú Lạc, xã Hùng Sơn được chia thành xã Hùng Sơn và thị trấn Đại Từ. Theo Quyết định số 416-NV ngày 27/10/1967 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, xã Quân Chu được tách thành xã Quân Chu và thị trấn Quân Chu⁽¹⁾. Sau khi công trình thủy lợi

⁽¹⁾ Vì nhiều lí do khác nhau, nên việc đổi tên của các xã theo Quyết định số 136-NV ngày 7/4/1967 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ không được

Núi Cốc hoàn thành, do phần lớn diện tích xã Phúc Thọ bị chìm trong lòng hồ Núi Cốc, nên ngày 1/10/1983, phần đất còn lại của xã Phúc Thọ được sáp nhập với các xóm Tân Thắng, Đồng Đăng (xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên), xóm Yên Ninh (xã Phúc Triu, huyện Đồng Hỷ) thành xã Phúc Tân, thuộc huyện (nay là thị xã) Phổ Yên. Năm 1999, xã Phúc Linh được tách thành hai xã Phúc Linh và Tân Linh. Theo Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 13/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, thị trấn Đại Từ sáp nhập với xã Hùng Sơn thành thị trấn Hùng Sơn. Từ đó, huyện Đại Từ có 2 thị trấn (Hùng Sơn, Quân Chu) và 28 xã (An Khánh, Bản Ngoại, Bình Thuận, Cát Nê, Cù Vân, Đức Lương, Hà Thượng, Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Ký Phú, La Bằng, Lục Ba, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phúc Linh, Phúc Lương, Tiên Hội, Quân Chu, Tân Linh, Tân Thái, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lãng)⁽¹⁾.

Đại Từ là huyện miền núi nằm ở khu vực Tây - Tây Bắc

tiến hành đồng thời, đến đầu năm 1975, toàn bộ các xã của huyện Đại Từ (cũng như các xã của các huyện khác trong tỉnh) mới hoàn tất việc đổi tên.

⁽¹⁾ Để thống nhất với các cuốn sách lịch sử Đảng, lịch sử ngành đã xuất bản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, chúng tôi dùng tên gọi các xã của huyện Đại Từ hiện nay để viết các sự kiện lịch sử diễn ra trên địa bàn huyện.

tỉnh Thái Nguyên vị trí nằm ở vùng cửa tỉnh; phía bắc giáp huyện Định Hoá, phía nam giáp thị xã Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên, phía đông giáp huyện Phú Lương, phía tây giáp hai tỉnh Tuyên Quang và Vĩnh Phúc. Dãy núi Tam Đảo chạy dài theo hướng tây bắc - đông nam huyện là ranh giới tự nhiên giữa huyện Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên) với hai huyện Bình Xuyên, Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Phúc) và Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang). Theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015, huyện Đại Từ có diện tích tự nhiên 573,35 km², dân số 164.730 người (trong đó, có 81.559 nam, 83.171 nữ, 17.635 người sống ở đô thị, 147.095 người sống ở nông thôn). Theo Quyết định số 447/QĐ - UBND, ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, toàn bộ 30 xã, thị trấn thuộc huyện Đại Từ đều nằm trong các khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, khu vực I có 2 thị trấn (Hùng Sơn, Quân Chu) và 11 xã (An Khánh, Bình Thuận, Cù Vân, Hà Thượng, Hoàng Nông, Ký Phú, Khôi Kỳ, La Bằng, Lục Ba, Tân Thái, Tiên Hội), khu vực II có 14 xã (Bản Ngoại, Cát Nê, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phục Linh, Tân Linh, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lãng), khu vực III có 3 xã

(Phúc Lương, Đức Lương, Quân Chu) ⁽¹⁾.

Nhân dân các dân tộc Đại Từ vốn có truyền thống yêu nước và cách mạng. Thế kỉ XV, dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi, con em nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ (tiêu biểu là cha con Lưu Trung, Lưu Nhân Chú) đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống giặc Minh. Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ tiếp tục đứng lên theo các nghĩa quân Cai Bát, Hoàng Hoa Thám, Đội Cấn đứng lên đánh đuổi giặc Pháp. Cuối năm 1936, cơ sở Đảng Cộng sản Đông dương đầu tiên của huyện Đại Từ (đồng thời cũng là của tỉnh Thái Nguyên) được thành lập ở xã La Bằng. Từ “đốm lửa” đầu tiên này, phong trào cách mạng lan ra nhiều huyện trong tỉnh, từng bước động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Trải qua các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, bảo vệ biên cương Tổ quốc,

⁽¹⁾. Quyết định số 447/QĐ - UBND, ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về *Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015*. Quyết định số 447/QĐ - UBND căn cứ vào Quyết định số 30/2012/QĐ - TTg ngày 18/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015. Thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi là căn cứ để xây dựng, thực hiện chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của từng vùng, từng khu vực.

nhân dân Đại Từ đóng góp nhiều nhân, tài, vật lực cùng nhân dân cả nước giữ vững nền độc lập, tự do của Tổ quốc, vững bước trên con đường đổi mới, xây dựng quê hương giàu đẹp, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Thành tích của nhân dân Đại Từ được Đảng và Nhà nước ghi nhận, phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* các thời kì kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và đổi mới cho 14 tập thể; phong tặng, truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* cho 100 bà mẹ, phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động* cho 1 cá nhân (đồng chí Trương Văn Nho).

Do nằm ở vùng Tây - Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên, liền kề với tỉnh Vinh Phúc; phía tây và tây nam dựa vào dãy núi Tam Đảo qua dải đất bán sơn địa của thị xã Phổ Yên đến Sóc Sơn (Hà Nội), nên huyện Đại Từ có vị trí chiến lược rất quan trọng. Đây là một trong những cửa ngõ ra vào phía nam của tỉnh Thái Nguyên, đồng thời cũng là cửa cả vùng Việt Bắc. Huyện Đại Từ có Đường 13 A, nay là Quốc lộ số 37 đoạn nằm trên địa bàn huyện từ Ngã ba Bờ Đậu trên Quốc lộ số 3 qua thị trấn Hùng Sơn, vượt Đèo Khế sang Tuyên Quang gặp Quốc lộ số 2. Đường 38, nay là Tỉnh lộ 261 từ thị xã Phổ Yên đến địa phận huyện Đại Từ ở xã Quân Chu lên thị trấn Hùng Sơn nhập vào Quốc lộ 37. Trên địa bàn huyện Đại Từ còn có nhiều đường giao thông ngang, dọc, xã nối xã, miền nối miền, thông với các

tỉnh lân cận. Ngoài đường bộ, Đại Từ còn có đường sắt từ ga Quan Triều đi Núi Hồng, qua 3 ga Cù Vân, Đại Từ và Núi Hồng. Hệ thống đường sá của huyện Đại Từ rất thuận lợi cho giao thông vận tải, phục vụ phát triển kinh tế và hoạt động quân sự.

Huyện Đại Từ có nhiều suối, ít sông. Cả huyện chỉ có con sông Công, bắt nguồn từ huyện Định Hoá chảy vào huyện Đại Từ theo hướng tây bắc - đông nam, qua thị trấn Hùng Sơn, đổ vào hồ Núi Cốc⁽¹⁾. Nhưng huyện Đại Từ cũng được nhiều ưu đãi, từ dãy núi Tam Đảo và các núi khác tạo ra 53 con suối lớn, nhỏ luồn qua các khe núi, cánh rừng, đưa nước xuống các cánh đồng, rồi đổ vào sông Công, tạo nguồn sinh thủy cho hồ Núi Cốc. Từ hồ Núi Cốc nước qua đập tràn xuống hạ lưu, qua thành phố Sông Công, xuống thị xã Phổ Yên gặp sông Cầu ở thôn Phù Lôi, xã Thuận Thành. Hệ thống sông, suối của huyện Đại Từ tuy không có giá trị lớn về vận tải đường thủy, nhưng giữ vai trò cực kì quan trọng trong việc cung cấp nước tưới cho

⁽¹⁾Hồ Núi Cốc là hồ nhân tạo được khởi công xây dựng năm 1973, hoàn thành năm 1985. Công trình gồm đập chính dài 58 mét, ngăn dòng sông Công ở đoạn gần Núi Cốc, tạo thành hồ rộng lớn 2500 ha, dung tích 75 triệu mét khối nước, phục vụ cho các khu công nghiệp lớn phía nam tỉnh, cho sản xuất nông nghiệp của huyện Phú Bình, thị xã Phổ Yên, thành phố Sông Công, một phần tỉnh Bắc Giang và nước sinh hoạt cho thành phố Thái Nguyên. Đồng thời là tiềm năng lớn về thủy sản và du lịch.

hàng chục ngàn héc ta cây trồng và nước sinh hoạt cho hàng trăm ngàn người. Suối ở Đại Từ ngắn, nhưng có độ dốc lớn; vào mùa mưa nước dâng cao, chảy xiết, sinh ra lũ lụt, gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp, tàn phá hệ thống đường sá và các công trình thuỷ lợi, làm cản trở giao thông. Lũ ở huyện Đại Từ thường xuất hiện nhanh và rút nhanh.

Địa hình huyện Đại Từ chủ yếu là đồi núi, nhưng không đồng nhất. Miền Tây của huyện kéo dài từ bắc xuống nam, dựa lưng vào dãy núi Tam Đảo. Sườn Đông của Tam Đảo là các xã vùng Tây Đại Từ, có độ cao hơn 1.400 mét giảm dần xuống thung lũng sông Công và hồ Núi Cốc, tạo nên vùng núi non hùng vĩ, được che phủ bằng những cánh rừng đại ngàn, có diện tích 10.410 héc ta (gần bằng 30% diện tích rừng toàn huyện). Vùng Đông Đại Từ là những núi đất nhấp nhô cao, thấp khác nhau chiếm phần lớn diện tích đất đai, xen giữa là những dải đồng bằng nhỏ hẹp. Ở vùng Đông Nam Đại Từ có dãy núi Thần Lăn trải dài từ mảnh đất cực Nam của huyện vòng lên phía đông đến hồ Núi Cốc, vượt qua sông Công là các dãy núi Vuốt, núi Pháo (434mét), núi Chúc nối tiếp nhau ra đến các xã phía Tây của thành phố Thái Nguyên.

Về kinh tế, nhân dân huyện Đại Từ sống chủ yếu bằng nghề sản xuất nông nghiệp và nghề rừng. Theo Niên giám

thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015, so với các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh, Đại Từ là huyện đứng thứ hai về diện tích (13.568 ha) và sản lượng cây lương thực có hạt (76.451 tấn); đứng đầu về diện tích trồng cây lâu năm (8.651 ha), diện tích trồng cây chè (6.333 ha) và sản lượng chè búp tươi (59.158 tấn), đứng thứ ba về diện tích rừng (31.468 ha), đứng thứ ba về số lượng đàn trâu (10.400 con) và đàn lợn (70.850 con).

Về bưu chính, viễn thông, toàn huyện có 2.900 thuê bao điện thoại cố định, 5.398 thuê bao internet, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương và Ban Chỉ huy quân sự huyện thông suốt tới tất cả các cơ quan, đơn vị Lực lượng vũ trang nhân dân huyện.

Về y tế, toàn huyện có 1 bệnh viện huyện và 30 trạm y tế xã (thị trấn), với 315 giường bệnh (có 165 giường bệnh của bệnh viện), 354 cán bộ y tế (gồm 56 bác sĩ và trên đại học, 122 y sĩ, 129 y tá và kỹ thuật viên, 27 hộ sinh, 3 dược sĩ cao cấp, 16 dược sĩ trung cấp, 1 dược tá). Về giáo dục, toàn huyện có 33 trường mầm non công lập, với 284 lớp, 618 giáo viên, 9.073 học sinh; 67 trường phổ thông (33 trường tiểu học, 31 trường trung học cơ sở, 3 trường trung học phổ thông), với 1.479 giáo viên (677 giáo viên tiểu học, 552 giáo viên trung học cơ sở, 250 giáo viên trung học

phổ thông), 25.287 học sinh (12.105 học sinh tiểu học, 8.665 học sinh trung học cơ sở, 4.517 học sinh trung học phổ thông).

Đại Từ là huyện có nhiều loại khoáng sản nhất là than đá, quặng thiếc, ba rít, đồng bô xít, rất cần cho kĩ nghệ luyện kim và công nghệ quốc phòng. Năm 1922, thực dân Pháp bắt đầu khai thác Mỏ than Làng Cẩm chủ yếu bằng thủ công. Trong kháng chiến chống Pháp (1945- 1954), Mỏ than Làng Cẩm là nguồn cung cấp nhiên liệu quan trọng cho các xưởng quân giới ở Việt Bắc sản xuất vũ khí cho quân đội. Năm 1966, cùng với việc mở khai trương Mỏ than núi Hồng, Mỏ than Làng Cẩm cũng từng bước được cơ giới hoá, hiện đại hoá trong quá trình khai thác. Theo dự đoán của các nhà địa chất, trữ lượng than ở Đại Từ rất lớn, có thể khai thác 500.000 tấn/năm trong vòng 50 năm nữa. Đặc biệt, Mỏ đa kim Núi Pháo nằm trên địa bàn xã Hà Thượng của huyện Đại Từ có trữ lượng lớn các khoáng sản giá trị cao, gồm vonfram, bismut và florit. Ngày 1/4/2014, Mỏ đa kim Núi Pháo đã chính thức đi vào hoạt động sản xuất, đảm bảo công ăn, việc làm cho trên 2.000 lao động và hằng năm thu về cho ngân sách Nhà nước trên 1.000 tỉ đồng. Về năng lực cơ khí, ngoài Trung tâm Cơ khí mỏ ở xã Hà Thượng, trên địa bàn huyện Đại Từ còn có nhiều cụm cơ khí phục vụ đắc lực cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của huyện.

Với tiềm năng lớn về kinh tế, nhất là đất đai, rừng,

khoáng sản, cơ sở công nghiệp, sức lao động, hệ thống đường sá, thông tin liên lạc, mạng lưới y tế và một số đặc điểm khác, huyện Đại Từ có điều kiện để xây dựng, phát triển về kinh tế - xã hội kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh. Thời bình nhân dân các dân tộc Đại Từ có điều kiện phát huy mọi tiềm năng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo cơ sở để Đại Từ tiến nhanh, tiến vững chắc trên con đường xây dựng cuộc sống ấm no, giàu có, phồn vinh. Khi quốc gia hữu sự, thì những tiềm năng này sẽ trở thành sức mạnh của chiến tranh nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Trong lịch sử, Đại Từ từng là nơi đặc địa và đặc dụng cho những người có chí lớn, biết tranh thủ lòng dân để dựng nghiệp lớn cứu nước. Năm 1410, nghĩa quân Áo Đỏ từ Đại Từ phát cờ khởi nghĩa chống giặc Minh xâm lược. Cuộc khởi nghĩa lan nhanh khắp các vùng Việt Bắc, Tây Bắc vào đến Thanh Hoá, Nghệ An, gây cho giặc Minh nhiều tổn thất. Năm 1416, sau khi dự hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hoá), Lưu Nhân Chú đã về ngay quê hương mình ở làng Thuận Thượng (xã Văn Yên, huyện Đại Từ), chiêu tập trai tráng trong vùng, sắm sửa vũ khí, tích trữ lương thực, luyện tập binh mã kịp hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (mùa Xuân năm 1418), do người anh hùng dân tộc Lê Lợi xướng nghĩa và lãnh đạo. Đội quân của Lưu Nhân Chú, trong đó lực lượng nòng cốt là con em nhân dân các dân tộc

Đại Từ đã phát huy truyền thống quê hương, nêu cao ý chí chiến đấu, đi khắp các chiến trường, lập nên những chiến công oanh liệt ở Bồ Đằng, Khả Lưu, Tây Đô, Càn Trạm, Phổ Cát; đặc biệt, trận quyết chiến chiến lược ở Ải Chi Lăng, chém đầu tướng giặc Liễu Thăng ngay tại trận; là các trận Xương Giang, Bình Than máu giặc trôi đỏ nước góp phần vào thắng lợi oanh liệt của cuộc kháng chiến 10 năm chống Minh. Sau đó, Lưu Nhân Chú được triều đình nhà Lê phong Tể tướng, Nhập nội Tư khấu, Tư không; được vua Lê ban Quốc tính, trở thành niềm vinh dự và tự hào của nhân dân các dân tộc Đại Từ.

Năm 1884, thực dân Pháp mở rộng chiếm đóng ra các tỉnh phía Bắc trong đó có Thái Nguyên. Khi kéo quân lên chiếm đóng địa bàn huyện Đại Từ, chúng đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của các tầng lớp nhân dân trong huyện. Từ năm 1887 đến năm 1913, nhân dân các dân tộc Đại Từ đã tích cực ủng hộ cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Riêng năm 1896, trên địa bàn huyện Đại Từ, nghĩa quân Yên Thế đã đánh Pháp 16 trận; trong đó có trận Hùng Sơn ngày 21/7/1896 tiêu diệt hàng chục tên Pháp.

Từ năm 1892 đến năm 1896, nhân dân Đại Từ tích cực hưởng ứng cuộc nổi dậy làm binh biến của binh lính người Việt trong quân đội Pháp ở Hùng Sơn do Cai Bát

lãnh đạo. Trong những năm đầu thế kỷ XX, giặc Pháp thiết lập ở Đại Từ 7 đồn binh (Văn Lãng, Phú Minh, Yên Rã, Ký Phú, Cát Nê, Hùng Sơn, Cù Vân); trên địa bàn huyện thường xuyên có gần 600 lính chính quy và lính đồng chiếm đóng. Vượt ra khỏi sự kìm kẹp của giặc Pháp, nhân dân Đại Từ đã tích cực hưởng ứng và tham gia cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên nổ ra đêm 30 rạng ngày 31/8/1917 do Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo. Trong 131 binh lính người Việt trong quân đội Pháp tham gia khởi nghĩa Thái Nguyên, huyện Đại Từ có 9 người, gồm Dương Đình Xuyên (La Bằng), Nguyễn Bá Khôi (Hùng Sơn), Dương Văn Lợi (Hương Sơn), Chu Văn Yên (Hương Sơn), Nguyễn Văn Phương (Ký Phú), Nông Văn Chằm (Thượng Lương), Triệu Văn Kinh (Hạ Lãm), Lương Văn Ban (Vị Xuyên), Trương Văn Minh (Thượng Lương). Vùng núi Pháo, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ được Đội Cấn chọn làm nơi cố thủ cuối cùng. Tại đây, ngày 21/12/1917, Đội Cấn đã chỉ huy nghĩa binh kiên cường đánh trả một trận tấn công dữ dội của giặc Pháp và bị thương nặng ở chân trái. Quyết không để bị rơi vào tay giặc, vào hồi 21 giờ ngày 5/1/1918, Đội Cấn đã tự sát bằng súng ngắn ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo *Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại*, trang 381.

Đại Từ là một trong những huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên có vị trí đặc biệt mà thực dân Pháp chú ý kết hợp dùng sức mạnh quân sự với việc thực hiện các chính sách, thủ đoạn cai trị tinh vi và thâm độc để chiếm đóng. Năm 1884, sau khi chiếm thành Thái Nguyên, thực dân Pháp đưa quân lên huyện Đại Từ để bình định. Để bảo vệ vùng đất hiểm yếu này, thực dân Pháp đặt huyện Đại Từ dưới chế độ quân quản. Đến ngày 10/10/1892, thực dân Pháp mới chuyển huyện Đại Từ từ chế độ quân quản sang chế độ dân sự. Nhưng lực lượng quân sự của Pháp không vì thế mà giảm đi, trái lại còn được tăng cường. Đến năm 1905, trên vùng đất Đại Từ, thực dân Pháp có 7 đồn binh (Văn Lãng, Yên Rã, Phú Minh, Cù Vân, Ba Xâu, Ký Phú và Hùng Sơn); trong đó đồn Hùng Sơn là sở chỉ huy trung tâm, do một giám binh người Pháp kiêm đại lí⁽²⁾ trực tiếp chỉ huy. Quân chốt giữ đồn Hùng Sơn thường xuyên có 450 binh lính, gồm hai sắc lính khổ đỏ và khổ xanh, được

⁽²⁾ Trong 10 năm ((1898 đến 1908), thực dân Pháp đã thay 6 viên chỉ huy đồn Hùng Sơn: MoheDlabanme (Hàm Tham tán tòa sứ), Lager (Giám binh), Nicolle (Quan cai trị bệnh), Blámubé (Tham tán tòa sứ bậc I), Vicieb (Lãnh binh bậc 3).

- Năm 1898, thực dân Pháp lập Tòa Đại lí Hùng Sơn. Đại lí là một chức vụ dân sự thay mặt Chánh sứ ở một địa phương giải quyết những việc xảy ra vượt quá quyền hạn của Tri châu (do thông tin liên lạc khó khăn) nhưng thực chất là giám sát mọi hoạt động của Tri châu. Từ việc lớn đến việc nhỏ Tri châu đều phải xin ý kiến viên Đại lí trước khi quyết định.

trang bị vũ khí hiện đại và 12 lính cơ bảo vệ châu, phủ. Ngoài ra, còn 120 lính đồng được trang bị súng khai hậu, đặt dưới sự quản lý trực tiếp của châu Đoàn, khi có biến, được huy động cùng tác chiến với lính khổ đỏ, khổ xanh, đặt dưới sự chỉ huy của đồn trưởng Hùng Sơn. Như vậy, trên địa bàn Đại Từ, lực lượng vũ trang của thực dân Pháp thường xuyên có 582 lính chính quy và lính đồng (lúc đó Đại Từ có 1.466 suất đinh, bình quân cứ 2,5 người đàn ông từ 18 đến 59 tuổi thì có một lính của thực dân Pháp). Từ năm 1898 đến 1905, thực dân Pháp xây dựng nhiều lô cốt, tháp canh tại các đầu mối trên đất các địa phương tiếp giáp với Đại Từ như Phúc Thuận (Phổ Yên), Quảng Nạp (Định Hoá), Bá Sơn (Đồng Hỷ), Hợp Thành (Phú Lương), Đèo Khế (Sơn Dương - Tuyên Quang) nhằm kiểm soát chặt chẽ Đại Từ bên trong và bên ngoài trong vành đai binh lính và súng đạn.

Tuy nhiên, mọi âm mưu thâm hiểm và hành động trắng trợn của thực dân Pháp chỉ có thể gây khó khăn cho những hoạt động của người yêu nước và cách mạng, chứ không thể ngăn chặn được tinh thần yêu nước của nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ. Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập (*tháng 10/1930 đổi thành Đảng Cộng sản Đông Dương*). Đây là bước ngoặt lịch sử trên tiến trình phát triển của phong trào yêu nước và cách mạng của dân tộc ta. Từ đây cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân

dân ta do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã chuyển sang một thời kì mới.

Cuối năm 1936, Đặng Tùng, một cán bộ của Đảng Cộng sản Đông Dương đang hoạt động ở Long Châu (Trung Quốc) được cử về La Bằng, huyện Đại Từ gây dựng cơ sở, giác ngộ cách mạng cho nhóm thanh niên người dân tộc Nùng. Một số người trong nhóm thanh niên yêu nước rất hăng hái hoạt động, đã được Đặng Tùng kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và cơ sở Đảng Cộng sản Đông Dương ở La Bằng được thành lập. Đây chính là cơ sở Đảng Cộng sản Đông Dương đầu tiên ra đời trên đất Thái Nguyên.

Tuy nhiên, do lớp đảng viên đầu tiên ở La Bằng hầu hết là những người chưa đọc thông, viết thạo chữ quốc ngữ, cán bộ về La Bằng hoạt động gây dựng cơ sở chỉ ở lại đây thời gian rất ngắn, chưa kịp bồi dưỡng cốt cán sâu về lí luận (dù là sơ giản) và phương pháp công tác, nhất là công tác vận động, giác ngộ quần chúng trong hoàn cảnh Đảng còn phải hoạt động bí mật, kẻ địch luôn luôn rình rập, khủng bố, đàn áp phong trào yêu nước và những người hoạt động cách mạng, nên khi cán bộ cấp trên rút khỏi La Bằng, những đảng viên ở La Bằng rất lúng túng, không biết hoạt động, gần như nằm im, chờ đợi⁽¹⁾. Đó là nguyên

⁽¹⁾ Trong chừng mực nhất định, các đồng chí đảng viên ở cơ sở Đảng La Bằng có bí mật giác ngộ được một số quần chúng trong đồng bào Dao, đồng bào Tày, nhưng cũng chỉ trong phạm vi địa bàn La Bằng.

nhân vì sao tổ chức cơ sở Đảng ở La Bằng ra đời sớm nhưng chậm phát triển, không mở rộng được phong trào.

Sau khi cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ hai bùng nổ (1/9/1939), Chính phủ Pháp nhảy vào cuộc chiến và ban bố chính sách hoàn toàn phát xít ở trong nước cũng như ở các nước thuộc địa. Tại Đông Dương, đế quốc Pháp điên cuồng tấn công vào Đảng Cộng sản và các đoàn thể quần chúng do Đảng lãnh đạo. Báo chí tiến bộ bị cấm, một ít quyền dân chủ mà nhân dân ta đã giành được trong thời kì Mặt trận Dân chủ (1936 -1939) đều bị chúng thủ tiêu. Ngoài việc đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, đế quốc Pháp ban bố lệnh "Tổng động viên", ra sức bắt người, cướp của để cung cấp cho chiến tranh đế quốc của chúng.

Chính sách phản động của thực dân Pháp đã gây nên làn sóng căm phẫn trong các tầng lớp nhân dân ta. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp trở nên sâu sắc. Tình hình này đặt ra nhiệm vụ cấp bách phải giải quyết là đánh đổ đế quốc xâm lược để giành độc lập cho dân tộc. Đấu tranh hợp pháp giành quyền dân chủ, dân sinh không còn khả năng, mà cũng không phù hợp với tình hình mới. Trung ương Đảng chỉ thị cho các cơ quan và cán bộ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp phải nhanh chóng rút vào bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, dựa vào

nông thôn để tiến hành xây dựng căn cứ địa, phát triển mạnh mẽ lực lượng ở nông thôn và thành thị. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11/1939, đã đề ra chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Giữa năm 1940, các đồng chí Hoàng Quốc Việt (Thường vụ Trung ương Đảng) và Hoàng Văn Thụ (Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ) lên Thái Nguyên kiểm tra phong trào cách mạng và gặp nhau ở Hùng Sơn (Đại Từ). Hai đồng chí thống nhất ý kiến chỉ đạo phong trào cách mạng ở các huyện Võ Nhai và Đại Từ. Đồng chí Hoàng Quốc Việt giới thiệu và giao nhiệm vụ cho các đảng viên ở La Bằng (Đại Từ) và Định Hoá tìm cách bắt liên lạc với nhau, để phối hợp hoạt động. Ngày 27/9/1940, cuộc Khởi nghĩa Bắc Sơn (Lạng Sơn) bùng nổ. Đồng chí Đường Nhật Quý, đảng viên của huyện Đại Từ đang có mặt ở Bắc Sơn đã sát cánh cùng với đồng chí ở đây hăng hái tham gia cuộc khởi nghĩa. Sau khởi nghĩa ít ngày, đồng chí Đường Nhật Quý được giao nhiệm vụ xuống Võ Nhai, sau đó trở về Đại Từ để vận động nhân dân ủng hộ các chiến sĩ Bắc Sơn vũ khí, lương thực, thuốc men và cổ vũ nhân dân nêu cao tinh thần của chiến sĩ Bắc Sơn.

Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, cuộc Khởi nghĩa Bắc Sơn tạm thời lắng xuống. Song, tiếng súng khởi nghĩa Bắc Sơn đã cổ vũ tinh thần cách mạng của nhân

dân cả nước nói chung và đồng bào các dân tộc Đại Từ nói riêng. Khởi nghĩa Bắc Sơn đã rèn luyện và tập hợp quân khởi nghĩa thành Đội du kích Bắc Sơn - đội du kích đầu tiên của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong quá trình chiến đấu, khu Căn cứ của Đội du kích Bắc Sơn được hình thành. Đó là cơ sở, là điều kiện trực tiếp của sự xuất hiện Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai và sự ra đời của Trung đội Cứu quốc quân I, Trung đội Cứu quốc quân II và qua đó tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở Đại Từ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng diễn ra ở khắp các làng xã và bắt đầu tiến hành các cuộc đấu tranh vũ trang nhằm đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến, giành độc lập dân tộc. Trước những chuyển biến mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước, ngày 28/1/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941, tại Pác Pó (Cao Bằng), với tư cách là đại biểu của Quốc tế Cộng sản, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8. Hội nghị phân tích sâu sắc các mâu thuẫn trong xã hội lúc đó, nhất trí tán thành các Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6, lần thứ 7; đề ra nhiều chủ trương, chính sách cụ thể, nhằm giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, động viên mọi tầng lớp nhân dân yêu nước tiến lên đấu tranh giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Để tập hợp đông

đào các lực lượng, các tầng lớp nhân dân chống đế quốc Pháp, phát xít Nhật và bè lũ tay sai của chúng, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh; các tổ chức quần chúng yêu nước, chống đế quốc gọi là "*Hội Cứu quốc*". Về phương pháp cách mạng, Hội nghị khẳng định "*Cuộc cách mạng Đông Dương kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang*"⁽¹⁾. Hội nghị đề ra "*Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân ta trong giai đoạn hiện tại*"⁽²⁾.

Tại huyện Đại Từ, ngày 13/5/1941, mật thám Pháp ập đến La Bằng vây bắt các đồng chí Nông Triều Đông, Hoàng Văn Nghiệp, Đường Văn Ngân. Đồng chí Đường Nhất Quý trốn thoát, chúng liền bắt bà Lục Thị Súng vợ đồng chí Đường Nhất Quý. Tháng 7/1941, trên đường đến La Bằng công tác, đồng chí Vũ Hưng (cán bộ được Trung ương giao nhiệm vụ phụ trách phong trào Định Hoá, có mối liên hệ mật thiết với Đại Từ) bị địch bắt. Từ đó, Đại Từ mất liên lạc với Định Hoá, Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và các đồng chí Trung ương, Xứ uỷ Bắc Kỳ ở dưới xuôi.

Ngày 15/9/1941, tại rừng Khuôn Mảnh (xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai), đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Ban

(1) (2) Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương : *Văn kiện Đảng (1930-1945)*, xuất bản 1977, trang 207 và 214.

Thường vụ Trung ương Đảng dự lễ thành lập và công nhận Trung đội Cứu quốc quân 2 là lực lượng vũ trang của Đảng. Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Trung đội Cứu quốc quân 2 đã vừa mưu trí, dũng cảm tiến công kẻ thù, đập tan âm mưu phá tan Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, tiêu diệt Cứu quốc quân của đế quốc Pháp, vừa phát triển lực lượng cách mạng, mở rộng căn cứ cách mạng ra các địa phương khác, trong đó có huyện Đại Từ.

Ngày 19/11/1941, tổ Cứu quốc quân gồm các đồng chí Nguyễn Cao Đàm, Phương Cương, Chu Viết Phong, Đường Thị Ân, Hoàng Thị Môn, Hoàng Thị Ngoan bí mật vượt vòng vây của địch sang Đại Từ, tìm cách liên lạc với cơ sở Đảng ở La Bằng, rồi mở rộng địa bàn hoạt động sang Định Hoá (Thái Nguyên), Sơn Dương (Tuyên Quang). Tuy lực lượng không lớn, nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, cộng với niềm tin vào thắng lợi của cách mạng và sự ủng hộ, che chở của nhân dân ở các xã khu vực phía Bắc huyện Đại Từ, tổ Cứu quốc quân đi sâu vào các làng bản hẻo lánh ở các vùng núi Tam Đảo, Núi Hồng, Đèo De và các thung lũng của đồng bào Nùng, đồng bào Dao sinh sống để tuyên truyền, giác ngộ cách mạng, nhằm biến vùng rừng, núi hiểm trở này thành căn cứ địa cách mạng mới.

Vận dụng những kinh nghiệm trong quá trình vận động quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng ở Võ Nhai, đi đến

đầu, bám chắc được vào dân ở thôn bản nào, tổ Cứu quốc quân đều nhanh chóng thành lập Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể Cứu quốc ở cơ sở, lựa chọn những quần chúng trung kiên thành lập tự vệ Cứu quốc

Những biện pháp tích cực đó đã làm cho cơ sở cách mạng ở La Bằng mau chóng được củng cố về mọi mặt. Sự xuất hiện của tổ Cứu quốc quân đã đem lại nguồn cổ vũ to lớn cho đông đảo nhân dân các dân tộc ở các xã vùng phía Bắc huyện Đại Từ. Nhiều thanh niên người Nùng, người Dao, người Tày hăng hái xin gia nhập Lực lượng tự vệ cứu quốc. Nhờ vậy, chỉ trong vòng 6 tháng, địa bàn hoạt động của tổ Cứu quốc quân đã lan rộng từ các xã Yên Lãng, Minh Tiến, Na Mao (Đại Từ), sang các xã Bảo Cường, Thanh Định, Trung Hội (Định Hoá).

Cuối năm 1942, địa bàn hoạt động của bộ phận Cứu quốc quân ở lại trong nước đã mở rộng, tạo thế đứng vững chắc ở nhiều nơi; trong đó, nơi có giá trị chiến lược hơn cả là vùng Bắc Đại Từ - Tây Nam Định Hoá (Thái Nguyên) - Đông Bắc Sơn Dương (Tuyên Quang). Đây là vùng núi hiểm trở có núi Hồng cao hơn 600 mét, kể đến là đèo De cao trên 400 mét. Đỉnh núi Hồng và đèo De đều là đường phân thủy giữa Thái Nguyên và Tuyên Quang. Sườn núi và chân núi phía đông là những cánh rừng già nguyên thủy, nơi sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc ít người (Nùng,

Tây, Cao Lan, Sán Chí) rất giàu lòng yêu nước, đã được giác ngộ cách mạng, có niềm tin vững chắc vào cách mạng, rất hăng hái tham gia mọi công việc cách mạng giao cho. Hầu hết các làng, bản ở đây đã thành lập Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể Thanh niên, Tự vệ Cứu quốc

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, tháng 11/1942, các đồng chí Phương Cường (cán bộ Cứu quốc quân), Đường Nhất Quý (cán bộ cơ sở Đảng huyện Đại Từ) đã tìm đường ra vùng biên giới Việt Trung báo cáo với đồng chí Chu Văn Tấn, đề nghị đưa Cứu quốc quân về nước hoạt động⁽¹⁾. Đầu năm 1943, đại bộ phận cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân từ biên giới Việt - Trung đã trở về Căn cứ Võ Nhai an toàn. Ngay sau khi về đến Căn cứ Võ Nhai, Ban Chỉ huy Cứu quốc quân 2 đã chia đơn vị thành các tổ đi tăng cường cho các địa phương; trong đó, 1 tiểu đội do đồng chí Triệu Khánh Phương chỉ huy sang các xã vùng Bắc Đại Từ phối hợp với các đồng chí đang hoạt động ở đây củng cố và mở rộng phong trào. Sau khi được tăng cường lực lượng, cuộc vận động xây dựng, phát triển tiềm lực cách mạng về mọi mặt ở Bắc Đại Từ và vùng xung quanh núi Hồng thuộc các huyện Định Hoá (Thái Nguyên),

⁽¹⁾ Sau 8 tháng hoạt động du kích chống khủng bố ở huyện Võ Nhai, tháng 3/1942, Cứu quốc quân tạm thời rút lên biên giới Việt - Trung để củng cố lực lượng (xem Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập 1, xb năm 2003)

Sơn Dương (Tuyên Quang) được đẩy mạnh. Riêng các xã Bắc Đại Từ, phong trào lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, hầu hết các xã đã thành lập Ban Việt Minh xã, nhiều xóm, bản đã "Việt Minh hoá", nhiều hộ cả gia đình là hội viên của các đoàn thể Cứu quốc; lực lượng Tự vệ Cứu quốc không ngừng được mở rộng. Các xã Na Mao, Yên Lãng đã thành lập được trung đội Tự vệ Cứu quốc làm nhiệm vụ bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ nhân dân. Đầu năm 1944, thực dân Pháp xây dựng ở Đèo Khế một đồn binh, nhằm kiểm soát và khống chế con đường liên lạc giữa các Đại Từ (Thái Nguyên) và Sơn Dương (Tuyên Quang). Đồn Đèo Khế có khoảng 20 lính khố xanh do tên Quản Tri chỉ huy. Sau khi thành lập, Trung đội Tự vệ cứu quốc xã Yên Lãng đã thường xuyên tổ chức quấy rối (đốt rừng, ném đá, lăn đá to từ đỉnh đèo xuống, bắn súng kíp...) làm cho binh lính trong đồn Đèo Khế hoảng sợ, ăn ngủ không yên và không dám vào làng những nhiều, cướp bóc tài sản của nhân dân. Tháng 9/1944, thực dân Pháp bỏ đồn Đèo Khế, rút binh lính về tỉnh lỵ Thái Nguyên.

Trên cơ sở những thuận lợi đó, Ban Chỉ huy Cứu quốc quân 2 quyết định lấy vùng Núi Hồng làm căn cứ mới, nhằm tích cực và chủ động chuẩn bị đưa ngọn lửa đấu tranh vũ trang cách mạng vượt ra bên ngoài Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, tạo ra một thế phát triển mới và chuẩn bị điều kiện để đưa cuộc đấu tranh cách mạng ở Đại Từ nói

riêng, Thái Nguyên nói chung tiến lên một giai đoạn phát triển mạnh mẽ hơn.

Có thể nói, cùng với Căn cứ địa Cao Bằng và Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, sự ra đời và lớn mạnh nhanh chóng của Căn cứ Núi Hồng đã tạo nên một thế đứng mới - thế chân kiềng - cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc tại Việt Bắc (một vùng miền núi rộng lớn, giữ vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của cả nước).

Phong trào cách mạng ở các xã vùng Bắc Đại Từ được củng cố, phát triển mạnh mẽ, có thể đứng vững và trở thành Căn cứ địa của Cứu quốc quân. Các đồng chí lãnh đạo phong trào cách mạng ở Đại Từ chủ trương chuyển hướng chỉ đạo vận động cách mạng về các xã vùng Đông và Nam Đại Từ.

Tháng 2/1944, đồng chí Hoàng Quốc Việt (Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng) lên Chiến khu Hoàng Hoa Thám kiểm tra tình hình và chỉ đạo hoạt động của Cứu quốc quân. Sau khi nghe báo cáo và kiểm tra thực tế ở các huyện Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên) và Sơn Dương (Tuyên Quang), tại Khuổi Kịch (Sơn Dương Tuyên Quang), đồng chí Hoàng Quốc Việt đã triệu tập Hội nghị cán bộ Đảng trong vùng truyền đạt Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (họp tháng 2/1943). Khi

phân tích về tình hình nhiệm vụ mới, đồng chí Hoàng Quốc Việt nhấn mạnh: Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đặt nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang là nhiệm vụ quan trọng và cần kíp lúc này của toàn Đảng.

Nhận thấy phong trào cách mạng trên địa bàn Chiến khu Hoàng Hoa Thám đã được mở rộng, Hội nghị quyết định: Một là, thành lập Trung đội Cứu quốc quân 3 (gọi tắt là Cứu quốc quân 3), cốt cán là những cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân 2 được cử sang hoạt động ở Đại Từ từ cuối năm 1941 đến đầu năm 1943 và một số chiến sĩ Tự vệ Cứu quốc của các huyện Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên), Sơn Dương (Tuyên Quang). Hai là, chia Chiến khu Hoàng Hoa Thám làm hai phân khu Phân khu A (Phân khu Quang Trung) và Phân khu B (Phân khu Nguyễn Huệ). Phân khu B gồm các huyện Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương, tỉnh lỵ Thái Nguyên và các xã vùng Tây Nam Đồng Hỷ (Thái Nguyên), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá (Tuyên Quang), Nam Chợ Đồn (Bắc Kạn). Đồng chí Chu Văn Tấn được Trung ương chỉ định làm Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám, trực tiếp phụ trách Phân khu B. Vùng Núi Hồng là căn cứ của Chiến khu Hoàng Hoa Thám.

Ngày 25/2/1944, tại rừng Khuổi Kịch (huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) lễ thành lập Trung đội Cứu

quốc quân 3 được tổ chức trọng thể. Ban Chỉ huy Trung đội Cứu quốc quân 3 gồm các đồng chí Triệu Khánh Phương (Trung đội trưởng), Chu Phóng (Trung đội phó), Phương Cương (Trung đội phó). Thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã công nhận Trung đội Cứu quốc quân 3 là đội quân cách mạng nòng cốt của Phân khu Nguyễn Huệ và trao lá cờ đỏ, sao vàng cho đơn vị. Đồng chí Hoàng Quốc Việt giao nhiệm vụ cho cán bộ, chiến sĩ Trung đội Cứu quốc quân 3 ra sức củng cố và mở rộng địa bàn hoạt động, tích cực chuẩn bị mọi mặt để khi thời cơ đến, tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Địa bàn hoạt động của Trung đội Cứu quốc quân 3 là Phân khu B, lấy vùng Núi Hồng làm căn cứ và lấy các xã vùng Bắc Đại Từ làm hậu phương trực tiếp. Những tháng cuối năm 1944, tình hình so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên toàn bộ các xã vùng Bắc Đại Từ đã thay đổi về cơ bản, có lợi cho cách mạng.

Trước sự phát triển mạnh mẽ và đều khắp của phong trào Việt Minh, sự xuất hiện của Trung đội Cứu quốc quân 3 và nhiều đơn vị tự vệ Cứu quốc ở các xã La Bằng, Minh Tiến, Na Mao, Yên Lãng. .. với việc đẩy mạnh các hoạt động luyện tập, canh gác bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ nhân dân đã buộc bọn lí dịch, bọn phản động, tay sai không những phải nằm im, tinh thần suy sụp, không dám hoạt

động chống phá cách mạng mà còn tìm đường chạy sang hàng ngũ Việt Minh. Phong trào cách mạng bùng lên mạnh mẽ, lan rộng nhanh chóng, nhu cầu cán bộ cho phong trào trở thành cấp bách. Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương tổ chức giải thoát cho các cán bộ, đảng viên đang bị đế quốc giam cầm trong các nhà tù của chúng trở về phụ trách phong trào cách mạng.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và chỉ thị của Xứ uỷ Bắc Kỳ, ngày 2/10/1944, Chi bộ Nhà tù Chợ Chu (Định Hoá) phối hợp với các đồng chí đảng viên đang hoạt động ở các huyện Đại Từ, Định Hoá tổ chức cho 12 đồng chí đảng viên bị giam trong Nhà tù Chợ Chu vượt ngục thành công. Sau gần 10 ngày được các đồng chí Lê Dục Tôn và Lộc Văn Tư dẫn đường lượn rừng, leo đèo, lội suối, 12 đảng viên bị địch giam ở Nhà tù Chợ Chu vượt ngục đã về tới tổng Cao Vân thuộc Trung tâm Căn cứ Núi Hồng an toàn. Trung tuần tháng 10/1944, tại Khuôn Nanh (xã Yên Lãng), các đồng chí Chu Văn Tấn và Song Hào chủ trì Hội nghị phân công công tác cho 12 đồng chí đảng viên vượt ngục Nhà tù Chợ Chu. Các đồng chí Song Hào, Lê Hiến Mai, Tạ Xuân Thu, Lê Trung Đình, Ngô Nhị Quý, Trần Thế Môn được phân công về hoạt động tại Phân khu Nguyễn Huệ; trong đó, các đồng chí Ngô Nhị Quý, Lê Trung Đình, Trần Thế Môn. Tạ Xuân Thu về hoạt động ngay tại huyện Đại Từ. Đồng chí Song

Hào ở nhà đồng chí Lý Thanh (dân tộc Nùng) ở xã Văn Lãng. Gia đình đồng chí Lý Thanh đã giúp đỡ, chở che, coi đồng chí Song Hào như anh em ruột thịt. Tháng 1/1945, đồng chí Song Hào chuyển sang hoạt động ở Sơn Dương (Tuyên Quang). Với tinh thần cách mạng trong sáng, tư tưởng phấn chấn vừa được giải phóng khỏi nhà tù đế quốc, lạc quan trước phong trào cách mạng của quần chúng đang phát triển và với kinh nghiệm nhiều năm lăn lộn lãnh đạo phong trào, các đảng viên vượt ngục Chợ Chu ra được phân công hoạt động ở Đại Từ đã cùng các cán bộ cơ sở đi sâu vào các tầng lớp nhân dân để giáo dục và tổ chức họ đứng lên tham gia công việc cứu quốc; đã tập hợp được nhiều thanh niên yêu nước và nhiệt tình hoạt động cách mạng gia nhập lực lượng tự vệ và huấn luyện quân sự cho họ, sẵn sàng tổ chức họ đứng lên khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền⁽¹⁾

Cùng với sự lớn mạnh vượt bậc của phong trào cách mạng ở các xã vùng Bắc và Tây Bắc Đại Từ, phong trào cách mạng ở các xã vùng Đông và Đông Nam Đại Từ cũng có những bước nhảy vọt. Đầu năm 1945, phong trào cách mạng lan đến các xã Hà Thượng, Phục Linh, Cù Vân. Rút kinh nghiệm quá trình xây dựng, phát triển phong trào cách

⁽¹⁾ Tháng 11/1944, tại rừng Tam Ngọc (xã Phú Xuyên), Cứu quốc quân 3 đã mở lớp huấn luyện quân sự cho 30 tự vệ tổng Cao Vân (địa bàn các xã Yên Lãng, Phú Xuyên, Na Mao ngày nay)

mạng ở các xã vùng Bắc Đại Từ, các đồng chí được cử về hoạt động ở các xã vùng Đông và Đông Nam Đại Từ đã coi trọng việc xây dựng, tổ chức Lực lượng Tự vệ cứu quốc đến đâu, huấn luyện đến đó. Ban Chỉ huy Phân khu B cử đồng chí Hà Văn Thứ, cán bộ quân sự của Phân khu về làm giáo viên quân sự huấn luyện cho tự vệ các xã Phục Linh, Hà Thượng, Cù Vân.

20 giờ 30 phút ngày 9/3/1945, phát xít Nhật nổ súng đảo chính, hất cẳng thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Cuộc đảo chính đã kết thúc nhanh chóng bằng sự sụp đổ của chính quyền thực dân Pháp. Đây là thời cơ thuận lợi để Đảng ta phát động cao trào chống Nhật cứu nước, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Tại Thị xã Thái Nguyên, tuy quân Nhật chưa đánh lên, nhưng nghe tin quân Nhật nổ súng đánh Pháp, bọn Pháp ở đây đã hoang mang tột độ. Ngày 10/3/1945, chúng vội vã bắt phu khuôn vác đồ đạc, vũ khí lên xe ô tô, theo Quốc lộ 3 lên Bờ Đậu (Phú Lương), rẽ theo Đường 13A (nay là Quốc lộ 37) chạy sang Tuyên Quang.

Trước tình hình quân Pháp theo Đường 13A chạy sang Tuyên Quang, khẳng định quân Nhật và quân Pháp đã đánh nhau, tuy chưa có chỉ thị của trên, những căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương từ trước, đồng chí Chu Văn Tấn (Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa

Thám đang hoạt động ở Căn cứ Núi Hồng) đã chỉ huy một đơn vị Cứu quốc quân ra phục kích địch tại đỉnh Đèo Khế. Đèo Khế dài khoảng 3 km nằm giữa địa giới hai tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang. Địa hình Đèo Khế rất hiểm trở, một bên là dốc đứng cheo leo, một bên là vực sâu, cây cối rậm rạp, um tùm.

Quân Pháp vừa đến lưng chừng Đèo Khế đã bị Cứu quốc quân nổ súng chặn đánh. Cùng lúc đó ở dưới chân Đèo Khế, nhân dân phao tin quân Nhật đang ở trên đỉnh đèo. Bị chặn đánh bất ngờ, tinh thần quân Pháp hoàn toàn suy sụp, bỏ lại 2 xe ô tô tải chở toàn súng, đạn và lựu đạn. Bọn quan chức dân sự và chỉ huy quân sự vội vã quay đầu xe ô tô, tháo chạy trở lại thị xã Thái Nguyên. Mất chỉ huy, binh lính địch hoảng sợ, vứt súng, đạn, lao vào rừng chạy tháo thân.

Thực hiện lệnh của đồng chí Chu Văn Tấn, Trung đội Tự vệ cứu quốc xã Yên Lãng do đồng chí Lý Thanh chỉ huy đã huy động 32 cán bộ, chiến sĩ tự vệ và nhân dân hai bên Đường 13A ra cùng với Cứu quốc quân và một số người bị quân Pháp bắt đi làm phu khuân vác đồ đạc, vũ khí (có cả 2 lính khổ đở ở lại tình nguyện theo cách mạng) thu chiến lợi phẩm đưa về Căn cứ núi Hồng. Số vũ khí thu được rất lớn, có cả tiểu liên, trung liên, đủ trang bị cho hai đại đội. Đây là thắng lợi to lớn đầu tiên của Lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng huyện Đại Từ. Ngay chiều ngày

10/3/1945, Ban Lãnh đạo Phân khu B đưa ngay số vũ khí thu được trang bị cho Cứu quốc quân và Lực lượng tự vệ cứu quốc ở 7 xã Bắc Đại Từ.

Đêm 10/3/1945, một đơn vị tự vệ Cứu quốc huyện Đại Từ vượt Đèo Khê sang tập kích 1 đại đội quân Pháp đang đóng ở làng Thúc Khê (xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang). Cũng như đồng bọn ở Thái Nguyên, khi tự vệ huyện Đại Từ nổ súng, quân Pháp ở Thúc Khê cũng hoảng sợ, lợi dụng đêm tối rút súng, đạn tháo chạy vào rừng, tự vệ huyện Đại Từ thu thêm một số vũ khí và rút quân an toàn.

Sáng ngày 11/3/1945, cán bộ, chiến sĩ Trung đội tự vệ Cứu quốc xã Yên Lãng lấy quần áo thu được của quân Pháp hôm trước, cải trang vào nhà Tổng đoàn thu súng của lính đồng và đến nhà lý dịch xã La Bằng tịch thu giấy tờ, bằng triện. Phát huy thắng lợi, Tự vệ Cứu quốc xã Yên Lãng lần lượt đến các xã Hoàng Nông, Na Mao, Phú Xuyên..., tịch thu vũ khí, giấy tờ, sổ sách, bằng triện của bọn hào lí. Trước khí thế chiến thắng của cách mạng, nhiều thanh niên có tinh thần yêu nước ở các xã trong huyện đã xin gia nhập Tự vệ Cứu quốc. Các xã Yên Lãng, Hoàng Nông, Phú Xuyên, Na Mao, mỗi xã đã thành lập được 1 đại đội tự vệ, các xã còn lại mỗi xã thành lập được từ 1 đến 2 trung đội, được trang bị bằng vũ khí thu của lính

dồng và bằng vũ khí chiến lợi phẩm thu được của địch trong trận đánh Đèo Khế ngày 10/3/1945.

Trung tuần tháng 3/1945, Tri huyện Đại Từ đã ra lệnh cho các tổng đoàn, xã đoàn, lính đồng trong toàn huyện phải cất giấu vũ khí, không để lọt vào tay Việt Minh. Ngày 15/3/1945, Tri huyện Đại Từ lên xã Yên Lãng chỉ huy việc thu súng của lính đồng. Vì trước đó toàn bộ súng, đạn của lính đồng đã bị Việt Minh tịch thu, còn lính đồng thì người theo cách mạng tham gia lực lượng tự vệ, người chạy đi nơi khác làm ăn, bộ máy tay sai ở làng, xã đã bị Việt Minh giải tán, nên Tri huyện Đại Từ vội vàng cùng quân lính chạy về huyện lỵ. Từ cuối tháng 3/1945 phong trào đấu tranh của nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng Đại Từ ngày càng phát triển.

Tuy nhiên, trong điều kiện phát xít Nhật đã tràn vào Thái Nguyên, chính quyền tay sai của Pháp chuyển sang làm tay sai cho Nhật, trở thành chỗ dựa và công cụ đắc lực của phát xít Nhật, thì muốn thực hiện triệt để nhiệm vụ kháng Nhật cứu nước và hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giải phóng dân tộc ngay địa phương mình trước hết lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân Đại Từ phải đánh đổ chính quyền tay sai của phát xít Nhật, giành chính quyền về tay nhân dân trước khi quân Nhật đánh lên Đại Từ.

Trước tình hình đó, ngày 25/3/1945, tại xã Yên Lãng,

Ban Lãnh đạo Phân khu B (Nguyễn Huệ) họp, quyết định: Một là, tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền ở huyện Đại Từ vào ngày 29/3/1945. Lực lượng khởi nghĩa gồm một đại đội Cứu quốc quân và ba đại đội Tự vệ Cứu quốc, đặt dưới sự chỉ huy của đồng chí Chu Văn Tấn (Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám). Hai là, sau khi khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện thắng lợi, Cứu quốc quân và lực lượng tự vệ làm nòng cốt hỗ trợ quần chúng ở tất cả các xã trong huyện nổi dậy giành chính quyền. Ba là, tập hợp đông đảo nhân dân các dân tộc ở xã vùng Bắc Đại Từ kéo đến phố Yên Lãng tổ chức một cuộc mít tinh quần chúng, nhằm phát động toàn dân trong huyện biểu dương lực lượng, gây áp lực buộc kẻ thù phải chuyển giao chính quyền cho cách mạng. Lực lượng tự vệ vừa là người vận động nhân dân các xã đi dự mít tinh, vừa là đơn vị bảo vệ cuộc mít tinh.

Thực hiện chủ trương của Ban Lãnh đạo Phân khu B, chiều ngày 25/3/1945, gần 1.000 người đã tập trung về phố Yên Lãng dự mít tinh. Thay mặt Ban Lãnh đạo Phân khu B, đồng chí Chu Văn Tấn kêu gọi nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ siết chặt đội ngũ, đoàn kết phối hợp với Cứu quốc quân và lực lượng Tự vệ vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Nhân dân ta sẽ thắng, cách mạng sẽ giành được chính quyền.

Khác với tình hình hồi tháng Giêng, tháng Hai, lần này lực lượng cách mạng ở huyện Đại Từ lớn mạnh cả về tư tưởng, tổ chức, trang bị; đồng thời được cán bộ thường xuyên giác ngộ. đông viên nên đại đa số nhân dân trong huyện đã sẵn sàng nổi dậy hưởng ứng khởi nghĩa.

Ngay sau cuộc mít tinh, tất cả cán bộ tỏa về các xã, xung quanh huyện lỵ tập hợp, phát động quần chúng sẵn sàng cùng Lực lượng vũ trang cách mạng tham gia giải phóng huyện lỵ, tiến hành công tác binh vận, thống nhất kế hoạch hành động với cơ sở của ta trong binh lính địch, khi quân cách mạng nổ súng tiến công. Theo kế hoạch tối ngày 29/3/1945, Ban Chỉ huy khởi nghĩa lệnh cho 1 đại đội Cứu quốc quân và 3 đại đội Tự vệ huyện Đại Từ triển khai lực lượng bao vây, tấn công huyện lỵ.

Đại đội Cứu quốc quân, do đồng chí Hồng An chỉ huy chốt giữ cầu Huy Ngạc, sẵn sàng chặn đánh quân Nhật ở tỉnh lỵ Thái Nguyên lên cứu viện. Đại đội Tự vệ do đồng chí Chu Văn Sủi (Tân Sàng) làm Đại đội trưởng, đồng chí Trung Lập làm Đại đội phó bố trí ở Suối Tắm, Bàn Cờ và Suối Mang, mỗi nơi một trung đội đề phòng bọn phản động ở phía Nam đánh lên. Đại đội Tự vệ do đồng chí Lý Thanh làm Đại đội trưởng, đồng chí Cao Sơn làm Đại đội phó được trang bị hỏa lực mạnh, làm nhiệm vụ chủ công đánh đồn bảo an và dinh Tri phủ. Đại đội Tự vệ do đồng chí

Nam Sơn làm Đại đội trưởng, đồng chí Vạn Đại làm Đại đội phó làm lực lượng dự bị, sẵn sàng tiếp ứng khi đại đội chủ công gặp khó khăn.

Trước khi nổ súng, với lòng nhân đạo và nghĩa khí hào hiệp của quân cách mạng, của người cùng một nước, Ban Chỉ huy khởi nghĩa gửi thư khuyên Tri phủ Nguyễn Ngọc Đường đầu hàng, quay lại với nhân dân, chấp thuận những điều kiện do quân cách mạng đưa ra để tránh sự đổ máu vô ích. Nhưng thiện chí của Ban Chỉ huy khởi nghĩa đã bị Tri phủ Nguyễn Ngọc Đường bác bỏ. Sau phát súng lệnh của Đại đội trưởng Lý Thanh, cán bộ, chiến sĩ Đại đội Tự vệ chủ công đã đồng loạt nổ súng, nhả đạn vào đồn bảo an và dinh Tri phủ. Bị đánh bất ngờ, bọn địch lo sợ, hỗn loạn. Lợi dụng tình trạng nhốn nháo ấy, anh em binh lính nhân mỗi đã mở cổng đồn và reo hò, cùng với tiếng thét xung phong của cán bộ, chiến sĩ Lực lượng Tự vệ, làm cho quân địch từ quan đến quân mất hết tinh thần, bỏ vị trí, tháo chạy toán loạn. Tri phủ Nguyễn Ngọc Đường lợi dụng trời tối trốn thoát. Đại đội tự vệ do đồng chí Lý Thanh chỉ huy nhanh chóng vận động chiếm đồn Hùng Sơn trên đồi cao. Đại đội tự vệ do đồng chí Nam Sơn chỉ huy xông vào phủ đường. Số đông binh lính địch không kịp chạy, xin đầu hàng quân cách mạng, ta thu hơn 200 khẩu súng các loại. Cuộc tiến công chớp nhoáng của Lực lượng vũ trang cách mạng Đại Từ đã làm tan rã hoàn toàn bộ máy chính quyền

tay sai và lực lượng quân sự của địch ở đây do thực dân Pháp và phát xít Nhật xây dựng gần 60 năm qua. Phát huy thắng lợi, sáng ngày 30/3/1945, lực lượng khởi nghĩa chia thành nhiều đơn vị đồng loạt tiến về các xã Tiên Hội, Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Hùng Sơn,... phát động quần chúng mít tinh biểu dương lực lượng, tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai của đế quốc, thành lập chính quyền cách mạng.

Để khuếch trương thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng của Lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân các dân tộc Đại Từ, đồng thời cổ vũ mạnh mẽ tinh thần tiếp tục tiến công, quét sạch bộ máy tay sai của thực dân, đế quốc ở tất cả các xã trong huyện, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại của bọn phản động, sẵn sàng giáng trả quân Nhật, bảo vệ thành quả cách mạng, ngày 31/3/1945, một cuộc mít tinh quần chúng quy mô lớn nhất từ trước đến lúc bấy giờ được tổ chức ngay tại Hùng Sơn, huyện lỵ Đại Từ vừa được giải phóng. Mọi hoạt động trong huyện ngày 31/3 đều dồn cho cuộc mít tinh lịch sử này. Nông dân không ra đồng, người buôn bán tạm nghỉ buổi chợ, công nhân Mỏ than Làng Cẩm tạm ngừng sản xuất... Hàng ngàn quần chúng ở tất cả các xã trong huyện đã nô nức kéo về huyện lỵ dự mít tinh.

Trước khí thế của hàng nghìn quần chúng gồm đủ các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong huyện, thay mặt Ban

Lãnh đạo Phân khu Nguyễn Huệ, đồng chí Chu Văn Tấn kêu gọi Lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ phát huy thắng lợi, đoàn kết, sát cánh cùng nhau bảo vệ thành quả cách mạng mới giành được, sẵn sàng cùng đồng bào trong tỉnh, trong Chiến khu đứng lên cao trào kháng Nhật cứu nước.

Cuộc mít tinh đã chuyển thành một cuộc tuần hành biểu dương lực lượng, do các đại đội tự vệ dẫn đầu kéo thẳng đến phá kho thóc của địch ở Tràng Lương, Tràng Lang, Hùng Sơn..., chia cho người nghèo và chuyển về Căn cứ Núi Hồng dự trữ để cung cấp cho tự vệ, Cứu quốc quân và cán bộ hoạt động thoát li. Đầu tháng 4/1945, Ủy ban Dân tộc giải phóng và Mặt trận Việt Minh từ huyện xuống các làng, xã ở Đại Từ được thành lập. Từ đây, nhân dân các dân tộc Đại Từ thực sự làm chủ vận mệnh cuộc sống của mình⁽¹⁾

Bên cạnh các lực lượng Cứu quốc quân và tự vệ Cứu quốc, đầu năm 1942, ở Đại Từ xuất hiện một nhóm thanh niên gồm 5 anh em ruột của dòng họ Nguyễn Huy (sống ở Tam Đảo thuộc đất tỉnh Vĩnh Yên) do bất mãn với chính sách thống trị của thực dân Pháp đã kéo xuống núi Quân Chu xây dựng lán, vừa làm nương và đốt củi lấy than làm kế sinh nhai, vừa tìm cách tham gia cách mạng cứu nước. Cái tên "Lán Than" ra đời từ đó.

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ, tập 1, trang 58.

Để tránh sự sách nhiễu của giới chức cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động yêu nước sau này, Nguyễn Huy Mục làm đơn xin phép chính quyền Thái Nguyên được mở cơ sở làm than củi cung cấp cho những gia đình viên chức người Pháp ở Thái Nguyên và khu nghỉ mát Tam Đảo. Chánh sứ Thái Nguyên Misolô đồng ý và cấp giấy phép cho Nguyễn Huy Mục làm chủ cơ sở.

Những năm 1940, 1941, anh em gia đình Nguyễn Huy vốn có tấm lòng ái hữu, trong đó Nguyễn Huy Minh đã được cán bộ cách mạng hoạt động ở Vĩnh Yên dìu dắt, giác ngộ, trở thành một thanh niên hăng hái tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1941, cơ sở cách mạng bị khủng bố, Nguyễn Huy Minh bị thực dân Pháp bắt giam ở Hỏa Lò (Hà Nội). Do không có bằng chứng buộc tội, thực dân Pháp phải trả tự do cho Nguyễn Huy Minh. Nhưng từ đó Nguyễn Huy Minh cũng bị mất liên lạc với tổ chức cách mạng. Thắng lợi của phong trào cách mạng tỉnh Thái Nguyên đã gây tiếng vang lớn trong vùng, thôi thúc 5 anh em xuống Quân Chu tìm cách mạng. Do đó, nhân dân các xã Quân Chu, Cát Nê, Ký Phú rất có thiện cảm với 5 anh em ở Lán Than. Sau này nhiều gia đình ở các xã Quân Chu, Cát Nê, Ký Phú đã trở thành cơ sở của Mặt trận Việt Minh; trong đó có nhiều thanh niên trong các gia đình đồng bào dân tộc ít người Dao, Tày, Nùng,... đã đến với Lán Than để đến với cách mạng.

Từ một khu rừng hoang vu, vắng bóng người, sau một năm khu vực "Lán Than" đã thành mảnh đất sinh lợi, có thóc, gạo, sắn, lợn, gà. Người từ nơi khác vào khu vực Lán Than thu hái lâm sản, nhờ độ đường đều được giúp đỡ. Vì vậy, Lán Than được nhiều người biết đến và có thiện cảm.

Để sẵn bản, phòng chống thú dữ và bảo vệ cơ sở, anh em ở Lán Than đã mua được một số súng săn, súng kíp và giáo mác. Cuối năm 1942 đầu năm 1943, cơ sở Lán Than đã tập hợp được một số thanh niên trong vùng thành lập Đội Tự vệ do Thạch Sơn phụ trách. Có thể coi đây là Đội Tự vệ Cứu quốc đầu tiên của huyện Đại Từ được thành lập (sau đó lấy tên là Đội Du kích Tam Đảo - Quân Chu).

Tháng 8/1944, đồng chí Chu Văn Tấn, Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám, sau khi nhận được báo cáo đã đến Quân Chu, vào Lán Than kiểm tra tình hình hoạt động của cơ sở này và công nhận đây là tổ chức cách mạng. Đồng chí Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám giao cho Đội Du kích Tam Đảo - Quân Chu nhiệm vụ tìm đường bắt liên lạc với An toàn khu 2 (ATK2) của Trung ương ở Hiệp Hoà (Bắc Giang), Phổ Yên, Phú Bình (Thái Nguyên), phát triển lực lượng sang xã Bình Định (thuộc huyện Đồng Hỷ); liên lạc với các đồng chí đang bị

địch giam giữ ở Căng Bá Văn⁽¹⁾.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), quân Pháp ở nhiều nơi rút bỏ súng, đạn chạy trốn. Quân Pháp đóng ở đồn Vàng (xã Trung Hà, huyện Hưng Hoá, Phú Thọ) ném súng xuống sông Hồng, nhân dân mò được đem bán, cơ sở Lán Than mua được 3 khẩu và hơn 200 viên đạn. Cùng thời gian này, quân Đồng Minh đã thả dù tiếp tế vũ khí cho quân Pháp. Lo sợ quân Nhật, quân Pháp đã đưa số vũ khí này cất giấu trong rừng, du kích Lán Than biết được tìm đến lấy được một số súng, đạn, lựu đạn, thuốc nổ, trong đó có một khẩu tiểu liên Sten, trang bị cho đơn vị.

Được tin đêm 29/3/1945, Cứu quốc quân và Tự vệ Cứu quốc các xã vùng Bắc Đại Từ đã đánh chiếm huyện lỵ, giành chính quyền thắng lợi, Đội Du kích Tam Đảo - Quân Chu đẩy mạnh hoạt động. Cùng lúc đó, đồng chí Trường Sơn được phân công đưa một tổ công tác từ Hùng Sơn (huyện lỵ Đại Từ) xuống Cát Nê liên lạc với cơ sở cách mạng do đồng chí Thái Sơn phụ trách và Đội Du kích Tam Đảo - Quân Chu ở Lán Than.

Đầu tháng 4/1945, tại thôn La Vĩnh, xã Cát Nê, các

⁽¹⁾ Ngày 4/12/1958, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc cấp giấy chứng nhận số 25, do Chính ủy Quân khu Thiếu tướng Chu Văn Tấn ký chứng nhận “Đội du kích Phạm Hồng Thái do các đồng chí Vũ Tuấn và Thạch Sơn chỉ huy là một đội võ trang do Đảng tổ chức và lãnh đạo trong thời kỳ tiền khởi nghĩa...”

đồng chí chỉ huy Đội Du kích Tam Đảo - Quân Chu hợp với đồng chí Trường Sơn (cán bộ phụ trách Tổ công tác Cát Nê) và đồng chí Thái Sơn (cán bộ phụ trách cơ sở xã Cát Nê) quyết định thành lập Đội Du kích Cao Sơn, do đồng chí Trường Sơn làm Đội trưởng và hai đồng chí Thạch Sơn và Thái Sơn làm Đội phó. Nhiệm vụ của Đội Du kích Cao Sơn là phối hợp với Cứu quốc quân và Tự vệ bảo vệ an toàn đường giao thông của Trung ương từ Ký Phú xuống Tây Nam Phổ Yên, chuẩn bị đánh quân Nhật xâm nhập vào vùng giải phóng, mở rộng địa bàn hoạt động sang các vùng lân cận.

Trước đó, đầu năm 1944, thực hiện nhiệm vụ do Xứ uỷ Bắc Kỳ giao, các đồng chí Cứu quốc quân đã liên lạc được với các đồng chí ở Chi bộ Căng Bá Vân. Từ đó, Chi bộ Căng Bá Vân đã nhận được sự chỉ đạo thường xuyên và trực tiếp của Xứ uỷ Bắc Kỳ, một đường dây liên lạc bí mật của Xứ uỷ Bắc Kỳ ở An toàn khu 2 (ATK2) qua Phúc Thuận (Phổ Yên), Quân Chu (Đại Từ) sang Bình Định, Bá Vân (Đồng Hỷ) được xây dựng. Từ tháng 8/1944, khi Cứu quốc quân hoạt động mạnh ở các huyện Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên), Sơn Dương (Tuyên Quang), nhất là sau cuộc mở đường Nam - Bắc tiến thắng lợi, Căn cứ Núi Hồng hình thành thì đường dây liên lạc từ ATK2 đi Quân Chu đã được nối dài lên Căn cứ Núi đồng và mở rộng sang các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng và đặt dưới sự

chỉ đạo của cả hai cấp Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ. Nhiệm vụ bảo vệ tuyến giao thông bí mật này được đặt ra hết sức quan trọng, bức thiết đối với nhân dân và Lực lượng vũ trang huyện Đại Từ, vì đây là con đường chủ yếu đưa đón cán bộ, chuyển tài liệu, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng bộ Việt Minh (từ Trung tâm Căn cứ địa Cao Bằng), của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (từ ATK2) với phong trào cách mạng cả nước. Ngày 21/4/1945, trên đường từ nơi họp Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ về căn cứ, các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn và một số đồng chí khác đã dừng lại căn cứ của Đội Du kích Cao Sơn⁽¹⁾ ở Lán Than. Sau khi nghe chỉ huy Đội Du kích Cao Sơn báo cáo tình hình, thay mặt Uỷ ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ, đồng chí Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ cho Đội Du kích Cao Sơn cùng với Cứu quốc quân và Lực lượng Tự vệ Cứu quốc Đại Từ bảo vệ an toàn đường giao thông liên lạc của Trung ương (Đội Du kích Cao Sơn được giao bảo vệ con đường từ xã Ký Phú huyện Đại Từ đến các xã vùng

⁽¹⁾ Ngày 29/6/1987, với tư cách là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chứng nhận: "*Tháng 4/1945, trên đường từ Hiệp Hòa (nơi họp Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ) trở về Thái Nguyên, lần đầu tiên tôi gặp đồng chí Thạch Sơn (Nguyễn Huy Minh) và đồng chí Trường Sơn (Đặng Văn Giao) thuộc một đơn vị Cứu quốc quân tại một địa điểm bí mật ở làng Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên*".

Tây Nam huyện Phổ Yên); tích cực chuẩn bị đánh quân Nhật xâm nhập vào vùng giải phóng; mở rộng địa bàn hoạt động sang tỉnh Vĩnh Yên. Đêm ngày 21/4/1945, đồng chí Nhị Quý chỉ huy một đội tự vệ vũ trang từ xã Yên Lãng xuống xã Quân Chu đón và bảo vệ đoàn đồng chí Võ Nguyên Giáp về Căn cứ Núi Hồng. Vài ngày sau, đồng chí Lê Trung Đình được trên giao nhiệm vụ xuống Quân Chu giúp đỡ các đồng chí ở Lán Than tổ chức chỉ đạo phát triển phong trào và bảo vệ đường giao thông liên lạc của Trung ương theo chỉ thị của đồng chí Võ Nguyên Giáp.

Ngày 9/4/1945, qua môi giới của Phó Chánh tổng Ngoạn, một nhóm sĩ quan Nhật đã xin gặp Mặt trận Việt Minh. Các đồng chí Thạch Sơn và Dịch Sơn gặp chúng tại nhà Phó Chánh tổng Ngoạn ở làng Văn Yên. Bọn Nhật đề nghị phía Mặt trận Việt Minh cho chúng mượn đường hành quân từ tỉnh lỵ Thái Nguyên qua Đại Từ, vượt Đèo Khế sang Tuyên Quang, đổi lại chúng sẽ ủng hộ Việt Minh 7 khẩu súng và trả lại cho Việt Minh huyện lỵ Đại Từ. Ta không đồng ý và yêu cầu chúng trở về vị trí.

Trưa ngày 21/4/1945, một tổ du kích Cao Sơn đang hoạt động ở Lục Ba thì gặp một tốp lính lệ đưa thư mật của Huyện trưởng Đại Từ cho Tổng đoàn Hắc. Qua thư mật và khai thác bọn lính lệ, ta biết Tổng đoàn Hắc là người chỉ điểm cho quân Nhật khủng bố, đốt nhà ở làng La Phác (xã

Cát Nê) và thông qua Huyện trưởng Đại Từ phát xít Nhật sử dụng Tổng đoàn Hóc tập hợp bọn lưu manh, phản động tổ chức thành lực lượng vũ trang chống phá cách mạng và làm gián điệp, khai thác, cung cấp mọi thông tin về hoạt động của ta ở các xã vùng Tây Nam Đại Từ cho chúng. Lo sợ sức mạnh của cách mạng và sự phẫn nộ của nhân dân, Tổng đoàn Hóc trốn vào Hang Cua, bí mật hoạt động chống phá cách mạng. Phát hiện được nơi ẩn náu của Tổng đoàn Hóc, sẵn quần áo của lính lệ, tổ du kích Cao Sơn cải trang thành lính lệ, vào Hang Cua bắt và kết án tử hình Tổng đoàn Hóc theo mệnh lệnh của chính quyền cách mạng.

Ngày 24/4/1945, một toán 3 tên võ quan Nhật được tên Việt gian Nguyễn Thiện Giám dẫn đường từ tỉnh lỵ Thái Nguyên lên Ký Phú xin gặp đại diện Mặt trận Việt Minh để tiếp tục thương lượng, rao giảng thuyết "*Đồng văn, đồng chủng*", "*Người Châu Á không bắn người Châu Á*". Quán triệt Chỉ thị của đồng chí Võ Nguyên Giáp trước khi đồng chí rời Quân Chu "*phải tiêu diệt bọn hiến binh, Việt gian thân Nhật để bảo vệ căn cứ, giữ bí mật tuyến giao thông quan trọng có ý nghĩa chiến lược của Trung ương lúc này*", sau khi khai thác tài liệu, ta đã đưa cả 3 tên võ quan Nhật tên Việt gian Nguyễn Thiện Giám ra sân đình Ký Phú xử tử, có sự chứng kiến của nhân dân.

Không còn hi vọng vào sự hợp tác của ta, quân Nhật

điên cuồng quay sang đàn áp, khủng bố. Ngày 26/4/1945, chúng huy động 100 quân chia làm hai cánh: Một cánh từ Phúc Thuận (Phổ Yên) đánh lên, một cánh từ Hùng Sơn (Đại Từ) kéo xuống bao vây, càn quét 3 xã Quân Chu, Cát Nê, Ký Phú. Tại xã Quân Chu, chúng đã bắt một số người (chủ yếu là phụ nữ, cụ già, em nhỏ) tra khảo rất dã man. Đến xã Cát Nê, chúng bắt đi 11 người. Cùng với việc bắt bớ, tra tấn, hãm hiếp phụ nữ, giết người, cướp của, quân Nhật còn dùng đạn lửa bắn vào các xóm làng làm cháy nhiều nhà dân, trong đó xóm Vàng (Quân Chu) bị cháy không còn sót một nóc nhà.

Cuộc tấn công của quân Nhật tuy không nằm ngoài dự đoán, nhưng sớm hơn sự phán đoán của Ban Lãnh đạo Căn cứ Núi Hồng và Chỉ huy Đội Du kích Cao Sơn. Trong thời gian này, Đội Du kích Cao Sơn cử một bộ phận theo đồng chí Lê Trung Đình trở lại phía bắc huyện, một bộ phận trở về Căn cứ Lán Than để củng cố và phát triển lực lượng, còn một tiểu đội hoạt động ở Ký Phú. Mặc dù so sánh lực lượng quá chênh lệch, lợi thế nghiêng về phía địch, nhưng tiểu đội vẫn tổ chức phục kích địch, tiêu diệt 10 tên và làm bị thương một số tên, buộc chúng phải sớm rút quân.

Trước tình hình ngày 26/4/1945, quân Nhật mở các cuộc tiến công vào các xã vùng Nam Đại Từ và chúng có thể còn tiếp tục cho quân đột nhập vào khu vực này với quy

mô lớn hơn, thì việc xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố vùng giải phóng nhằm bảo vệ, giữ vững đường dây liên lạc đặc biệt giữa Căn cứ địa cách mạng Việt Bắc với Trung ương ở dưới xuôi được Ủy ban Quân sự Bắc Kỳ xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và nhiệm vụ ấy trước hết do Lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng huyện Đại Từ làm nòng cốt⁽¹⁾

Thay mặt Ủy ban Quân sự Bắc Kỳ và Tổng bộ Việt Minh, đồng chí Võ Nguyên Giáp yêu cầu phải củng cố phong trào cách mạng trong dải hành lang từ Tây Bắc xuống Tây Nam và mở rộng sang hướng Đông Nam. Huyện Đại Từ phải trở thành một căn cứ địa vững chắc của cao trào tháng Nhật cứu nước của Việt Bắc; phải tăng cường phát triển lực lượng vũ trang bao gồm cả Tự vệ Cứu quốc, du kích tập trung và Cứu quốc quân đang hoạt động trên đất Đại Từ đủ sức chiến đấu chống lại các cuộc càn quét của quân Nhật, bảo vệ căn cứ, bảo vệ giao thông liên lạc.

Đây là nhiệm vụ hết sức nặng nề đối với Đại Từ, vì: Thứ nhất, trình độ giác ngộ chính trị và đời sống nhân dân trong vùng còn thấp, đòi hỏi phải tiến hành công tác tuyên truyền, giáo dục công phu, kiên trì. Thứ hai, khu vực từ

⁽¹⁾ Đến tháng 5/1945 tất cả các xã của Đại Từ đều đã có Ủy ban Dân tộc giải phóng, nhưng nhiều nơi chưa đủ mạnh, vẫn phải dựa vào Lực lượng vũ trang.

Đồng Muồn (thuộc xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên) đến Cải Đan (nay thuộc thành phố Sông Công) có bọn cướp đang hoành hành. Chúng tự xưng là "Đồng minh", nhưng đi đến đâu cũng cướp của, giết người, làm cho nhân dân quanh vùng vô cùng khiếp sợ. Hơn nữa, bọn này còn chặn đường bắt cán bộ cách mạng (chúng đã bắt và định giết đồng chí Tẩy - tức Lâm, cán bộ giao thông của Xứ uỷ Bắc Kỳ trên đường từ xuôi lên Chiến khu, nhưng đồng chí đã trốn thoát lên Quân Chu). Muồn củng cố khu căn cứ thì nhất thiết phải quét sạch bọn thổ phỉ này. Thứ ba, mặc dù ta đã đập tan chính quyền tay sai của quân Pháp, Nhật từ huyện xuống tất cả các làng xã, ở huyện lỵ chỉ còn tên Huyện trưởng và lính bảo an, nhưng chúng vẫn còn khả năng làm chỗ dựa cho quân Nhật tổ chức hoạt động gián điệp, thu thập tin tức tình báo và chỉ điểm đánh phá Căn cứ địa.

Mặc dù đã bị trừng trị đích đáng mỗi khi tấn công vào vùng giải phóng, nhưng vì mục đích chính trị phản động, nên quân Nhật tiếp tục mở những cuộc hành quân, càn quét quy mô lớn vào sâu trong vùng giải phóng. Do đó, Lực lượng vũ trang cách mạng Đại Từ phải thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đánh thắng địch bất cứ lúc nào. Ủy ban Quân sự Bắc Kỳ và Ban Lãnh đạo Phân

khu Nguyễn Huệ⁽¹⁾ cùng quyết định tập trung chỉ đạo huyện Đại Từ thực hiện cho bằng được kế hoạch củng cố Căn cứ địa về mọi mặt, bởi vì đó là một nhân tố hết sức quan trọng đảm bảo cho những thắng lợi ngày càng to lớn hơn trong cao trào kháng Nhật cứu nước.

Trước hết, đồng chí Võ nguyên Giáp chỉ thị cho Đội Du kích Cao Sơn tập trung về căn cứ Lán Than (lúc này các đồng chí Trường Sơn, Hồng Sơn, Dịch Sơn, Bảo Sơn. . . đã được điều về hoạt động ở quanh Căn cứ Núi Hồng). Đội Du kích Cao Sơn đã được bổ sung thêm lực lượng, gồm các đồng chí vừa vượt ngục Hoả Lò ra là Vũ Tuân, Văn Lê, Thái Bạch, Hoàng Nguyễn, Khai, Thế, Vinh, Du, Kỳ; một số thanh niên Hà Nội tham gia phong trào Việt Minh được giới thiệu lên và một số thanh niên ở các xã Quân Chu, Kỳ Phú, Cát Nê, Vân Yên... và có cả lính bảo an được giác ngộ, bỏ hàng ngũ địch trở về với cách mạng.

Sau ngày diễn ra Lễ thống nhất Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang cách mạng cả nước thành Việt Nam Giải phóng quân (15/5/1945) ở Định Biên Thượng (huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên), theo chỉ thị của đồng chí Võ Nguyên Giáp, cuối tháng 5/1945, Đội Du kích Cao Sơn đổi tên thành

⁽¹⁾ Phân khu Nguyễn Huệ (phân khu B) tồn tại đến sau ngày thành lập Khu Giải phóng Việt Bắc (4/6/1945).

Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái, do các đồng chí Thạch Sơn làm Trung đội trưởng, Vũ Tuân làm Chính trị viên. Trung đội Phạm Hồng Thái vẫn lấy Lán Than làm hậu cứ, có lán trại, kho lương thực, nơi chế tạo vũ khí, bãi tập, đất sản xuất. Sự liên lạc giữa Ban Chỉ huy Trung đội Phạm Hồng Thái với các tiểu đội trong Trung đội đều qua hệ thống điện thoại nội bộ do cơ sở binh vận của ta ở Tam Đảo cung cấp. Qua thực tế chiến đấu và sự giúp đỡ của anh em binh lính trong hàng ngũ địch trở về với cách mạng, sau một thời gian ngắn luyện tập, kỹ năng chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ Trung đội Phạm Hồng Thái được nâng lên, tinh thần cách mạng rất hăng hái, tổ chức trong đơn vị chặt chẽ, nền nếp. Cùng với công tác xây dựng đơn vị, Trung đội Phạm Hồng Thái đẩy mạnh hoạt động huấn luyện quân sự cho Tự vệ cứu quốc các xã lân cận, tích cực làm công tác vận động quần chúng và công tác binh vận.

Đúng như dự đoán của Trung ương hai tháng 5 và 6/1945, phát xít Nhật liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công, đánh phá vào Khu Giải phóng Việt Bắc. Chúng tập trung đánh hướng chủ yếu vào Căn cứ Núi Hồng nằm trên địa bàn các huyện Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên) và Sơn Dương (Tuyên Quang).

Ngày 14/5/1945, khoảng 300 quân Nhật, có trung đội kỵ binh dẫn đầu từ Hùng Sơn theo Đường 13A hành quân lên Đèo Khế để thăm dò lực lượng của ta. Phát hiện được cuộc

hành quân của địch, khoảng 80 cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân và tự vệ Cứu quốc do đồng chí Lý⁽¹⁾ chỉ huy tổ chức trận địa phục kích tại Vai Cày (xã Bản Ngoại). Bí mật mai phục, chờ cho toán quân địch dẫn đầu vượt qua, toán giữa lọt trận địa, quân ta mới đồng loạt nổ súng tiêu diệt 1 tên quan ba, 1 tên lính. Bị sa vào trận địa phục kích của ta trong tình thế bất lợi về địa hình, địa thế, quân Nhật vội vã chuyển hướng rút vào các xóm ven đường đốt nhà dân, thiêu xác hai tên tử trận rồi thu quân về Hùng Sơn.

Sau vài ngày, quân Nhật tập trung khoảng 2.000 quân, trang bị đầy đủ vũ khí, có pháo binh và kỵ binh yểm trợ, mở một cuộc càn quét quy mô lớn vào Căn cứ Núi Hồng. Kế hoạch của chúng là tập trung một lực lượng lớn binh lực, thắt chặt vòng vây xung quanh Căn cứ Núi Hồng; đồng thời mở bốn mũi dùi thọc sâu vào Căn cứ Núi Hồng: Mũi thứ nhất từ thị xã Bắc Kạn đánh vào Chợ Rã, vòng sang Chợ Đồn, thẳng xuống vùng Bắc Căn cứ. Mũi thứ hai, từ thị xã Tuyên Quang tiến vào Thanh La đánh vào phía Tây Nam Căn cứ. Mũi thứ ba, từ thị xã Thái Nguyên, chia làm hai cánh, theo hai đường, tiến công vào vùng Đông Nam Căn cứ. Bằng chiến thuật bao vây và đánh thọc sâu, quân Nhật hi vọng chia cắt, cô lập vùng giải phóng để dễ tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận; đánh thẳng vào Trung tâm Căn cứ Núi Hồng để tiêu diệt cơ quan đầu não, phá tan cơ sở chính trị

⁽¹⁾ Đồng chí Lý sau này là chiến sĩ bảo vệ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

của Việt Minh trong quần chúng nhân dân.

Dự đoán âm mưu và thủ đoạn của địch, Bộ Chỉ huy Quân giải phóng đã hạ quyết tâm và xây dựng kế hoạch chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, sẵn sàng tập tan cuộc tổng tiến công, càn quét của chúng. Ngay sau Lễ thống nhất các tổ chức vũ trang cách mạng cả nước thành Việt Nam Giải phóng quân (15/5/1945), Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng cử một số cán bộ, chiến sĩ sang cùng với Lực lượng tự vệ Cứu quốc huyện Đại Từ xây dựng kế hoạch phối hợp tác chiến. Trên địa bàn Đại Từ lúc này Lực lượng tự vệ Cứu quốc và Quân Giải phóng có khoảng hơn 300 tay súng (kể cả súng kíp)⁽¹⁾, sẵn sàng đương đầu với trên 500 quân Nhật có trang bị vũ khí hiện đại.

Mặc dù quân số không nhiều, nhưng nhờ có sự ủng hộ hết lòng của nhân dân các dân tộc trong huyện và biết lợi dụng triệt để địa hình hiểm yếu ở vùng phía Bắc huyện, các lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện Đại Từ đã phân công nhau chiếm lĩnh tất cả các điểm xung yếu, tổ chức trận địa phục kích quân Nhật ở tất cả những nơi chúng có thể đi qua.

Ngày 25/5/1945, quân Nhật tập trung lực lượng mở

⁽¹⁾ Lực lượng vũ trang Đại Từ lúc này có Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái (khoảng 40 người). Bộ Chỉ huy tăng cường sang 1 tiểu đội Giải phóng quân (10 người), còn lại là Lực lượng Tự vệ cứu quốc của huyện.

cuộc tấn công vào Căn cứ Núi Hồng. Trên hướng Đại Từ, quân địch cùng một lúc tiến công vào địa bàn huyện bằng 2 mũi: Mũi thứ nhất, từ Quảng Nạp (Bình Thành - Định Hoá) xuống Na Mao để hội quân với mũi thứ hai từ thị xã Thái Nguyên kéo lên, cùng tấn công lên vùng Tây Căn cứ Núi Hồng. Lực lượng tự vệ Cứu quốc Đại Từ và Quân Giải phóng đã chặn đánh quân Nhật ở Na Mao, tiêu diệt 1 tên và bắn bị thương 8 tên. Mũi quân Nhật từ thị xã Thái Nguyên lên liên tiếp bị ta chặn đánh ở Bản Ngoại, Phú Minh, Hoàng Nông. Tại Hoàng Nông, quân ta phục kích, tiêu diệt 9 tên, bắn bị thương nhiều tên khác, buộc quân Nhật phải rút về Hùng Sơn.

Tháng 6/1945, Trung đội Phạm Hồng Thái (đang làm nhiệm vụ củng cố phong trào, xây dựng lực lượng tự vệ ở các xã Bình Thuận, Tân Thái), được lệnh đi tiêu diệt bọn thổ phỉ, tự xưng là "Đồng Minh" ở xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên). Bọn "Đồng Minh" giả này gồm khoảng 50 tên và một số nông dân, tá điền bị lừa gạt theo do tên đội Đồi cầm đầu. Đội Đồi (một tên đội lính khố đỏ đào ngũ sau ngày 9/3/1945) tự xưng là "Chánh Đồng Minh" kiêm "Chánh Nguyên soái"; các tên Lý Mười, Chánh Hèn tự xưng là "Phó Đồng Minh"; tên Lân tự xưng là "Phó Nguyên soái". Lợi dụng lúc bộ máy tay sai đế quốc vừa bị nhân dân ta đánh đổ, chính quyền cách mạng phải tập trung đối phó

những cuộc càn quét liên miên của quân Nhật, tình hình chính trị, xã hội ở vùng tranh chấp có những diễn biến phức tạp, bọn "Đồng Minh" giả đã trắng trợn hoạt động cướp của, giết người, hãm hiếp phụ nữ, tống tiền, bắt cán bộ, phá rối trật tự, gây nhiều thiệt hại về tính mạng và tài sản cho dân, làm cho nhân dân trong vùng hoang mang, lo sợ.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, đồng chí Thạch Sơn, chỉ huy 1 tiểu đội Quân Giải phóng đi dẹp bọn "Đồng Minh" giả ở xã Phúc Thuận. Đến Phúc Thuận, Quân Giải phóng đã bao vây sào huyệt của bọn "Đồng Minh" giả, ra lệnh cho chúng phải đầu hàng để được khoan hồng, nếu ngoan cố, sẽ bị tiêu diệt. Hoảng sợ trước khí thế tấn công của Quân giải phóng, bọn cầm đầu tháo chạy, hơn 30 tên còn lại xin đầu hàng. Đây là những người lao động kém hiểu biết, bị lừa, hoặc vì nhẹ dạ mà theo chúng, đơn vị tập trung giáo dục rồi tha cho về làm ăn lương thiện⁽¹⁾. Quân Giải

⁽¹⁾ Khi được tin cấp báo sào huyệt đã bị quân cách mạng bao vây, tên đội Đối cùng con trai vợ một số lớn của cải mà cả bọn đi cướp được tìm đường tháo chạy. Cha con Lý Nguyên bí mật ra dốc Thanh Lộc (thuộc xã Phúc Thuận) chờ sẵn. Khi cha con Đối chạy trốn đến nơi, cha con Lý Nguyên đã nổ súng giết chết cả hai con Đối, cướp lại của cải. Chánh Hên sau tìm đường lên Quân Chu gặp Việt Minh tự thú, xin ủng hộ cách mạng một số thóc gạo để chuộc tội và hứa sẽ sống lương thiện. Ta tha tội. Còn các tên Lân, Hạng vẫn ngera theo đường cũ, cách mạng đã kiên quyết trị tội.

phóng tịch thu toàn bộ thóc, gạo, trâu, bò, lợn, gà do chúng cướp được đem trả lại cho nhân dân.

Bọn "Đồng Minh" giả ở Phúc Thuận (Phổ Yên) bị xoá sổ, trật tự trị an một vùng rộng lớn từ Phúc Thuận (Phổ Yên) qua Quân Chu lên Yên Lãng (Đại Từ) được củng cố, đường dây liên lạc giữa Căn cứ Núi Hồng với Trung ương Đảng được giữ vững, đời sống nhân dân từng bước ổn định.

Thực hiện chỉ thị của đồng chí Võ Nguyên Giáp : Phải mở rộng vùng giải phóng, chuẩn bị lực lượng cho Tổng khởi nghĩa; kiên quyết tiêu diệt đồn Nhật ở Tam Đảo⁽¹⁾ để

⁽¹⁾ Khu nghỉ mát Tam Đảo do người Pháp xây dựng trên đỉnh núi Tam Đảo, có quy mô một thị trấn với hơn 100 biệt thự, nhà thờ Thiên chúa, khách sạn Métropole nhiều tầng, trường học, bệnh xá, câu lạc bộ, sân vận động... Để bảo vệ khu nghỉ mát Tam Đảo, thực dân Pháp đã thiết lập tại đây một đồn cảnh sát, một đồn lính khố xanh có một trung đội được trang bị đầy đủ súng, đạn. Cả hai đồn này đều do sĩ quan Pháp chỉ huy. Những năm 1940 của thế kỉ XX khi phong trào Việt Minh phát triển mạnh ở Thái Nguyên, thực dân Pháp tăng cường lên đây một đại đội lính lê dương. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), đơn vị lính lê dương bỏ chạy, quân Nhật chiếm Tam Đảo, lập đồn trại, nắm quyền chỉ huy các lực lượng cảnh sát và lính khố xanh (bảo an binh), khống chế người Pháp cư trú ở Tam Đảo, tổ chức mật vụ để nắm tình hình và tăng cường tuần tra canh gác trên tất cả các ngã đường mòn xuống phía tỉnh Thái Nguyên, đề phòng sự tiến công của Việt Minh.

chiếm lĩnh, án ngữ điểm cao; phải tiến hành binh vận trong bảo an binh, lôi kéo họ trở về với cách mạng, hiệp lực cùng ta đánh Nhật, tranh thủ cả số thường phạm trong nhà tù để quốc ủng hộ ta. Đối với Pháp kiều và gia đình họ đang bị giam giữ quản thúc tại đây, cũng cần tranh thủ sử dụng những đồng minh tạm thời này, cán bộ, chiến sĩ Trung đội Phạm Hồng Thái đã không ngại khó khăn, gian khổ, không sợ hi sinh, tìm cách đến gần, đối diện với những người Việt lầm đường đứng vào hàng ngũ kẻ thù để tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, chỉ cho họ những sự thật về cách mạng và phản cách mạng đã và đang diễn ra trên đất nước ta. Trên cơ sở đó khơi dậy lòng căm thù giặc đối với họ, làm cho họ hiểu rõ chính sách đúng đắn của Mặt trận Việt Minh đối với anh em binh sĩ quay về với nhân dân. Nhờ đó, phần lớn lính bảo an (trong đó, có Quản Lân - tức Lê Văn Lân, chỉ huy đồn và các ông Đinh Huy Phan, Đội Đồng, Cai Mùi vừa là cấp chỉ huy vừa là người có uy tín với binh lính) ở đồn Tam Đảo đã ngã theo cách mạng, sẵn sàng làm nội ứng cho ta.

Kế hoạch đánh đồn Tam Đảo đang được Ban Chỉ huy Trung đội Phạm Hồng Thái đề nghị cấp trên phê chuẩn thì

một tình huống bất ngờ xảy ra⁽¹⁾, Ban Chỉ huy Trung đội quyết định đánh đồn Tam Đảo vào sáng ngày 16/7/1945, sớm hơn dự kiến. Khi quyết định đánh đồn Tam Đảo, Trung đội Phạm Hồng Thái chỉ còn một nửa quân số ở Căn cứ, còn một nửa quân số do đồng chí Vũ Tuân chỉ huy đang đi xây dựng cơ sở, củng cố con đường Nam tiến. Nếu không kịp thời hành động, quân Nhật sẽ tước hết vũ khí của lính bảo an (là cơ sở của ta trong đồn bảo an và xung quanh khu nghỉ mát Tam Đảo sẽ bị khủng bố; quân Nhật sẽ bố trí lại lực lượng, thay đổi thể trận, ta sẽ gặp khó khăn khi đánh đồn Tam Đảo.

Trước tình hình đó, Ban Chỉ huy Trung đội quyết định tập hợp số lính bảo an đã được giác ngộ và những thanh niên tích cực trong phong trào, cốt cán của cơ sở cùng với số cán bộ, chiến sĩ có mặt tại đơn vị biên chế thành 4 tiểu

⁽¹⁾ Theo Kế hoạch của Ban Chỉ huy Khu Giải phóng, trận đánh đồn Tam Đảo nằm trong kế hoạch hoạt động của Quân Giải phóng như sau: Quân đồng minh (Mỹ) cho máy bay ném bom xuống Bảo Sơn, Đình Âm (sát thị xã Vĩnh Yên) và cầu Việt Trì nơi tập trung quân của Lữ đoàn kỵ binh 62 của Nhật, sau đó Quân Giải phóng sẽ tấn công vào thị xã Vĩnh Yên và Tam Đảo. Đồng chí Thạch Sơn đã đưa đồng chí Lê Trung Đình (sau này là Chủ tịch tỉnh Thái Nguyên) bí mật vào thị xã Vĩnh Yên nghiên cứu thực địa. Trận đánh đang được nghiên cứu thì một tên lính bảo an phản bội đã báo cho Quân Khang lúc đó là Chỉ huy trưởng bảo an binh tỉnh Vĩnh Yên và báo cho hiến binh Nhật. Den-Tha-Chô, Tư lệnh Lữ đoàn 62, ra lệnh sẽ tập trung vũ khí của lính bảo an trong ngày 16/7/1945.

đội, do các đồng chí Lê Hồng Tâm, Lê Trung, Thái Bạch và Ngân Sơn làm Tiểu đội trưởng, mỗi tiểu đội có từ 3 đến 4 chiến sĩ Quân Giải phóng làm nòng cốt. Chỉ huy trận đánh là đồng chí Thạch Sơn.

Rạng sáng ngày 16/7/1945, Quân Giải phóng bố trí lực lượng phục kích tại KM 13 đường Vĩnh Yên - Tam Đảo, đề phòng quân Nhật từ thị xã Vĩnh Yên lên ứng cứu và tổ chức bao vây quân Nhật ở Tam Đảo. Trước khi nổ súng, đồng chí Trịnh Bình Di, người giỏi tiếng Pháp, gặp gỡ những người Pháp ở đây giải thích cho họ biết ta chỉ đánh quân Nhật, không có ý định trả thù họ và sẵn sàng đón nhận họ vào Mặt trận nhân dân Đông Dương chống phát xít, hoặc có thể giúp họ thoát khỏi sự kiểm soát của quân Nhật.

Trận đánh diễn ra trong suốt ngày 16/7/1945. Quân ta và quân Nhật bắn nhau dữ dội, một số lính Nhật bị chết và bị thương. Khoảng 18 giờ ngày 16/7/1945, trời vừa tối và cũng là lúc sương mù buông xuống, ta cho nổ hai quả mìn phá bung một mảng tường và làm sập mái nhà quân Nhật cố thủ, báo hiệu lệnh tấn công. Tất cả các cỡ súng của Quân Giải phóng thi nhau nhả đạn vào trại lính Nhật, đồng thời cả ba mũi đồng loạt xung phong tiến vào đồn. Quân Nhật hoảng sợ trước sự dũng mãnh của Quân Giải phóng, bỏ vị trí chiến đấu, tháo chạy tán loạn. Chỉ trong vài phút,

ta đã làm chủ trận địa. Ngay sau đó, đơn vị chia thành các tổ nhỏ, thu vũ khí quân dụng và tìm diệt tàn quân Nhật. Cuộc chiến đấu kết thúc thắng lợi hoàn toàn vào lúc 10 giờ sáng ngày 17/7/1945.

Kết quả, quân ta tiêu diệt hoàn toàn 1 trung đội Nhật, thu toàn bộ vũ khí gồm 1 súng trung liên, 1 súng phóng lựu, 2 tiểu liên, 80 súng trường (cả của bảo an binh), nhiều lựu đạn, đạn, quân trang, quân dụng và 6000 đồng tiền Đông Dương, giải thoát cho 20 người Pháp gồm các quan chức, trí thức có uy tín bị Nhật giam lỏng ở đây từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945). Trong số này có vợ, chồng giáo sư Bécna, gia đình Công sứ Vĩnh Yên. Về phía ta, có 4 người hi sinh (đều là tù nhân của Nhật ở trại giam Tam Đảo tình nguyện tham gia chiến đấu cùng Quân Giải phóng). Hai đồng chí Thạch Sơn và Hồng Tâm bị thương.

Sau trận đánh, 20 người Pháp được ta giải thoát yêu cầu ta đưa họ về Căn cứ địa, thoát khỏi sự kiểm soát của quân Nhật. Trung đội Phạm Hồng Thái cử người dẫn đường và bảo vệ họ đến Tân Trào an toàn. Tại Tân Trào được gặp Ban Lãnh đạo Khu Giải phóng, Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng, được tiếp đón tử tế, những người Pháp này hiểu rõ: "Việt Minh không phải là kẻ cướp, cũng không phải là người ghét người Pháp, mà chỉ là người ghét chủ nghĩa phát xít và mong muốn giải phóng đất nước họ khỏi ách

Nhật Bản. Đó là bộ phận sống động nhất, chân chính nhất của một đất nước đang sôi động và đầy sức mạnh"⁽¹⁾

Chiến thắng Tam Đảo của quân và dân Đại Từ không chỉ là chiến công đặc biệt xuất sắc, mà còn là sự cổ vũ mạnh mẽ cao trào kháng Nhật cứu nước, không chỉ trong Khu Giải phóng Việt Bắc mà rộng ra trong toàn quốc. Trận chiến thắng vang dội của Trung đội Quân Giải phóng Phạm Hồng Thái cùng với chiến công bẻ gãy mũi tiến công của quân Nhật vào vùng Tây Núi Hồng của quân và dân Đại Từ là những đòn đánh mạnh vào quân Nhật đang chiếm đóng ở Đại Từ. Sau thất bại trận Tam Đảo, quân Nhật phải co về đồn Hùng Sơn cố thủ, không dám mở các cuộc càn quét, cướp phá như trước. Toàn bộ huyện Đại Từ đã hoàn toàn giải phóng (trừ mảnh đất nhỏ ở huyện lỵ. Đại Từ từng bước được xây dựng trở thành một Căn cứ địa Cách mạng vững chắc, một vùng đất bất khả xâm phạm của Khu Giải phóng Việt Bắc, của sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam.

Nhân dân và Lực lượng vũ trang huyện Đại Từ tự hào

⁽¹⁾ Từ Tân Trào, thay mặt cho 20 người Pháp vừa từ Tam Đảo về, giáo sư Béc na viết "Thư gửi các bạn ở Hà Nội" có đoạn trích như trên. Thư này viết bằng tiếng Pháp được in và bí mật phát tán rộng rãi ở Hà Nội, góp phần thức tỉnh người Pháp. Sau này, khi đã về Pháp, vợ chồng giáo sư Béc na kịch liệt lên án cuộc chiến tranh bẩn thỉu của Chính phủ Pháp ở Đông Dương, ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.

với chiến công của mình, niềm tin tưởng và tình thần phấn khởi trước thắng lợi của cách mạng phát triển ngày một cao. Những ngày cuối tháng 7, đầu tháng 8/1945, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Đại Từ vinh dự được làm nhiệm vụ đón tiếp, bảo vệ và dẫn đường cho 7 đoàn đại biểu ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam (trong đó, có các đồng chí Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu, Hoàng Đạo Thúy, Trần Đức Thịnh, Nguyễn Đình Thi, Dương Đức Hiền, Cù Huy Cận, Hà Huy Giáp...) qua Đại Từ lên Sơn Dương (Tuyên Quang) dự Quốc dân Đại hội và Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào⁽¹⁾.

Ngày 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ra "Quân lệnh số 1", nêu rõ: "Dưới mệnh lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, các bạn hãy tập trung lực lượng, kịp đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch, đánh chặn các đường rút lui của chúng, tước hết vũ khí của chúng ... Các bạn hãy tiến lên"⁽²⁾

Chấp hành Lệnh khởi nghĩa, Quân Giải phóng và Tự vệ cứu quốc Đại Từ triển khai lực lượng bao vây huyện lỵ. Trước sức mạnh của cách mạng, Ngô Tuấn Tiếp (Huyện

(1) Trần Huy Liệu : "Đi dự Quốc dân Đại hội ở Tân Trào" – Tạp chí nghiên cứu lịch sử Đảng năm 1960 trang 15.

(2) Văn kiện Đảng 1930-1945, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản – Hà nội 1978- trang 410

trưởng Đại Từ) dẫn 22 lính bảo an, mang theo 28 khẩu súng ra đầu hàng. Quân ta tập trung lực lượng bao vây quân Nhật ở đồn Hùng Sơn.

Chiều 16/8/1945, Chi đội Quân Giải phóng dưới sự chỉ huy của đồng chí Võ Nguyên Giáp trên đường từ Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) về giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên đã dừng chân ở Yên Lãng (Đại Từ). Sau khi nghe các đồng chí Lê Trung Đình, Nhị Quý (là cán bộ chỉ đạo phong trào cách mạng ở huyện Đại Từ) báo cáo, đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ thị: Nhiệm vụ của chúng ta lúc này là phai tập trung tất cả các lực lượng vũ trang cách mạng đang hoạt động trong tỉnh Thái Nguyên tiến về tỉnh lỵ bao vây, tiêu diệt quân Nhật. Đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ Thái Nguyên. Đã thắng lợi ở tỉnh lỵ Thái Nguyên rồi thì quân Nhật ở Đại Từ và các nơi khác trong tỉnh Thái Nguyên không đánh cũng tan rã...

Thực hiện chủ trương đó, Lực lượng Tự vệ Đại Từ chỉ để lại một bộ phận nhỏ bao vây quân Nhật ở Hùng Sơn, còn đại bộ phận cùng với một phân đội Quân Giải phóng đang hoạt động ở vùng Nam Đại Từ biên chế thành một đại đội hành quân xuống Phúc Thuận (Phổ Yên), lên Tân Quang, Tích Lương (Đồng Hỷ) phối hợp với Đại đội Tự vệ huyện Phú Bình đánh chiếm Gia Sàng và cùng với Trung

đội Quân giải phóng chốt giữ ở đây, sẵn sàng đánh viện binh của Nhật từ Hà Nội lên. Cuộc bao vây, tấn công quân Nhật ở tỉnh lỵ Thái Nguyên của Quân Giải phóng sớm ngày 20/8/1945 đã buộc Tỉnh trưởng Thái Nguyên Bùi Huy Lượng phải đầu hàng, giao nộp 600 lính bảo an, 2000 khẩu súng các loại và toàn bộ giấy tờ, hồ sơ của chính quyền cũ. Bộ máy tay sai, công cụ đặc lực của phát xít Nhật trên đất Thái Nguyên hoàn toàn sụp đổ. Chiều ngày 20/8/1945, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên do đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch được thành lập.

Ngày 26/8/1945, Bộ Chỉ huy quân Nhật ở Thái Nguyên chấp nhận các điều kiện của cách mạng: không can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân ta; thu quân đang đóng ở các đồn trong tỉnh về tỉnh lỵ, chờ ngày rút về Hà Nội. Đổi lại, nhân dân Thái Nguyên cho phép quân Nhật được ra chợ tỉnh mua lương thực, thực phẩm, được cung cấp điện, nước sinh hoạt..., được đảm bảo an toàn trên đường từ Thái Nguyên rút về Hà Nội. Ngày 28/8/1945, toàn bộ quân Nhật ở đồn Hùng Sơn, dưới sự giám sát của Lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng huyện Đại Từ đã rút về tỉnh lỵ Thái Nguyên. Sau hơn 60 năm trực tiếp sống dưới ách thống trị của thực dân Pháp, phát xít Nhật (1884 - 1945) - lần đầu tiên trong lịch sử nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng Đại Từ cùng với đồng bào cả nước giành được độc lập thật sự cho Tổ quốc.

Chương II

QUÂN VÀ DÂN ĐẠI TỪ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á ra đời, mở ra cho nhân dân cả nước nói chung, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ nói riêng một kỉ nguyên mới - kỉ nguyên sống trong độc lập, tự do, từng bước đi tới ấm no, hạnh phúc. Phần khởi trước những thành tựu vĩ đại và quyền lợi hết sức to lớn của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 đem lại, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ ra sức xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng chưa được củng cố bao lâu lại phải đối phó với nhiều khó khăn chồng chất, phức tạp. Nhân dân ta đứng trước những thử thách vô cùng nghiêm trọng: Vận mệnh đất nước ở thế *"ngàn cân treo sợi tóc"*. Trận lụt lịch sử tháng 8/1945 làm vỡ đê ở 9 tỉnh Bắc Bộ, gây cho nhân dân

ta nhiều tổn thất nặng nề về người và của. Nguy cơ nạn đói mới xuất hiện trong khi hậu quả nạn đói khủng khiếp năm 1945 do chính sách nhổ lúa, trồng đay và sự bóc lột tàn bạo của phát xít Nhật, để quốc Pháp làm cho hơn 2 triệu người chết đói chưa được khắc phục. Bên cạnh đó, ở phía Nam Vĩ tuyến 16, hơn 1 vạn quân Anh, dưới danh nghĩa đại diện Đồng Minh vào làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, nhưng kì thực là giúp thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Ở phía Bắc Vĩ tuyến 16, khoảng hơn 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc, cũng với danh nghĩa quân Đồng Minh kéo vào giải giáp vũ khí của quân đội Nhật, đã giở trò cướp của, vơ vét thóc, gạo của nhân dân và những nhiều, phá hoại, nhằm lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ của ta để lập chính quyền tay sai bù nhìn. Tháng 9/1945, khoảng 5 vạn quân Trung Hoa Dân quốc từ thị xã Tuyên Quang theo Đường 13A, vượt Đèo Khế qua Đại Từ ra Bờ Đậu, xuôi Quốc lộ 3 về Hà Nội. Trên địa bàn huyện Đại Từ, quân Trung Hoa Dân quốc dừng lại trú quân ở Vai Cày, Đồng Tranh, Hùng Sơn... Đặc biệt, tại Đồng Tranh có một bãi đất rộng, quân Trung Hoa Dân quốc sử dụng làm nơi tập kết và chuyển quân, đơn vị này đi, đơn vị khác lại đến ở. Quân Trung Hoa Dân quốc là một đội quân ô hợp, bê tha và nhếch nhác, quan đi ngựa, quân đi bộ gồng, gánh, mang, vác súng, đạn, lương thực, thực phẩm. Đi đến đâu

chúng cũng cướp bóc của cải, tàn phá nhà cửa, hoa màu của nhân dân ta đến đó. Chúng bắt nhân dân ta phải tiêu tiền "Quan kim", "Quốc tệ" mất giá của chúng. Có lần mưa to, nước sông Công dâng cao, giao thông qua cầu Huy Ngạc bị tắc nghẽn, quân Trung Hoa Dân quốc dừng lại ở Hùng Sơn và các nơi khác từ 2 đến 3 ngày liền. Những ngày dừng lại ở Đại Từ, quân Trung Hoa Dân quốc cướp bóc, phá hoại rất tàn bạo, làm cho nhân dân trong vùng vô cùng cực khổ, sợ hãi.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Thái Nguyên, Uỷ ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Đại Từ (do đồng chí Nguyễn Việt Hưng làm Chủ tịch) và Huyện bộ Việt Minh huyện Đại Từ (do đồng chí Vi Hồng Minh làm Chủ nhiệm) đã cử đồng chí Triệu Minh và một số cán bộ khác xuống các xã dọc đường quân Trung Hoa Dân quốc đi qua, tuyên truyền, giáo dục, vận động và chỉ đạo nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Chính phủ lâm thời: 1 - Bất kì trong hoàn cảnh nào cũng không được nổ súng vào quân Tưởng. 2 - Phải xử sự và quan hệ tốt với quân Tưởng, tránh gây ra căng thẳng, bất lợi cho ta. 3 - Vận động nhân dân trong vùng và nhân dân dọc đường quân Tưởng đi qua bán lương thực, thực phẩm cho chúng, khi chúng yêu cầu. 4 - Trên đường quân Tưởng

đi qua, phải tạo điều kiện thật tốt cho chúng đi, càng nhanh càng tốt.

Bằng nhiều giải pháp khôn khéo, mềm dẻo và kiên quyết, quân và dân Đại Từ đã làm thất bại âm mưu khiêu khích, phá hoại của quân Trung Hoa Dân quốc và bè lũ tay sai. Nhân dân Đại Từ đã cất giấu lương thực, thực phẩm và các tài sản khác vào nơi kín đáo, không cho quân Trung Hoa Dân quốc cướp, phá; tổ chức biểu tình, mít tinh phản đối những yêu sách vô lí của chúng, ngăn chặn kịp thời những hoạt động chống phá của bè lũ tay sai phản động, giữ vững thành quả Cách mạng tháng Tám năm 1945 vừa mới giành được.

Vượt qua được những khó khăn, thử thách phức tạp ban đầu, nhân dân Đại Từ đã có thêm niềm tin vào cách mạng và những điều kiện thuận lợi để cùng với quân, dân trong tỉnh tập trung tiêu diệt "giặc đói", "giặc đốt" và chuẩn bị lực lượng chống giặc ngoại xâm.

Dưới ách thống trị của đế quốc, phong kiến cũng như các vùng nông thôn Việt Nam khác, tại Đại Từ, phần lớn ruộng đất (hầu hết là ruộng, đất tốt) đều nằm trong tay các địa chủ người Pháp và người Việt. Riêng đồn điền Gari đã chiếm hầu hết ruộng đất ở hai xã Bình Thuận và Vạn Thọ ngày nay, đồn điền Phạm Bá Nhu chiếm 125 héc ta. Một số ít ruộng đất công ở Đại Từ cũng đều do các kì hào, chức

dịch sử dụng. Đa số nông dân Đại Từ đều phải lĩnh canh, nộp tô cho địa chủ. Bình quân một mẫu ruộng ở đồn điền Gari, một năm phải nộp tô cho địa chủ 24 thùng thóc (tương đương 12 nôi, mỗi nôi khoảng 28 kg). Tô cao, thuế nặng, mùa màng bị tàn phá do trận lụt lịch sử hồi tháng 8/1945 đã đe dọa đến đời sống của nhân dân trong huyện.

Hưởng ứng chiến dịch tăng gia sản xuất "diệt giặc đói" do Hồ Chủ tịch và Chính phủ phát động, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ lâm thời, các tổ chức cơ sở Đảng ở huyện Đại Từ, do đồng chí Trung Thành (Ủy viên Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên) phụ trách đã tập trung lãnh đạo nhân dân giải quyết hậu quả đợt lũ lụt tháng 8/1945; tổ chức cứu đói, góp phần tạm thời ổn định đời sống nhân dân và phục hồi sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp.

Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh *"lúc này, chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng"*⁽¹⁾, Uỷ ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Đại Từ thành lập Ban Cứu đói làm nhiệm vụ tổ chức lạc quyên, vận động nhân dân trong huyện lập *"hũ gạo tiết kiệm"* cứu đói, thu được một số kết quả đáng

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh Tuyển tập, tập 1, NXB Sự thật Hà Nội, 1989, trang 378

kể, góp phần cứu được nhiều đồng bào nghèo khó trong huyện và các nơi khác vượt qua "giặc đói".

Để giải quyết triệt để nạn đói, các tổ chức cơ sở Đảng và Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Đại Từ lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền các xã tổ chức và vận động nhân dân thực hiện phong trào "*Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa*" theo Lời kêu gọi của Chủ tịch hồ Chí Minh. Nhân dân các xã trong huyện đã tương trợ giúp nhau giống, vốn, nhân công để đảm bảo cấy, trồng hết diện tích và kịp thời vụ. Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời xã Cù Vân đã tạm thu 46 mẫu ruộng của 2 chủ đồn điền bỏ chạy để chia cho những hộ nông dân không có ruộng hoặc có ít ruộng sản xuất. Ngoài cấy lúa nước, nhân dân Đại Từ còn tích cực phát nương, làm rẫy, mở rộng diện tích gieo lúa nương và trồng sắn, ngô. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện, diện tích gieo trồng năng suất và tổng sản lượng lúa mùa năm 1945 và cả năm 1946 của huyện Đại Từ đều tăng, giải quyết được một phần nhu cầu lương thực của nhân dân trong huyện. Nạn đói ở huyện Đại Từ bước đầu được đẩy lùi. Thắng lợi này chẳng những giúp Đại Từ sớm khôi phục kinh tế, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội mà còn tạo ra nguồn dự trữ

lượng thực cho Đại Từ làm tròn vai trò căn cứ địa ngay từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến.

Để nhanh chóng loại trừ "giặc dốt", ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ, đồng thời phát động phong trào thanh toán nạn mù chữ trong toàn dân. Người chỉ rõ: *"Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh, nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu hết quyền lợi của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ"*⁽¹⁾.

Thực hiện sắc lệnh của Chính phủ và hưởng ứng Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Đại Từ thành lập Ban Bình dân học vụ huyện, do đồng chí Phạm Đức Tuệ làm Trưởng ban, làm nhiệm vụ chỉ đạo phong trào xoá nạn mù chữ. Dưới sự chỉ đạo của Ban Bình dân học vụ huyện, nhân dân ở khắp các làng, xã từ Yên Lãng, La Bằng, Bản Ngoại xuống An Khánh, Cù Vân; từ Cát Nê, Ký Phú qua Hùng Sơn lên Minh Tiến,...đâu đâu cũng dấy lên phong trào bình dân học vụ sôi nổi, rộng khắp. Theo phương châm người biết chữ dạy người chưa biết chữ, nhiều lớp học bình dân học vụ đã

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh Tuyển tập, tập 1, NXB Sự thật Hà Nội, 1980, trang 367, 368

hình thành ngay trong mỗi gia đình, làng, bản, xóm, thôn, với các hình thức phong phú, thiết thực: Ông dạy cháu, bố dạy con, anh dạy em, vợ, chồng dạy cho nhau học. Ban ngày bà con lên nương, xuống đồng, trồng ngô, cấy lúa; ban đêm lại thắp đèn, đốt đuốc rủ nhau đến các lớp học bình dân. Không có dầu hoả, bà con đốt nhựa trám lấy ánh sáng để học. Nhằm thúc đẩy phong trào và quyết tâm thanh toán nạn mù chữ, chính quyền và Ban Bình dân học vụ các xã Hùng Sơn, Cù Vân, Phú Minh (nay là xã Phú Thịnh) đã dựng bảng đồ chữ ở cổng các chợ Hùng Sơn, Cù Vân, Phú Minh, ai đọc được chữ thì được đi vào chợ bằng cổng chính, ai không đọc được chữ thì phải đi vào chợ bằng cổng khác, gọi là "cổng mù".

Bằng nhiều nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể phong phú của các tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền, cùng với sự nhiệt tình của đông đảo nhân dân trong huyện, chỉ sau một năm thực hiện cuộc vận động tiêu diệt "*giặc dốt*", trên địa bàn huyện Đại Từ "*Phần lớn những người từ 8 tuổi đến 45 đã biết đọc biết viết*"⁽¹⁾. Những cố gắng của nhân dân Đại Từ trong cuộc chiến chống "*giặc dốt*" trong năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã giúp cho nhân dân Đại Từ có thêm hiểu biết về quyền lợi và nghĩa vụ của mình, góp phần đóng góp công sức của

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ, Tập 1, sdd, trang 76.

mình vào công cuộc đấu tranh giữ vững nền độc lập, tự do của Tổ quốc ngày càng hiệu quả hơn.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc đòi hỏi nhân dân ta phải từng bước phát triển giáo dục, nâng cao dân trí. Cũng như ở nhiều nơi khác trong tỉnh, trên địa bàn huyện Đại Từ, nhiều trường tiểu học đã được thành lập; trong đó, các trường tiểu học Cù Vân, Hùng Sơn (có từ trước Cách mạng tháng Tám 1945) được mở thêm các lớp cấp II thu hút nhiều con, em nhân dân ở các xã Cù Vân, An Khánh, Phục Linh vào học. Từ các trường tiểu học Hùng Sơn, Cù Vân và các xã khác trong huyện, nhiều học sinh đã đi theo Đảng làm cách mạng và ngày càng trưởng thành, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của dân tộc. Công tác y tế vệ sinh, phòng chống các bệnh dịch (tả, đậu mùa, sốt rét) đã được tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền trong huyện quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Chính quyền huyện thành lập Phòng Phát thuốc chữa bệnh cho nhân dân, do một y tá phụ trách.

Hưởng ứng chủ trương của Đảng và Chính phủ, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã tích cực đóng góp và tuyên truyền, vận động nhân dân trong huyện góp tiền, góp của xây dựng “*Quỹ độc lập*” và “*Tuần lễ vàng*”. Dù còn thiếu thốn, đói kém, nhưng với niềm tin yêu, ủng hộ chế độ mới, cán bộ, chiến sĩ lực lượng

vũ trang và các tầng lớp nhân dân huyện Đại Từ vẫn tình nguyện đóng góp ủng hộ cho Nhà nước nhiều đồ trang sức bằng vàng, bạc, các loại nôi, chậu, mâm đồng. Chỉ trong một tuần lễ (từ ngày 17 đến ngày 24/9/1945), cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân Đại Từ đã góp phần cùng với cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh Thái Nguyên đóng góp được hơn 100 lạng vàng, bạc, 500 cân đồng, hơn 100 con trâu, bò, gần 1.000 tấm vải... vào "*Quỹ độc lập*" và "*Tuần lễ vàng*". Tại xã Văn Yên, lực lượng vũ trang và nhân dân trong xã đã đóng góp nhiều tài sản có giá trị, trong đó có 1 bộ đỉnh hương, 10 thau đồng. Tại xã An Khánh, lực lượng vũ trang đã cùng với các đoàn thể Nông dân, Phụ nữ vận động ông Hoàng Quế ủng hộ "*Tuần lễ vàng*" một mâm vàng cốm. Với đóng góp đó, ông Hoàng Quế đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng "*Bằng Đồng tiền vàng*"⁽¹⁾... Đóng góp của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đã góp phần giúp Nhà nước ta vượt qua các khó khăn gay gắt về tài chính trong những ngày đầu mới thành lập.

Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp ở vùng Nam Vĩ tuyến 16, từ ngày 23/9/1945, nhân dân ta anh dũng tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược. Hưởng ứng

(1) Theo Báo cáo thành tích đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND của xã An Khánh, trang 3.

lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện Đại Từ tích cực đóng góp sức người, sức của ủng hộ đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Hàng trăm thanh niên các xã trong huyện đã hăng hái đến “Phòng Nam Bộ” ghi tên xung phong tình nguyện vào bộ đội Nam tiến đánh giặc. Tại xã Cù Vân, 14 cán bộ, chiến sĩ tự vệ đã xung phong, tình nguyện đến tận các đơn vị bộ đội xin nhập ngũ. Tại xã Hà Thượng, hai thanh niên Lục Văn Hải (20 tuổi) và Chu Hồng Vi (22 tuổi) đã hăng hái gia nhập các đơn vị Nam tiến ngay từ những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang các xã Yên Lãng, Lục Ba, Cù Vân..., có sáng kiến cùng với tổ chức Đoàn Thanh niên Cứu quốc xã tổ chức diễn kịch lấy tiền ủng hộ đồng bào Nam Bộ kháng chiến.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, hầu hết cán bộ, chiến sĩ các đại đội tự vệ chiến đấu của huyện Đại Từ đã được điều động vào các đoàn quân "Nam tiến" hoặc các đơn vị Vệ quốc đoàn. Lực lượng tự vệ ở huyện chỉ còn lại một số cán bộ khung, trang bị vũ khí thô sơ. Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ động viên sức người, sức của của nhân dân để xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ và để bổ sung quân số, trang bị cho Vệ quốc đoàn, Uỷ ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Đại Từ giao cho các đồng chí Triệu Minh Trường và Chu Văn Sủi tổ

chức xây dựng và củng cố các đơn vị tự vệ chiến đấu trong huyện. Hưởng ứng chủ trương của tỉnh và của huyện, nhiều con em đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Cao Lan, Sán Chí..., trong huyện Đại Từ đã tình nguyện mang dao găm, súng kíp, mã tấu gia nhập lực lượng vũ trang địa phương. Nhờ vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, hầu hết các xã trong huyện đều xây dựng được các tiểu đội, trung đội du kích, tự vệ chiến đấu. Các đội du kích Đại Từ được trang bị tương đối tốt, có tổ chức chỉ huy chặt chẽ⁽¹⁾.

Tuy phải tập trung vào việc chống “giặc đói”, “giặc dốt” và giặc ngoại xâm, nhưng Đảng và Chính phủ cũng rất quan tâm đến việc thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Ngày 17/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 51 về việc Tổng Tuyển cử bầu Quốc hội khóa I. Nhận thức rõ đây là cuộc vận động chính trị rộng lớn, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện tích cực tham gia các hoạt động học tập quán triệt và tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân hiểu rõ chủ trương Tổng Tuyển cử bầu Quốc hội khóa 1 của Đảng và Chính phủ.

Ngày 23/12/1945, trong không khí tung bừng của ngày hội lớn, đông đảo cử tri là cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân huyện Đại Từ đã đi bỏ phiếu

⁽¹⁾ Bắc Thái - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, xuất bản năm 1990, trang 69.

bầu 3 đại biểu của tỉnh Thái Nguyên vào Quốc hội khoá 1 nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa⁽¹⁾. Trong 3 đại biểu đó, có đồng chí Nguyễn Trung Thành, dân tộc Nùng (quê xã Phú Xuyên), Ủy viên Ban Chấp hành (lâm thời) Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên phụ trách huyện Đại Từ. Tiếp theo thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội, tháng 4/1946, các cử tri là cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ tiếp tục thực hiện thành công cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân hai cấp tỉnh và xã. Sau thành công của cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân hai cấp tỉnh và xã, Ủy ban Hành chính huyện và Ủy ban Hành chính các xã trong huyện được thành lập thay thế Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời huyện và Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời các xã ra đời trong thời kì Cách mạng Tháng Tám 1945. Cũng đầu năm 1946, Tỉnh uỷ (lâm thời) tỉnh Thái Nguyên tổ chức thành lập Đảng bộ huyện Đại Từ và chỉ định Huyện uỷ (lâm thời) do đồng chí Đàm Văn Ứng làm Bí thư.

⁽¹⁾ Theo chủ trương của Trung ương, cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào ngày 23/12/1945. Để có thêm thời gian chuẩn bị, bảo đảm thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử, Trung ương quyết định lùi cuộc bầu cử đến ngày 6/1/1946. Một số tỉnh trong đó có Thái Nguyên không nhận được lệnh hoãn nên vẫn tổ chức cho nhân dân đi bỏ phiếu vào ngày 23/12/1945 theo kế hoạch cũ.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), các xã vùng Bắc huyện Đại Từ đã cùng với các xã của huyện Định Hoá và các xã khu vực phía Tây huyện Phú Lương trở thành Trung tâm An toàn khu (ATK) kháng chiến Việt Bắc, Thủ đô Kháng chiến của cả nước. Nhiều cơ quan đầu não của Trung ương, Liên khu 1 và tỉnh Thái Nguyên đã đến ở và làm việc trên địa bàn các xã Bắc Đại Từ. Trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Trung ương Đảng, Chính phủ, Quân đội và Liên khu Việt Bắc, tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức nhiều hội nghị quan trọng trên vùng đất An toàn khu Đại Từ. Tại xã Phú Minh, tháng 5/1947, Bộ Tổng Chỉ huy đã tổ chức Hội nghị bàn về xây dựng bộ đội chủ lực, chuẩn bị cho mùa khô. Xã Yên Lãng là nơi ở, giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh Trường Ngoại ngữ. Xã Lục Ba là nơi thành lập và trưởng thành của Trại An dưỡng số 1 (còn gọi là An dưỡng đường, nơi nuôi dưỡng thương, bệnh binh, thành lập tháng 7/1947). Xã Hùng Sơn là nơi ngày 27/ 7/1947 Chính phủ tổ chức mít tinh, công bố lấy ngày 27/7 hằng năm làm ngày Thương binh - Liệt sĩ. Đình An Mỹ (nay thuộc xã Mỹ Yên) là nơi Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (từ ngày 10 đến ngày 12/8/1947). Xã La Bằng là nơi Bộ Tổng chỉ huy mở lớp bồi dưỡng cán bộ trung cấp toàn quân (tháng 8/1947)...

Nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của một địa bàn quan trọng được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn để xây dựng thành Trung tâm An toàn khu Việt Bắc - Thủ đô Kháng chiến của cả nước, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đã vừa gương mẫu thực hiện, vừa tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân làm tốt việc phòng gian, giữ bí mật, bảo vệ các cơ quan, đơn vị của Trung ương, Liên khu 1 và Tỉnh đóng trên địa bàn. Khẩu hiệu "Ba không" (không nói chuyện làm lộ bí mật, không nghe những điều không liên quan đến mình, không chỉ đường và cảnh giác đối với người lạ mặt) được cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trong huyện tự giác chấp hành. Nhờ đó, hoạt động của các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Chính phủ, Quân đội; các hội nghị quan trọng của Trung ương, Liên khu và Tỉnh diễn ra trên địa bàn huyện đều được bảo vệ an toàn tuyệt đối.

Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Đại Từ còn tích cực phối hợp với các đoàn thể cứu quốc (Thanh niên, Phụ nữ) tuyên truyền, vận động nhân dân trong huyện đóng góp nhiều công sức, tiền của, phục vụ và giúp đỡ các cơ quan, đơn vị của Trung ương, Liên khu và Tỉnh đến ở và làm việc trên địa bàn xây dựng lán, trại làm nơi ăn, ở và làm việc. Ở nhiều nơi trong huyện, nhân dân đã tích cực ủng hộ các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị bộ đội ruộng đất, trâu, bò,

nông cụ,... để tăng gia tự túc lương thực, thực phẩm. Nhiều gia đình đã nhường nhà ở của mình cho các cơ quan kháng chiến làm nơi ở và làm việc,... Một trong những tấm gương tiêu biểu cho tấm lòng yêu nước và nhân ái của nhân dân các dân tộc Đại Từ đối với kháng chiến là bà Bá Huy ở xã Lục Ba. Bà Bá Huy đã ủng hộ An dưỡng đường 10 gian nhà gỗ, lợp lá và toàn bộ giường, chiếu, chăn, màn,... đủ cho sinh hoạt của 50 thương binh. Cùng với việc vận động chị em nữ thanh niên chăm sóc thương binh, bà Bá Huy còn ủng hộ 3 tấn thóc, 3 mẫu ruộng, 1 con trâu và một số nông cụ cho anh em thương binh sản xuất. Với những đóng góp quý báu đó, ngày 27/7/1947, bà Bá Huy đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ và anh em thương binh gửi thư cảm ơn, khen ngợi *"Bà đã hi sinh tiền, của để giúp đỡ anh em thương binh; như thế là Bà đã giúp sức vào công việc giữ gìn Tổ quốc. Tôi thay mặt Chính phủ và anh em thương binh cảm ơn và khen ngợi Bà"*⁽¹⁾.

Để có đội ngũ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương đông đảo, vững mạnh, chủ động đối phó với các hoạt động phá hoại, tấn công, chiếm đóng của địch, thực hiện Thông tư số 33-TL-DB, ngày 19/2/1947 của Bộ Quốc phòng *Về quy định thống nhất một số vấn đề cơ bản về*

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 1995, trang 177.

chức năng, nhiệm vụ, hình thức tổ chức lực lượng dân quân tự vệ; hệ thống tổ chức cơ quan chỉ đạo dân quân các cấp từ Trung ương đến cơ sở, ngày 15/4/1947, Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên thành lập Tỉnh đội Dân quân (nay là Bộ Chỉ huy quân sự) tỉnh Thái Nguyên (cơ quan chuyên trách làm nhiệm vụ tham mưu, giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy công tác xây dựng, huấn luyện và chiến đấu bảo vệ địa phương của các lực lượng dân quân, du kích và tự vệ trên địa bàn tỉnh). Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ huy Tỉnh đội, ngày 5/10/1947, Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến huyện Đại Từ tổ chức thành lập Huyện đội bộ dân quân, do các đồng chí Triệu Minh Trường (Huyện ủy viên - Ủy viên Quân sự Ủy ban Kháng chiến huyện) làm Huyện đội trưởng; Nguyễn Quang Vinh (tức Nguyễn Báo Thịnh) làm Huyện đội phó; Triệu Tuấn (cán bộ Huyện ủy) làm Chính trị viên.

Lúc mới thành lập, Huyện đội bộ Dân quân huyện Đại Từ có khoảng 10 cán bộ. Ngoài 3 cán bộ Ban Chỉ huy Huyện đội, Huyện đội bộ Dân quân huyện Đại Từ còn có các cán bộ giúp việc Ban Chỉ huy về các mặt quân sự, chính trị và văn thư - hành chính. Nhiệm vụ của Huyện đội bộ Dân quân huyện Đại Từ lúc này là tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố, phát triển và huấn luyện lực lượng dân quân, du kích và tự vệ chiến đấu; xây dựng kế hoạch tác

chiến, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động tấn công, phá hoại của địch vào địa bàn huyện. Sự ra đời của Huyện đội bộ Dân quân là tiền đề, là cơ sở quan trọng để Đại Từ đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân, du kích và tự vệ chiến đấu trên địa bàn. Hầu hết các xã trong huyện đều xây dựng được 1 trung đội đến 1 đại đội dân quân, du kích; mỗi thôn, xóm đều xây dựng được ít nhất 1 tiểu đội với quân số từ 7 đến 9 cán bộ chiến sĩ. Xã Cù Vân xây dựng được 1 đại đội dân quân và du kích (có 1 trung đội nữ). Hầu hết các xã dọc đường liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang đều xây dựng được từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội du kích bán thoát ly sản xuất, làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ giao thông; kiểm tra, kiểm soát người lạ mặt đi vào An toàn khu. Nhân dân các xã An Mỹ và Văn Yên đóng góp tiền, của mua được 5 khẩu súng ủng hộ dân quân, du kích.

Đầu tháng 10/1947, đứng chân trên địa bàn Đại Từ có Trung đoàn 350, Trung đoàn 147, Tiểu đoàn 103 và Tiểu đoàn 19 (bộ đội chủ lực của Bộ Quốc phòng và Liên khu Việt Bắc) vừa làm nhiệm vụ bảo vệ An toàn khu, vừa giúp đỡ huyện Đại Từ xây dựng, huấn luyện, diu dắt lực lượng dân quân, du kích các xã.

Sau ngày thành lập (5/10/1947), được Ban Chỉ huy Huyện đội Dân quân Đại Từ phân công phụ trách công tác

"tiêu thổ kháng chiến", đồng chí Nguyễn Quang Vinh (Huyện đội phó) đã làm việc nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức lực lượng dân quân, du kích phối hợp với nhân dân trên địa bàn huyện thực hiện tốt chủ trương của Đảng "*phá hoại để kháng chiến*", nhằm "*triệt để làm cho địch đói, khát, quê, diếc, mù, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản*"⁽¹⁾, góp phần cùng với Đảng bộ và nhân dân trong huyện làm tốt công tác chuẩn bị kháng chiến, chủ động bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ Trung tâm An toàn khu kháng chiến Việt Bắc trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu - Đông 1947.

Thực hiện chiến lược "*đánh nhanh, thắng nhanh*", từ ngày 7/10/1947, thực dân Pháp huy động khoảng 12.000 quân tinh nhuệ, cùng nhiều máy bay, xe tăng, đại bác, tàu chiến tấn công lên An toàn khu kháng chiến Việt Bắc, nhằm bao vây, tiêu diệt các cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta..., để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến.

Trong thời gian chiến sự chưa lan tới Đại Từ, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp uỷ Đảng và chính quyền huyện, Ban Chỉ huy Huyện đội tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố và huấn luyện lực lượng dân quân, du kích và tự

⁽¹⁾ Những sự kiện Lịch sử Đảng, Tập 1, Nxb Sự thật, trang 290, 291.

vệ chiến đấu. Trung đội du kích tập trung của huyện, làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu trên địa bàn huyện được thành lập, do các đồng chí Cao Văn Chuông và Dương Thanh Cao làm Trung đội trưởng và Chính trị viên. Sau một tháng tập trung xây dựng, Ban Chỉ huy Huyện đội đã lựa chọn, điều động, kiện toàn Trung đội du kích tập trung của huyện đủ 35 cán bộ, chiến sĩ đúng theo biên chế của Ban Chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên. Cùng với việc chỉ đạo xây dựng, củng cố và huấn luyện lực lượng dân quân, du kích và tự vệ, Ban Chỉ huy Huyện đội Đại Từ tích cực tuyên truyền, vận động và tổ chức các lực lượng dân quân, du kích và tự vệ phối hợp với nhân dân trên địa bàn đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ *"tiêu thổ kháng chiến"*. Các lực lượng dân quân, du kích, tự vệ và nhân dân huyện Đại Từ đã phá đình, chùa, nhà cửa kiên cố không cho địch lợi dụng và phá đường xá, cầu, cống, đắp các ụ đất trên mặt đường để cản xe cơ giới của địch. Tại xã Văn Yên, các lực lượng dân quân, du kích đã cùng với nhân dân trong xã phá 8 ngôi đình, chùa ⁽¹⁾. Toàn xã chỉ còn lại 2 ngôi đình, chùa; trong đó, 1 ngôi làm kho dự trữ muối của Chính phủ và 1 ngôi dùng làm kho chứa hàng của Cục Quân nhu.

⁽¹⁾. Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Văn Yên của UBND xã Văn Yên, trang 3.

Sau ngày địch mở cuộc tấn công lên Việt Bắc Thu - Đông 1947, lực lượng dân quân, du kích huyện Đại Từ đã nhanh chóng ra phá sập cầu Huy Ngạc. Cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích và nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện đã đóng góp tre, nứa và vót hàng vạn chiếc chông nhọn, dài từ một mét rưỡi đến hai mét, cắm khắp các bãi trống, đồi trọc để chống quân địch nhảy dù. Đóng góp của cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích huyện Đại Từ vào công tác "phá hoại", "tiêu thổ kháng chiến" đã góp phần quan trọng làm cho các phương tiện cơ giới của quân Pháp khi tấn công vào địa bàn huyện bị vô hiệu hóa và đi đến đâu chúng cũng gặp cảnh "vườn không, nhà trống", cũng lâm vào cảnh "đói, khát, mù, què, câm, điếc" đúng như Lời kêu gọi "Tiêu thổ kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau hơn một tháng đưa quân tấn công lên Việt Bắc không đạt được các mục tiêu đề ra, quân Pháp chuyển sang thực hiện cuộc hành quân Xanh tuya (Xiết chặt) bao vây, càn quét khu tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Việt Trì - Phú Lạng Thương rộng hơn 8.000 cây số vuông, nhằm tiếp tục "lùng bắt bằng được cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bằng được chủ lực Việt Minh, phá nát căn cứ địa". Trong cuộc hành quân Xanh tuya này của địch, Đại Từ là huyện nằm trên hướng tấn công, càn quét chính của chúng. Cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và nhân

dân huyện Đại Từ đứng trước những thử thách to lớn và ác liệt.

Đêm ngày 24, rạng ngày 25/11/1947, từ Chợ Mới, quân Pháp theo Quốc lộ số 3, xuống cây số 31, rẽ sang chiếm đóng, càn quét các vùng Quán Vuông, Chợ Chu (huyện Định Hóa), mở đầu cuộc hành quân Xanhtuya của chúng vào địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Ngay sau khi nhận được tin địch tấn công, càn quét vào vùng Định Hóa, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các cấp bộ Đảng và chính quyền trong huyện, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và cùng với nhân dân các xã dọc Đường 13 A cất giấu thóc, gạo, tài sản và vận chuyển các kho tàng của Nhà nước và quân đội đến nơi an toàn. Tại xã Cù Vân, cán bộ, chiến sĩ dân quân phá nôt một số nhà gạch ở xóm Đình; vận động và tổ chức nhân dân ở phố Trên và phố Dưới triệt để sơ tán; đưa người già và trẻ em tới những nơi sơ tán ở sâu trong rừng và vận chuyển gấp một số hòm đạn của bộ đội vừa gửi xã đến nơi cất giấu an toàn.

15 giờ chiều ngày 26/11/1947, giặc Pháp huy động 9 máy bay đến ném bom và bắn phá ác liệt gần 1 giờ đồng hồ xuống Làng Ngò (xã An Khánh), khu Ba Gò (xã Cù Vân) và các khu rừng xung quanh. Tiếp theo, chúng cho 10 máy bay vận tải đến thả khoảng 400 quân dù xuống đánh chiếm

Làng Ngò (xã An Khánh) và khu Ba Gò (xã Cù Vân). Từ Làng Ngò (xã An Khánh) và khu Ba Gò (xã Cù Vân), quân Pháp tập trung một số tiểu đội càn quét các vùng xung quanh. Chúng dựng trại, đóng quân ở khắp các cánh đồng Làng Ngò, cánh đồng Cù Vân; đặt các trạm gác ở nghề Cù Vân và trường bắn Quan Triều. Ngày 27/ 11/1947, từ Phúc Yên, một cánh quân Pháp men theo sườn núi Tam Đảo lên đánh chiếm các xã Tây Nam Đại Từ.

Do cán bộ, chiến sĩ các lực lượng dân quân, du kích cùng với các tầng lớp nhân dân trong huyện Đại Từ nói chung, các xã Cù Vân, An Khánh nói riêng làm tốt việc vận chuyển, cất giấu của cải và sơ tán vào rừng sâu từ trước ngày địch nhảy dù, nên tổn thất về người và của đã được hạn chế xuống mức thấp nhất. Tại xã An Khánh, cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân du kích xã đã tổ chức phục kích, chặn đánh địch càn vào các khu vực Xưởng Quân giới (sản xuất vũ khí) của Tỉnh đội Thái Nguyên, Trại Thương binh của Bộ Thương binh và khu vực nhân dân xã An Khánh sơ tán, gây cho chúng một số tổn thất. Trong chiến đấu, một chiến sĩ Trung đội du kích xã An Khánh đã anh dũng hi sinh. Tại xã Cù Vân, đồng chí Nguyễn Văn Thận, Trung đội trưởng du kích xã Cù Vân chỉ huy một số chiến sĩ du kích nhanh chóng cơ động, chặn đường tấn

công, càn quét của địch vào xóm Bắc Máng và Làng Muộn.

Sáng ngày 27/11/1947, từ Làng Ngò (xã An Khánh), địch tấn công, càn quét qua các xã Cù Vân, Phục Linh lên Hùng Sơn. Ngày 28/11/1947, tại đoạn đường từ Khe Chảy về Gốc Dẻ, 8 cán bộ, chiến sĩ thuộc Trung đội du kích xã Cù Vân do đồng chí Dương Văn Vòng, Trung đội phó chỉ huy đã phục kích một toán quân địch từ Phục Linh về Cù Vân. Do mìn quá cũ, chỉ có 1 quả nổ, nên chỉ có 2 tên địch bị thương. Ngày 29/11/1947, tại khu vực Quán Ông Già, Trung đội du kích tập trung huyện Đại Từ phối hợp với bộ đội chủ lực phục kích quân Pháp từ Quảng Nạp (Bình Thành - Định Hóa) càn quét xuống Phú Minh (Đại Từ), diệt 15 tên, buộc chúng phải rút về Tảo Dương. Đêm 29/11/1947, tại Làng Ngò, du kích xã An Khánh phối hợp với bộ đội chủ lực tập kích, quấy rối vị trí trú quân của địch. Ngày 30/11/1947, tại thôn Đông Lược (xã Cảnh Thịnh), Trung đội du kích tập trung huyện Đại Từ liên tiếp tấn công, phục kích bằng lựu đạn và mìn một toán quân địch từ Tảo Dương xuống Phú Minh, diệt 7 tên. Tại Cầu Hến, du kích xã An Khánh phục kích bằng mìn vào một toán quân địch từ Làng Ngò lên Cù Vân, diệt 2 tên. Đêm 30/11/1947, du kích xã An Khánh phối hợp với bộ đội chủ lực từ xã Phúc Xuân (Đồng Hỷ) sang tiếp tục phục kích địch ở Làng Ngò. Vì trời tối, nên bộ đội bị lạc, phải rút. Du

kích xã An Khánh tiếp tục nổ súng vào vị trí trú quân của địch, làm cho chúng luôn ở trạng thái lo sợ, đối phó, căng thẳng.

Ngày 2/12/1947, tại Đèo Khế (xã Yên Lãng), du kích Đại Từ phối hợp với bộ đội chủ lực phục kích, giật nổ 3 quả mìn vào giữa đội hình hành quân của địch từ Sơn Dương (Tuyên Quang) sang Đại Từ (Thái Nguyên), diệt 30 tên và làm bị thương nhiều tên khác. Ngày 6/12/1947, du kích Đại Từ phối hợp với bộ đội chủ lực chặn đánh quân địch từ thị trấn Hùng Sơn tấn công, càn quét xuống các xã Lục Ba, Văn Yên, An Mỹ, tiêu diệt và làm bị thương 9 tên. Tại Làng Ngò, du kích xã An Khánh ném lựu đạn vào một toán quân Pháp đang tuần tiễu trong khu vực đóng quân, diệt 2 tên. Trong các ngày 7, 8, 9, 10 và 12, từ các vị trí đóng quân ở Làng Ngò và Hùng Sơn, quân Pháp tiếp tục tấn công, càn quét ra các vùng xung quanh. Đi đến đâu, chúng cũng bị các lực lượng dân quân, du kích Đại Từ và bộ đội chủ lực đứng chân trên địa bàn huyện chặn đánh quyết liệt, làm nhiều tên chết và bị thương.

Sau hơn nửa tháng thực hiện cuộc hành quân Xanh-tuya, không lòng bắt được cơ quan đầu não kháng chiến, không tiêu diệt được bộ đội chủ lực của Việt Minh, lại bị quân và dân ta chặn đánh mạnh ở khắp nơi, bị tổn thất nặng nề, quân Pháp quyết định bỏ dở cuộc hành quân Xanh-tuya. Từ các vị trí đóng quân ở Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương, địch

tập trung về xã An Khánh và thị trấn Hùng Sơn (huyện Đại Từ) để chuẩn bị vừa càn quét, vừa rút quân về xuôi. Ngày 13/12/1947, từ thị trấn Hùng Sơn, khoảng 600 tên địch vừa càn quét, vừa rút theo đường Ký Phú, Cát Nê xuống Phúc Thuận (Phổ Yên). Tại Lục Ba, chúng bị du kích Lục Ba chặn đánh, phải bỏ lại 2 xe mô tô để chạy thoát thân. Du kích xã Lục Ba thu được 2 xe mô tô, nhưng do không biết lái, nên phải phá hủy. Rút xuống Ký Phú, quân Pháp lại bị Đại đội 10 (Trung đoàn 147) bộ đội chủ lực chặn đánh quyết liệt, buộc chúng phải huy động gấp 2 máy bay lên yểm trợ. Có máy bay yểm trợ, quân địch tổ chức lực lượng phản công. Bộ đội ta vừa đánh địch phản công địch, vừa rút vào chân núi Tam Đảo. Trong trận này, bộ đội ta đã tiêu diệt và bắt bị thương một số tên địch, về phía ta, 3 chiến sĩ hi sinh và 1 chiến sĩ bị thương. Ngày 14/12/1947, từ Ký Phú, địch cho 1 trung đội càn xuống Cát Nê và 1 tiểu đội càn sang Trảng Lang. Cả hai mũi càn quét này của địch đều bị du kích Đại Từ chặn đánh quyết liệt, phải quay lại Ký Phú. Ngày 15/12/1947, toàn bộ quân địch ở Ký Phú rút xuống Cát Nê, đến Ba Gò bị bộ đội ta phục kích bằng mìn, tiêu diệt 1 tên. Từ Ba Gò, quân địch rút thẳng xuống Thượng Kết (xã Phúc thuận, huyện Phổ Yên).

Ngày 17/12/1947, từ Làng Ngò (xã An Khánh), 50 tên địch càn vào Làng Hà, bị du kích chặn đánh, phải rút lui.

Ngày 18/12/1947, toàn bộ quân Pháp ở Làng Ngò (xã An Khánh) rút về thị xã Thái Nguyên. Trên đường rút, chúng bị du kích và bộ đội ta liên tiếp chặn đánh ở Mỏ Bạch, đồi Yên Ngựa và đồi Đội Cấn. Từ thị xã Thái Nguyên, quân Pháp chia làm 2 mũi vừa càn, vừa rút về xuôi. (Một mũi càn qua Thịnh Đán, Đức Thịnh xuống Phi Đơn, về Phở Yên; một mũi rút theo Quốc lộ 3 về Phở Yên). Ngày 21/12/1947, toàn bộ quân Pháp ở Phở Yên rút qua cầu Đa Phúc, theo Quốc lộ 3 về Hà Nội.

Trải qua gần một tháng trực tiếp đương đầu với cuộc hành quân Xanh tuya của địch, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng dân quân, du kích, tự vệ chiến đấu huyện Đại Từ đã vừa độc lập tác chiến, vừa phối hợp với bộ đội chủ lực đánh 41 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt 252 tên địch và làm bị thương nhiều tên khác. Cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang huyện Đại Từ còn cùng với cán bộ, hội viên các đoàn thể Thanh niên, Nông dân, Phụ nữ cứu quốc và nhân dân các dân tộc trong huyện làm tốt công tác phòng gian, giữ bí mật, góp phần bao vệ an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ và Quân đội ở và làm việc trên địa bàn. Qua trực tiếp chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng dân quân, du kích và tự vệ huyện Đại Từ không ngừng trưởng thành, đúc rút được nhiều kinh nghiệm trong tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện

chiến đấu và trinh sát năm địch cũng như trong công tác hiệp đồng tác chiến với các đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ và Liên khu đóng quân trên địa bàn.

Trong chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947 của quân và dân Việt Bắc nói chung, đặc biệt là trong chiến công trực tiếp đánh bại cuộc hành quân Xanhtuya của địch vào địa bàn huyện Đại Từ, đã có sự đóng góp xứng đáng của cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ.

Bên cạnh những thắng lợi to lớn đã giành được, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ cũng không tránh khỏi tổn thất, mất mát do cuộc tấn công, càn quét của địch trong Chiến dịch tấn công lên Việt Bắc Thu Đông năm 1947 gây ra. Tại xã An Khánh, địch đã bắn chết 70 con trâu, bò, đốt 800 nôi thóc. Trừ 15 ngôi nhà do các lực lượng dân quân, du kích và nhân dân An Khánh tự đốt, phá để *"tiêu thổ kháng chiến"*, còn lại toàn bộ nhà, cửa của khoảng 200 hộ dân trong xã đều bị địch đốt, phá. Tại xã Cù Vân, địch cũng bắn chết 8 người, giết hại 60 con trâu, bò và đốt phá nhiều nhà cửa của nhân dân. Tại xã Lục Ba, địch cũng đốt 200 nôi thóc và phá huỷ một số nhà, cửa. Những tổn thất đó đã gây cho nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ rất nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống, đòi hỏi cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện phải tập trung tuyên truyền, vận động nhân

dân và đi đầu trong việc khắc phục khó khăn để phát triển sản xuất, ổn định đời sống.

Sau khi dịch rút khỏi Đại Từ, thực hiện Quyết định ngày 15/1/1948 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đã tích cực tham gia công tác cứu tế, giúp cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong huyện điều tra, nắm tình hình thiệt hại của nhân dân trong thời kì giặc Pháp tấn công, càn quét; cấp phát tiền trợ cấp cho nạn nhân và các gia đình nạn nhân chiến tranh gặp khó khăn. Nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện⁽¹⁾, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trong huyện đã nhanh chóng khắc phục được

⁽¹⁾ Thực hiện Sắc lệnh tháng 10/1947 của Chính phủ, cuối tháng 1, đầu tháng 2/1948, Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban Hành chính các cấp trong huyện được sáp nhập thành Ủy ban Kháng chiến Hành chính các cấp. Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện có 7 Ủy viên (gồm 3 Ủy viên Hành chính, 3 Ủy viên Nhân dân và 1 Ủy viên Quân sự) do đồng chí Nguyễn Trung Thành làm Chủ tịch. Đồng chí Huyện đội trưởng Triệu Minh Trường được cử làm Ủy viên Quân sự trong Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện. Các Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện đều đang ở độ tuổi thanh niên, đều chịu khó làm việc, tận tâm với nhiệm vụ. Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ được Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên đánh giá là một trong những đơn vị khá của tỉnh.

khó khăn, ổn định tư tưởng và đời sống, tích cực tham gia vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục chọn một số xã của huyện Đại Từ làm An toàn khu kháng chiến. Nhiều cơ quan đầu não của Trung ương, Liên khu Việt Bắc và tỉnh Thái Nguyên tiếp tục đến ở và làm việc trên địa bàn huyện Đại Từ. Trung ương, Liên khu Việt Bắc và tỉnh Thái Nguyên tiếp tục tổ chức nhiều hội nghị quan trọng trên địa bàn huyện. Từ ngày 15 đến ngày 22/6/1948, tại xã Yên Mỹ, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ II, với sự tham gia của 147 đại biểu chính thức, 26 đại biểu dự thỉnh, đại diện cho 2.849 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh. Đại hội đã phân tích, chỉ rõ "tình trạng mất đoàn kết nội bộ" của cán bộ các Huyện uỷ Đại Từ, Đồng Hỷ, Định Hoá, Phổ Yên, đặc biệt là ở Huyện uỷ Đại Từ và Huyện uỷ Đồng Hỷ, làm cho tổ chức Đảng bị tê liệt, mất tác dụng, ảnh hưởng xấu tới phong trào. Đại hội đã đề ra phương hướng sửa chữa, khắc phục các khuyết điểm của các Huyện uỷ trong đó có Huyện uỷ Đại Từ. Tại Đại hội này, đồng chí Nguyễn Văn Mô (tức Cương), Bí thư Huyện uỷ Đại Từ đã được bầu làm Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

Đối với Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã, tuy không có ngân sách, không được trợ cấp, lại thiếu người có năng lực, nhưng đội ngũ Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã trong huyện vẫn có tinh thần hi sinh, tận tụy thi hành những mệnh lệnh của Chính phủ và của cấp trên. Tuy nhiên, vì ít được huấn luyện, nên nhiều Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã vẫn còn bỡ ngỡ. Do trình độ văn hoá thấp, nên các Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã thường triển khai chậm và làm sai các công việc hành chính. Trong huyện vẫn còn có những Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã hoạt động kém hiệu quả; cá biệt, Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Cù Vân hoạt động kém hiệu quả kéo dài, Phái đoàn kiểm tra của Chính phủ ở Thái Nguyên đã phải ra lệnh giải tán để thành lập lại.

Thực hiện "*Cuộc vận động chấn chỉnh cấp xã*" do Liên khu 1 phát động, Huyện uỷ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ điều động một số cán bộ xuống trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn các xã hoạt động. Với khẩu hiệu "*Chuyển trọng tâm công tác xuống xã*", một số cán bộ Huyện uỷ Đại Từ đã trực tiếp xuống làm Bí thư Chi bộ các xã. Nhờ đó, "*Cuộc vận động chấn chỉnh cấp xã*" ở Đại Từ đã đạt kết quả tốt, chất lượng các tổ chức chính quyền và đoàn thể quần chúng ở xã được nâng cao. Bộ máy chính quyền xã được củng cố, các đối tượng địa chủ, cường hào,

cán bộ, đảng viên kém ý chí phấn đấu trong Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã từng bước được thay thế kịp thời.

Sau hội nghị rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu trong Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947 do Ban Chỉ huy Tỉnh đội Dân quân tổ chức (từ ngày 3 đến ngày 7/1/1948), Ban Chỉ huy Huyện đội Dân quân huyện Đại Từ tổ chức Hội nghị nghe Ban Chỉ huy Xã đội các xã trong huyện báo cáo kết quả chiến đấu của lực lượng dân quân, du kích. Hội nghị thảo luận, thống nhất các vấn đề về tập trung du kích; tổ chức, chỉ huy du kích tuần tra, canh gác và làm nhiệm vụ tiêu thổ kháng chiến; củng cố và phát triển du kích khi có chiến sự; sự phối hợp giữa dân quân, du kích với bộ đội chủ lực; phương pháp làm việc của Ban Chỉ huy Dân quân các cấp khi xảy ra tác chiến và việc tổ chức các đội du kích thoát li. Tiếp theo, Ban Chỉ huy Huyện đội Dân quân mở lớp huấn luyện được 75 cán bộ tiểu đội, 12 cán bộ trung đội và 18 cán bộ đại đội dân quân, du kích và tự vệ. Đến tháng 6/1948, huyện Đại Từ được Ban Chỉ huy Tỉnh đội Dân quân đánh giá huyện có phong trào dân quân, du kích khá nhất tỉnh.

Để đối phó với hoạt động của địch trong Thu Đông 1948, hưởng ứng đợt thi đua *tiêu thổ kháng chiến* do Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh phát động, từ ngày 20/8

đến ngày 1/9/1948, hầu hết cán bộ, chiến sĩ các lực lượng dân quân, du kích huyện Đại Từ đã hăng hái tham đợt triệt để phá hoại giao thông trên các đoạn Đường 13A từ Đèo Khế đến Cù Vân, đường từ thị trấn Đại Từ đi Quân Chu và đường từ Phú Minh đi Minh Tiến.

Ngày 7/7/1949, Bộ Quốc phòng ra Nghị định số 103 về việc thành lập bộ đội địa phương, quy định: Lực lượng dân quân tự vệ nay được gọi là dân quân (bỏ danh từ tự vệ); những đội gương mẫu được gọi là đội du kích (du kích nằm trong dân quân và sinh hoạt trong tổ chức dân quân); những đội du kích thoát ly tập trung thành những đơn vị du kích tập trung tại huyện hoặc tỉnh, hoạt động chiến đấu trong phạm vi địa phương, nay gọi là bộ đội địa phương. Trang bị và cấp dưỡng của bộ đội địa phương do Ủy ban Kháng chiến Hành chính các cấp tỉnh và huyện đảm nhiệm theo nguyên tắc địa phương tự túc, Chính phủ tạm thời trợ cấp một phần. Về cơ quan chỉ đạo, Nghị định 103 của Bộ Quốc phòng cũng chỉ rõ: ở thôn có Thôn đội trưởng chỉ huy dân quân thôn. Ở xã có Ban Chỉ huy Xã đội, gồm 1 Xã đội trưởng, 1 Chính trị viên, 1 Xã đội phó phụ trách dân quân và 1 Xã đội phó kiêm Trung đội trưởng du kích tập trung; Ban Chỉ huy Xã đội do nhân dân bầu (Xã đội trưởng hoặc Chính trị viên Xã đội là Ủy viên Quân sự trong Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã). Ở huyện có cơ quan

Huyện đội thuộc Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện. Ban Chỉ huy Huyện đội có 1 Huyện đội trưởng, 1 Huyện đội phó, 1 Chính trị viên làm nhiệm vụ chỉ huy bộ đội địa phương và lãnh đạo dân quân trong huyện. Huyện đội bộ gồm Ban Chỉ huy Huyện đội và các ban Văn thư, Quân sự, Chính trị và Kiểm tra.

Thực hiện Nghị định số 103 của Bộ Quốc phòng, trên cơ sở Trung đội du kích tập trung của huyện (quân số 35 cán bộ, chiến sĩ, trang bị 17 súng trường, 38 lựu đạn và 3 quả mìn), tháng 11/1949, Ban Chỉ huy Huyện đội Đại Từ tổ chức thành lập Đại đội 226 bộ đội địa phương huyện, gồm 135 cán bộ, chiến sĩ⁽¹⁾, biên chế thành 3 trung đội, do đồng chí Triệu Minh Tân, Huyện đội trưởng trực tiếp làm Đại đội trưởng; đồng chí Nguyễn Tam Sơn, Chính trị viên Huyện đội, làm Chính trị viên. Các đồng chí Cao Văn Chuông, Mạc Trung Bình, Hứa Viết Lăng, Nguyễn Huy Oánh,... là các cán bộ Trung đội trưởng và Trung đội phó.

Lúc mới thành lập, do huyện phải cấp dưỡng và trang bị vũ khí, lại đứng vào dịp giáp hạt, nên đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 226 gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Với mức sinh hoạt phí mỗi người, mỗi tháng chỉ có 180 đồng, không đủ để mua gạo ăn, nên có lúc

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo tình hình tỉnh Thái Nguyên tại Hội nghị Kháng chiến Hành chính toàn quốc 1949, trang 7

đơn vị phải phân tán vào nhân dân, nhờ nhân dân nuôi dưỡng; hoặc có lúc đơn vị phải ăn rau, ăn cháo hàng tuần lễ. Để đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ Đại đội 226, thực hiện chủ trương của Huyện ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện, các tầng lớp nhân dân trong huyện đóng góp, ủng hộ, giúp đỡ bộ đội địa phương; vận động chị em phụ nữ quyền góp, may, vá quần, áo, chăn, màn ủng hộ bộ đội và giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ.

Kết quả, đến tháng 5/1950, các tầng lớp nhân dân trong huyện đã đóng góp và ủng hộ bộ đội địa phương được 43.003 kg thóc, 1.103.700 đồng. Nhờ đó, mức sinh hoạt phí của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 226 mỗi người, mỗi tháng được nâng từ 180 đồng lên 240 đồng. Những khó khăn thiếu thốn ban đầu của Đại đội 226 từng bước được giải quyết, sức khỏe của cán bộ, chiến sĩ được ổn định. Cán bộ, chiến sĩ Đại đội 226 tập trung huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và xây dựng đơn vị ngày một trưởng thành.

Tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới. Quán triệt Chỉ thị ngày 21/7/1950, của Tỉnh ủy Thái Nguyên: Trước sự chuẩn bị ráo riết của ta để chuẩn bị chuyển mạnh sang Tổng phản công, địch có thể đánh mạnh vào hậu phương của ta mà trung tâm là Thái Nguyên, nhằm phá và cản trở công cuộc

chuẩn bị chuyển mạnh sang Tổng phản công của ta. Bởi vậy công cuộc chuẩn bị của ta lúc này cũng phải tích cực, ráo riết hơn lúc nào hết, ngày 23/7/1950, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ ra Chỉ thị (số 2053/QS), chỉ rõ: Có thể địch sẽ mở một cuộc tấn công, càn quét Đại Từ. Nếu địch tấn công, càn quét, Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã phải sơ tán dân ở các xóm gần đường hoặc ở các khu vực địch tấn công đến các vùng lân cận. Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã có dân đến sơ tán phải tổ chức và vận động nhân dân bán lương thực, thực phẩm, tạo công ăn, việc làm thích hợp cho người đến sơ tán; phải huy động dân quân tuần tra, canh gác, bảo vệ tài sản cho nhân dân; thẳng tay trừng trị bọn lưu manh, lợi dụng dân đi sơ tán để ăn cắp; quản lý chặt chẽ những đối tượng lũng chừng, phản động, khi chiến sự lan tới các xã thì bắt những đối tượng quan trọng, đầu sỏ giải lên huyện, những đối tượng bình thường gọi lên Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã cảnh cáo, các xã phải làm tốt công tác tư tưởng.

Tiếp đó, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện quyết định thành lập Ban Chỉ huy tác chiến huyện và tổ chức xây dựng kế hoạch đối phó với địch khi có chiến sự xảy ra. Theo kế hoạch này, khi có chiến sự xảy ra, địa bàn huyện sẽ được chia làm 4 miền: Miền I: gồm các xã Văn Cao, Phú Cường, Đức Lương, Vinh Quang do đồng chí Hoàng Gia

Dũng phụ trách. Miền 2: gồm các xã Hiệp Hoà, Hoà Sơn, An Mỹ, Trần Phú, Toàn Thắng do đồng chí Dương Đức Thanh phụ trách. Miền 3: gồm các xã Phù Cát, Tân Thành, Trảng An, Văn Thắng do đồng chí Bùi Văn Tình phụ trách.

Miền 4: gồm các xã Phù Linh, An Khánh Cù Vân do đồng chí Nguyễn Văn Dân phụ trách.

Sau khi xây dựng xong kế hoạch, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện hợp với lãnh đạo các ban, ngành chuyên môn, các đoàn thể và lãnh đạo các xã để quán triệt và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ sở. Nhờ đó, hoạt động của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính và các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của huyện nhịp nhàng, tiến bộ. Các ngành của huyện hoạt động đều, trong đó Ngành Bưu điện đã được chấn chỉnh lại, quản lý chặt chẽ đội ngũ giao thông viên, làm cho việc giao thông, liên lạc được kịp thời, thông suốt và nhanh gọn. Để đảm bảo giao thông, vận tải phục vụ Chiến dịch Biên giới, thực hiện Nghị quyết mở "Chiến dịch sửa chữa cầu đường" của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Huyện uỷ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ quyết định thành lập Ban Huy động dân công huyện do một đồng chí Thường vụ Huyện uỷ phụ trách. Trong đợt huy động dân công đầu tiên đi làm nhiệm vụ vận tải lương thực, thực phẩm, vũ khí phục vụ Chiến dịch Biên giới,

trong 3 tháng, Đại Từ huy động được 64 dân công (có 20 đảng viên), hoàn thành 100% chỉ tiêu tỉnh giao. Để hoàn thành việc khôi phục Đường 13A, đoạn từ Bờ Đậu đến Đèo Khế, Đại Từ đã huy động hàng ngàn lượt người từ 16 tuổi đến 55 tuổi đi dân công, làm nhiệm vụ san, lấp các hố phá hoại, sửa chữa mặt đường, đảm bảo xe cơ giới nhỏ và các loại xe thô sơ đi lại, vận chuyển dễ dàng thuận tiện. Đường 13A được hồi sinh, ngày đêm rộn rã từng chân người, tiếng xe cơ giới nhỏ và tiếng xe thô sơ.... vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí lên Biên giới Việt - Trung nơi mặt trận lớn sắp mở màn.

Hưởng ứng Chiến dịch Biên giới và thực hiện phong trào thi đua “Tuần lễ giết giặc lập công” do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động. Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang địa phương. Đồng chí Nguyễn Bảo Thỉnh (Huyện đội phó) được Huyện uỷ quyết định bổ sung vào Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện làm Uỷ viên Quân sự. Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện cử cán bộ xuống trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo các xã Cù Vân, An Khánh, Phục Linh, Tân Thành, Phù Cát, Văn Yên, Văn Thắng, Hoàn Sơn, Trần Phú, Văn Cao, Trảng An phát triển lực lượng dân quân, du kích và xây dựng kế hoạch chiến đấu bảo vệ mùa màng; chỉ đạo xã An

Mỹ xây dựng điển hình tiên tiến về mọi mặt. Số lượng dân quân, du kích toàn huyện tăng gần 60% so với năm trước, lực lượng dân quân tham gia tiếp tế, vận tải, sửa đường, làm nhà cơ quan đạt nhiều kết quả, được Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh đánh giá là một trong hai huyện khá nhất tỉnh. Đặc biệt, lực lượng dân quân, du kích và Đại đội 226 bộ đội địa phương của huyện đã tham gia cuộc diễn tập đánh địch tấn công vào địa bàn tỉnh, đạt kết quả tốt. Ban Chỉ huy Huyện đội Đại Từ tổ chức thành lập 37 trạm gác của dân quân, du kích trên các tuyến đường vào An toàn khu, làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát người lạ mặt, bảo vệ Căn cứ địa Kháng chiến Việt Bắc.

Để đảm bảo sẵn sàng chiến đấu, trong “Tuần lễ thi đua giết giặc lập công” nhân dân và các lực lượng dân quân, du kích, bộ đội địa phương Đại Từ đã đào hàng trăm hố tác chiến, hàng trăm mét giao thông hào và tham gia hàng trăm ngày công rào làng chiến đấu. Dân quân, du kích các xã Toàn Thắng, Cù Vân, An Khánh, Phục Linh, Phù Cát, Tân Thành, Trần Phú đã sửa lại toàn bộ hầm hố, giao thông hào. Các xã trong huyện tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban phá hoại, sẵn sàng huy động lực lượng đi tiêu thổ kháng chiến.

Về phía địch, sau khi quân Pháp ở Đông Khê bị tiêu diệt Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cắt đường ứng cứu, lâm

vào tình trạng bị cô lập, có nguy cơ bị tiêu diệt, Bộ Chỉ huy Pháp quyết định đồng thời với việc rút quân khỏi Cao Bằng về tăng cường phòng thủ khu vực phía bắc Hà Nội, sẽ cho quân đánh chiếm thị xã Thái Nguyên .

Huy động các tiểu đoàn dự bị chiến lược ở đồng bằng Bắc Bộ, mở cuộc hành quân "Phoque" (Chó biển) tấn công lên thị xã Thái Nguyên uy hiếp Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, Bộ Chỉ huy Pháp ở Đông Dương hi vọng sẽ kéo được chủ lực của ta từ biên giới Việt Trung về Thái Nguyên, cứu nguy cho các binh đoàn của chúng đang bị đe dọa tiêu diệt ở Biên giới. Bằng cách đó, chúng còn hi vọng có thể che giấu được thất bại ở mặt trận Biên giới, trấn an được dư luận ở Pháp, phá được kinh tế của ta.

Ngày 29/9/1950, địch huy động 4 tiểu đoàn bộ binh, 1 đại đội pháo binh, 1 đại đội dù, với khoảng 3.000 quân, có máy bay và tàu chiến yểm trợ, chia làm 3 mũi tấn công lên thị xã Thái Nguyên. Mũi thứ nhất từ Đa Phúc (Vĩnh Phúc), theo Quốc lộ 3 qua Phở Yên lên đánh chiếm thị xã Thái Nguyên. Mũi thứ hai (có 3 ca nô và 10 tàu chiến) theo sông Cầu lên Hà Châu (Phú Bình), theo Đường 19 lên thị xã Thái Nguyên. Mũi thứ ba từ Phúc Yên theo sườn Tam Đảo, vượt đèo Nhe qua các xã Phúc Thuận (huyện Phở Yên), Thịnh Đức, Thịnh Đán (huyện Đồng Hỷ) lên đánh chiếm thị xã Thái Nguyên.

Tiếp đó, chiều ngày 1/10/1950, địch huy động 27 máy bay lên bắn phá và thả 200 quân dù xuống đánh chiếm sân bay Đồng Bẩm (Đồng Hỷ). Ngày 2/10/1950, từ sân bay Đồng Bẩm, quân Pháp tràn qua cầu Gia Bẩy và ngầm Bến Tượng, phối hợp với 3 cánh quân từ các hướng Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ lên cùng đánh chiếm thị xã Thái Nguyên. Chiếm được thị xã Thái Nguyên quân Pháp huyênh hoang tuyên bố đã chiếm được Thủ đô quân sự và Chính trị của Việt Minh. Từ thị xã Thái Nguyên quân Pháp tỏa ra càn quét các vùng xung quanh.

8 giờ sáng ngày 3/10/1950, từ thị xã Thái Nguyên quân Pháp mở cuộc tiến công lên chiếm đóng Quan Triều. 11 giờ trưa, từ Quan Triều, quân Pháp chia làm ba mũi: Một mũi càn lên Bá Sơn, Bờ Đậu (Phú Lương), một mũi càn vào Làng Um, Làng Ngò (xã An Khánh), một mũi càn lên Cù Vân. Tại Cù Vân, quân Pháp đã bắt người và cướp một số gà, vịt quân áo của nhân dân. Mũi quân Pháp càn vào Làng Um, Làng Ngõ vấp phải mìn của ta. hàng chục tên bị tiêu diệt.

Ngay sau khi quân Pháp mở cuộc hành quân “Pho que” (Chó biển) tấn công lên đánh chiếm thị xã Thái Nguyên, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ đã họp với các ngành quân, dân, chính, Đảng trong huyện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, đề ta chủ

trương đối phó với địch. Lực lượng dân quân, du kích các xã vùng Nam Đại Từ tổ chức tuần tra, canh gác suốt ngày đêm, các xã còn lại đều tổ chức mỗi xã 1 tiểu đội du kích, thường xuyên tuần tra, canh gác bảo vệ các làng, bản. Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện "mời" Linh mục nhà Thờ xứ An Huy sơ tán đến xã Văn Cao; "điều" Chánh Đô (Nguyễn Văn Đô) ở xã Cù Vân đến công tác ở xã Vân Yên, ... Nhờ đó, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện trong thời gian địch chiếm đóng thị xã Thái Nguyên và càn quét lên các xã An Khánh, Cù Vân được giữ vững.

Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã Cù Vân, An Khánh, Phục Linh nhanh chóng chuyển sang chế độ làm việc thời chiến, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng dân quân, du kích đánh địch, bảo vệ tài sản và tính mạng của nhân dân. Chỉ trong 3 ngày, kể từ khi địch mở cuộc tấn công, càn quét lên thị xã Thái Nguyên, Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Phục Linh đã huy động nhân dân vận chuyển được hơn 100 tấn thóc đưa đi cất giấu ở nơi an toàn.

Từ ngày 3/10/1950, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ chuyển đến nơi sơ tán và làm việc theo chế độ thời chiến. Ban Chỉ huy Huyện đội Đại Từ điều Đại đội 226, gồm 134 cán bộ chiến sĩ, trang bị 1 đại liên, 1 trung

liên, 1 moócchiê, 105 súng trường và 1.719 viên đạn) xuống phối hợp với dân quân du kích các xã Cù Vân, An Khánh đánh địch. Khi địch tấn công, cần quét vào địa bàn Du kích Cù Vân phối hợp với bộ đội địa phương tiêu diệt 6 tên địch, bắn bị thương nặng 1 tên quan một; du kích An Khánh tiêu diệt 4 tên, bắn bị thương 2 tên⁽¹⁾. Hàng ngày, du kích hai xã Cù Vân, An Khánh thay phiên nhau canh gác bảo vệ nhân dân và dân quân gặt được 70% diện tích lúa, đồng thời tổ chức lực lượng gặt đêm ở những cánh đồng gần nơi địch chiếm đóng.

Cán bộ, chiến sĩ Đại đội 226 bộ đội địa phương huyện “đều có tinh thần chiến đấu, tỏ ra gan dạ trong giao chiến với giặc anh em đã dự những trận đánh tại Cù Vân An Khánh, Mỏ Bạch, phối hợp với các đơn vị khác đuổi giặc ra khỏi thị xã Thái Nguyên”⁽¹⁾. Trong thời gian trực tiếp chiến đấu chống lại cuộc hành quân “Chó biển” của địch, nhân dân Đại Từ đã ủng hộ dân quân, du kích và bộ đội địa phương nhiều thóc gạo và tiền (trong đó nhân dân xã Văn Thắng ủng hộ 2 nôi gạo và 23.900 đồng, nhân dân xã Trần

⁽¹⁾ Báo cáo tháng 10/1950 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ - Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

⁽¹⁾ Báo cáo tháng 10/1950 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ - Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Phú ủng hộ 1 nôi gạo và nhân dân xã Toàn Thắng ủng hộ 56.000 đồng).

Về phía địch, sau khi toàn bộ Ban Tham mưu của 2 binh đoàn Sác tông và Lopagior bị ta bắt sống (ngày 7 và 8/10/1950), cánh quân của Đolabôm lên ứng cứu thất bại phải tháo chạy, quân Pháp lần lượt rút hết khỏi các khu vực Thất Khê, Đồng Đăng, Na Sầm, thị xã Lạng Sơn, Đình Lập, Lộc Bình, An Châu. Toàn bộ hệ thống phòng thu của địch trên Đường số 4 bị đập tan.

Tại Thái Nguyên, quân Pháp bị quân và dân Thái Nguyên phối hợp với bộ đội chủ lực đánh trên 60 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 872 tên, bắn rơi 1 máy bay, bắn hỏng nặng 3 ca nô, thu 160 súng các loại và nhiều quân trang, quân dụng khác. Âm mưu của Bộ Chỉ huy Pháp ở Đông Dương đánh lên Thái Nguyên nhằm thu hút bộ đội chủ lực của ta để đỡ đòn cho đồng bọn ở Mặt trận Biên giới bị thất bại. Ngày 11/10/1950, Bộ Chỉ huy Pháp buộc phải cho quân rút khỏi thị xã Thái Nguyên. Chiều ngày 12/10/1950, tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược.

Cùng với quân và dân trong tỉnh đập tan cuộc hành quân “Chó biển” tấn công lên thị xã Thái Nguyên của thực dân Pháp, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại

Từ đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của Chiến dịch Biên giới, làm tròn nhiệm vụ bảo vệ vững chắc cửa ngõ phía Nam An toàn khu Trung ương.

Sau khi quân Pháp rút khỏi Thái Nguyên, Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong những ngày có chiến sự. Báo cáo của Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ tại hội nghị khẳng định : *"Trong thời gian có chiến sự, Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện luôn bám sát Ban Chỉ huy Huyện đội và Đại đội 226, nên đã lãnh đạo chỉ đạo, điều động lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu kịp thời hợp lý"⁽¹⁾, "Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã tuy phải đối phó với địch, hoặc phải thi hành những công tác chuẩn bị giết giặc, nhưng guồng máy chính quyền xã vẫn được chạy đều, đặc biệt là Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã biết đi sát với dân chúng, nên giữ vững được tinh thần của dân chúng. Cán bộ các xã đều tỏ ra có tinh thần trong những ngày tình hình chiến sự gắt gao"⁽²⁾. Lực lượng dân quân, du kích trong huyện hoạt động mạnh, đã bổ sung cho bộ*

(1) (2) : Theo : Báo cáo tháng 10/1950 của Ủy ban Kháng chiến – Hành chính huyện Đại Từ - Lưu tại Chi cục Lưu trữ Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

đội địa phương tỉnh, huyện 29 chiến sĩ. Ngoài các nhiệm vụ canh gác và đánh giặc, các lực lượng dân quân, du kích trong huyện còn vận chuyển dụng cụ cho các cơ quan, chuyển thóc đến nơi an toàn, giúp dân gặt lúa nhanh chóng và bảo vệ mùa màng⁽³⁾.

Thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta trong chiến dịch Biên giới và chiến công đập tan cuộc hành quân Chó biển của thực dân Pháp đánh lên Thái Nguyên (tháng 10/1950) của quân và dân Thái Nguyên đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần kháng chiến của nhân dân và các lực lượng dân quân, du kích và cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Đại Từ. Cán bộ chiến sĩ Lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ phấn khởi, tin tưởng bước sang một chặng đường mới - chặng đường xây dựng và củng cố hậu phương vững mạnh, tiếp tục chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Sau thất bại nặng nề trong Chiến dịch Biên giới và Chiến dịch “Chó biển”, quân Pháp nhanh chóng tăng cường lực lượng để phòng thủ vùng Trung du. Trên địa bàn các tỉnh tiếp giáp với Thái Nguyên chúng bố trí các binh đoàn cơ động số 3 ở Vĩnh Yên, số 5 ở Bắc Giang, số 1 ở Bắc Ninh

⁽³⁾: Theo : *Báo cáo tháng 10/1950 của Ủy ban Kháng chiến – Hành chính huyện Đại Từ* - Lưu tại Chi cục Lưu trữ Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

và NA ở Phủ Lỗ. Từ hệ thống chiếm đóng đó, chúng thường xuyên mở các cuộc hành quân tấn công lên Thái Nguyên để thăm dò lực lượng, phá hoại công cuộc kháng chiến của ta. Trên địa bàn huyện Đại Từ, chúng tăng cường cho máy bay đến ném bom, bắn phá gây cho nhân dân trong huyện nhiều khó khăn tổn thất. Ngày 8/11/1950, địch cho 4 máy bay đến ném 16 quả bom phá, bắn 36 loạt đạn 20 ly xuống xã Cù Vân, làm chết 2 người dân và cháy 5 nóc nhà. Trong tháng 12/1950, máy bay địch ném bom, bắn phá 10 lần xuống các xã Phục Linh, An Khánh, Cù Vân, Ký Phú, Văn Lãng,... làm chết và bị thương nhiều người, phá hủy nhiều nhà cửa và tài sản của nhân dân.

Trước tình hình đó, việc xây dựng, củng cố tổ chức Đảng và chính quyền các cấp trong huyện vững mạnh, đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân phát triển kinh tế, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang địa phương đủ sức đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch là nhiệm vụ hết sức khẩn trương và cấp bách của quân và dân trong huyện.

Sau khi địch rút khỏi Thái Nguyên (12/10/1950), Phòng Thông tin huyện Đại Từ cử cán bộ trực tiếp xuống các xã Cù Vân, Phục Linh, Văn Cao, Vinh Quang, Đức Lương, Hiệp Hoà, Toàn Thắng, Văn Thắng nói chuyện thời sự, tuyên truyền tin chiến thắng cho 48.320 lượt người nghe;

tổ chức 13 cuộc mít tinh, 16 đêm liên hoan lửa trại mừng chiến thắng, thu hút trên 5.500 lượt người tham gia. Các hoạt động thông tin huyện truyền của Phòng Thông tin huyện đã góp phần củng cố lòng tin cho phần dân, động viên nhân dân phấn khởi, hăng hái tham gia hoạt động sản xuất, tích cực đóng góp cho kháng chiến.

Về công tác xây dựng và củng cố chính quyền các cấp, đầu năm 1951, sau khi trên điều các đồng chí Nguyễn Trung Thành (Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện) và Bùi Văn Tình (Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện) đi nhận nhiệm vụ khác, Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện kịp thời tìm người thay thế, đề nghị Tỉnh và Liên khu Việt Bắc ra quyết định kiện toàn đủ 7 Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện.

Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc chấn chỉnh lại Ủy ban Kháng chiến Hành chính hai xã Văn Cao và Phù Cát củng cố xong Ủy ban Kháng chiến hành chính các xã Hùng Sơn và Vinh Hoa. Các Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã đều có sự phân công công tác cụ thể, tỉ mỉ.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của đội ngũ cán bộ xã, từ ngày 13 đã ngày 18/3/1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho 25 cán bộ là Ủy viên và Thư kí Văn phòng

Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã. 80% số học viên học tập đạt kết quả khá. Sau đợt học tập này, 11 trong tổng số 18 xã trong huyện đã kiện toàn đủ cán bộ làm công tác Văn phòng Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã. Hội đồng Nhân dân các xã trong huyện cũng được củng cố bổ sung thêm 36 Ủy viên. Hoạt động của Hội đồng Nhân dân xã tương đối đồng đều, khá hơn cả là Hội đồng Nhân dân các xã An Mỹ, Đức Lương, Vinh Hoa, Hùng Sơn, Văn Yên.

Trong những tháng đầu năm 1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã Văn Cao An Mỹ, Hùng Sơn, Vinh Hoa tổ chức chấn chỉnh xong các ngành chuyên môn. Hiện tượng khoán trắng công việc cho Ủy nhiệm thôn của Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã An Khánh và Phục Linh đã được chấm dứt; 16 trên tổng số 18 xã trong huyện đã thành lập Ban Học tập nâng cao năng lực cán bộ, mỗi ban có 5 ủy viên, trong đó Ban Học tập các xã Hùng Sơn, Vinh Hoa, Cù Vân, Đức Lương, Trảng An, An Mỹ hoạt động tốt.

Cùng với việc xây dựng, củng cố chính quyền các cấp trong huyện, việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang địa phương đủ sức đánh bại mọi âm mưu hành động phá hoại của địch, đáp ứng kịp thời yêu cầu bổ sung lực lượng cho bộ đội chủ lực là nhiệm vụ cấp bách của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong huyện.

Đầu năm 1951, lực lượng vũ trang địa phương huyện Đại Từ có cơ quan Huyện đội, Đại đội 226 và trung bình mỗi xã có từ 1 trung đội đến 1 đại đội dân quân, du kích. Qua chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong thời kì địch tấn công lên Việt Bắc (Thu Đông 1947) và thời kì địch tấn công lên Thái Nguyên (10/ 1950), trình độ tổ chức, chỉ huy của cán bộ và trình độ kỹ, chiến thuật của chiến sĩ lực lượng vũ trang Đại Từ từng bước được nâng lên.

Thực hiện các chỉ thị của Bộ Quốc phòng và Liên khu Việt Bắc, đầu năm 1951 tỉnh Thái Nguyên tổ chức xây dựng Tiểu đoàn 426 bộ đội địa phương (biên chế 3 đại đội bộ binh, 1 đại đội trợ chiến và cơ quan Tiểu đoàn bộ). Thi hành Quyết định của Ban Chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên, Huyện đội Đại Từ điều 2 trung đội, với hơn nửa quân số Đại đội 226 bổ sung cho Tmh đội Thái Nguyên xây dựng Tiểu đoàn 426. Sau đó, Ban Chỉ huy Huyện đội Đại Từ điều dân quân du kích ở các xã lên bổ sung, kiện toàn đủ quân số cho Đại đội 226. Sáu tháng cuối năm 1951, Huyện đội Đại Từ cử 1 trung đội thuộc Đại đội 226 sang đánh địch ở vùng địch hậu Tân Dương (Vĩnh Phúc). Qua chiến đấu, tinh thần bộ đội địa phương rất dũng cảm, kiên cường, nhiều lúc thiếu thốn, đói, rét mà anh em vẫn có tinh thần xung phong giết giặc. Kết quả Trung đội thuộc Đại đội 226 bộ đội địa phương huyện Đại Từ góp phần cùng với Trung

đội Phú Lương và Trung đội Võ Nhai tiêu diệt được 178 tên địch, giải thoát cho 3 cán bộ của ta bị địch bắt, thu 3 khẩu súng trường Mĩ.

Nhằm củng cố phong trào dân quân, du kích, kịp thời đáp ứng nhu cầu xây dựng lực lượng hậu bị và giúp chỉ huy các cấp Tỉnh đội, Huyện đội nắm chắc thực lực về số lượng và chất lượng dân quân du kích, thực hiện Quyết định ngày 15/1/1952 của Ban Chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên, Ban Chỉ huy Huyện đội Đại Từ đã thành lập bộ phận quân lực trong Ban Chỉ huy Huyện đội, làm nhiệm vụ theo dõi cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích các xã. Bộ phận quân lực Huyện đội có 3 cán bộ, trình độ tương đương Chi ủy viên hoặc cán bộ Xã đội khá, hưởng chế độ bộ đội địa phương.

Cũng theo Quyết định ngày 15/1/1952 của Ban Chỉ huy Tỉnh đội, Huyện đội Đại Từ tổ chức giải tán Ban Chỉ huy trung đội du kích tập trung của các xã và kiện toàn lại mỗi Ban Chỉ huy Xã đội gồm 4 cán bộ, 1 Xã đội trưởng kiêm Trung đội trưởng du kích tập trung, 1 Xã đội phó kiêm Trung đội phó du kích tập trung, 1 Xã đội phó phụ trách dân quân và 1 Chính trị viên Xã đội kiêm Chính trị viên trung đội du kích tập trung.

Tiếp đó, Ban Chỉ huy Huyện đội Đại Từ tổ chức xây dựng kiện toàn lại lực lượng bộ đội địa phương theo Thông

tri (số 25/TM-QL, ngày 18/1/1952) của Ban Chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên. Huyện đội được kiện toàn đủ 22 cán bộ chiến sĩ, gồm 3 cán bộ Ban Chỉ huy (1 Huyện đội trưởng, 1 Huyện đội phó, 1 Chính trị viên) và 19 cán bộ, chiến sĩ (trong đó, có 2 cán bộ chính trị, 1 cán bộ tác huấn, 3 cán bộ dân quân, 1 cán bộ quân báo, 1 cán bộ thư kí, còn lại là chiến sĩ).

Đại đội 226 cũng được chấn chỉnh tổ chức theo biên chế mới, gồm Đại đội bộ biên chế 21 cán bộ, chiến sĩ; 1 trung đội súng máy, biên chế 41 cán bộ, chiến sĩ, (trang bị 16 súng trường, 1 trung liên, 3 tiểu liên và 8 máy); 1 trung đội súng trường, biên chế 43 cán bộ, chiến sĩ (trang bị 24 súng trường, 3 tiểu liên, 111 lựu đạn, 12 máy và 6 cuốc, 12 xẻng). Sức chiến đấu của Đại đội 226 được nâng lên một bước mới.

Vừa bổ sung quân số theo biên chế mới, Đại đội 226 được lệnh bổ sung 50% quân số cho Tiểu đoàn 68 (Tiểu đoàn 426 đổi phân hiệu) bộ đội chủ lực của tỉnh, tuyển thêm tân binh để tổ chức lại thành 1 đại đội đổi không gồm 2 trung đội. Ngay sau khi thành lập lại, Đại đội 226 đã tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ huấn luyện bắn máy bay địch bằng súng bộ binh và tổ chức thao diễn bắn mục tiêu trên không.

Những tháng cuối năm 1952, thực hiện Quyết định (số 310/QL - TĐ) của Ban Chỉ huy Tỉnh đội, Ban Chỉ huy Huyện đội Đại Từ điều Đại đội 226 về trực thuộc Tỉnh đội, Huyện đội cũng được tổ chức biên chế rút gọn lại còn 1 Huyện đội trưởng, 4 cán sự dân quân, 1 thư kí và 1 liên lạc làm nhiệm vụ phụ trách phong trào dân quân, du kích. Sau khi Huyện đội giảm quân số từ 22 người xuống còn 7 người, nhiều vấn đề đặt ra không được giải quyết kịp thời. Do thiếu cán bộ theo dõi, chỉ đạo, nên phong trào dân quân, du kích của huyện giảm sút. Một số dân quân, du kích cho rằng nhiệm vụ chiến đấu đã kết thúc, vào dân quân, du kích lại phải đi huấn luyện, vận chuyển vũ khí, xây dựng doanh trại, canh gác, áp giải tù nhân, phạm nhân, nên không còn thời gian tham gia sản xuất, gia đình thiếu đói, vì vậy muốn xin nghỉ, thậm chí một số người tỏ ra chây lười, vô kỉ luật để sớm được rút khỏi du kích. Trước tình hình đó, Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ đã không phát hiện được kịp thời để đặt vấn đề lãnh đạo, chỉ đạo, giáo dục, chấn chỉnh một cách tích cực. Huyện đội chỉ đạo chuyên môn một cách đơn thuần, ít quan tâm đến việc xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, du kích. Giữa lúc phong trào dân quân, du kích trong huyện có nhiều giảm sút, thì ở các xã Phù Cát, An Mỹ, Văn Cao, Văn Yên, Cù Vân, Phú Cường, Trảng An, Vinh

Hoa có 11 người đào, bỏ ngũ về gia đình, gây thêm cho địa phương khó khăn trong việc xây dựng lực lượng vũ trang và vận động thanh niên tòng quân, giết giặc.

Nhận thức rõ những thiếu sót đó, đầu năm 1953, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên chỉ đạo các huyện trong đó có Đại Từ tập trung xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang địa phương. Quân số Huyện đội Đại Từ được tăng từ 7 người lên 13 người (gồm 1 Huyện đội trưởng, 1 Chính trị viên, 6 cán bộ tổ chức động viên, 2 cán bộ huấn luyện trị an và 3 cán bộ công tác chính trị).

Nắm vững phương châm xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân, du kích phải phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của từng nơi, từng lúc theo nguyên tắc cá nhân tự nguyện, nhân dân bình nghị, cấp uỷ chuẩn y, huyện Đại Từ đã cụ thể hoá các tiêu chuẩn, quy định dân quân, du kích phải là những người thuộc thành phần cơ bản, chính trị trong sạch, trong độ tuổi từ 18 đến 45; đối với phụ nữ và những người dưới 18 tuổi hoặc trên 45 tuổi, đủ các điều kiện trên, nếu tự nguyện cũng được xét kết nạp vào dân quân, du kích.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trong huyện, nhân dân Đại Từ đã tích cực ủng hộ, giúp đỡ và hăng hái tham gia xây dựng

lực lượng dân quân, du kích. Nhân dân xã An khánh góp tiền, góp của mua được 30 khẩu súng kíp và 15 thanh kiếm trang bị cho dân quân, du kích xã; ủng hộ dân quân, du kích xã 100 nôi thóc; nhân dân xã Lục Ba cũng đóng góp gây quỹ, ủng hộ dân quân, du kích được 112 nôi thóc. Phong trào dân quân, du kích trong huyện từng bước được khôi phục.

Thực hiện chủ trương “Phát động quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức, chuẩn bị cho cải cách ruộng đất” của Trung ương Đảng, từ ngày 14/4/1953 đến ngày 22/7/1953, xã Hùng Sơn (huyện Đại Từ) cùng với các xã Đức Liên, Nhã Lộng (huyện Phú Bình), Đồng Bẩm, Dân Chủ, Phúc Xuân (huyện Đồng Hỷ) được Trung ương chọn làm nơi thí điểm triệt để giảm tô. Đợt thí điểm triệt để giảm tô này do Trung ương trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Đội Cán bộ chỉ đạo thí điểm triệt để giảm tô của Trung ương cử về xã Hùng Sơn có 9 người (trong đó có 1 đội trưởng và 1 đội phó) đã tích cực tuyên truyền chủ trương, chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ; tiến hành thăm hỏi người nghèo, tuyên truyền, phát động quần chúng và triệu tập Đại hội nông dân đấu tranh. Sau hơn 3 tháng, đợt thí điểm triệt để giảm tô ở xã Hùng Sơn (huyện Đại Từ) cũng như các xã khác ở hai huyện Phú Bình và Đồng Hỷ thu được một số kết quả. Phạm vi bóc lột của giai cấp địa chủ bị thu hẹp,

nông dân trong xã được hưởng nhiều quyền lợi, tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở xã được chỉnh đốn và củng cố; Ban Chỉ huy Xã đội và các Thôn đội dân quân cũng được củng cố. Tuy nhiên, đợt thí điểm triệt để giảm tô ở xã Hùng Sơn (huyện Đại Từ) và 5 xã khác ở hai huyện Phú Bình và Đồng Hỷ cũng bộc lộ một số khuyết điểm: 1- Do nóng vội, thiếu kiên nhẫn giáo dục quần chúng, một số cán bộ đã bao biện làm thay và mệnh lệnh đối với quần chúng. 2- Diện đấu tranh quá rộng và không phân hóa được địa chủ, nên chưa tập trung đánh mạnh vào những tên đầu sỏ. 3- Việc thanh toán và chia những tài sản thu được đối với một số đối tượng chưa đúng chính sách, có biểu hiện tự tư, tự lợi . . .

Từ một số khuyết điểm trong đợt thí điểm triệt để giảm tô, tháng 8/1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định 5 bước thực hiện phát động quần chúng giảm tô: 1 Tuyên truyền, giáo dục, bắt rề. 2- Tổ chức học tập cho bần, cố nông. 3- Tổ chức xâu chuỗi, sơ bộ chấn chỉnh tổ chức ở xã. 4- Đấu ngã cường hào và chia những thứ đấu tranh được. 5- Chỉnh đốn các tổ chức giáo dục quần chúng, đúc kết kinh nghiệm.

Thực hiện chủ trương cải cách ruộng đất, đến cuối tháng 12/1953, huyện Đại Từ được Trung ương Đảng chọn 6 xã Hùng Sơn, An Mỹ (nay là Mỹ Yên), Bình Thuận, Trần Phú

(nay là Khôi Kỳ), Tân Thái, Độc Lập (nay là Tiên Hội) làm thí điểm cải cách ruộng đất theo Sắc lệnh về chính sách ruộng đất do Chủ tịch Hồ Chí Minh kí (ngày 12/4/1953) và Luật cải cách ruộng đất do Quốc hội thông qua (tháng 12 /1953). Đây là 6 xã đã qua phát động quần chúng đấu tranh thực hiện triệt để giảm tô đợt I và đợt II, trình độ chính trị của nông dân đã được nâng lên, đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở đã được thử thách. 6 xã này có diện tích trên 54 mẫu ruộng đất, dân số 10.792 người (người Kinh chiếm 95%, Tày 2,05%, Sán Dìu 1,29%, Hoa 1,32%).

Cuộc thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã của huyện Đại Từ có ý nghĩa rất quan trọng, vì đó là sự thử nghiệm chủ trương, chính sách ruộng đất của Đảng, thông qua đó rút kinh nghiệm để chỉ đạo thực hiện cuộc cách mạng ruộng đất ra cả nước. Chính vì vậy, Trung ương Đảng đã trực tiếp lãnh đạo cuộc thí điểm và cử 140 cán bộ trực tiếp xuống các xã triển khai thực hiện.

Sau 15 ngày học tập chính sách cải cách ruộng đất của Đảng và nghiên cứu sơ lược tình hình các xã, ngày 21/12/1953, cán bộ các Đội Cải cách ruộng đất của Trung ương bắt đầu xuống các xã làm việc thực hiện “ba cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) với nông dân, tích cực tuyên truyền chính sách cải cách ruộng đất của Đảng, phát động

nông dân đấu tranh vạch tội ác của giai cấp địa chủ và nguồn gốc khổ cực của mình. Bên cạnh Đội Cải cách ruộng đất xã An Mỹ làm tốt khâu “bắt rế”, lựa chọn bồi dưỡng được “rế” tốt, trong các Đội Cải cách cũng còn có những cán bộ ngại khó, ngại khổ, không nắm vững chính sách ruộng đất của Đảng, trong quá trình tuyên truyền, vận động quần chúng tỏ ra lúng túng, không bắt được “rế”, phong trào phát triển chậm. Sau khi “bắt rế”, các Đội Cải cách ruộng đất mở rộng đội ngũ cốt cán, đi sâu phát động tư tưởng từng người, tuyên truyền, vận động từng gia đình. Tiếp đó, các Đội đã tổ chức cho quần chúng học tập, phân định thành phần giai cấp.

Sau 5 tháng thí điểm cải cách ruộng đất với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ và sự ủng hộ tích cực của nhân dân, toàn bộ 97 địa chủ ở 6 xã đã bị đưa ra đấu tố vạch tội ác bóc lột nông dân (trong 97 địa chủ có 38 địa chủ quy thời kì giảm tô và 59 địa chủ quy trong thời kì thí điểm cải cách ruộng đất). Trong số 97 địa chủ, có 15 địa chủ là Việt gian phản động, cường hào gian ác.

Giai cấp địa chủ ở 6 xã thí điểm cải cách ruộng đất đã bị đánh bại hoàn toàn; chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ ở 6 xã trên hoàn toàn bị xoá bỏ. Toàn bộ 2.609,7 mẫu ruộng đất, 350 con trâu, bò, 1.062 cây, bừa và nhiều nông cụ khác, cùng với 33 ngôi nhà, 2.479 kg thóc

do địa chủ 6 xã chiếm đoạt của nông dân đã bị tịch thu, trưng thu, trưng mua, chia cho các hộ nông dân không có ruộng hoặc có ít ruộng. Sau đợt thí điểm cải cách ruộng đất, mức chiếm hữu ruộng đất bình quân 1 khẩu của địa chủ giảm từ 3 mẫu, 2 sào, 9 thước xuống còn 2 sào 3 thước; của phú nông giảm từ 1 mẫu, 1 sào, 13 thước xuống còn 8 sào, 2 thước; trung nông tăng từ 4 sào, 4 thước lên 6 sào, 1 thước; bản nông tăng từ 1 sào, 7 thước lên 4 sào, 11 thước; cổ nông tăng từ 5 thước lên 4 sào, 7 thước. Tuy số ruộng đất của các hộ nông dân lao động không nhiều, nhưng với sản lượng bình quân thu được 3 tạ thóc một hộ trong mỗi năm, nên đời sống của nông dân được cải thiện một bước rất căn bản.

Về mặt tổ chức, trong số 242 đảng viên sinh hoạt tại 6 chi bộ ở 6 xã trên, có 115 đảng viên bị xử lý; trong đó có 11 đảng viên thuộc thành phần địa chủ, 19 đảng viên thuộc thành phần phú nông và 5 đảng viên thuộc các thành phần bóc lột khác đã bị đưa ra khỏi Đảng: các Ban Chi ủy được củng cố, kiện toàn. Tỷ lệ số hội viên nông dân Cứu quốc so với dân số ở 6 xã tăng từ 18% (thời kì giảm tô) lên 40 %; ý thức giác ngộ cách mạng, giác ngộ giai cấp của quần chúng nông dân nâng cao hơn. Người nông dân đã hiểu rõ giai cấp địa chủ là thủ phạm đẩy họ vào con đường bần cùng không lối thoát và chỉ có con đường theo Đảng và Bác Hồ

tiến hành kháng chiến đánh đuổi thực dân Pháp và đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến mới thoát khỏi ách áp bức bóc lột, mới giành lại được cơm no, áo ấm cho bản thân và gia đình mình.

Ngày 20/3/1954, cuộc thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã của huyện Đại Từ kết thúc. Bên cạnh những kết quả to lớn đạt được, các Đội Cải cách ruộng đất đã phạm một số sai lầm về quy định thành phần giai cấp, dẫn đến đấu tố tràn lan, tỉ lệ quy sai địa chủ, cường hào, gian ác lên tới 40,9%; quy sai địa chủ thường lên tới 55,4%; trong số 111 đảng viên bị xử trí (chiếm 47,5% số đảng viên) thì đa số là đảng viên tốt, được kết nạp vào Đảng từ năm 1946. Những sai lầm và khuyết điểm đó đã không được kịp thời phát hiện, uốn nắn, sửa chữa mà vẫn diễn ra với mức độ nghiêm trọng hơn trong đợt cải cách ruộng đất tiếp theo ở 10 xã: An Khánh, Cù Vân, Hà Thượng, Phục Linh, Bình Dân, Ký Phú, Văn Yên, Phúc Thọ, Lục Ba, Vạn Thọ của huyện Đại Từ (bắt đầu từ ngày 25/4/1954). Qua hai đợt thực hiện cải cách ruộng đất ở 16 xã của huyện Đại Từ, trong số 251 đảng viên bị xử lí, chỉ có 23,5% xử lí đúng, còn lại tới 76,5% bị xử lí sai; trong số 176 hộ bị quy là địa chủ, chỉ có 45 hộ quy đúng, còn lại 131 hộ quy sai (chiếm tỷ lệ 74,43%).

Tuy có một số sai lầm, khuyết điểm, hạn chế, nhưng cuộc thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã và đợt I cải cách ruộng đất ở 10 xã đã đập tan thế lực kinh tế và chính trị của giai cấp địa chủ ở 16 xã thuộc huyện Đại Từ; giai cấp nông dân thực sự trở thành người làm chủ nông thôn, làm chủ ruộng đồng, phấn khởi sản xuất xây dựng cuộc sống mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi về thăm nhân dân các xã thí điểm cải cách ruộng đất đã nói (đại ý): Đồng bào các xã được cải cách ruộng đất sớm nhất trong cả nước, đó là một vinh dự lớn. Dân cày có ruộng, đó là một thắng lợi to lớn, từ mấy nghìn năm nay chưa từng có. Trước kia bị địa chủ bóc lột, nông dân phải cúi đầu. Nay ta đập tan thế lực kinh tế, chính trị của giai cấp địa chủ, nông dân làm chủ nông thôn.

Thông qua đợt thí điểm và đợt I cải cách ruộng đất ở 16 xã, huyện Đại Từ đã đóng góp cho Đảng và Chính phủ nhiều bài học quý. Trung ương Đảng hiểu được tình hình phức tạp, cụ thể của nông thôn, nhận thức chính xác hơn về mâu thuẫn và phát động quần chúng đấu tranh. Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước đã xây dựng được một số chính sách cụ thể về phân định thành phần giai cấp, về vấn đề chiếm hữu ruộng đất và thời gian để xem xét mức sống của các thành phần giai cấp; quy định rõ ranh giới giữa Việt gian, phản động, cường hào gian ác, nhân sĩ dân chủ, địa

chủ kháng chiến, địa chủ thường; giữa người có ít ruộng đất phát canh thu tô và địa chủ; quy định rõ điều kiện và thời gian thay đổi thành phần của địa chủ và con cái địa chủ tham gia cách mạng.

Thông qua chỉ đạo thí điểm cải cách ruộng đất ở 16 xã thuộc huyện Đại Từ, Đảng và Nhà nước ta cũng rút ra được những kinh nghiệm cụ thể về các chính sách tịch thu, trưng thu, trưng mua; về chính đồn tổ chức, bồi dưỡng và rèn luyện cán bộ. Thắng lợi của đợt thí điểm và đợt cải cách ruộng đất ở Đại Từ đã nhanh chóng vang dội khắp nơi, góp phần cổ vũ các tầng lớp nhân dân lao động cả nước hăng hái sản xuất, đóng góp nhiều sức người sức của cho kháng chiến; cổ vũ cán bộ, chiến sĩ bộ đội ta ở ngoài mặt trận hăng hái tiến lên giết giặc, lập công

Cùng với việc thực hiện thí điểm triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất, nhân dân các dân tộc Đại Từ đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất lương thực, thực phẩm để đảm bảo đời sống và đóng góp cho kháng chiến. Trong ba tháng 7, 8 và 9/1953, nhân dân huyện Đại Từ đã đào mới 60 con mương, sửa chữa được 225 mương, phai và làm mới được 50 cọn nước, đảm bảo đủ nước tưới để cấy vượt chỉ tiêu diện tích khoảng 500 mẫu lúa. Hùng Sơn là xã dẫn đầu các xã trong huyện về phong trào làm thủy lợi đưa 300 mẫu ruộng cấy 1 vụ lúa, sang cấy 2 vụ lúa.

Sản xuất nông nghiệp phát triển, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã đóng góp đầy đủ các chỉ tiêu trên giao về thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, mua công trái kháng chiến. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, nhân dân Đại Từ đã đóng góp vượt mức chỉ tiêu lương thực, thực phẩm trên giao, trong đó nhân dân các xã Lục Ba bán vượt chỉ tiêu 2 con trâu, An Khánh cung cấp cho chiến dịch 9 con trâu, xã Tân Thái mua hơn 1 vạn đồng tiền công trái kháng chiến.

Khi quân và dân ta trong cả nước bước sang thời kì tiến công tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, mở rộng và củng cố vùng tự do, trên địa bàn huyện Đại Từ, giặc Pháp huy động không quân đánh phá ác liệt các trọng điểm giao thông trên Đường 13A (Bờ Đậu – Đèo Khế). Phà Huy Ngạc và Đèo Khế là hai trọng điểm bị địch đánh phá ác liệt nhất, gây cho ta khó khăn trong việc đảm bảo giao thông, vận tải phục vụ các chiến dịch. Tại Đèo Khế, ban đêm máy bay địch thả pháo sáng, bắn cháy ô tô vận tải của ta. Tại phà Huy Ngạc, máy bay địch nhiều lần ném bom, làm đắm 2 phà (mỗi phà trị giá 6 triệu đồng).

Nhằm nâng cao nhận thức về nhiệm vụ bảo đảm giao thông thời chiến cho cán bộ các cấp trong huyện, những tháng đầu năm 1953, huyện Đại Từ mở hội nghị quán triệt nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải thời chiến cho cán bộ

các ban, ngành ở huyện, cán bộ các xã và cán bộ các đại đội dân công.

Thực hiện Quyết định ngày 23/4/1953 của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ thành lập Ban Bảo vệ cầu đường huyện và Ban Bảo vệ cầu đường các xã dọc các tuyến giao thông Bờ Đậu - Đèo Khế, Hùng Sơn - Ký Phú - Cát Nê, Phú Minh (Đại Từ) - Bình Thành (Định Hoá), làm nhiệm vụ tổ chức tuần tra, canh gác ở các trọng điểm giao thông và các nơi xung yếu. Ban Chỉ huy Huyện đội phối hợp với Công an huyện tổ chức các Trạm kiểm soát, các Tổ tuần tiễu dọc các tuyến đường giao thông quan trọng.

Để có lực lượng cơ động, đảm bảo giao thông vận tải khi bị máy bay địch đánh phá ở những nơi trọng điểm, xung yếu, thực hiện quyết định của Tỉnh ủy Thái Nguyên, huyện Đại Từ tổ chức thành lập Đại đội 212 thanh niên xung phong chủ lực, cầu đường; biên chế 149 cán bộ, chiến sĩ (có 20 nữ), chia thành 3 trung đội do đồng chí Thành làm Đại đội trưởng, đồng chí Hiện làm Chính trị viên và đồng chí Cao Thanh làm Đại đội phó. Cán bộ các trung đội thuộc Đại đội 212 là đồng chí Tiến (Trung đội trưởng Trung đội 1), đồng chí Đồi (Trung đội trưởng Trung đội 2) và đồng chí Mao (Trung đội trưởng Trung đội 3). Đại đội 212 có 8

đảng viên: thành lập 1 chi bộ, do đồng chí Hiện làm Bí thư và có 45 đoàn viên, thành lập 1 chi đoàn.

Tuy mới thành lập, điều kiện ăn ở còn nhiều khó khăn, thiếu thốn (hơn một chục đồng chí thiếu màn, một số đồng chí thiếu quần, áo), nhưng cán bộ, chiến sĩ Đại đội 212 có nhiều cố gắng, vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo quân số làm việc đạt tỉ lệ trên 85%, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông, vận tải ở các trọng điểm phà Huy Ngạc, Dốc Điệp, Đèo Khế.

Năm 1953, Nhân dân và Lực lượng vũ trang Đại Từ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, sửa chữa kịp thời Đường 13A (Bờ Đậu- Đèo Khế) đường vòng Dốc Dinh - Dốc Điệp - Đèo Khế với khối lượng đào đắp hàng chục nghìn mét khối đất, đá. Để đảm bảo giao thông vận tải phục vụ các chiến dịch Tây Bắc và Điện Biên Phủ, 6 tháng đầu năm 1954, huyện Đại Từ huy động 1.932 dân công đi san lấp hố phá hoại, sửa chữa Đường 13A (có 31 thợ mộc đi sửa chữa cầu và 52 xe đạp thồ đi vận chuyển hàng hoá). Đồng chí Nguyễn Tam Sơn (Chính trị viên Huyện đội Đại Từ) được phân công phụ trách đội xe đạp thồ của tỉnh Thái Nguyên phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba. Ngoài huy động dân công sửa chữa cầu, đường, huyện Đại

Từ còn huy động hàng nghìn lượt dân công đi phục vụ các chiến dịch Trung Du, Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên Phủ. Trong đợt huy động dân công phục vụ chiến dịch Hoà Bình, 30 dân công xã An Khánh đã lập thành tích xuất sắc, được tặng giấy khen.

Tuy nhiên, trong công tác huy động dân công, huyện Đại Từ cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, các xã trong huyện còn nặng về chỉ thị, mệnh lệnh, coi nhẹ công tác động viên, giáo dục, thuyết phục, *"Xã Tân Thái còn bắt cả ông già, bà cả, những người chữa 4, 5 tháng và người mắc bệnh truyền nhiễm đi dân công"*⁽¹⁾.

Cùng với việc xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang địa phương, thực hiện Sắc lệnh (số 226/SL, ngày 4/11/1949) của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thông tư (số 124/HĐQP ngày 5/11/1949) của Hội đồng Quốc phòng tối cao về Chế độ nghĩa vụ quân sự và cấp Thẻ Quân vụ cho nam dân công từ 18 tuổi đến 45 tuổi, từ năm 1951 đến năm 1954, Huyện uỷ Đại Từ tập trung lãnh đạo, tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung Sắc lệnh 226 về Chế độ nghĩa vụ quân sự cho các tầng lớp cán bộ và nhân dân trong huyện; chỉ đạo các ngành, các giới phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ

⁽¹⁾ Báo cáo công tác sửa sai của Chi bộ xã Tân Thái – Tài liệu lưu tại Chi cục Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

huy Huyện đội làm công tác tuyển quân. Đầu năm 1952, được trên hỗ trợ kinh phí, Ban Chỉ huy Huyện đội Đại Từ thành lập 1 trung đội huấn luyện quân dự bị bổ sung cho bộ đội chủ lực. Trong các đợt tuyển quân bổ sung cho các đơn vị bộ đội chủ lực, huyện Đại Từ đều đạt và vượt mức chỉ tiêu giao.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã động viên được 323 người lên đường tòng quân giết giặc⁽¹⁾. Đối với huyện Đại Từ, một huyện miền núi đất rộng, người thưa thì đó là một sự cố gắng lớn của nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện. Con em nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ lên đường giết giặc đã có mặt chiến đấu ở khắp các chiến trường và tham gia nhiều chiến dịch lớn, góp phần cùng quân và dân cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, buộc thực dân

⁽¹⁾ Theo tài liệu lưu trữ tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên, số người nhập ngũ của các xã: Bình Dân 11 người, Tân Thành 1 người, Tân Thái 10 người, Phú Lạc 8 người, Khôi Kỳ 13 người, Mỹ Yên 10 người, Cù Vân 10 người, Vạn Thọ 6 người, Đoàn Kết 4 người, Phú Xuyên 15 người, An Khánh 13 người, Hà Thượng 9 người, Yên Lãng 13 người, Phúc Lương 4 người, Ký Phú 19 người, Phú Cường 15 người, Phú Thịnh 10 người, Văn Yên 20 người, Đức Lương 9 người, Bình Thuận 14 người, Hùng Cường 12 người, Thắng Lợi 9 người, Phúc Thọ 5 người, Hùng Sơn 17 người, Độc Lập 7 người, Phục Linh 10 người,

Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương.

Trải qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 9 năm trường kì và anh dũng của dân tộc, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện Đại Từ, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã góp phần quan trọng cùng với quân và dân trong tỉnh đánh thắng hai cuộc tấn công quy mô lớn của địch (Thu Đông 1947 và Chó biển 1950) vào địa bàn tỉnh, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến và các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Chính phủ và quân đội đến ở và làm việc trên địa bàn huyện. Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, đóng góp nhiều sức người, sức của cho công cuộc xây dựng và bảo vệ An toàn khu kháng chiến Việt Bắc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải thời chiến; vừa thực hiện thắng lợi các cuộc thí điểm giảm tô và cải cách ruộng đất, giúp Trung ương rút được nhiều bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng để triển khai ra các tỉnh, thành phố khác trên toàn miền Bắc.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc đó, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân 11 xã (Cù Vân, Yên Lãng,

Hùng Sơn, Mỹ Yên, La Bằng, Lục Ba, An Khánh, Minh Tiến, Văn Yên, Quân Chu, Bản Ngoại) đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu *"Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp"*. Toàn huyện có 23 xã (Yên Lãng, La Bằng, Phú Cường, Bản Ngoại, Mỹ Yên, Minh Tiến, Phúc Lương, Đức Lương, Phú Xuyên, Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Phú Thịnh, Quân Chu, Cát Nê, Na Mao, Phục Linh, Tân Linh, Hà Thượng, Tiên Hội, Phú Lạc, Hùng Sơn, Ký Phú, Lục Ba) và 2 thị trấn (Đại Từ, Quân Chu) được công nhận là xã An toàn khu (ATK).

Những thành tích đặc biệt xuất sắc đã đạt được trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là cơ sở, tiền đề và hành trang quan trọng động viên nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ nỗ lực phấn đấu, vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng và chiến đấu bảo vệ hậu phương, chi viện chiến trường trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước sau này.

Chương III

QUÂN VÀ DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ của quân và dân ta, ngày 21/7/1954 “*Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại và bình ở Đông Dương*” đã được kí kết, kết thúc thắng lợi vẻ vang cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp. Để chuẩn bị về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, từ tháng 8 đến đầu tháng 10/1954, Trung ương Đảng Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chuyển địa điểm ở và làm việc về các xã An toàn thu (ATK) thuộc huyện Đại Từ. Chủ tịch Hồ Chí Minh chuyển về ở và làm việc tại đồi Thành Trúc, xóm Đầm Mu (nay là xóm Đầm Mua), xã Hùng Cường (nay là xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ) ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo cuốn “Cảnh vệ công an nhân dân Việt Nam – Lịch sử biên niên (1941-1954)”, do NXB Công an nhân dân, Hà Nội 1995, trang 153 thì “Từ tháng 7 đến tháng 9/1954, Bác Hồ và cơ quan Trung ương chuyển về thôn Vai Cày, xã Văn Lăng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên”

Trong thời gian ở Đồi Thành Trúc, ngày 1/9/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Đồi Giang, xã Độc Lập (nay là xã Tiên Hội) nhận Quốc thư của Đại sứ Trung Quốc La Quý Ba - Lễ nhận Quốc thư đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tối ngày 5/9/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến xóm Vai Cày, xã Hùng Cường thăm, nói chuyện, căn dặn cán bộ, chiến sĩ các đơn vị bộ đội, thanh niên xung phong và các cơ quan 11, 12 trước khi về tiếp quản Thủ đô phải giữ gìn đạo đức và nhân cách của mình. Tiếp theo, ngày 15/9/1954, tại xã La Bằng (nơi ở và làm việc của Bộ Tổng Tư lệnh và Bộ Tổng Tham mưu), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn cán bộ dự Hội nghị cấp cao Bộ Tổng Tham mưu một số việc phải làm trước khi về tiếp quản Thủ đô và nhiệm vụ của quân đội khi vào Thủ đô tiếp quản.

Cũng trong thời gian ở ATK Đại Từ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về thăm Đền Hùng (Phú Thọ). Tại Đền Hùng, Người đã gặp gỡ, nói chuyện, căn dặn cán bộ các cấp thuộc Đại đoàn Quân Tiên phong (Sư đoàn 308): *"Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"*. Ngày 12/10/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Chính phủ bắt đầu rời An toàn khu Đại Từ về Hà Nội.

Việc Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chuyển nơi ở và làm việc về các xã An toàn khu thuộc huyện Đại Từ trước ngày về tiếp quản Thủ đô Hà

Nội đã một lần nữa khẳng định niềm tin của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ và vị trí quan trọng của huyện Đại Từ trong An toàn khu kháng chiến Việt Bắc.

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ được ký kết, nước ta tạm thời chia làm hai miền, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam tạm thời dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm. Cùng với quân và dân trong tỉnh, quân và dân huyện Đại Từ phấn khởi bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Sau kháng chiến gian khổ, được sống trong hoà bình, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ phấn khởi bắt tay vào công cuộc lao động, cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Trong những năm đầu sau ngày hoà bình lập lại, Đại Từ gặp không ít khó khăn do kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp lạc hậu, mang tính chất tự cung tự cấp; phần lớn đồng bào tản cư và nhiều cơ quan Trung ương, đơn vị quân đội chuyển về xuôi; nhiều tập tục lạc hậu, tệ nạn xã hội (mê tín dị đoan, ma to, cưới lớn,...) tuy đã được khắc phục một bước trong kháng chiến, nhưng vẫn còn tồn tại ở nhiều nơi... Trong khi đó, một số phần tử phản động đội lốt các chức sắc tôn giáo từ các nơi khác đến cấu kết với những tên tay sai cũ

của Pháp và phản động ở địa phương tuyên truyền, dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào công giáo di cư vào Nam. Lợi dụng vào đức tin của giáo dân, chúng phao tin: *"Chúa đã vào Nam, con chiên phải theo chúa, nếu ở lại khi chết sẽ không được cứu rỗi linh hồn"*. Chúng còn đe dọa: *"Sau khi kết thúc thời hạn di cư Mỹ sẽ dùng bom nguyên tử ném xuống miền Bắc"*, làm cho đồng bào hoang mang, lo sợ. Một số người nhẹ dạ, cả tin đã vội vã bỏ lại anh, em, họ hàng, nhà cửa, ruộng, vườn di cư vào Nam.

Tháng 3/1955, tại xã Yên Lãng, Nguyễn Phi Ký (tức trùm Mùa) tuyên truyền, dụ dỗ, vận động, cưỡng ép 18 gia đình giáo dân ở xóm Mon Đen di cư vào Nam. Tại xã Hùng Sơn, tên Tuân (ở dưới xuôi lên) tuyên truyền *"dưới xuôi dễ làm ăn"* để dụ dỗ, lừa gạt đồng bào giáo dân trong vùng về xuôi sinh sống, sau đó cưỡng ép họ di cư vào Nam. Cũng tại xã Hùng Sơn, tên Già So đã nhận trợ cấp quần, áo, tiền bạc từ dưới xuôi gửi lên để hoạt động lôi kéo, mua chuộc giáo dân, ngấm ngầm tuyên truyền, lừa phỉnh, kích động giáo dân đấu tranh đòi chính quyền xã phải trả lại ruộng đất nhà chung mà trước đây ta đã đem chia cho nông dân trong cải cách ruộng đất.

Ngoài ra, tại xã Độc Lập, một số người Hoa trong tổ chức Nam Dương Hoa Kiều hiệp hội đã trở lại hoạt động chống phá. Chúng về Đại sứ quán Trung Quốc ở Hà Nội vu cáo chính quyền ta bắt thanh niên người Hoa đi lính.

Chúng tự ý mở lớp dạy học riêng cho học sinh người Hoa. Các thế lực phản động còn lợi dụng những sai lầm của ta trong các cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất để kích động, chia rẽ trong nội bộ nhân dân, gây cho cấp uỷ Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang huyện Đại Từ rất nhiều khó khăn trong công tác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Sáu tháng cuối năm 1955, trên địa bàn huyện Đại Từ, các hoạt động phá hoại của địch diễn ra khá phức tạp. Chúng xúi dục kẻ xấu ném đá vào doanh trại bộ đội đóng ở hai xã Hùng Sơn và Tiến Bộ; cướp súng của bộ đội đang gác ở xã Tiến Bộ. Tháng 10/1955, cầu Văn Lãng bị kẻ xấu tháo đinh ốc nối các nhịp cầu và tháo ván ở mặt cầu v.v

Trước tình hình trên, Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện kịp thời triển khai công tác lãnh đạo, chỉ đạo chống cưỡng ép, di cư và đề ra biện pháp đối phó với những hoạt động chống phá của địch. Huyện uỷ phát động phong trào chống Mĩ, yêu nước; tổ chức cho nhân dân học tập tự do tín ngưỡng, tự do đi lại; lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng dân quân, du kích và công an truy bắt những kẻ có hành động dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào công giáo di cư trái phép vào Nam.

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện, Ban Chỉ huy Huyện đội tổ chức lực lượng dân quân, du kích và tự vệ phối hợp với các lực

lượng công an phát hiện và trấn áp kịp thời các bọn phản động, đảm bảo giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn huyện.

Lực lượng vũ trang nhân dân huyện phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo mật, phòng gian, kịp thời phát hiện những hoạt động chống phá của địch. Một số tên phản động bị bắt giữ, hoàn tất hồ sơ, đưa ra Tòa án xét xử công khai trước nhân dân.

Huyện ủy tập trung lãnh đạo, củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng dân quân, du kích và tự vệ - một lực lượng không chỉ đóng vai trò chủ yếu trong công tác bảo vệ trật tự, trị an xã hội mà còn là lực lượng nòng cốt trong xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương. Huyện ủy ra nghị quyết chỉ rõ phải đẩy mạnh xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ của huyện ngày càng vững mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu trấn áp các tổ chức phản động và bọn đội lốt công giáo hoạt động phá hoại gây mất ổn định an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn.

Năm 1955, Huyện ủy cử cán bộ đi học Nghị quyết về chương trình kế hoạch xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ và lực lượng bộ đội địa phương do Tỉnh ủy Thái Nguyên tổ chức. Ban Chỉ huy Huyện đội mở lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, chỉ huy cho

cán bộ dân quân và cán bộ tự vệ. Qua các cuộc vận động giảm tô, cải cách ruộng đất, các lực lượng dân quân, du kích và tự vệ huyện Đại Từ đã được củng cố về chính trị, tư tưởng và tổ chức, những người không đủ điều kiện về chính trị đã bị thanh thải ra khỏi lực lượng bán vũ trang địa phương.

Những biểu hiện lệch lạc, sai trái trong nhận thức, cũng như trong việc điều động lực lượng dân quân, du kích làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ trật tự, trị an từng bước được khắc phục. Lực lượng dân quân, du kích làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác đã được điều chỉnh nâng trợ cấp từ 1,2 kg gạo lên 1,8 kg gạo một người, một ngày. Nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ huy của đội ngũ cán bộ dân quân, du kích, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo bồi dưỡng mọi mặt cho cán bộ quân sự và cán bộ chính trị. Sáu tháng đầu năm 1961, Ban Chỉ huy Huyện đội mở hai lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ xã đội và cán bộ trung đội, tiểu đội dân quân, tự vệ.

Phong trào huấn luyện dân quân, du kích và tự vệ đã có bước phát triển mới. Năm 1961, toàn huyện có 23 trên tổng số 30 xã, thị trấn hoàn thành chương trình huấn luyện dân quân, du kích và tự vệ; trong đó, có 3 xã luyện tập báo động dân quân tập trung nhanh, làm nhiệm vụ quân sự (tăng 2 xã so với năm 1960). Do các lực lượng dân quân, du kích và tự vệ huyện Đại Từ làm tốt công tác giữ gìn trật

tự, trị an, nên đã hạn chế được nhiều các hoạt động phá hoại của các phần tử xấu. Các vụ trộm cắp, đánh bạc, buôn lậu trên địa bàn huyện từng bước được đẩy lùi.

Năm 1962 so với năm 1961, trong toàn huyện, số cán bộ xã đội tăng 20 người, số cán bộ trung đội tăng 55 người. Ban Chỉ huy Huyện đội tổ chức tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy và trình độ kỹ, chiến thuật cho 243 cán bộ (có 41 cán bộ xã đội và 87 cán bộ trung đội). Toàn huyện có 2.731 cán bộ, chiến sĩ trên tổng số 3.955 cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích và tự vệ ở 100% cơ sở dân quân, tự vệ hoàn thành chương trình huấn luyện chính trị và quân sự. Trong đó, có 21 trên 30 xã, thị trấn thời gian huấn luyện từ 10 ngày đến 15 ngày, 9 xã còn lại đảm bảo thời gian huấn luyện từ 7 ngày đến 8 ngày. Ban Chỉ huy Huyện đội tổ chức kiểm tra huấn luyện 2 môn bắn súng và ném lựu đạn. Kết quả, toàn huyện có 25,3% đạt khá, giỏi, 57,41% đạt yêu cầu và 17,29% không đạt.

Thực hiện Chỉ thị 39 của Tỉnh ủy về chính sách dân tộc, năm 1963 đội ngũ cán bộ dân quân, du kích, tự vệ của huyện đã được cấp ủy Đảng và chính quyền sắp xếp, bố trí xen kẽ giữa cán bộ là người dân tộc thiểu số và cán bộ là người Kinh, đảm bảo mối quan hệ đoàn kết, nhất trí trong nội bộ các Ban Chỉ huy Xã đội và Tự vệ. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, việc xây dựng và củng cố tổ chức dân quân ở các xã đã phù hợp với quy mô tổ chức hợp tác xã. Để

thuận lợi cho việc kết hợp giữa lao động sản xuất và huấn luyện quân sự, cán bộ dân quân đồng thời cũng là cán bộ hợp tác xã. Tại xã Đoàn Kết (một xã miền núi của huyện), 11 tiểu đội trưởng dân quân đồng thời cũng là 11 đội trưởng sản xuất. Nhờ sắp xếp, bố trí cán bộ dân quân và cán bộ hợp tác xã hợp lý, nên công tác xây dựng lực lượng và huấn luyện các đối tượng dân quân 1 và dân quân 2 ở xã Đoàn Kết năm 1963 vượt 41,3% kế hoạch; lực lượng dân quân trong xã làm tốt công tác giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ và thúc đẩy sản xuất phát triển.

Thực hiện Nghị quyết ngày 10/3/1964 của Tỉnh ủy Thái Nguyên : Phải tiếp tục xây dựng các lực lượng hậu bị dân quân, tự vệ vững mạnh cả về ba mặt tinh thần, tổ chức và trình độ kỹ, chiến thuật cũng như về tinh thần lao động sản xuất, nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trước mắt và lâu dài; nâng cao hơn nữa trình độ giác ngộ chính trị tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng hậu bị và toàn dân; kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện Đại Từ liên tiếp mở các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị quân sự cho các cán bộ xã đội, trung đội, tiểu đội.

Năm 1964 so với chỉ tiêu, kết quả huấn luyện cán bộ xã đội vượt 60%, cán bộ trung đội vượt 69%, cán bộ tiểu đội vượt 7,39%. Quý 1/1964, toàn huyện có 100% xã triển

khai huấn luyện dân quân, với quân số tham gia đạt 81%. Trong đó, xã Cù Vân dẫn đầu các xã, với tỉ lệ quân số tham gia huấn luyện đạt 87,8%, huấn luyện dự bị đạt 100%, huấn luyện dân quân 1 đạt 94%, huấn luyện dân quân 2 đạt 90%.

Để đảm bảo công tác năm địch, năm 1964, Huyện đội Đại Từ tổ chức mạng lưới trinh sát, quân báo đến 19 xã trên địa bàn huyện. Ban Chỉ huy Huyện đội tổ chức 1 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho 49 quân báo viên. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ, cuối năm 1964, 100% cơ sở dân quân, tự vệ trong huyện đã có cấp uỷ viên phụ trách.

Đầu năm 1965, thực hiện Chỉ thị của Tỉnh uỷ, huyện Đại Từ tổ chức tốt cuộc vận động thống nhất lực lượng dân quân, tự vệ và quân dự bị. Trung bình mỗi xã trong huyện đã xây dựng được 1 trung đội dân quân loại 1, biên chế thành các tiểu đội, trung đội theo liên xóm hoặc từng xóm. Lực lượng dân quân, tự vệ của huyện đã được xây dựng rộng rãi và từng bước trưởng thành, sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn huyện.

Sau ngày hoà bình lập lại, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện là tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục và

phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Lực lượng dân quân trong huyện tích cực tham gia phát triển sản xuất nông nghiệp. Riêng năm 1961, lực lượng dân quân đã đóng góp 855 ngày công, trồng được 441.989 hốc sắn. Ngoài ra lực lượng dân quân các xã còn làm được 24 tấn phân xanh.

Nhờ có sự tham gia và đóng góp tích cực của lực lượng dân quân, du kích ở các xã và lực lượng tự vệ ở các cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn huyện, nên trong những năm từ 1960 đến 1965, thời tiết khắc nghiệt, hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh phá hoại tràn lan, nhưng cả về diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng của huyện Đại Từ đều tăng và cao hơn năng suất bình quân chung của toàn tỉnh. Năng suất lúa bình quân cả năm tăng từ 16,49 tạ/ha (năm 1960), lên 19,46 tạ/ha (năm 1965); sản lượng lương thực tăng từ 15.941 tấn (năm 1960), lên 23.256 tấn (năm 1965).

Sau hoà bình lập lại, từ ngày 21/10/1954, quân và dân huyện Đại Từ bước vào thực hiện cải cách ruộng đất đợt II trong điều kiện hoà bình đã được lập lại trên miền Bắc, có nhiều thuận lợi, song cũng có không ít những khó khăn, thách thức. Khó khăn nhất là giai cấp địa chủ có kinh nghiệm chống đối từ trước, nên lần này chúng tìm mọi cách để phân tán tài sản, đe dọa và mua chuộc nông dân. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện, cùng với sự tham gia tích cực

của cán bộ và nhân dân, Đại Từ đã hoàn thành nhiệm vụ cải cách ruộng đất đợt II ở 7 xã, tịch thu, trưng thu, trưng mua được nhiều ruộng đất, trâu, bò, chia cho các hộ nông dân nghèo. Ở các xã còn lại (chủ yếu là các xã vùng cao), do sự phân hoá giai cấp chưa thật sâu sắc, nên theo chỉ đạo của Trung ương, huyện Đại Từ không thực hiện cải cách ruộng đất, mà thực hiện cải cách dân chủ trong quá trình vận động hợp tác hoá nông nghiệp.

Trong quá trình thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất, cũng như ở một số địa phương khác, do cán bộ các Đoàn, Đội Cải cách ruộng đất ở Đại Từ nhận thức sai lệch, không nắm chắc quy định thành phần giai cấp, tác phong quan liêu mệnh lệnh độc đoán, phương pháp thực hiện chủ quan, giáo điều, nên đã dẫn đến những sai lầm, khuyết điểm: Tổ chức cho nhân dân đấu tố, tràn lan; quy nhằm một số trung nông và phú nông lớp trên thành địa chủ, đánh nhằm vào cả nội bộ Đảng ở địa phương; xử lý cán bộ sai nguyên tắc, không đúng với đường lối cán bộ và sự chỉ đạo của Đảng.

Sau khi phát hiện được sai lầm, khuyết điểm, tháng 9/1956, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 10 (mở rộng) đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm, khuyết điểm trong công tác cải cách ruộng đất. Hội nghị ra Nghị quyết về công tác sửa sai, nhấn mạnh: Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được. Trong thực

hiện nhiệm vụ đó phải dựa vào đường lối nông thôn của Đảng, dựa trên tinh thần tin tưởng và truyền thống đoàn kết của Đảng và nhân dân ta; thi hành chính sách cụ thể, sửa chữa sai lầm, nhằm đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn, gây tinh thần phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt công tác cải cách ruộng đất và trên cơ sở đó đẩy mạnh công cuộc củng cố miền Bắc và đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà.

Về nội dung sửa chữa sai lầm, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 10 chỉ rõ : Đối với chi bộ bị giải tán, nay tuyên bố xoá bỏ các quyết định ấy. Tất cả đảng viên bị xử lí sai, kể cả người thuộc thành phần địa chủ, phú nông, xét thấy đủ tiêu chuẩn, được trả lại Đảng tịch. Đối với những đảng viên và cán bộ đã từ trần vì bị xử lí oan, phải hủy án cũ, trả lại danh dự và Đảng tịch. Chính quyền và đoàn thể phải đặc biệt chú trọng an ủi, giúp đỡ gia đình họ. Cán bộ và những người bị xử lí sai đều được sửa lại: Về chính trị, được khôi phục quyền công dân, danh dự, công tác; những người bị bắt oan đều được trả lại tự do. Về kinh tế, được đền bù thích đáng, được giúp đỡ sinh sống. Tất cả những huân chương, bằng khen, huy hiệu đã bị tước đều được trả lại. Sửa thành phần cho những người bị quy nhầm là địa chủ, phú nông hoặc người có ít ruộng đất bị quy nhầm là phát canh, thu tô. Các địa phương phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn

tổ chức là nhiệm vụ quan trọng, đột xuất trong thời gian trước mắt.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 10, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Huyện uỷ Đại Từ đã tổ chức cho cán bộ các cấp huyện và xã học tập chính sách sửa sai. Trước khi học tập chính sách sửa sai, tình hình ở các xã đã cải cách ruộng đất ở huyện Đại Từ hết sức phức tạp *"Số cán bộ bị xử lí sai thì mong chờ, một số cốt cán được đào tạo trong phong trào cải cách ruộng đất thì hoang mang, lo sợ, đi họp mang theo súng lục, dao găm hoặc là tránh mặt về xuôi làm cho tình hình nông thôn hết sức căng thẳng, một mặt thì nghi ngờ chính sách của Đảng (cốt cán) cho là bắt con bỏ chợ, một đằng cho là cải cách ruộng đất là sai hết (cán bộ cũ). Mâu thuẫn dẫn tới những người bị đầu tố sai đã dả kích, đe dọa đánh những người đã tham gia các Đội Cải cách và những người đầu tố sai; nhiều cán bộ, đảng viên hoang mang dao động, một số nằm im không hoạt động, một số xin nghỉ công tác hoặc xin thoát li khỏi địa phương, dẫn đến tình trạng tổ chức Đảng và chính quyền ở nhiều nơi trong huyện yếu, kém"*⁽¹⁾.

Quán triệt phương châm sửa sai kiên quyết, khẩn trương, thận trọng, đi từng bước vững chắc, Huyện uỷ đã

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết sửa sai huyện Đại Từ.

tập trung lãnh đạo và được nhân dân đồng tình ủng hộ, công tác sửa sai ở Đại Từ đã thu được nhiều kết quả tốt.

Từ ngày 4 đến ngày 7/11/1957, Huyện uỷ Đại Từ tổ chức Hội nghị tổng kết sửa sai. 88 đại biểu gồm lãnh đạo Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan Dân, Chính, Đảng các xã và đại biểu các ban, ngành của huyện đã tham dự Hội nghị. Đồng chí Trần Văn Phúc, Bí thư Huyện uỷ, trực tiếp chủ trì Hội nghị. Báo cáo tổng kết sửa sai của Huyện uỷ tại Hội nghị khẳng định: Thông qua sửa sai ở 26 trên tổng số 29 xã trong huyện, Đại Từ đã có 181 gia đình bị quy sai là địa chủ (trong đó 29 gia đình bị quy sai là địa chủ cường hào), 233 gia đình bị quy sai là phú nông. Trong 13 xã thực hiện triệt để giảm tô, qua sửa sai ở 10 xã (3 xã không phải sửa sai), tỉ lệ quy sai là 82,7%. Trong số 16 xã cải cách ruộng đất đã quy 255 địa chủ, 201 phú nông, qua sửa sai còn 93 địa chủ (quy sai tới 63,53%); các xã Bình Dân quy sai tới 100%, An Mỹ quy sai tới 99%; xã quy sai ít nhất là Hùng Sơn: quy 30 địa chủ, sai 7 (23,3%); Độc Lập quy 15 địa chủ, sai 3 (20%).

Thông qua sửa sai, toàn huyện Đại Từ đã có 38 người là cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích bị quy sai trong giảm tô và cải cách ruộng đất được phục hồi (có 9 người được bổ sung ngay vào các Ban Chỉ huy Xã đội). Do tiến hành khẩn trương việc minh oan và phục hồi cho cán bộ, đảng viên bị xử trí sai trong cải cách ruộng đất, nên nội bộ nhân dân Đại

Từ đoàn kết, ổn định; tình hình nông thôn bớt căng thẳng; đa số đảng viên và các gia đình bị quy sai đều phấn khởi, tin tưởng vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng.

Từ năm 1954, Đại Từ đã triển khai xây dựng tổ đổi công trong sản xuất nông nghiệp. Năm 1955, toàn huyện có 857 tổ đổi công, (có 21 tổ đổi công thường xuyên). Từ các tổ đổi công hoạt động có hiệu quả trong lao động sản xuất năm 1955, Đại Từ đã được Trung ương chọn làm nơi chỉ đạo thí điểm xây dựng 3 hợp tác xã nông nghiệp: Cầu Thành, Sơn Tập và Xóm Gò thuộc xã Hùng Sơn. Đây là các hợp tác xã đầu tiên của huyện Đại Từ, đồng thời cũng là các hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên.

Đầu năm 1956, Đại Từ lại được tỉnh chỉ đạo xây dựng thí điểm thêm 2 hợp tác xã nông nghiệp ở xã Tiên Hội và tiếp tục củng cố, phát triển tổ đổi công. Sáu tháng đầu năm 1956, Đại Từ xây dựng được 868 tổ đổi công; trong đó có 43 tổ đổi công bình công chấm điểm, 229 tổ đổi công thường xuyên, 240 tổ đổi công từng việc, 298 tổ đổi công từng vụ. Do xây dựng được các hợp tác xã nông nghiệp và củng cố, xây dựng được 868 tổ đổi công hoạt động có hiệu quả tốt, nên Đại Từ đã đẩy mạnh được phong trào thi đua chống hạn, trừ sâu. Nhân dân các xã đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau sản xuất, xây dựng nhà cửa, mối quan hệ giữa nhân dân và cán bộ ngày càng được tăng cường, gắn bó hơn.

Tuy nhiên, do cán bộ và xã viên các hợp tác xã chưa có kinh nghiệm xây dựng hợp tác xã, nên còn lúng túng trong việc quản lý lao động, bình công chấm điểm, điều hành sản xuất và phân phối sản phẩm. Những khó khăn đó cộng với những sai lầm trong cải cách ruộng đất chưa được khắc phục đã dẫn đến tình trạng một số tổ đổi công tan vỡ, hoặc chỉ tồn tại một cách hình thức, 3 trong số 5 hợp tác xã được xây dựng thí điểm ở Hùng Sơn và Tiên Hội hoạt động cầm chừng, 2 hợp tác xã ngừng hoạt động và đến năm 1957 thì 1 trong số 5 hợp tác xã đã bị tan vỡ.

Với quyết tâm thực hiện đường lối phát triển nông thôn của Đảng, kiên quyết đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, Huyện uỷ Đại Từ phối hợp với một số cán bộ tăng cường của tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, xây dựng và phát triển hợp tác xã và tổ đổi công.

Ngày 2/3/1958, Đại Từ vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và làm việc. Một số cán bộ Khu, Tỉnh, Huyện và cán bộ, xã viên 4 hợp tác xã thuộc hai xã Hùng Sơn và Tiên Hội đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: Phải hăng hái tham gia xây dựng tổ đổi công, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và tích cực tăng gia sản xuất, xây dựng quê hương, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch, rút kinh nghiệm công tác xây dựng hợp tác xã và tổ đổi công năm 1956, cán

bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Đại Từ tích cực phấn đấu, nên phong trào xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã nông nghiệp của huyện dần dần được khôi phục. Cuối năm 1958, toàn huyện đã xây dựng được 11 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút hàng trăm hộ gia đình xã viên tham gia. Riêng xã Hùng Sơn, đến ngày 24/9/1959, đã xây dựng được 6 hợp tác xã nông nghiệp và 1 hợp tác xã tín dụng.

Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các xã vừa củng cố, vừa xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1961, toàn huyện xây dựng được 165 hợp tác xã, với 6.621 hộ gia đình xã viên thu hút 80,8% số hộ nông dân trong toàn huyện (có 5 hợp tác xã cấp cao, với 562 hộ). Trong số 165 hợp tác xã, có 25 hợp tác xã tiên tiến.

Cùng với cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán trong huyện cũng được chú ý phát triển. Năm 1961, Đại Từ đã có 9 cửa hàng hợp tác xã mua bán, với 11 cơ sở bán hàng, đạt chỉ tiêu bán ra 93%, chỉ tiêu mua vào 100% (trong đó mặt hàng được bán ra nhiều nhất là những mặt hàng thiết yếu dùng hàng ngày của cán bộ và nhân dân như vải, muối, dầu thắp sáng).

Giữa lúc quân và dân huyện Đại Từ đang cùng quân và

dân trong tỉnh ra sức phấn đấu khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, sau khi gây ra cái gọi là "*sự kiện Vịnh Bắc Bộ*" (4/8/1964), ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ đã huy động máy bay, tàu chiến ném bom, bắn phá một số nơi thuộc các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của chúng ra miền Bắc. Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Uỷ ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã tích cực, khẩn trương chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn huyện.

Thực hiện Chỉ thị (số 18/CT- TU, ngày 30/7/1964) của Tỉnh uỷ Thái Nguyên "*Về việc nhận rõ tình hình mới, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu khiêu khích và đánh phá miền Bắc của địch*", các cấp uỷ Đảng, chính quyền huyện Đại Từ nhanh chóng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ và nhân dân đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân. Ban Chỉ huy Huyện đội chỉ đạo các xã, các cơ quan, đơn vị xây dựng các tổ, tiểu đội, trung đội dân quân, du kích, tự vệ làm các nhiệm vụ cứu thương, tải thương, tiếp đạn và bắn máy bay địch bay thấp... Ban Chỉ huy Huyện đội phối hợp với các đơn vị bộ đội chủ lực tổ chức xây dựng các trạm quân báo, trinh sát, phát hiện máy bay địch bằng khí tài quang học hoặc mắt thường; xây

dựng kế hoạch báo động phòng không, huy động lực lượng dân quân, tự vệ khi địch thả gián điệp, biệt kích hoặc phi công nhảy dù xuống địa bàn. Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức diễn tập phòng không nhân dân ở các khu vực trọng điểm mà máy bay địch có thể đánh phá.

Để chủ động đối phó với tình huống máy bay địch ném bom, bắn phá, theo Quyết định của Tỉnh uỷ và Uỷ ban Hành chính tỉnh, Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện Đại Từ thành lập Ban Phòng không nhân dân huyện và Ban Phòng không nhân dân các xã làm nhiệm vụ chỉ đạo, chỉ huy công tác phòng tránh và đánh địch trên địa bàn. Ban Phòng không nhân dân huyện do đồng chí Chủ tịch Uỷ ban Hành chính huyện làm Trưởng ban, đồng chí Trưởng Công an huyện làm Phó ban và đồng chí Huyện đội trưởng làm Tham mưu trưởng.

Theo Chỉ thị ngày 8/7/1965 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái⁽¹⁾, địa bàn huyện Đại Từ nằm trong trạng thái phòng thủ, nhưng do trên địa bàn huyện có Đường 13A (một mạch máu giao thông quan trọng nối liền Thái Nguyên với Tuyên Quang và các tỉnh vùng Tây Bắc của Tổ quốc) và có các kho xăng dầu, lương thực, vũ khí của

⁽¹⁾ Từ ngày 1/7/1965, hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái và chính thức hoạt động theo địa giới hành chính mới (theo Nghị quyết ngày 21/4/1965 của Quốc hội).

Nhà nước và quân đội xây dựng, nên huyện Đại Từ cũng là địa bàn có nhiều mục tiêu đánh phá của địch.

Đầu tháng 10/1965, máy bay Mỹ tăng cường các hoạt động trinh sát trên vùng trời Thái Nguyên. Từ hướng Tuyên Quang, các máy bay trinh sát của Mỹ đã bay qua vùng trời huyện Đại Từ vào trinh sát thành phố Thái Nguyên và các huyện Phú Lương, Võ Nhai, Phú Bình. Ngày 17/10/1965, nhiều tốp máy bay Mỹ bay vượt qua dãy núi Tam Đảo, qua vùng trời huyện Đại Từ vào đánh phá ác liệt cầu Gia Bẫy (thành phố Thái Nguyên), mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của chúng vào địa bàn Thái Nguyên.

Trước tình hình hoạt động trinh sát và đánh phá của máy bay địch, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện Đại Từ lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ huy Huyện đội xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống và bắn máy bay địch. Ban Phòng không nhân dân huyện tổ chức và phân công cán bộ thường trực 24/24 giờ trong ngày. Thành phần trực gồm 1 cán bộ Ban Chỉ huy Huyện đội, 1 cán bộ Thường trực Ủy ban Hành chính huyện (trực Chủ nhiệm Phòng không) và từ 2 đến 3 cán bộ nội chính giúp việc.

Ban Chỉ huy Huyện đội củng cố và xây dựng được 10 trận địa phòng không, với 130 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ trực chiến bắn máy bay địch bay thấp. Do

việc cấp dưỡng cho dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ trực chiến thuộc ngân sách của huyện trong điều kiện ngân sách của huyện rất khó khăn, nên thường xuyên trên địa bàn huyện chỉ có từ 2 đến 3 trận địa phòng không có lực lượng dân quân tự vệ trực chiến 24/24 giờ.

Đối với nhiệm vụ phòng tránh, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân Đại Từ đã đào được 50.000 mét giao thông hào, 7.560 hầm, hố trú ẩn (khối lượng đào, đắp giao thông hào của huyện Đại Từ chỉ đứng thứ hai, sau Thành phố Thái Nguyên, trong số 9 huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên). Tuy nhiên, qua kiểm tra của Ban Phòng không nhân dân tỉnh, huyện Đại Từ còn nhiều hầm, hố phòng không chưa có nắp dẫy và giao thông hào còn bị sụt, lở nhiều.

Trong công tác cấp cứu phòng không, Ban Y tế phòng không huyện được củng cố, kiện toàn. Rút kinh nghiệm trận máy bay Mỹ đánh phá cầu Gia Bầy ngày 17/10/1965, Ban Y tế phòng không nhân dân huyện đã mở lớp tập huấn ngắn ngày, bồi dưỡng kỹ thuật băng bó, cấp cứu vết thương cho cán bộ y tế xã và các đội cấp cứu phòng không của dân quân, du kích ở các hợp tác xã; vận động nhân dân tự mua túi thuốc phòng không, làm thêm cáng, nẹp trang bị cho các Đội Y tế phòng không tuyến I.

Sau trận đánh phá cầu Gia Bẫy ngày 17/10/1965, đế quốc Mỹ liên tiếp cho máy bay vào đánh phá ác liệt thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Võ Nhai, Phú Lương. Để phát hiện máy bay địch từ xa, chủ động đối phó với các hoạt động đánh phá của chúng, Trung đoàn phòng không 210 bảo vệ thành phố Thái Nguyên đã tổ chức các trạm Trinh sát phát hiện máy bay địch ở Đèo Khế (Yên Lãng) và núi Pháo (Hà Thượng). Nhân dân và các lực lượng dân quân, tự vệ huyện Đại Từ đã bảo vệ và tạo điều kiện thuận lợi cho các trạm Trinh sát của Trung đoàn 210 hoàn thành nhiệm vụ.

15 giờ 7 phút ngày 29/4/1966, Trạm Trinh sát Đèo Khế đã kịp thời phát hiện báo về Sở Chỉ huy Trung đoàn 210 có máy bay địch bay thấp hoạt động ở vùng Tây và Tây Bắc Thái Nguyên. Do được thông báo kịp thời, nên Ban Chỉ huy Trung đoàn 210 và Ban Phòng không nhân dân tỉnh đã nhanh chóng triển khai các hoạt động lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu và phòng tránh. Chiều ngày 29/4/1966, giặc Mỹ huy động 15 máy bay phản lực hiện đại gồm F105 (Thần sấm), F4 (Con ma) và máy bay trinh sát RF101 vào đánh phá thành phố Thái Nguyên với các thủ đoạn chiến thuật nham hiểm (bay nhiều tầng, nhiều hướng, vừa nghi binh, vừa trinh sát và đánh phá mục tiêu). Quân và dân Thái Nguyên đã chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bắn rơi 2 chiếc, trong đó có chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 bị bắn rơi trên miền Bắc.

Trước tình hình máy bay địch thường xuyên từ phía Tây và Tây Bắc theo trục Đường 13A Tuyên Quang - Thái Nguyên và dọc theo thung lũng sông Công vào đánh phá thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Võ Nhai, Phú Lương..., đầu năm 1966, sau khi Ban Chỉ huy Tỉnh đội bổ sung thêm vũ khí, Huyện đội Đại Từ tổ chức và xây dựng thêm 3 trận địa phục kích bắn máy bay địch bay thấp của dân quân 3 xã Hùng Sơn, An Khánh và Yên Lãng. Mỗi trận địa có một tổ trực chiến liên tục hằng ngày từ 6 giờ đến 18 giờ, những ngày cao điểm, đột xuất có thể trực tới 21 giờ. Trận địa của xã An Khánh được trang bị 2 súng trung liên, 3 súng trường; trận địa của xã Hùng Sơn được trang bị súng 2 trung liên, 4 súng trường và trận địa của xã Yên Lãng được trang bị 5 súng trường. Ngoài 3 trận địa trực chiến thường xuyên, lực lượng trực chiến phòng không của dân quân, tự vệ thị trấn Đại Từ và các xã Văn Yên, Trần Phú, Độc Lập, Bình Thuận, Hà Thượng, Cù Vân, Mỏ than làng Cẩm cũng sẵn sàng lên trận địa bắn máy bay địch khi có báo động phòng không.

Trên các trận địa trực chiến phòng không, dân quân, tự vệ đã trồng được 3.561 cây chuối để ngụy trang, chống máy bay trinh sát của địch phát hiện. Để sẵn sàng xử lý kịp thời hậu quả đánh phá của máy bay địch, ngoài các đội cứu thương, tải thương, đào bới cứu sập hầm ở các xã, Huyện đội Đại Từ còn tổ chức 1 đội cứu hoả, 1 đội cứu thương và

tải thương, 1 đội đào bới sập hầm phục vụ công tác phòng không cho các cơ quan huyện và nhân dân ở khu vực thị trấn Đại Từ. Đội cứu hoả gồm 40 người, được tổ chức ở xã Hùng Sơn. Đội cứu thương và tải thương cũng gồm 40 người, tổ chức ở xã Bình Thuận. Đội đào bới sập hầm gồm 150 người, tổ chức ở ba xã Độc Lập, Trần Phú, thị trấn Đại Từ (mỗi xã, thị trấn có 50 người).

Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo, kịp thời, sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nên nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Đại Từ bình tĩnh, tự tin bước vào các trận thử lửa ác liệt với máy bay và bom đạn hiện đại của đế quốc Mỹ. Ngày 21/6/1966, giặc Mỹ huy động 15 lần tốp máy bay các loại đánh phá thành phố Thái Nguyên và huyện Đại Từ. Tại huyện Đại Từ, máy bay Mỹ ném 6 quả bom phá và bắn nhiều loạt đạn rốc két xuống Kho xăng T72 và Công trường xây dựng đập Phụng Hoàng (nằm trên địa bàn xã Cù Vân), làm chết 3 người, bị thương 1 người, đổ 1 ngôi nhà.

Ngay sau khi nhận được báo cáo máy bay Mỹ ném bom, bắn phá Kho xăng T72 và Công trường xây dựng đập Phụng Hoàng ở xã Cù Vân, các đồng chí Đỗ Khắc Tỏi (Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện), Nguyễn Văn Cường (cán bộ Công an huyện), Dương Văn Minh (cán bộ Huyện đội) và Lưu Sĩ Tư (Y sĩ Ban Y tế phòng không nhân dân huyện) đã nhanh chóng xuống hiện trường chỉ đạo cấp

ủy và chính quyền cơ sở giải quyết hậu quả; đồng thời kiểm tra việc thực hiện các phương án xử lý tình huống khi máy bay Mỹ đánh phá.

Trong các ngày 29, 30/6 và các ngày 2, 3 và 4/7/1966, máy bay địch liên tục vào hoạt động trinh sát trên vùng trời Thái Nguyên.

Tại huyện Đại Từ, 15 giờ 16 phút ngày 7/7/1966, giặc Mỹ huy động 2 máy bay F105 đến ném bom bừa bãi xuống khu vực Núi Pháo (xã Hà Thượng). Tiếp đó, các ngày 20, 21, 25 và 27/7/1966, máy bay Mỹ ném 24 quả bom phá và bắn nhiều loạt đạn tên lửa xuống địa bàn hai xã Bình Thuận và Cù Vân.

Các cấp bộ đảng và chính quyền trong huyện, nhất là Chi ủy và Ủy ban Hành chính hai xã Bình Thuận và Cù Vân lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác phòng không, sơ tán; nhân dân và các lực lượng vũ trang huyện Đại Từ làm tốt công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu, nên thiệt hại về người và của do máy bay địch đánh phá gây ra không đáng kể.

Ngày 14/7/1966, một biên đội máy bay của ta cất cánh phối hợp với quân và dân Thái Nguyên đánh 4 tốp, 15 chiếc máy bay F105 và F4 của giặc Mỹ trên vùng trời huyện Đại Từ. Do máy bay địch ở thế đông áp đảo, nên 2 máy bay của ta đã bị máy bay địch bắn cháy, 1 chiếc rơi

xuống xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên), 1 chiếc rơi xuống xã Phúc Thọ (huyện Đại Từ). Ban Chỉ huy Xã đội Phúc Thọ đã kịp thời huy động, chỉ huy lực lượng dân quân, du kích xã tuần tra, canh gác bảo vệ hiện trường. Đồng chí phi công lái máy bay của ta bị hi sinh đã được cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích và nhân dân xã Phúc Thọ tắm rửa, khâu vết thương và tổ chức mai táng chu đáo.

Công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu của lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Đại Từ trong tháng 7/1966 đã góp phần cùng với quân và dân trong tỉnh bắn rơi 18 máy bay Mỹ. Tháng 7/1966 là tháng máy bay Mỹ bị bắn rơi nhiều nhất trên vùng trời Thái Nguyên trong hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ.

Hưởng ứng lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước ngày 17/7/1966, của Chủ tịch Hồ Chí Minh *"Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"*⁽¹⁾, lực lượng dân quân, và tự vệ Đại Từ đã tổ chức triển khai nhiều trận địa phục kích, đón lõng, bắn máy bay địch bay thấp.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 12, trang 110, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2000.

Tại xã Hà Thượng, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Chi uỷ và Uỷ ban Hành chính xã, Ban Chỉ huy Xã đội do đồng chí Ngô Văn Ôn làm Xã đội trưởng và đồng chí Phùng Văn Lương (Bí thư Chi bộ) làm Chính trị viên đã tổ chức xây dựng được 1 đại đội dân quân, do đồng chí Xã đội trưởng trực tiếp làm Đại đội trưởng, đồng chí Bí thư Chi bộ - Chính trị viên Xã đội trực tiếp làm Chính trị viên. Sau ngày giặc Mỹ huy động máy bay đánh phá cầu Gia Bầy (17/10/1965), Ban Chỉ huy Đại đội dân quân xã Hà Thượng thành lập 1 trung đội trực chiến phòng không, gồm 17 cán bộ, chiến sĩ, do các đồng chí Nguyễn Văn Độ làm Trung đội trưởng, Nguyễn Hùng Xuân làm Chính trị viên. Mọi chế độ cấp dưỡng, đãi thọ cho cán bộ, chiến sĩ trong Trung đội trực chiến này đều do các hợp tác xã trả công điểm, đảm bảo theo mức thu nhập bình quân cao nhất của xã viên hợp tác xã.

Nghiên cứu nắm được quy luật hoạt động của máy bay Mỹ thường từ phía tây - tây bắc vượt dãy núi Tam Đảo, hạ xuống độ cao rất thấp, rồi bay theo trục Đường 13A (Đèo Khế - Bờ Đậu), đến khu vực Núi Pháo vọt lên tăng độ cao vào trinh sát hoặc đánh phá thành phố Thái Nguyên và các vùng phụ cận, Trung đội dân quân trực chiến xã Hà Thượng đã xây dựng 3 trận địa ở dọc hai bên Đường 13A, 1 trận địa ở gần Núi Pháo, 1 trận địa ở khu vực Uỷ ban Hành chính xã và 1 trận địa ở trên Đồi 100 (bên phải và

cách Đường 13A Bờ Đậu - Đèo Khế khoảng 100 mét). Từ ngày thành lập đến cuối tháng 7/1966, tuy cán bộ, chiến sĩ trong Trung đội đã trực tiếp chiến đấu với máy bay địch 7 trận, nhưng chưa bắn rơi được máy bay Mỹ. Với quyết tâm bắn rơi máy bay bay thấp của địch bằng súng bộ binh, cán bộ, chiến sĩ trong Trung đội kiên cường bám trận địa, chờ thời cơ. Sau bữa cơm trưa ngày 1/8/1966, cán bộ, chiến sĩ nghỉ trưa tại lán trực chiến trên Đồi 100, đồng chí Phạm Văn Phúc được phân công làm nhiệm vụ cảnh giới máy bay địch. Vào lúc 12 giờ 15 phút, vừa nghe tiếng keng báo động phòng không, đồng chí Phạm Văn Phúc lập tức gõ keng báo động. Các đồng chí Nguyễn Văn Đệ (Trung đội trưởng), Nguyễn Hùng Xuân (Chính trị viên) và ba chiến sĩ Đỗ Thanh Duật, Đới Văn Ban, Nguyễn Xuân Đài bật dậy lao ra vị trí chiến đấu. Trong giây lát, tổ trực chiến do Trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ chỉ huy gồm 5 người với 2 khẩu súng máy và 3 khẩu súng trường đã lăm lăm hướng về phía tây - tây bắc sẵn sàng chờ máy bay địch. Từ hướng Tuyên Quang, 1 tốp 2 máy bay trinh sát RF4C của giặc Mỹ bay ở độ cao khoảng 200 mét, theo trục Đường 13A lao vào hướng trận địa. Bỏ qua chiếc thứ nhất bay hơi chệch về phía bên trái, Trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ ra lệnh cho đơn vị tập trung hỏa lực nhằm vào chiếc thứ hai đang bay thẳng vào trận địa. Khi máy bay địch bay vào tầm bắn có hiệu quả, lá cờ đuôi nheo trong tay Trung đội trưởng

Nguyễn Văn Độ vừa phát xuống hạ lệnh nổ súng, một loạt 18 viên đạn súng máy, súng trường nổ đánh, gọn, tập trung vào chiếc máy bay Mĩ thứ hai. Chiếc máy bay Mĩ bị trúng đạn, khựng lại, chệch choạng bay vòng lại phía sau định thoát thân, nhưng cũng chỉ bay được đến khu vực xã Đồng Thịnh (huyện Định Hóa) thì bị rơi, 2 tên giặc Mĩ lái máy bay nhảy dù xuống đất, 1 tên bị chết, 1 tên bị quân và dân huyện Định Hóa bắt sống.

Với chiến công bắn rơi máy bay trinh sát RF4C của giặc Mĩ bằng súng bộ binh, Trung đội dân quân trực chiến phòng không xã Hà Thượng trở thành đơn vị dân quân, tự vệ đầu tiên của huyện Đại Từ và cũng là đơn vị dân quân, tự vệ đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên bắn rơi máy bay phản lực Mĩ. Với thành tích xuất sắc này, nhân dân và lực lượng dân quân xã Hà Thượng đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Chiến công bắn rơi máy bay phản lực Mĩ bằng súng bộ binh của cán bộ, chiến sĩ Trung đội dân quân trực chiến xã Hà Thượng ngày 1/8/1966 đã khẳng định lực lượng dân quân, tự vệ huyện Đại Từ nói riêng, địa bàn Thái Nguyên nói chung hoàn toàn có đủ khả năng bắn rơi máy bay phản lực hiện đại của đế quốc Mĩ bằng súng bộ binh. Chiến công này khẳng định chủ trương tổ chức các trận địa phòng không của lực lượng dân quân, du kích, tự vệ làm nhiệm

vụ phục kích, đón lõng bắn máy bay Mỹ bay thấp bằng súng bộ binh của Ban Chỉ huy Tỉnh đội Bắc Thái và Ban Chỉ huy Huyện đội Đại Từ là hoàn toàn đúng đắn và có hiệu quả.

Ngay sau khi Trung đội dân quân xã Hà Thượng bắn rơi máy bay phản lực RF4C của đế quốc Mỹ bằng súng bộ binh, các đồng chí Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng), Ma Văn Viên (Tỉnh đội phó) đã trực tiếp xuống xã Hà Thượng nghiên cứu cách tổ chức, bố trí trận địa phục kích, đón lõng bắn máy bay địch để chỉ đạo phổ biến nhân rộng ra lực lượng dân quân, tự vệ toàn tỉnh.

Cũng trong ngày 1/8/1966, từ 13 giờ 20 phút, đến 17 giờ 30 phút, giặc Mỹ cho máy bay vào đánh phá ác liệt thành phố Thái Nguyên. Với quyết tâm bảo vệ thành phố và Khu Công nghiệp luyện kim đầu tiên của Tổ quốc, một đơn vị tên lửa bảo vệ thành phố Thái Nguyên đã phóng đạn kịp thời, bắn 1 chiếc máy bay F105 của giặc Mỹ bốc cháy, lao xuống xã Bình Dân (huyện Đại Từ). Tên trung úy phi công lái chiếc máy bay Mỹ này nhảy dù xuống, bị quân, dân huyện Đại Từ bắt sống. Do bị thương quá nặng, tên giặc Mỹ lái chiếc máy bay này đã bị chết trên đường đưa về Hà Nội.

Ngày 7/8/1966, máy bay Mỹ ném 8 quả bom phá xuống xóm Liên Giới (xã Hùng Sơn), làm chết 1 người. Ngày 12/8/1966, 9 lần tốp, 25 lần chiếc máy bay Mỹ các loại F105, FR101 vào đánh phá và trinh sát nhiều mục tiêu nằm

trên địa bàn Thái Nguyên. Tại huyện Đại Từ, máy bay Mỹ ném 2 quả bom phá và 2 quả bom bi mẹ xuống Kho xăng, dầu Cù Vân.

Trùng trị giặc Mỹ, các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên đã đánh trả quyết liệt, bắn rơi 2 máy bay Mỹ; trong đó, có 1 chiếc rơi xuống xã Văn Yên. Tại xã Văn Yên, nữ dân quân Phạm Thị Ngồng (vợ bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường miền Nam, mới sinh con trai được 7 tháng) đang vác cào cỏ lúa ra đồng làm việc, thì phát hiện có máy bay Mỹ bốc cháy, tên giặc lái máy bay Mỹ nhảy dù đang rơi về phía xóm Bầu. Không chần chừ, chỉ với chiếc cào cỏ lúa trên tay, Phạm Thị Ngồng đã nhanh chóng lao về phía chiếc dù đang rơi xuống. Khi tên giặc lái máy bay Mỹ chân vừa chạm đất, chưa kịp tháo dù, cũng là lúc nữ dân quân Phạm Thị Ngồng xông tới, chĩa chiếc cào cỏ lúa sát ngực tên phi công Mỹ, hô lớn giơ tay lên. Không biết tiếng Việt, nhưng thấy động tác sử dụng vũ khí dứt khoát của Phạm Thị Ngồng, tên giặc lái máy bay Mỹ hết hoảng sợ hai tay lên trời. Đúng lúc đó, lực lượng dân quân trong xã cũng kịp thời ập tới, cùng với nữ dân quân Phạm Thị Ngồng tước súng ngắn, tài liệu và trói tên giặc lái máy bay Mỹ giải lên Ban Chỉ huy Huyện đội. Hành động dũng cảm của nữ dân quân Phạm Thị Ngồng đã góp phần tô thắm thêm chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, ghi đậm thêm truyền thống chiến đấu kiên cường, bất khuất của lực

lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ.

Trong thời gian này, cũng tại xã Văn Yên, trong số 6 quả bom phá do máy bay Mỹ ném xuống cánh đồng Đầm Chấm chiều ngày 14/8/1966, có 1 quả chưa nổ, làm cho nhân dân trong xã không dám ra đồng cày, cấy. Trước tình hình đó, Ban Chỉ huy Xã đội Văn Yên chủ trương cho một dân quân ra ngồi trên quả bom chưa nổ để nhân dân noi gương ra đồng cày, cấy. Chủ trương trên của Ban Chỉ huy Xã đội Văn Yên đã được nữ dân quân Lý Thị Dầu (21 tuổi, vợ bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường xa) xung phong thực hiện. Trước Ban Chỉ huy Xã đội, nữ dân quân Lý Thị Dầu đồng dạc hứa :Tôi sẽ làm tròn nhiệm vụ của tôi. Nếu tôi có chết, Ban Chỉ huy Xã đội và bạn bè nhớ truy điệu. Tôi như một người lính trên chiến trường. Hành động dũng cảm của Lý Thị Dầu khiến mọi người khâm phục. Nhân dân xã Văn Yên yên tâm ra cánh đồng Đầm Chấm cày, cấy hết diện tích.

Trước tình hình giặc Mỹ leo thang đánh phá địa bàn Thái Nguyên ngày càng ác liệt, ngày 20/8/1966, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái ra Chỉ thị số 27 *"Về việc đẩy mạnh công tác phòng không sơ tán"*. Thực hiện Chỉ thị số 27 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đoàn Cán bộ kiểm tra công tác phòng không sơ tán của tỉnh xuống kiểm tra các xã và đơn vị dọc theo trục đường từ ngã ba Bờ Đậu (huyện Phú Lương) đến thị trấn Đại Từ. Qua kiểm tra, Đoàn Cán bộ của tỉnh kết luận: Các xã và cơ quan, đơn vị trong huyện Đại Từ đều

quán triệt tốt Chỉ thị 27 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đến cán bộ và nhân dân; nhận thức của các cấp chính quyền, đoàn thể và nhân dân về công tác phòng không sơ tán được nâng lên; hầm, hố trú ẩn và giao thông hào được thường xuyên tu sửa và làm mới; các kho tàng đã được phân tán hàng hoá và nguy trang. Tại xã An Khánh, nhân dân đã đào rất nhiều hầm, hố, phòng tránh cá nhân ở trong các làng, xóm và ngoài các cánh đồng, dọc hai bên đường từ xã An Khánh đến xã Cù Vân, có nhiều hộ gia đình đã đào tới 2, 3 hầm, hố để phòng, tránh.

Đoàn kiểm tra của tỉnh cũng thẳng thắn chỉ rõ: Thị trấn Đại Từ là một nơi tập trung đông dân, nhưng hầm, hào trú ẩn cũng không đảm bảo chất lượng; gia đình đồng chí Chủ tịch Thị trấn và gia đình một đồng chí Công an huyện không có hầm trú ẩn; ở các cửa hàng nông sản, thực phẩm, hầm, hố phòng không sụt lở, xuống cấp không được sửa chữa lại; bệnh viện không có hầm trú ẩn cho bệnh nhân; Trạm xá Thị trấn cũng không có hầm, hố trú ẩn cho cán bộ và nhân viên. Sau khi được Đoàn kiểm tra chỉ rõ các thiếu sót, khuyết điểm đó, Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện Đại Từ đã kịp thời đề ra nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục, góp phần hạn chế được tổn thất trong các đợt đánh phá rất ác liệt tiếp theo của máy bay địch.

Tháng 9/1966, giặc Mỹ huy động nhiều máy bay đánh phá địa bàn huyện Đại Từ 4 trận, ném 64 quả bom phá và

bom bi mìn, bắn nhiều loạt đạn tên lửa và rốc két xuống các khu vực xã Cù Vân, Đèo Khế, Mỏ than Làng Cẩm.

Ngày 2/11/1966, giặc Mỹ huy động 3 tốp, 12 máy bay ném 21 quả bom phá, 2 quả bom bi mìn và bắn nhiều loạt đạn rốc két xuống các khu vực đập Phụng Hoàng, núi Mỏ Sắt, Kho thóc, Cửa hàng Bách hoá (thuộc xã Cù Vân) và xóm Tân Phú (thuộc xã Bình Dân), làm chết 8 người, bị thương 13 người, phá hỏng 40 mét Đường 13A, làm cháy 11 gian nhà kho lương thực của huyện đang chứa 60 tấn gạo và 140 tấn thóc; kho của Hợp tác xã Tân Phú (xã Bình Dân) bị cháy, hỏng 3 tấn thóc giống và 30 kg hạt giống rau các loại.

Ngay sau khi tiếng bom, đạn Mỹ vừa dứt, khói bom, đạn còn bay mù mịt, mùi thuốc bom, thuốc đạn cháy khét lẹt, tại xã Cù Vân, 320 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và nhân dân huyện Đại Từ, cùng với 60 học sinh Trường Trung cấp Công nghiệp của tỉnh đã kịp thời dập lửa, cứu kho, vận chuyển hết số thóc, gạo chưa bị cháy ở trong kho đến nơi an toàn; san lấp hố bom, đảm bảo cho đoạn Đường 13A qua địa bàn huyện được kịp thời thông suốt. Tại xã Bình Dân, quân và dân trong xã đã kịp thời vận chuyển 10 tấn thóc giống trong kho của hợp tác xã đến nơi an toàn.

Ngày 7/11/1966, máy bay Mỹ ném tiếp 8 quả bom phá, 4 quả bom bi mìn xuống các xã Tân Thái, Phúc Thọ, Bình

Dân, Tân Thành, làm chết 1 người, 2 người mất tích, 2 người bị thương, phá hỏng 2 ngôi nhà và làm bị thương 6 con trâu.

Mười ba ngày đầu tháng 12/1966, máy bay Mỹ đã đánh phá địa bàn huyện Đại Từ 7 trận, ném 24 quả bom phá, 6 thùng bom bi mẹ và bắn 4 loạt đạn tên lửa xuống các xã Tân Thành, Bình Thuận, Trần Phú, An Khánh, Độc Lập, Bình Dân (trong đó, xã Tân Thành bị máy bay địch đánh phá 2 trận). Chiều ngày 2/12/1966, đơn vị tên lửa bảo vệ huyện Đại Từ và thành phố Thái Nguyên đã bắn 1 máy bay địch rơi xuống xóm Thái Hoà (xã Tân Thái); 2 tên giặc Mỹ lái máy bay nhảy dù, 1 tên rơi xuống sườn đồi thuộc xóm Đồng Hồng, 1 tên rơi xuống Đàm Thụt thuộc xóm Thác Vàng. Ngay khi phát hiện được máy bay Mỹ bị tên lửa ta bắn cháy, giặc Mỹ lái máy bay nhảy dù xuống địa bàn xã, đồng chí Ngô Trung Liên (Xã đội trưởng Tân Thái) đã lập tức đánh keng báo động, huy động dân quân và nhân dân trong xã bao vây, truy bắt giặc Mỹ lái máy bay. Với chiếc gậy gầy róm trên tay, đồng chí Ngô Trung Liên đã cùng với một chiến sĩ dân quân xã Tân Thái lao nhanh về phía chiếc dù và tên giặc Mỹ lái máy bay đang từ từ rơi xuống sườn đồi xóm Đồng Hồng. Khi hai chân tên giặc Mỹ lái máy bay vừa chạm đất, đồng chí Ngô Trung Liên và chiến sĩ dân quân xã Tân Thái cũng vừa lao tới. Chĩa thẳng chiếc gậy gầy róm vào người tên giặc Mỹ lái máy bay, đồng chí

Ngô Trung Liên hô lớn *Giơ tay lên*. Tên giặc lái máy bay Mỹ vội giơ hai tay lên đầu. Đồng chí Ngô Trung Liên và chiến sĩ dân quân xã Tân Thái xông vào tước súng ngắn, tài liệu và trói tên giặc lái máy bay Mỹ giải lên giao cho huyện.

Còn 1 tên giặc lái máy bay Mỹ nữa nhảy dù, chiến sĩ dân quân xã Tân Thái Lê Văn Tài với chiếc đòn càn (đòn bằng tre vót nhọn hai đầu) trong tay đã xông thẳng về phía Đàm Thụt thuộc xóm Thác Vàng, nơi chiếc dù và tên giặc lái máy bay Mỹ đang từ từ rơi xuống. Ngay khi tên giặc lái máy bay Mỹ vừa rơi xuống Đàm Thụt, chiến sĩ dân quân xã Tân Thái Lê Văn Tài đã lao tới, phang chiếc đòn càn vào tay tên giặc lái máy bay Mỹ, tước vũ khí, thu tài liệu và cùng với một số chiến sĩ dân quân khác vừa xông tới, trói tên giặc lái máy bay Mỹ, giải lên giao cho Huyện đội Đại Từ.

Hành động dũng cảm dùng gậy gậy rom và đòn càn xông vào bắt sống hai tên giặc Mỹ lái máy bay của Xã đội trưởng Ngô Trung Liên và chiến sĩ dân quân Lê Văn Tài một lần nữa làm sáng ngời phẩm chất anh hùng của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân huyện Đại Từ⁽¹⁾.

Trong gần bảy tháng cuối năm 1966, kể từ ngày đầu tiên

⁽¹⁾ Hành động dũng cảm đó của Xã đội trưởng Ngô Trung Liên và chiến sĩ dân quân Lê Văn Tài đã được đồng chí Phùng Văn Hòa, Bí thư Đảng ủy xã Tân Thái tức cảnh thành thơ: "*Sáu sáu vào cuối mùa Thu, Hai tên giặc lái nhảy dù xuống đây, "Cò leo", "Đòn ống" bủa vây, Bắt sống giặc lái tở thầy leo thang, Phận lực tên lừa cắt ngang, Rơi xuống hồ Cốc cát vàng phủ lên, Chiến công lịch sử ghi tên..."*

đánh phá Đại Từ (21/6/1966), máy bay Mỹ đã trút xuống Đại Từ 255 quả bom phá, 12 quả bom bi mẹ và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống địa bàn 13 xã trong huyện. Vượt lên trên đạn, bom ác liệt của giặc Mỹ, nhân dân và các lực lượng vũ trang huyện Đại Từ quen dần với nếp sống quân sự hoá, kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, giữ vững và phát triển sản xuất, bảo đảm mạch máu giao thông vận tải trên địa bàn huyện luôn luôn thông suốt. Tuy nhiên, do địch tập trung máy bay và bom đạn đánh phá ác liệt và sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không sơ tán của Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện có lúc, có nơi còn chưa thật kiên quyết, cụ thể và sâu sát, nên tổn thất về người và của của nhân dân Đại Từ năm 1966 là không thể tránh khỏi.

Bước sang năm 1967, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam ngày càng quyết liệt. Ngày 24/1/1967, giới chóp bu Mỹ và nguy quyền Sài Gòn họp ở Hônôlulu quyết định đẩy mạnh đánh phá bằng không quân, làm tê liệt hệ thống giao thông vận tải miền Bắc, nhằm triệt đường viện trợ từ ngoài vào Bắc Việt Nam, cắt đường tiếp tế vật chất và người từ miền Bắc vào miền Nam. Tập đoàn không quân số 7 của Mỹ được quyền đánh phá vào toàn bộ các mục tiêu kinh tế, quốc phòng kho nhiên liệu, giao thông vận tải ở miền Bắc.

Trước tình hình máy bay địch đánh phá ác liệt, thực hiện

Chỉ thị ngày 25/6/1967 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*một tháng đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân*” (từ cuối tháng 3 đến cuối tháng 4/1967) và kế hoạch “Một tháng làm hầm, hào” của Ban Chỉ huy Tỉnh đội, Đoàn Cán bộ của tỉnh xuống kiểm tra tình hình ở huyện Đại Từ. Qua kiểm tra, Đoàn Cán bộ của tỉnh đã phát hiện Ủy ban Hành chính huyện Đại Từ chưa có kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho các xã. Đoàn đã kịp thời chỉ đạo Ủy ban Hành chính huyện triển khai sửa chữa, khắc phục.

Đầu tháng 5/1967, Ủy ban Hành chính huyện Đại Từ ra Chỉ thị về công tác phòng không nhân dân, chỉ rõ các chợ ở thị trấn Đại Từ và các xã Cù Vân, Yên Lãng, Phú Minh không được họp trước 5 giờ chiều; chợ nào chưa có đủ hầm, hào, hoặc hầm, hào có nhưng chưa đảm bảo chất lượng, không được họp; các xã nằm trên các trục đường từ thị trấn Đại Từ đi các xã Ký Phú, An Mỹ, Phú Minh, Minh Tiến và Cù Vân đi An Khánh phải tiếp tục đào thêm hầm, hố phòng không hai bên đường cho người qua lại.

Về phía địch, 4 tháng đầu năm 1967, máy bay Mỹ chỉ đánh phá huyện Đại Từ một trận vào ngày 23/4/1967. Trong trận này, máy bay Mỹ ném 2 quả bom bi mẹ xuống xã Bình Dân. Tháng 5/1967, liên tiếp trong các ngày 3, 4 và 5, máy bay Mỹ ném 18 quả bom phá và bom bi xuống các xã Tân Thái, Hà Thượng, An Mỹ, Hùng Sơn,

Phú Xuyên, làm chết 5 người, bị thương 19 người, cháy đổ 17 ngôi nhà. Trong các ngày 10, 14 và 20/5/1967, máy bay Mĩ tiếp tục ném 22 quả bom phá xuống các xã Phú Xuyên, Yên Lãng, An Mỹ. Tại xã Phú Xuyên, máy bay Mĩ ném xuống 14 bom phá. Do nhân dân trong huyện thực hiện tốt công tác phòng không, sơ tán, nên toàn huyện chỉ có 2 người bị thương nhẹ.

Sáu tháng cuối năm 1967, máy bay địch đánh phá huyện Đại Từ 24 trận, ném 126 quả bom phá, 31 quả bom bị mẹ và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống các xã Vinh Quang, Cù Vân, Độc Lập, Hùng Cường, Phú Xuyên, Trần Phú, An Mỹ, Đoàn Kết, Yên Lãng, Hùng Sơn, Văn Yên, Tân Thành, làm chết 20 người, bị thương 35 người. Trong đó, trận máy bay Mĩ ném 48 quả bom phá xuống xã Cù Vân ngày 17/10/1967 làm chết 5 người, bị thương 5 người, phá huỷ 3 ngôi nhà, làm chết 4 con trâu, bò, lợn... Các trận ngày 18 và ngày 24/10, máy bay Mĩ ném 10 quả bom phá, 4 quả bom bị mẹ xuống các xã Văn Yên, Yên Lãng, làm chết 6 người, bị thương 7 người, giết hại 11 con trâu, bò.

Trên chiến trường miền Nam, đúng vào đêm giao thừa Tết Mậu Thân 1968, quân và dân ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, đồng loạt tiến công vào 4 trên 6 thành phố, 37 trên 44 thị xã và hàng trăm quận lỵ, thị trấn. Ở vùng nông thôn nhân dân nổi dậy giành chính quyền làm

chủ nhiều vùng rộng lớn. Hoà chung với khí thế Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam, thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện Đại Từ đẩy mạnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng tránh và đánh địch. Công tác phòng không sơ tán được quân và dân trong huyện đặt lên hàng đầu, do đó đã hạn chế được nhiều tổn thất do máy bay Mỹ đánh phá gây ra.

Ngày 5/1/1968, máy bay Mỹ ném 4 bom bi mẹ và 2 bom phá xuống ba xã Vinh Quang, Đức Lương, Thắng Lợi, làm chết 3 người và bị thương 10 người. Đặc biệt, ngày 18/1/1968, giặc Mỹ tập trung huy động máy bay ồ ạt vào ném 29 quả bom phá, 10 quả bom bi mẹ xuống địa bàn bảy xã Hùng Sơn, Hà Thượng, Vinh Quang, An Mỹ, Đoàn Kết, Tiến Bộ, Phục Linh, làm chết 1 người, bị thương 24 người, cháy 1 tấn thóc và chết 2 con trâu, 2 con lợn. Ngày 6/3/1968, máy bay Mỹ tiếp tục ném 4 quả bom xuống xóm Đồng Tiên (xã Tân Thái) và xóm Tiên Phong (xã Lục Ba), làm chết 1 người, bị thương 9 người và chết 6 con trâu.

Trong bom đạn ác liệt, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Đại Từ vẫn hoàn thành tốt công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu, góp phần cùng quân và dân Thái Nguyên bắn rơi 2 máy bay Mỹ, đưa số máy bay Mỹ bị quân, dân miền Bắc bắn rơi trong quý 1/1968 lên 73 chiếc.

Bị thất bại nặng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam, cộng với sự thiệt hại nặng về số lượng máy bay bị bắn rơi trong chiến tranh phá hoại miền Bắc, ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ Giôn xon buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và không ra tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ II vào tháng 11/1968; chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ ta tại Hội nghị hai bên ở Pari (thủ đô nước Pháp).

Trải qua gần 1 năm 9 tháng leo thang đánh phá huyện Đại Từ (kể từ trận đầu tiên máy bay Mỹ ném bom kho xăng Cù Vân ngày 21/6/1966, đến trận cuối cùng máy bay Mỹ ném bom xuống hai xã Lục Ba và Tân Thái ngày 6/3/1968), đế quốc Mỹ đã huy động hàng trăm lần chiếc máy bay, ném 407 quả bom phá, 21 quả bom hơi, 69 bom bi mẹ, xuống địa bàn 24 xã⁽¹⁾ trên tổng số 30 xã trong huyện, làm chết 53 người, bị thương 154 người, phá huỷ 57 ngôi nhà, giết hại 41 con trâu, bò và phá huỷ hơn 11 tấn thóc...

Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã chiến đấu và phục vụ chiến đấu kiên cường, dũng cảm,

⁽¹⁾ 24 xã: Cù Vân, Bình Thuận, Bình Dân, Tân Thái, Phúc Thọ, Tân Thành, Trần Phú, An Khánh, Độc Lập, Hà Thượng, An Mỹ, Hùng Sơn, Phú Xuyên, Lục Ba, Yên Lãng, Phúc Linh, Quân Chu, Vinh Quang, Hùng Cường, Đoàn Kết, Văn Yên, Đức Lương, Thắng Lợi, Tiến Bộ.

bắn rơi 1 chiếc máy bay phản lực trinh sát RF4C của giặc Mỹ bằng súng bộ binh, bắt sống 3 tên giặc lái máy bay Mỹ bằng những chiếc cào cỏ lúa, đòn càn và "cò leo" (gậy gậy rom).

Trong chiến tranh ác liệt, nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ vừa đảm bảo chiến đấu và phục vụ chiến đấu tốt, vừa đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến và huy động sức người, sức của chi viện chiến trường.

Năm 1967, hưởng ứng phong trào thi đua làm thủy lợi *"Rực lửa đêm đông, kiến thiết ruộng đồng, lập công dâng Đảng, đánh Mỹ cứu nước"* do Huyện uỷ và Uỷ ban Hành chính huyện Đại Từ phát động, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang toàn huyện đã đào, đắp 124.763 mét khối đất, đá; xây dựng 18 công trình thủy lợi lớn nhỏ; tu sửa và làm mới được hàng trăm km nương, máng tưới, tiêu; khai hoang, phục hoá và kiến thiết được 1.310 ha ruộng có bờ vùng, bờ thửa. Do làm tốt công tác thủy lợi, nên cả diện tích gieo trồng, sản lượng và năng suất lúa đều tăng (riêng diện tích gieo, trồng toàn huyện tăng lên 1.000 mẫu). Năm 1967, huyện Đại Từ không những tự cân đối được lương thực, mà còn làm nghĩa vụ đối với Nhà nước được 6.500 tấn lương thực (vượt 2.100 tấn so với năm 1966). Với những thành tích xuất sắc đó, cán bộ và nhân dân huyện Đại Từ đã được Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Ba, cán bộ và nhân dân xã Hà Thượng được

tặng Huân chương Lao động hạng Nhất, cán bộ và xã viên hai hợp tác xã Thành Công và Đông Quan được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Ngoài thủy lợi nhỏ, Đại Từ tập trung xây dựng hai công trình thủy nông lớn là đập Phụng Hoàng và đập Rừng Chùa (riêng đập Phụng Hoàng có trữ lượng 6 triệu mét khối nước, đảm bảo tưới cho 1.000 mẫu ruộng). Trong thời gian từ tháng 10/1965 đến tháng 3/1968, nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện đã đóng góp 809.279 ngày công, đào, đắp 149.934 mét khối đất, đá, khai thác và vận chuyển được 130.029 mét khối đá hộc để xây dựng 16 công trình thủy lợi loại lớn, vừa, 70 công trình loại nhỏ⁽¹⁾.

Năm 1968, toàn huyện đã có 40% diện tích cấy lúa được phủ bèo hoa dâu; 9 giống lúa mới có năng suất cao được huyện chỉ đạo đưa vào cấy thay dần cho giống lúa địa phương có năng suất thấp, kháng bệnh kém. Vụ xuân 1968, Đại Từ đã cấy thêm được 77 ha lúa ngoài kế hoạch. Hai xã Phú Thịnh, Yên Lãng trồng được hàng chục ngàn cây ăn quả và cây lấy gỗ. Khoảng 50% diện tích lúa chiêm của huyện được cấy đúng kỹ thuật, làm cỏ sục bùn, phòng trừ sâu bệnh, bón thúc kịp thời vụ, nên năng suất và sản lượng đều đạt từ 44 tạ/ha trở lên, đặc biệt có 5 xã và 23 hợp tác

⁽¹⁾ Báo cáo thành tích sản xuất của Huyện ủy Đại Từ ngày 2/1/1970, Hồ sơ 233, Lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên

xã đạt năng suất từ 50 tạ đến 64 tạ/ha lúa chiêm. Các hợp tác xã trong huyện thành lập được 73 tổ khoa học kỹ thuật làm nhiệm vụ hướng dẫn xã viên các hợp tác xã áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Kết quả sản xuất nông nghiệp của Đại Từ từ năm 1965 đến năm 1968 đã được Tỉnh uỷ Bắc Thái đánh giá: *"Huyện Đại Từ đã kiên trì chỉ đạo cấy giống lúa mới ngay từ những năm chiến tranh phá hoại lần I. Đại Từ không những tạo được sự nhất trí cao trong các cấp, các ngành mà còn có tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm"*. Tổng sản lượng lúa của huyện trong năm 1967 đạt 26.397 tấn; so với năm 1966, năng suất tăng 4%, sản lượng tăng 8%; tỉ trọng hoa màu tăng từ 1,6% (năm 1966), lên 1,93% (năm 1967).

Ngoài ra, Đại Từ còn chú trọng phát triển cây công nghiệp lâu năm. Đầu năm 1968, Đại Từ đã có 20 cơ sở ở các xã Yên Lãng, Hà Thượng, Lục Ba, Bình Thuận, Phú Xuyên, Minh Tiến, Thắng Lợi, với 495 hộ gia đình trồng cây công nghiệp. Cây chè là đặc sản của huyện, nên được nhân dân trồng với diện tích lớn hơn nhiều so với các loại cây khác. Diện tích cây chè tăng từ 153 ha (năm 1965), lên 368 ha (năm 1967), tăng 137,8%; sản lượng chè cũng tăng từ 24.553 kg (năm 1965), lên 25.835 kg (năm 1967) và

32.644 kg (năm 1968)⁽²⁾.

Phong trào củng cố và xây dựng hợp tác xã được Huyện ủy đã đặc biệt quan tâm lãnh đạo. Số hộ vào hợp tác xã trong huyện tăng 81% (năm 1965), lên 90% (năm 1968); chỉ còn 10 % gia đình sống rải rác ở các vùng sâu, vùng xa chưa vào hợp tác xã. Số hợp tác xã bậc cao của huyện cũng tăng từ 10% (năm 1965), lên 90% (năm 1968). Tuy nhiên, sự hoạt động của các hợp tác xã không đều, tỉ lệ hợp tác xã trung bình và kém còn chiếm tới 50%.

Công tác đảm bảo giao thông vận tải thời chiến luôn được các cấp bộ Đảng, chính quyền trong huyện coi trọng. Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện đã thành lập Ban Đảm bảo Giao thông - Vận tải thời chiến huyện, do đồng chí Dương Đức Thành (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện) làm Trưởng ban; các đồng chí Dương Văn Ngư (cán bộ Huyện đội) và Lâm Văn Quang (Trưởng phòng Giao thông huyện) làm Phó ban.

Đến tháng 9/1966, Ban Đảm bảo Giao thông - Vận tải thời chiến huyện đã giúp Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành huy động nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện làm được 10 km đường vòng Đèo Khế sang Sơn Dương (tỉnh Tuyên

⁽²⁾ Báo cáo Tổng kết hợp tác hóa nông nghiệp 10 năm của huyện Đại Từ. Hồ sơ số 92, Lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Quang), sửa chữa 8 km đường từ Cù Vân đi ga Quan Triều, 12 km đường từ Quán Ông Già (Phú Minh) qua Phúc Lương, ra Hợp Thành (Phú Lương) và làm mới đường từ Lục Ba qua Phúc Thọ sang Phú Xuyên dài 18 km. Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã trồng hàng ngàn cây chuối dọc hai bên Đường 13A (đoạn từ Cù Vân đi Yên Lãng) và đường từ thị trấn Đại Từ đi Ký Phú để nguy trang chống máy bay địch phát hiện, đánh phá.

Ngoài ra, Ban Đảm bảo Giao thông - Vận tải thời chiến huyện còn chuẩn bị dự phòng cho Cầu Trà 200 mét khối đá hộc và 100 tấm ván; dự phòng vá đường vòng cầu Huy Ngạc 1.500 lưới sắt, 300 rọ đá và chuẩn bị sẵn 300 bó đuốc, sẵn sàng phục vụ cho lực lượng vũ trang nhân dân huyện và các đội ứng cứu giao thông sửa chữa đường vào ban đêm. Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị, nên khi bị máy bay địch đánh phá, giao thông vận tải thời chiến trên địa bàn huyện Đại Từ vẫn luôn đảm bảo thông suốt.

Tiếp tục phát huy truyền thống của ông cha thời kì kháng chiến chống Pháp, trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lớp lớp con em nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ hăng hái tòng quân ra mặt trận chiến đấu chống quân xâm lược. Năm 1966, nhân dân huyện Đại Từ đã tiễn đưa 874 con, em ưu tú của mình lên đường đánh Mỹ, vượt chỉ tiêu trên giao 5% . Trong số 874 con em của Đại Từ lên đường đánh Mỹ năm 1966, có 37 người là đảng

viên, 463 người là đoàn viên, 816 người là cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ. Năm 1967, huyện Đại Từ tiếp tục hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân cả năm. Trong số 220 thanh niên huyện Đại Từ lên đường nhập ngũ năm 1967, có nhiều thanh niên được tuyển vào xây dựng Tiểu đoàn 68 (Tiểu đoàn quân tăng cường cho chiến trường miền Nam của tỉnh Bắc Thái). Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ, mà trực tiếp là nhân dân xã Vạn Thọ đã đóng góp nhiều công, sức để xây dựng nơi ăn, chốn ở cho cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68, góp phần đảm bảo cho 633 cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68 huấn luyện tốt, rèn luyện sức khoẻ dẻo dai, đủ sức vượt Trường Sơn vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ. Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 của quân và dân miền Nam, *“sức của ta đã hao mòn và giảm sút đi nhiều, cơ sở chính trị bộc lộ và bị tan rã, căn cứ đóng quân của ta ở các vùng nông thôn bị lỏng”⁽¹⁾*, ta bị *“tổn thất, mất đất, mất dân, thương vong nhiều, ảnh hưởng kéo dài nhiều đến những năm sau”⁽²⁾*. Tình hình đó đòi hỏi hậu phương lớn miền Bắc phải khẩn trương chi viện số lượng lớn sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam. Chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 của huyện Đại Từ tăng gấp 2,85 lần năm 1965, 1,41 lần năm 1966 và 5,64 lần năm 1967.

(1), (2) – Tổng kết Bộ Tổng Tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, NXBQĐND, Hà Nội 1997, trang 125.

Công tác động viên tuyển quân trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất trong công tác quân sự địa phương năm 1968 của huyện Đại Từ. Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyển quân năm 1968 trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn mới. Một là, qua các đợt tuyển quân hai năm 1966, 1967, lực lượng dự bị của huyện ngày càng giảm dần, trong khi chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 cao gấp nhiều lần và đối tượng tuyển chủ yếu là thanh niên từ 18 tuổi đến 25 tuổi; hạn chế tuyển những người trên 30 tuổi, những người có hoàn cảnh gia đình khó khăn và những người có từ 3 con trở lên. Hai là, do chiến tranh ác liệt và kéo dài, nên trong một số thanh niên đã xuất hiện tư tưởng ngại gian khổ, ngại hi sinh; nhiều gia đình không muốn cho con, em mình đi bộ đội.

Trước tình hình trên và rút kinh nghiệm các đợt tuyển quân những năm trước, đầu năm 1968, Huyện ủy Đại Từ triệu tập Hội nghị quán triệt quyết tâm : Bất kì trong hoàn cảnh nào, cũng kiên quyết động viên đạt và vượt mức quân số, đảm bảo chất lượng tốt, thời gian nhanh, giao quân gọn và an toàn do Nghị quyết chuyên đề về công tác quân sự địa phương năm 1968 của Tỉnh ủy Bắc Thái đề ra. Tuyển quân đợt I năm 1968, huyện Đại Từ được tỉnh giao cùng với hai huyện Phổ Yên và Phú Lương tuyển 900 thanh niên vào bộ đội. Tuy là đợt tuyển quân hỗ trợ cho tuyển quân

đợt I của hai huyện Phô Yên và Phú Lương, nhưng Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện và Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự huyện Đại Từ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ như một đợt tuyển quân chính thức, từ khâu tổ chức khám tuyển đến khâu xét duyệt hồ sơ, nên chỉ sau 8 ngày kể từ khi nhận được lệnh, huyện Đại Từ đã hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân đảm bảo chất lượng, vượt thời gian quy định của Quân khu.

Qua công tác tuyển quân đợt I, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện và Ban Chỉ huy Huyện đội Đại Từ rút được một số kinh nghiệm : Một là, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong huyện phải quán triệt sâu sắc, đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường; để trên cơ sở đó có quyết tâm cao, có nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên, liên tục. Hai là, coi trọng công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục chính trị, động viên tư tưởng cho các đối tượng, đặc biệt là cho thanh niên. Ba là, quản lý chặt chẽ đối tượng động viên tuyển quân cả về số lượng và chất lượng.

Phát huy thành tích tuyển quân đợt I, huyện Đại Từ tiếp tục thực hiện thắng lợi tuyển quân đợt II. Sau khi giao quân đợt II xong, huyện Đại Từ tiếp tục được tỉnh giao tuyển quân đợt III. Đây là đợt tuyển quân huyện Đại Từ

được tỉnh giao chỉ tiêu lớn nhất từ trước đến lúc bấy giờ (so với năm 1967, chỉ tiêu tuyển quân đợt III của huyện lớn gấp 2,85 lần).

Thực hiện nhiệm vụ tuyển quân đợt III, sau khi đi quán triệt nhiệm vụ lãnh đạo công tác tuyển quân 6 tháng cuối năm, đặc biệt là công tác lãnh đạo tuyển quân đợt III năm 1968 ở tỉnh về, đồng chí Phạm Khánh Vân (Bí thư Huyện uỷ) đã tổ chức quán triệt nhiệm vụ công tác tuyển quân đợt III cho cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và Ban Chỉ huy Huyện đội. Ngành Y tế của tỉnh đưa các y, bác sĩ và phương tiện giúp huyện khám tuyển. Hưởng ứng phong trào thi đua *"Toàn dân chấp hành chính sách hậu phương quân đội"* do Ngành Thương binh - Xã hội tỉnh phát động, huyện Đại Từ đẩy mạnh việc giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có con em đang tại ngũ gặp khó khăn; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng vợ bộ đội, vợ liệt sĩ để đề bạt thành cán bộ. Kết quả, trong huyện đã có 5 vợ bộ đội được bầu làm Đại biểu Hội đồng Nhân dân xã và Ủy viên Ủy ban Hành chính xã.

Nhờ làm tốt công tác chấp hành chính sách hậu phương quân đội, nên các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội ở huyện Đại Từ đã giữ được cuộc sống sinh hoạt bình thường. Nhân dân các dân tộc trong huyện phấn khởi, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng, hăng hái động

viên con em mình lên đường đánh Mỹ. Tại xã Vinh Quang, vợ chồng ông Trần Văn Sơn đã cùng kí vào đơn, tha thiết đề nghị cho con trai mình là Trần Văn Bột (chưa đủ 18 tuổi) tình nguyện nhập ngũ. Bà Dương Thị Liên dẫn cả hai con trai lên xin huyện cho cùng nhập ngũ. Tại xã Cù Vân, cụ Ma Văn San (73 tuổi), tuy rất ít khi ra khỏi nhà, nhưng trong đợt tuyển quân này đã bảo cháu dẫn đến tận nhà động viên từng người sắp lên đường nhập ngũ.

Khi tân binh tập trung, chuẩn bị giao quân, các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện đã trực tiếp tiễn đưa, trao tặng cho anh em lên đường nhập ngũ lá cờ truyền thống của quê hương Đại Từ mang dòng chữ "Đèo Khế anh dũng" và "tặng các tân binh lên đường đánh Mỹ 30 chiếc lược khắc dòng chữ "1/8 - con em Đại Từ ra đi là chiến thắng" làm bằng xác chiếc máy bay Mỹ RF4C bị dân quân xã Hà Thượng bắn rơi ngày 1/8/1966 ⁽¹⁾. Nhờ làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, động viên, tuyên truyền, giáo dục, nên tuyển quân đợt III năm 1968, huyện Đại Từ đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu 0,72%. Cả năm 1968, huyện Đại Từ đã tuyển được 1.240 người vào bộ đội, vượt 0,5% chỉ tiêu trên giao. Với thành tích hoàn thành xuất sắc

⁽¹⁾ Theo Báo cáo sơ kết công tác động viên đợt 3 năm 1968 của UBND tỉnh Bắc Thái, trang 8— Lưu tại Chi cục Lưu trữ Sở nội vụ tỉnh Thái Nguyên:

nhệm vụ tuyển quân năm 1968, huyện Đại Từ vinh dự được Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt các tầng Bằng khen. Tính từ năm 1965 đến cuối năm 1968, Đại Từ có tỷ lệ người nhập ngũ so với số dân là 4,5% (trong đó xã Đức Lương đạt 6% (cao nhất huyện).

Bên cạnh những thành tích nêu trên, công tác tuyển quân chi viện chiến trường của huyện Đại Từ năm 1968 cũng còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Nổi lên là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo tuyển quân từ huyện xuống cơ sở còn thiếu nhạy bén; việc động viên, tuyên truyền chính sách tuyển quân chưa thật sâu, rộng trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là trong thanh niên, nên hiện tượng trốn lệnh khám tuyển và chống lệnh gọi nhập ngũ trong thanh niên xuất hiện và có chiều hướng gia tăng⁽¹⁾. Hiện tượng ngăn cản con em nhập ngũ và giữ không cho con đi bộ đội xuất hiện⁽²⁾.

^{(1) (2)} Theo *Báo cáo công tác tuyển quân năm 1968 của BCHQS tỉnh Bắc Thái – Lưu tại UBND tỉnh Thái Nguyên*:

- Dương Văn Chính ở xã Mỹ Yên nói “tội gì mà chết thay cho nó, đi thì lại phải trốn thôi. Các thanh niên đào ngũ về địa phương (Nguyễn Văn Phúc, Phạm Văn Sửu, Lưu Quang Trán, Nông Văn Hạ) khi được vận động trở lại quân đội đã nói “tôi làm đạt nghĩa vụ rồi, giờ tôi không đi nữa, nếu có bỏ tù thì sau khi ra tù tôi vẫn ở nhà”.

- Bà Lưu Văn Vay ở xã Vĩnh Quang ngăn cản không cho con nhận lệnh nhập ngũ. Bà nói với con “nếu mà ký vào lệnh tao sẽ chặt tay mày”.

Để khắc phục yếu kém, khuyết điểm trên và thực hiện Chỉ thị ngày 20/5/1969 về *"Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân năm 1969"* của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái, Huyện uỷ, Ủy ban Hành chính huyện Đại Từ đã đặt công tác tuyển quân bổ sung cho chiến trường lên hàng đầu, làm tốt công việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, động viên tư tưởng và triển khai thống kê nắm chắc thực lực, thực hiện tuyển quân. Kết quả, năm 1969, huyện Đại Từ tiến hành 2 đợt tuyển, huy động được 250 người vào bộ đội, đạt 99,2% chỉ tiêu (trong đó đợt I tuyển đạt 98% chỉ tiêu, đợt II vượt 1,2% chỉ tiêu). Trong ba năm tiếp theo (1970, 1971, 1972), huyện Đại Từ tuyển được 1.574 người vào bộ đội (năm 1970 tuyển được 253 người đạt 93,6%, năm 1971 tuyển được 520 người, năm 1972 tuyển được 801 người đạt 97%).

Song song với nhiệm vụ tuyển quân chi viện chiến trường, sau ngày giặc Mỹ tạm ngừng đánh phá miền Bắc, tranh thủ điều kiện hoà bình, quân và dân huyện Đại Từ đẩy mạnh phát triển sản xuất và củng cố phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Thực hiện Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị và Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái, sau khi chỉ đạo hai xã Phú Thịnh và Hà Thượng làm thí điểm, thực hiện Cuộc động viên chính trị *"Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"*, Huyện uỷ Đại Từ quyết định triển khai Cuộc động viên chính trị ra toàn huyện. Qua sơ

kết bước 1 Cuộc động viên chính trị, chỉ tính riêng 15 xã, nhân dân đã bán thóc tiết kiệm chống Mĩ cho Nhà nước được 40 tấn và bán thực phẩm được 78 con lợn, bằng 3.320 kg và 825 kg gà thịt. Các cụ phụ lão người Dao ở Hợp tác xã Tân Tiến (xã Đoàn Kết) đã ủng hộ đồng bào miền Nam 111 đồng. Năm 1969, toàn huyện Đại Từ có 95,4% số hộ nông dân đã vào hợp tác xã. Các hợp tác xã của đồng bào miền xuôi lên khai hoang, xây dựng và phát triển kinh tế miền núi ở huyện Đại Từ đã được sáp nhập vào các hợp tác xã sở tại; số hợp tác xã bậc cao chiếm tới 92% tổng số hợp tác xã trong huyện. Các hợp tác xã đã huy động hàng vạn ngày công của lực lượng dân quân và nhân dân làm thủy lợi và khai hoang, phục hoá đồng ruộng. Nhờ làm tốt công tác thủy lợi, Hợp tác xã Tiến Thành đã đưa diện tích cấy lúa hai vụ ăn chắc từ 87 ha (năm 1968), lên 170 ha (năm 1972). Hợp tác xã Thành Công đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật sản xuất ra nhiều của cải, không những ổn định đời sống nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước, mà đầu năm 1972, còn tích lũy được 249.000 đồng tiền vốn cố định, lượng tài sản cố định tăng bình quân hằng năm 10.000 đồng. Với thành tích đó, Hợp tác xã Thành Công được tỉnh công nhận là hợp tác xã tiên tiến, được chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Nhì, đồng chí Trương Văn Nho (Chủ nhiệm Hợp tác xã Thành Công) được Nhà nước tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động”.

Tuy nhiên, do trong huyện vẫn còn một số hợp tác xã cán bộ quản lí kém, sản xuất không phát triển, đời sống xã viên khó khăn, nên đã dẫn đến nguy cơ tan vỡ. Trước tình hình đó, Huyện ủy chủ trương tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho xã viên, động viên lực lượng dân quân làm nòng cốt trong việc xây dựng và củng cố các hợp tác xã.

Song song với nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Đại Từ tích cực chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng chống chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ hai của đế quốc Mỹ. Trong tháng 12/1970, Ban Chỉ huy Huyện đội đã hoàn thành tốt việc tiếp nhận vũ khí do Ban Chỉ huy Tỉnh đội cấp, gồm 5 khẩu súng tiểu liên, 2 khẩu súng trung liên, 10 khẩu súng trường và trên 20.000 viên đạn các loại để trang bị cho lực lượng dân quân, du kích và tự vệ các xã Hùng Sơn, Quân Chu và khối cơ quan huyện.

Năm 1971, Huyện đội Đại Từ tổ chức huấn luyện cho các cán bộ tiểu đội, trung đội dân quân, tự vệ về chiến thuật bao vây, lùng sục, phục kích, truy bắt biệt kích; tiểu đội, trung đội tập kích vận động tiến công kết hợp chốt, phục kích bắn máy bay bay thấp bằng các loại vũ khí, khí tài đã được trang bị.

Sau đòn giáng mạnh của quân và dân miền Nam trong

cuộc tiến công chiến lược từ cuối tháng 3 đến tháng 5/1972, đế quốc Mỹ đã đã tăng cường số tàu chiến ở Vịnh Bắc Bộ lên 66 chiếc (chiếm 60% tổng số tàu chiến và đồ bộ của Hạm đội 7), điều sang Đông Dương 337 máy bay chiến thuật, 50 máy bay ném bom chiến lược B52. Trước tình hình đó, Bộ Tổng Tham mưu chỉ thị cho các lực lượng vũ trang miền Bắc sẵn sàng đánh trả, nếu địch dùng không quân và hải quân đánh phá trở lại miền Bắc.

Để sẵn sàng đối phó với tình huống đế quốc Mỹ huy động máy bay đánh phá trở lại địa bàn huyện, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái⁽¹⁾, quý I/1972, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ xây dựng phương án tổ chức và bố trí lại lực lượng dân quân, tự vệ trên địa bàn huyện, gồm: 1 trung đội cơ động của huyện, 2 trung đội cơ động vùng, 8 trung đội và 19 tiểu đội cơ động xã, 1 đại đội (gồm 8 tổ) công binh được bố trí ở các xã dọc Đường 13A (Bờ Đậu - Đèo Khế) và dọc đường từ thị trấn Đại Từ đi Ký Phú - Cát Nê, 1 tiểu đội cối 82 bố trí ở xã Cù Vân, 6 khẩu đội súng máy cao xạ 12,7mm và 14,5mm bố trí ở hai xã Yên Lãng và Hùng Sơn. Tháng 4/1972, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ hoàn thành tốt việc

⁽¹⁾ Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quân sự địa phương từ tháng 8/1971, Ban Chỉ huy Tỉnh đội được đổi tên thành Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Ban Chỉ huy Huyện đội được đổi tên thành Ban Chỉ huy quân sự huyện.

thí điểm xây dựng phương án tác chiến bảo vệ khu vực, tổ chức 8 xã diễn tập đánh địch tập kết đường không và thả biệt kích bằng máy bay trực thăng xuống đánh phá các vùng xung yếu.

Ngày 6/4/1972, giặc Mỹ huy động trên 100 lần chiếc máy bay chiến thuật và một số tàu chiến đánh phá nhiều mục tiêu thuộc địa bàn Quân khu 4. Tiếp đó, chúng dùng máy bay chiến lược B52, ném bom rải thảm ở Vinh - Nghệ An (10/4/1972), Thanh Hoá (13/4/1972). Ngày 16/4/1972, đế quốc Mỹ huy động 270 lần chiếc máy bay các loại (có 9 lần chiếc B52), ồ ạt vào đánh phá ác liệt và ném bom rải thảm xuống thành phố Hải Phòng. Cùng ngày 16/4/1972, giặc Mỹ huy động 60 máy bay chiến thuật khác từ Thái Lan sang ồ ạt ném bom thủ đô Hà Nội. Hàng nghìn người dân ở Hải Phòng và Hà Nội đã bị chết và bị thương, 12 bể xăng và 7.000 phi dầu ở kho Đức Giang (Gia Lâm - Hà Nội) bị phá huỷ hoàn toàn. Cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ ồ ạt ngay từ đầu (kể cả dùng máy bay chiến lược B52 ném bom rải thảm). Bằng cách đó, chúng hi vọng có thể xoay chuyển được tình thế, ép ta chấp nhận những điều kiện do chúng đưa ra tại Hội nghị Pari.

Thủ đoạn đánh phá ồ ạt và gây nhiễu điện tử mạnh của địch đã làm cho các lực lượng phòng không của ta lúng túng, bộ đội cao xạ và bộ đội tên lửa của ta bắn rất nhiều

đạn nhưng không rơi được máy bay địch. Hưởng ứng lời kêu gọi ngày 16/4/1972 của Trung ương Đảng và Chính phủ : Mỗi công dân phải là một chiến sĩ kiên cường chống Mĩ cứu nước. Mỗi xí nghiệp, công trường, nông trường, đường phố phải là một chiến hào, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, hành động phiêu lưu quân sự của giặc Mĩ và tay sai và thực hiện Chỉ thị ngày 19/4/1972 của Ủy ban Hành chính tỉnh tăng cường công tác sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân dân trong tình hình hiện nay, các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã tập trung khẩn trương làm tốt việc sửa chữa, làm mới hầm, hố phòng tránh máy bay địch đánh phá và hầm hào, công sự chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

10 giờ 45 phút ngày 24/5/1972, hai tốp gồm 5 máy bay Mĩ bất ngờ lao tới ném 12 quả bom “tinh khôn” (bom có điều khiển bằng la de) và bắn một loạt đạn rốc két xuống Nhà máy điện Thái Nguyên, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mĩ vào địa bàn Thái Nguyên. Bom đạn Mĩ đã làm Nhà máy điện Thái Nguyên bị tổn thất nặng, phải ngừng sản xuất, tháo dỡ vật tư thiết bị đưa đi sơ tán. Tổn thất ở Nhà máy điện Thái Nguyên do máy bay địch bắn phá ngày 24/5/1972 chứng tỏ công tác chuẩn bị phòng tránh và đánh địch của quân và dân Thái Nguyên còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm, chưa đáp ứng kịp thời với quy mô và tính chất quyết liệt, dồn dập của cuộc chiến

tranh phá hoại lần này của địch. Sau tổn thất ở Nhà máy điện Thái Nguyên, quân và dân huyện Đại Từ đã kịp thời nghiên cứu, rút kinh nghiệm, tăng cường công tác phòng tránh và đánh địch.

Để kịp thời phát hiện máy bay bay thấp của địch, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ tổ chức xây dựng hai đài quan sát máy bay địch của dân quân, tự vệ và giúp Trung đoàn cao xạ 256 xây dựng hai trạm trinh sát máy bay địch ở Đèo Khế và Núi Pháo. Lực lượng trinh sát, quân báo của dân quân, tự vệ ở các xã, cơ quan, đơn vị được củng cố gồm 87 cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ trinh sát, phát hiện máy bay địch và thông báo, báo động phòng không cho nhân dân.

Nhằm tăng cường lực lượng đảm bảo giao thông vận tải thời chiến trên địa bàn huyện khi máy bay địch đánh phá, tháng 6/1972, Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng công binh của dân quân, tự vệ, chủ yếu là tập huấn cho các tổ, đội công binh ở các xã dọc các tuyến giao thông chính (Đường 13A, đường từ thị trấn Đại Từ đi Ký Phú - Cát Nê). Nhằm tăng cường hỏa lực phòng không tầm thấp làm nhiệm vụ cơ động, phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp, Ban Chỉ huy quân sự huyện điều chỉnh, bố trí lại lực lượng phòng không của huyện gồm ba khẩu đội đại liên, 10 khẩu đội súng máy cao xạ 12,7mm, 14,5mm thành ba cụm trận địa ở ba xã Yên

Lăng, Ký Phú, Văn Yên, do một đồng chí Huyện đội phó trực tiếp chỉ huy, đồng thời chỉ đạo các xã, cơ quan, xí nghiệp xây dựng được 20 trận địa phòng không "*tay cày, tay súng*", "*tay búa, tay súng*", sẵn sàng lên trận địa chiến đấu khi có máy bay địch.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Phòng không nhân dân huyện, Ban Y tế phòng không huyện được kiện toàn, Bệnh viện huyện được trang bị thêm dụng cụ y tế và thuốc chữa bệnh làm nhiệm vụ cấp cứu phòng không tuyến II, trạm xá các xã cũng được trang bị thêm cáng, bông, băng,... làm nhiệm vụ cấp cứu phòng không tuyến I. Huyện xây dựng được 1 đội cứu thương cơ động gồm 30 người.

Từ tháng 6/1972, máy bay Mỹ liên tục vào đánh phá ác liệt xuống nhiều điểm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ, Định Hoá... Chỉ tính riêng tháng 10/1972, máy bay Mỹ đã đánh phá Thái Nguyên 46 trận (có 32 trận đánh đêm), ném 738 quả bom các loại và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa, làm chết 85 người, bị thương 117 người. Thực hiện Chỉ thị ngày 20/10/1972 về "*công tác phòng không nhân dân*" của Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện Đại Từ duy trì chặt chẽ chế độ thường trực chiến đấu, tỉnh táo, cảnh giác, chủ động đánh địch không kể ngày, đêm; tổ chức thêm các trận địa cơ động, phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp. Thực hiện Quyết định ngày

5/12/1972 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ tổ chức thành lập Đại đội 75 dân quân du kích huyện, trang bị súng máy cao xạ 12,7mm và 14,5mm, làm nhiệm vụ cơ động, phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp.

Sau hơn hai tháng tạm ngừng đánh phá miền Bắc, ngày 17/12/1972, giặc Mỹ cho máy bay ném bom trở lại tỉnh Thái Bình, thả thủy lôi và bắn tên lửa xuống cảng và thành phố Hải Phòng. Từ ngày 18 đến ngày 29/12/1972, đế quốc Mỹ đã huy động 4.000 lần chiếc máy bay chiến thuật, gần 700 lần chiếc máy bay ném bom chiến lược B52, mở cuộc tập kích đường không chiến lược quy mô lớn vào thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các tỉnh Bắc Thái, Lạng Sơn,... gây nhiều tội ác "trời không dung, đất không tha" đối với nhân dân ta. Tại huyện Đại Từ, 22 giờ 30 phút ngày 26/12/1972, giặc Mỹ huy động máy bay B52 và máy bay F111 "cánh cụp, cánh xòe" ném bom rải thảm xuống xã Phú Xuyên, làm chết 36 người, bị thương 1 người, phá huỷ nhiều nhà cửa, tài sản, hoa màu của nhân dân. Ngay sau khi nhận được tin máy bay địch ném bom rải thảm xuống xã Phú Xuyên, các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện, Công an bag Ban Chỉ huy quân sự huyện đã nhanh chóng xuống hiện trường trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết hậu quả.

Cùng với nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, năm

1972, nhân dân Đại Từ đã làm tốt công tác đóng góp lương thực, thực phẩm hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đến tháng 11/1972, nhân dân Đại Từ đã nhập kho Nhà nước được 393 tấn thóc (có 223 tấn thóc nghĩa vụ và 170 tấn thóc bán giá cao). Xã Bình Thuận là đơn vị dẫn đầu các xã trong huyện về hoàn thành nghĩa vụ lương thực và đóng thuế năm 1972. Nhân dân trong huyện còn giao cho Nhà nước hơn 169,9 tấn thịt lợn hơi theo nghĩa vụ (tăng 1,4% so với năm 1971), 22,5 tấn thịt lợn giá cao, 41,9 tấn thịt trâu, 2,37 tấn gà, vịt và 268 tấn rau. Ngoài ra, nhân dân Đại Từ còn bán cho Nhà nước 673,5 kg chè búp khô (vượt 11% so với năm 1971).

Công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường tiếp tục được Ban Thường vụ Huyện uỷ, Thường trực Ủy ban Hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, trực tiếp giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của nhân dân. Huyện uỷ, Ủy ban Hành chính huyện huy động cán bộ chủ chốt của các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện xuống các xã làm nhiệm vụ vận động, đôn đốc, kiểm tra công tác tuyển quân. Ban Chấp hành Huyện đoàn Thanh niên phát động phong trào "*Trần Quốc Toản ra quân*", Huyện Hội Phụ nữ phát động phong trào "*Trung Trắc phát cò*", Hội Phụ lão huyện tổ chức "*Hội nghị Diên Hồng chống Mỹ cứu nước*". Những việc làm đó đã góp phần động viên lực lượng thanh niên huyện Đại Từ hăng hái lên đường đánh

Mĩ. Kết quả, năm 1972, nhân dân huyện Đại Từ đã động viên được 801 người vào bộ đội, đạt 97% chỉ tiêu trên giao. Sở dĩ chỉ hoàn thành được 97% chỉ tiêu tuyển quân, là do công tác giáo dục chính trị, tư tưởng làm chưa mạnh mẽ và sâu sắc; công tác thông kê tuyển quân làm chưa chặt chẽ, chưa thành nền nếp; Lãnh đạo các xã Phú Thịnh, Phúc Thọ, Phúc Linh, La Bằng, Na Mao, Cát Nê..., chưa nắm chắc lực lượng dự bị, nên khi công tác tuyển quân gặp khó khăn, phức tạp thì bị động, lúng túng. Mặt khác, lãnh đạo huyện và xã còn tỏ ra hữu khuynh với số quân nhân đào ngũ về địa phương và số thanh niên trốn lệnh, chống lệnh gọi nhập ngũ; công tác khen thưởng gia đình quân nhân cũng chưa được lãnh đạo, chỉ đạo quan tâm giải quyết kịp thời. Các thiếu sót, khuyết điểm trên đã được Ban Chỉ huy quân sự huyện phát hiện, phân tích, chỉ rõ nguyên nhân và phương hướng khắc phục trong những năm sau.

Bị thất bại nặng nề trong cuộc tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B52 ném bom xuống thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và một số tỉnh, thành phố khác trên miền Bắc 12 ngày, đêm cuối tháng 12/1972, ngày 27/1/1973, đế quốc Mỹ buộc phải kí *Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam*, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta và rút hết quân viễn chinh, quân chư hầu, các nhân viên, cố vấn quân sự Mỹ về nước...

Cùng với quân và dân trong tỉnh, quân và dân huyện Đại Từ tập trung đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, tiếp tục huy động sức người, sức của chi viện cho quân và dân miền Nam đánh Mỹ. Để đảm bảo an toàn cho nhân dân và các cơ quan, xí nghiệp đẩy mạnh sản xuất, công tác rà, phá, thu nhặt bom, đạn của địch chưa nổ trở thành một nhiệm vụ hết sức cấp bách.

Đầu năm 1973, một số cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ của huyện sau khi đi tập huấn cách lập hồ sơ và cách rà phá, tháo, gỡ bom, đạn chưa nổ ở tỉnh về đã triển khai việc điều tra, phát hiện và tháo gỡ bom chưa nổ nằm trên địa bàn huyện. Quán triệt tinh thần chỉ đạo *"đào, phá mỗi quả bom được coi như là một trận đánh"* của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Ban Chỉ huy quân sự huyện trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ việc huy động nhân lực và phương tiện đào, phá từng quả bom. Kết quả, sau hai năm từ 1973 đến 1974, trong toàn huyện lực lượng dân quân, tự vệ đã đào, phá được 20 quả bom chưa nổ. Nhờ đó, cán bộ, nhân dân trong huyện an tâm tư tưởng, khẩn trương bắt tay khôi phục và phát triển sản xuất.

Sau Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết, thực hiện Chỉ thị của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái *"Xây dựng dân quân, tự vệ vững mạnh toàn diện, đi vào nền nếp, có chất lượng, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu làm nòng cốt xung kích cho mọi công*

tác ở địa phương"⁽¹⁾, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ tổ chức Hội nghị quán triệt tình hình, nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ cho các xã đội, cán bộ tự vệ các cơ quan, ban, ngành của huyện. Ban Chỉ huy quân sự huyện và các Ban Chỉ huy quân sự xã xem xét đưa các đồng chí có năng lực, trình độ khá vào các cương vị chỉ huy từ tiểu đội, trung đội đến đại đội dân quân và đại đội tự vệ; đồng thời kiên quyết đưa 15 cán bộ thiếu trách nhiệm, sa sút về phẩm chất đạo đức ra khỏi cương vị lãnh đạo, chỉ huy. Đại đội 75 súng máy cao xạ của dân quân, tự vệ tiếp tục được củng cố, kiện toàn. Thực hiện Quyết định của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, đầu tháng 11/1974, Ban Chỉ huy quân sự huyện tiến hành nâng quy mô tổ chức tự vệ Nông trường chè Quân Chu từ trung đội lên đại đội và thành lập đơn vị tự vệ Công trường xây dựng hồ Núi Cốc.

Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức huấn luyện dân quân, tự vệ nắm chắc phương án tác chiến. Kết quả huấn luyện dân quân, tự vệ hằng năm của huyện đạt trung bình 98% khá, giỏi. Lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố, xây dựng vững mạnh và huấn luyện tốt chính là nhân tố quan trọng góp phần đảm bảo công tác tuần tra, canh gác, bảo vệ trật tự, trị an xã hội trên địa bàn huyện. Tháng

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết củng cố tổ chức dân quân, tự vệ 6 tháng đầu năm 1973 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

8/1974, lực lượng dân quân, tự vệ cơ động của huyện phối hợp với các lực lượng công an và cán bộ, nhân viên Phòng Thuế huyện, giải toả kịp thời 10 tên giả danh bộ đội, thương binh đến gây rối tại Phòng Tài chính huyện, bắt 4 tên buôn lậu.

Trong những năm 1973, 1974 và đầu năm 1975, cùng với việc xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ vững mạnh, làm tốt công tác bảo vệ trật tự, trị an cơ sở, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đã làm tốt công tác động viên tuyển quân, chi viện chiến trường.

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy về việc *"Tăng cường lãnh đạo công tác tuyển quân năm 1973"*, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện và Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ xác định quyết tâm bắt kì tình huống nào Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ cũng kiên quyết hoàn thành tốt công tác tuyển quân đạt và vượt chỉ tiêu về số lượng, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân đúng thời gian, góp phần chi viện tiền tuyến với tinh thần tích cực, khẩn trương và đầy đủ nhất. Các cấp uỷ Đảng trong huyện đã quan tâm đúng mức công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho nhân dân, đặc biệt là cho đối tượng thanh niên, nhằm giúp họ hiểu rõ và thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Các xã, hợp tác xã thực hiện tốt chính sách điều hoà lương thực và

tổ chức giúp đỡ gia đình bộ đội, thương binh, liệt sĩ, tử sĩ. Tuyển quân đợt I năm 1973, huyện Đại Từ cùng với huyện Phú Lương tuyển chọn được 394 thanh niên ở các xã yếu, vùng yếu vào bộ đội.

Tháng 8/1973, huyện Đại Từ tiếp tục triển khai tuyển quân đợt II, trong điều kiện thời gian chuẩn bị ngắn, từ khi nhận nhiệm vụ đến khi giao quân chỉ có 1 tuần. Với tinh thần và quyết tâm *"Phát cao ngọn cờ tháng Tám, giao quân vượt mức kế hoạch"*, *"Vì đồng bào miền Nam ruột thịt"*, Huyện uỷ, Uỷ ban Hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tuyển chọn được 470 thanh niên vào bộ đội, đảm bảo chất lượng tốt, đa số ở độ tuổi từ 18 đến 25, có sức khỏe tốt.

Năm 1974, huyện Đại Từ tiến hành hai đợt tuyển quân. Đợt I, tuyển được 139 tân binh (vượt chỉ tiêu trên giao 9 người). Đợt II, huyện Đại Từ là một trong số hai huyện trong tỉnh giao chỉ tiêu tuyển quân cao nhất (150 tân binh). Quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban Hành chính huyện trực tiếp xuống các xã để chỉ đạo công tác tuyển quân. Cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo; các ban ngành, đoàn thể trong huyện phối hợp chặt chẽ, nên toàn huyện đã tuyển chọn, huy động được 165 người lên đường nhập ngũ, vượt chỉ tiêu trên giao 10%. Cả năm 1974, toàn huyện Đại Từ tuyển

chọn được 304 người vào bộ đội, vượt 8% chỉ tiêu. Ngoài tuyển quân nam, huyện Đại Từ còn tuyển chọn được 20 nữ thanh niên vào bộ đội, đạt 100% chỉ tiêu.

Bước sang năm 1975, cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở miền Nam đã giành được những thắng lợi to lớn, tạo thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã kéo dài 20 năm. Vì vậy, việc chi viện sức người, sức của cho miền Nam lúc này là nhiệm vụ hàng đầu, là tình cảm thiêng liêng của nhân dân các dân tộc miền Bắc nói chung, huyện Đại Từ nói riêng.

Thực hiện nhiệm vụ Quân khu và Tỉnh giao, huyện Đại Từ cùng với các huyện, thành khác trong tỉnh phải hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân đợt I năm 1975 trong tháng 2, hoàn thành tuyển quân đợt II vào ngày 15/3 và hoàn thành tuyển quân đợt III vào ngày 15/4. Nhận rõ trách nhiệm to lớn đối với chiến trường, Đảng bộ huyện Đại Từ đã lãnh đạo quân và dân trong huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Qua hai đợt tuyển quân (I và II), toàn huyện tuyển được 591 thanh niên vào bộ đội, vượt chỉ tiêu trên giao 5,53%. Trong đó, đợt I tuyển được 136 tân binh (vượt chỉ tiêu trên giao 16 tân binh), đợt II tuyển được 455 tân binh (vượt chỉ tiêu trên giao 15 tân binh). Ngoài ra, năm 1975 Đại Từ còn tuyển được 17 tân binh nữ (vượt 4 người so với chỉ tiêu trên giao).

Sự chi viện kịp thời của hậu phương miền Bắc, trong đó có 608 con, em ưu tú của nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ trong những tháng đầu năm 1975, đã góp phần cùng với quân và dân cả nước làm lên *Đại thắng mùa Xuân năm 1975*, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta nhanh chóng đi đến kết thúc thắng lợi. Ngày 30/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối. Lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ phấn khởi, tự hào đã có phần đóng góp vào thắng lợi vĩ đại đó của dân tộc.

Kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, toàn huyện có 7.068 con, em nhân dân các dân tộc nhập ngũ lên đường đánh Mỹ⁽¹⁾, có mặt chiến đấu trên khắp các chiến trường ba nước Đông Dương. Trong số đó, có 920 người đã ngã xuống vì Tổ quốc, được công nhận là Liệt sĩ; 711 người đã để lại một phần xương máu trên các chiến trường, được công nhận là Thương binh; 259 người giảm sút sức

(1) Số người nhập ngũ từng xã như sau: Bình Dân (Cát Nê) 129, Tân Thành (Quân Chu) 160, Tân Thái 360, Vinh Quang (Phú Lạc) 323, Trần Phú (Khôi Kỳ) 294, An Mỹ (Mỹ Yên) 173, Cù Vân 337, Vạn Thọ 270, Đoàn Kết (Hoàng Nông) 170, Phú Xuyên 308, An Khánh 293, Hà Thượng 192, Yên Lãng 354, Phúc Lương 156, Ký Phú 287, Phú Cường 170, Phú Thịnh 167, Văn Yên 428, Lục Ba 292, Thị trấn Đại Từ 165, Minh Tiến 167, Tiến Bộ (La Bằng) 169, Đức Lương 148, Bình Thuận 270, Hùng Cường (Bản Ngoại) 289, Thắng Lợi (Na Mao) 157, Phúc Thọ 150, Hùng Sơn 386, Độc Lập (Tiên Hội) 194, Phục Linh 254.

khỏe được xác nhận là Bệnh binh. Toàn huyện có hàng trăm gia đình có từ hai con trở lên nhập ngũ, có gần 100 gia đình có con độc nhất hoặc từ 2 con đến 3 con là Liệt sĩ. Đó là sự cống hiến to lớn của lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc. Trong 10 năm trực tiếp chống Mỹ cứu nước (1965 – 1975), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ hậu phương; lực lượng dân quân, tự vệ huyện Đại Từ đã trực tiếp chiến đấu bắn rơi máy bay phản lực và bắt sống nhiều tên giặc Mỹ lái máy bay. Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã *“thắt lưng, buộc bụng”* dành tiền, dành của, dành lương thực, thực phẩm chi viện chiến trường, thực hiện thắng lợi các khẩu hiệu *“Tất cả vì miền Nam ruột thịt”*, *“Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*, *“Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”*.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã đi vào lịch sử, nhưng những đóng góp to lớn của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Đại Từ vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc mãi mãi là niềm vinh dự, tự hào của Đảng bộ, Chính quyền, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân trong huyện. Đó cũng chính là nguồn sức mạnh giúp các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ vững vàng bước sang thời kỳ mới, với những nhiệm vụ nặng nề và phức tạp hơn.

Chương IV

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TRONG THỜI KÌ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1985)

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi vẻ vang bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới. Để kịp thời lãnh đạo cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân trong tỉnh hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, ngày 19 và ngày 23/5/1975, Đảng uỷ Tỉnh đội⁽¹⁾ Bắc Thái họp, đánh giá tình hình lực lượng vũ trang địa phương và ra Nghị quyết số 176/NQ-ĐU xác định nội dung, phương hướng, nhiệm vụ công tác trước mắt. Tiếp đó, ngày 4/7/1975, Đảng uỷ Tỉnh đội ra Nghị quyết số 230/NQ - ĐU về phương hướng lãnh đạo công tác sáu tháng cuối năm 1975.

⁽¹⁾ Tuy Ban Chỉ huy Tỉnh đội được đổi tên thành Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh từ tháng 8/1971, nhưng đến ngày 16/7/1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ mới ra Nghị quyết số 211/NQ-BT đổi tên Đảng bộ Tỉnh đội thành Đảng bộ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

Nghị quyết số 176 và Nghị quyết 230 của Đảng uỷ Tỉnh đội đã đi sâu phân tích tình hình cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh (trong đó có cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ) : Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, trong lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh, đa số cán bộ, chiến sĩ phấn khởi, tự hào với thắng lợi vĩ đại của dân tộc, ra sức phấn đấu vươn lên, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, một bộ phận nhỏ cán bộ, chiến sĩ đã và đang xuất hiện tư tưởng dừng lại, tự do tuỳ tiện, tính toán tiền đồ cá nhân (nghỉ ngơi, chuyển vùng, nghỉ hưu, phục viên...), ảnh hưởng xấu đến hiệu suất và chất lượng công tác. Để khắc phục tình trạng trên, Nghị quyết 176 và Nghị quyết 230 của Đảng uỷ Tỉnh đội đã xác định rõ bốn nội dung, phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh đội :

Một là, tăng cường giáo dục, chính trị, tư tưởng, làm cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của trên; phê phán, đấu tranh với các tư tưởng, nhận thức lệch lạc, ngăn chặn những biểu hiện tự do, tuỳ tiện, hoà bình, nghỉ ngơi, giảm sút ý chí chiến đấu; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn vững vàng, kiên định, đề cao trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác; ý thức tổ chức, kỉ luật cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ của Đảng phân công.

Hai là, củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ

ở cơ sở sau các đợt tuyển quân, tuyển lao động và bầu cử Hội đồng Nhân dân xã, thị trấn. Chú trọng kiện toàn các tổ chức tiểu đội, trung đội dân quân, tự vệ cơ động. Duy trì chặt chẽ các chế độ sinh hoạt, đưa mọi hoạt động của lực lượng dân quân, tự vệ đi vào nền nếp thường xuyên.

Ba là, nhanh chóng ổn định tư tưởng và tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ ở các cơ quan và đơn vị bộ đội địa phương. Bốn là, tập trung lãnh đạo đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ, chú ý đội ngũ cán bộ chính trị và cán bộ ở các cơ sở yếu.

Thực hiện các nghị quyết 176 và 230 của Đảng ủy Tỉnh đội, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ và các tầng lớp nhân dân trong huyện; nâng cao niềm tự hào và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, chính quyền các cấp, sự chỉ đạo của cơ quan quân sự cấp trên, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đã phấn đấu, chuyển biến kịp thời, trước hết về nhận thức đối với tình hình và nhiệm vụ mới; không

ngừng nâng cao cảnh giác, củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt; gắn việc xây dựng lực lượng vũ trang với hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế, góp phần cùng quân và dân cả nước xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đất nước được hoàn toàn giải phóng, nhưng đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch quốc tế chưa chịu từ bỏ âm mưu phá hoại nước ta. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về công tác quân sự địa phương, đội ngũ cán bộ quân sự các cấp trong huyện Đại Từ được kiện toàn cả về số lượng và chất lượng. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang vẫn được tăng cường. Tính đến đầu năm 1976, toàn huyện có 100% đảng viên là Xã đội trưởng, 62% đảng viên là Xã đội phó, 46% Bí thư Đảng uỷ và 47% Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ xã là Chính trị viên Xã đội; 70% cấp uỷ viên là cán bộ quân sự, cán bộ chính trị các cấp ở cơ sở và 90% số đảng viên tham gia lực lượng dân quân; 100% các đơn vị dân quân, tự vệ được củng cố về tổ chức và cán bộ; mỗi xã có ít nhất một tiểu đội dân quân cơ động. Ngoài ra, huyện Đại Từ còn xây dựng được một đại đội hoả lực.

Công tác huấn luyện được duy trì đều và có chất lượng. 100% số xã và các đơn vị, cơ quan, xí nghiệp, nông, lâm trường triển khai chương trình nội dung huấn luyện đạt kết quả cao. Lực lượng dân quân các xã Mỹ Yên, Phú Xuyên, Yên Lãng, Hùng Sơn và lực lượng tự vệ Nông trường Tân

Việt Hoa được xếp loại đơn vị huấn luyện giỏi; các xã Văn Yên, Phú Thịnh, Bản Ngoại, Đức Lương, Ký Phú, Tân Thái, Bình Thuận, Cù Vân đạt đơn vị huấn luyện khá.

Phát huy truyền thống vừa chiến đấu, vừa sản xuất trong những năm chống Mỹ cứu nước, lực lượng dân quân, tự vệ huyện Đại Từ đã thực sự là lực lượng xung kích trong việc kết hợp huấn luyện quân sự với tham gia các chiến dịch làm thủy lợi, làm phân bón, cải tạo đồng ruộng mang lại hiệu quả cao, vừa hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện, vừa tham gia xây dựng kinh tế. Trong thành tích đạt năng suất từ 5 tấn đến 6 tấn thóc trên 1 hécta ruộng cây hai vụ lúa của các xã Hùng Sơn, Cù Vân, Yên Lãng, Bản Ngoại, Hoàng Nông, Bình Thuận, thị trấn Đại Từ có sự đóng góp đáng kể của cán bộ, chiến sĩ dân quân từng xã. Trong các nông, lâm trường, xí nghiệp, cán bộ, chiến sĩ tự vệ chủ động đăng kí thi đua xây dựng "*Tổ, Đội Lao động xã hội chủ nghĩa*", quyết tâm hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

Ngày 1/4/1976, Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức Hội nghị Tổng kết phong trào thi đua Quyết thắng năm 1975. Đến dự và chỉ đạo Hội nghị, đồng chí Bùi Xuân San, Phó Chính uỷ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã nhiệt liệt khen ngợi thành tích của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ; biểu dương 5 Đơn vị Quyết thắng, 18 Chiến sĩ Thi đua và trân trọng trao cờ thi đua "*Đơn vị khá nhất trong phong*

trào thi đua Quyết thắng năm 1975" của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc cho Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

Thực hiện chủ trương kết hợp giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao giác ngộ giai cấp, ý thức cảnh giác với rèn luyện nâng cao tính tổ chức kỷ luật và hiệu suất chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân do Nghị quyết 45 của Tỉnh uỷ Bắc Thái đề ra, ngay từ đầu năm 1976, Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ "Xây dựng lực lượng thường trực vững mạnh toàn diện, xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ rộng khắp bảo đảm theo đúng tỉ lệ dân số, có lực lượng cơ động nòng cốt trên khắp các địa bàn trọng điểm, xung yếu"⁽¹⁾ do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đề ra.

Tiếp theo, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quân sự địa phương, đầu năm 1976, Bộ Tổng Tham mưu ban hành biểu biên chế xây dựng cơ quan quân sự huyện, thành phố (tương đương với cấp trung đoàn) gồm ba ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần. Thực hiện biểu biên chế của Bộ Tổng Tham mưu, sau khi Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức quán triệt mục đích, ý nghĩa, nội dung của việc xây dựng 3 ban (Tham mưu, Chính trị, Hậu cần) ở cơ quan quân sự cấp huyện cho cán bộ chỉ huy cơ quan, đơn vị trực

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác quân sự của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh năm 1976 – Lưu trữ UBND tỉnh – C179-HS1944-trang 15

thuộc (tháng 4/1976), theo sự chỉ đạo của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ thực hiện thí điểm xây dựng cơ quan quân sự huyện theo cơ cấu ba ban để rút kinh nghiệm triển khai trong toàn tỉnh. Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, đến tháng 6/1976, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng 3 ban, tạo đà quan trọng, vững chắc cho lực lượng bộ đội địa phương huyện hoàn thành nhiệm vụ trong những năm sau. Cũng trong thời gian này, công tác huấn luyện quân sự, chính trị cho dân quân, tự vệ được triển khai nhanh gọn. Sáu tháng đầu năm 1976, 100% các đơn vị tự vệ khối cơ quan, 80% các đơn vị dân quân, du kích xã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện cả năm. Tuy vậy, việc chỉ đạo củng cố tổ chức dân quân ở các xã chưa chặt chẽ, phong trào hoạt động chưa đều *"...việc phối, kết hợp giữa dân quân, du kích với công an làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội chưa đồng bộ, nạn trộm cắp, lừa đảo tài sản của Nhà nước và nhân dân, buôn lậu, phá hoại sản xuất do thù oán cá nhân xảy ra ở nhiều nơi"*⁽¹⁾.

Thực hiện Chỉ thị số 223 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chính sách hậu phương quân đội, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban Hành

⁽¹⁾ Báo cáo 6 tháng đầu năm 1976 của UBHC huyện Đại Từ - Lưu trữ UBHC tỉnh - C178-HS1939.

chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, xã, hợp tác xã giải quyết tốt việc điều hoà lương thực, sắp xếp công việc phù hợp cho thương binh, gia đình liệt sĩ; giải quyết đầy đủ các chế độ ưu đãi cho các đối tượng chính sách. Tuy vậy, toàn huyện cũng còn 7 xã khó khăn, thiếu 6.667kg lương thực để điều hoà cho 91 hộ thuộc các đối tượng chính sách trong kì giáp hạt tháng 3/1976; toàn huyện còn 58 liệt sĩ tuy đã báo tử hơn 1 năm, nhưng gia đình vẫn chưa được nhận tiền tuất; 39 bố mẹ, 5 con liệt sĩ, 4 thương binh chưa được điều chỉnh chế độ phụ cấp kịp thời. Những tồn tại trên đã hạn chế đến kết quả công tác hậu phương quân đội và tuyển quân của huyện, gây ảnh hưởng không tốt trong nhân dân. Ban Chỉ huy quân sự huyện đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc đó trong sáu tháng cuối năm 1976.

Để làm tốt công tác động viên tuyển quân, ngay từ đầu năm 1976, huyện Đại Từ đã "mở hội đăng kí quân dự bị ở 100% số xã thị trấn", thu hút tất cả thanh niên từ 18 tuổi đến 35 tuổi đến đăng kí và khám sức khoẻ. Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Phòng Y tế huyện chia làm 3 cụm khám tuyển: Cụm 1 gồm các xã Vạn Thọ, Ký Phú, Lục Ba, Cát Nê, Văn Yên, Quân Chu, Phúc Thọ; Cụm 2 gồm các xã Phú Xuyên, Yên Lãng, Bản Ngoại, Phú Thịnh, Na Mao, La Bằng, Minh Tiến; Cụm 3 gồm các xã còn lại.

Kết quả khám tuyển ở 3 cụm đã chọn lựa được hàng

ngìn thanh niên nam, nữ đủ tiêu chuẩn về chính trị, sức khoẻ, sẵn sàng lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc. Đồng chí Đại uý Trần Thi (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) phân khởi biểu dương tinh thần lớp tuổi trẻ hăng hái, khoẻ mạnh, vui tươi, sẵn sàng nhập ngũ ở tất cả các xã trong huyện.

Do làm tốt các công tác tuyên truyền, giáo dục và đăng kí, quản lí, khám tuyển, nên ngày 29/8/1976, toàn huyện đã huy động được 331 thanh niên (có 71 nữ) phân khởi lên đường làm nghĩa vụ quân sự, vượt 2% chỉ tiêu trên giao. Kết thúc năm 1976 toàn huyện có 7 đơn vị đạt danh hiệu Đơn vị Quyết thắng và hơn 100 đơn vị khác được tặng bằng khen, giấy khen.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (tháng 12/1976), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ huy quân sự huyện tăng cường chỉ đạo xây dựng lực lượng bộ đội địa phương vững mạnh và lực lượng dân quân, tự vệ rộng khắp, mạnh mẽ, vững chắc; làm tốt công tác giữ gìn trật tự trị an, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn; phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng kinh tế, tăng gia tự túc một phần lương thực, thực phẩm, góp phần vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Năm 1977, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ lấy việc củng cố, nâng cao chất lượng chính trị, trình độ kĩ, chiến thuật của lực lượng vũ trang địa

phương là chính, đồng thời bổ sung thêm quân số để đảm bảo số lượng.

Đầu năm 1977, thực hiện Chiến dịch ra quân thi công hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc, mở đầu cho phong trào thủy lợi năm 1977 do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ đã phối hợp với các ngành chức năng huy động hơn 800 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, biên chế thành 1 trung đoàn, gồm 3 tiểu đoàn; từ 1 đến 2 xã biên chế thành 1 đại đội, mỗi xóm biên chế thành 1 trung đội hoặc tiểu đội. Cán bộ, chiến sĩ trong Trung đoàn dân quân, tự vệ huyện Đại Từ thực hiện nếp sống quân sự hoá cả trong lao động, sinh hoạt⁽¹⁾. Sau hai tháng (từ ngày 19/3 đến ngày 19/5/1977) tham gia đợt I của Chiến dịch, Trung đoàn dân quân, tự vệ huyện Đại Từ đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Đại đội dân quân xã Hà Thượng huy động quân số gấp 3 lần chỉ tiêu và chỉ làm trong 1 tháng đã hoàn thành nhiệm vụ. Trong suốt Chiến dịch, Đại đội dân quân xã Văn Yên duy trì quân số và năng suất lao động cao, được công nhận là đơn vị lá cờ đầu.

Từ ngày 15/9 đến 31/12/1977, thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh huy động lực lượng dân quân, tự vệ của 7 huyện phía Nam tiến hành đợt

⁽¹⁾ Báo Bắc Thái ra ngày 4/5/1977.

II Chiến dịch thủy lợi xây dựng hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ huy động hàng ngàn lượt dân quân, tự vệ lên công trường. Sau ba tháng lao động, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, tiêu biểu là Đại đội dân quân xã Hà Thượng có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, bố trí lao động hợp lý, năng suất lao động vượt 100% chỉ tiêu.

Tổng kết Chiến dịch ra quân làm thủy lợi năm 1977, cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ huyện Đại Từ đã lập thành tích xuất sắc, được Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tặng bằng khen, giấy khen. Trung đoàn dân quân, tự vệ huyện Đại Từ được tặng bằng khen trong đợt 2. Trong cả hai đợt của chiến dịch, Đại Từ có 5 đại đội, 8 trung đội, 16 tiểu đội và 83 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ được khen thưởng.

Cùng với việc tham gia Chiến dịch xây dựng hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc, từ tháng 12/1976, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ tập trung khởi công xây dựng hệ thống kênh mương hồ Phụng Hoàng dẫn nước tưới diện tích lúa của hai xã Cù Vân, An Khánh. Mặc dù gặp nhiều khó khăn về vật tư và phương tiện, nhất là nhân lực trong dịp thời vụ đông - xuân, nhưng huyện vẫn quyết tâm huy động liên tục trong 3 tháng thường xuyên có mặt từ 150 đến 200 người lao động trên công trường, lúc cao điểm

có tới gần 400 người. Trong 10 ngày giáp tết Nguyên Đán, huyện còn huy động gần 200 tự vệ là cán bộ, công nhân viên các cơ quan huyện tham gia chiến dịch. Sau ba tháng phát động, lực lượng dân quân, tự vệ huyện Đại Từ đã đóng góp 13.500 ngày công, khai thông 10 tuyến kênh mương chính với khối lượng đào, đắp trên 10 ngàn mét khối đất đá; khai thác gần 500 mét khối đá, cát, sỏi dùng cho xây đập, xây cống của công trình; đồng thời mở một tuyến đường dài trên 1.000 mét để vận chuyển vật liệu. Đầu tháng 3/1977, Đại Từ tiếp tục huy động 800 cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích hai xã Cù Vân, An Khánh và tự vệ các cơ quan huyện lên công trường, quyết tâm xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kênh mương hồ Phượng Hoàng, lập thành tích chào mừng ngày sinh Bác Hồ (19/5).

Cùng với chiến dịch thủy lợi, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Ủy ban Nhân dân huyện, lực lượng dân quân, du kích huyện Đại Từ đã tích cực tham gia phong trào phát triển giao thông. Hằng năm, phần lớn các xã đều huy động hàng ngàn ngày công làm đường và sửa chữa cầu cống. Để khắc phục hậu quả trận lụt năm 1978, huyện đã huy động hơn 45.000 ngày công lao động của lực lượng dân quân, du kích, đào đắp 38.000 mét khối đất, đá khôi phục lại 84 công trình. Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", lực lượng dân quân, du kích còn tham gia mở các tuyến đường vào các thôn bản vùng sâu, vùng

kinh tế mới ở các xã Phục Linh, Lục Ba, Cát Nê, Phú Lạc, Hà Thượng,... Đến cuối năm 1978, ngoài 6 tuyến đường chính của huyện, 100% số xã đã có đường ô tô vào đến trung tâm xã, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế của địa phương.

Đầu năm 1977, hưởng ứng *Chiến dịch trồng sản* do Tỉnh uỷ phát động, lực lượng dân quân, du kích ở 60 hợp tác xã trong huyện đã ra quân trồng được 1.280 hécta sản, trong đó có 1200 hécta sản trồng tập thể. Riêng lực lượng tự vệ khối Huyện uỷ đã trồng 13.500 gốc, bình quân đầu người đạt 450 gốc, vượt 150 gốc so với chỉ tiêu. Năng suất sản thu hoạch bình quân toàn huyện đạt 70 tạ/ha. Việc mở rộng diện tích cây ngô, sản đã nâng cao tổng sản lượng lương thực toàn huyện, góp phần quan trọng vào việc bình ổn lương thực trên địa bàn.

Giữa lúc quân và dân Đại Từ đang từng bước tập trung xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, từ giữa năm 1978, tình hình an ninh chính trị trên biên giới Việt - Trung bắt đầu diễn biến theo chiều hướng ngày càng xấu. Trên địa bàn huyện Đại Từ, tháng 5/1978, do nhẹ dạ, cả tin khi nghe một số phần tử xấu trong cộng đồng người Hoa tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với người Hoa, kích động, lôi kéo người Việt gốc Hoa về nước, nên nhiều người Hoa đang sinh sống trên địa bàn huyện đã bán đồ đạc, nhà cửa, bỏ về

Trung Quốc một cách trái phép. Tình hình biên giới phía Bắc ngày càng diễn biến phức tạp và căng thẳng.

Trước những diễn biến phức tạp nói trên, thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TW ngày 17/6/1978 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc củng cố, kiện toàn cơ quan chỉ huy quân sự các cấp, sau khi Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh ra đời (tháng 7/1978), tháng 8/1978, Ban Chỉ huy quân sự thống nhất huyện Đại Từ được thành lập do đồng chí Phạm Khánh Vân (Bí thư Huyện uỷ) làm Chính uỷ, đồng chí Trần Thi (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) làm Chỉ huy trưởng⁽¹⁾, đồng chí Nguyễn Duy Oánh (Chính trị viên Ban Chỉ huy quân sự huyện) làm Phó Chính uỷ và đồng chí Huyện trưởng Công an làm Chỉ huy phó. Đến cuối tháng 9/1978, Ban Chỉ huy quân sự thống nhất của tất cả các xã, thị trấn trong huyện cũng được thành lập và đi vào hoạt động.

Ngay từ đầu năm 1978, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã tổ chức quán triệt nhiệm vụ quân sự trong tình hình mới cho cán bộ, đảng viên Cơ quan Quân sự huyện và cán bộ quân sự, cán bộ chính trị các cấp xã đội, trung đội dân quân, tự vệ. Công tác bồi dưỡng cán bộ hậu bị trong dân quân, du kích, tự vệ được tiến hành tích cực bằng nhiều biện pháp.

⁽¹⁾ Từ tháng 9/1978, đồng chí Trương Phi Vân (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) làm Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự thống nhất huyện (thay đồng chí Trần Thi chuyển công tác lên Phòng Tham mưu - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh).

Hai năm 1977 - 1978, cùng với việc hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự, chính trị, lực lượng vũ trang huyện Đại Từ còn tích cực tham gia xây dựng, phát triển kinh tế. Hưởng ứng Chiến dịch làm đường Bắc Chợ Rã, Ban Chỉ huy quân sự huyện huy động hơn 500 lượt cán bộ, chiến sĩ dân quân tham gia cùng cán bộ, chiến sĩ dân quân 12 huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh đào, đắp trên 40 vạn mét khối đất đá, mở 15km đường, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng ở khu vực này.

Thực hiện Đề án số 172 của Thường trực Quân uỷ Trung ương về xây dựng mỗi huyện thành một pháo đài quân sự vững chắc, chuẩn bị mọi mặt cho chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược, ngày 2/7/1978, Tỉnh uỷ ra nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ và những chủ trương lớn của công tác quân sự địa phương ba năm 1978 - 1980, lấy huyện Đại Từ làm đơn vị thí điểm xây dựng pháo đài quân sự huyện để rút kinh nghiệm lãnh đạo triển khai ra toàn tỉnh.

Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự thống nhất huyện Đại Từ đã gấp rút triển khai xây dựng các Phương án phòng chống bạo loạn và tác chiến phòng thủ. Cuối tháng 8/1978, các phương án trên đã được Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh phê chuẩn. Trên cơ sở phương án tác chiến phòng thủ của huyện, Ban Chỉ huy quân sự thống nhất các xã xây

dựng Phương án phòng thủ xã mình và tổ chức luyện tập, chuẩn bị sẵn sàng cho đợt diễn tập làng chiến đấu, cụm chiến đấu liên hoàn, cụm chốt phòng thủ của tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ vót chông chỉ viện cho các tỉnh phía trước rào Biên giới, Ban Chỉ huy quân sự thống nhất huyện đã chỉ đạo được 100% đơn vị cơ sở dân quân, tự vệ trong huyện tham gia vót chông, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đúng thời hạn, kịp thời giao nộp cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh vận chuyển lên cho các tỉnh biên giới phía Bắc.

Sau đợt diễn tập Phương án phòng chống bạo loạn và tác chiến phòng thủ do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức, những tháng cuối năm 1978, đầu năm 1979, công tác quân sự của huyện Đại Từ được củng cố thêm một bước. Trước những diễn biến ngày càng phức tạp và căng thẳng trên biên giới phía Bắc, thực hiện Chỉ thị Chỉ thị số 01/CT - UB ngày 12/11/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch hoạt động của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, trên cơ sở kết quả đợt diễn tập do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức, Ban Chỉ huy quân sự huyện bổ sung hoàn chỉnh phương án tác chiến; Ban Chỉ huy quân sự thống nhất từ huyện đến các xã, thị trấn trong huyện được kiện toàn và nâng cao chất lượng. Tất cả các cơ quan, xí nghiệp, làng, xã đều có lực lượng dân quân, tự vệ rộng rãi; lực lượng cơ động sẵn sàng chỉ viện, tiếp ứng những nơi khó khăn; lực lượng chiến đấu tại chỗ gắn với nhiệm vụ lao động sản xuất.

Ngày 17/2/1979, phía đối phương huy động khoảng 60 vạn quân, cùng với 500 xe tăng, tấn công trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta. Chấp hành mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tư lệnh Quân khu 1, ngay chiều 17/2, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh quyết định chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang trong tỉnh vào chiến đấu và chỉ thị cho mỗi huyện, thành phố chuẩn bị 1 tiểu đoàn dân quân- tự vệ, sẵn sàng cơ động lên chiến đấu ở phía trước. Thực hiện chỉ thị của Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh, trong những ngày cuối tháng 2 và tháng 3/1979, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện uỷ, Ban Chỉ huy quân sự thống nhất huyện ban hành nhiều quyết định, chỉ thị lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự. Ngày 21/2/1979, Ban Chỉ huy quân sự thống nhất huyện chỉ thị cho Ban Chỉ huy quân sự thống nhất các xã, đơn vị tự vệ triển khai phương án sẵn sàng chiến đấu đánh địch tấn công vào địa bàn huyện và chi viện phía trước. Thực hiện chỉ thị của Ban Chỉ huy quân sự thống nhất huyện, các xã rà soát, nắm chắc các đơn vị cơ động sẵn sàng đánh địch đổ bộ đường không; tổ chức các trận địa bắn máy bay; mỗi xã tổ chức 1 trung đội dân quân, quân số từ 25 đến 30 cán bộ, chiến sĩ, bao gồm 3 bộ phận hỏa lực, gói mìn chống tăng và làm vật cản⁽¹⁾ làm nhiệm vụ

⁽¹⁾ Chỉ thị của Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ ngày 21/2/1979 – Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Bộ Tư lệnh Quân khu 1.

đánh xe tăng địch; các xã, các đơn vị tổ chức đào hầm, hào và xây dựng kế hoạch phòng tránh máy bay địch đánh phá... Đối với nhiệm vụ chỉ viện phía trước, tất cả các đơn vị cơ động các xã luôn sẵn sàng lên đường khi có lệnh.

Ngày 26/2/1979, Huyện uỷ Đại Từ ra Quyết định số 13/QĐ, thành lập các ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần trực thuộc Ban Chỉ huy quân sự thống nhất huyện. Theo đó, Ban Tham mưu có 7 cán bộ chiến sĩ, do đồng chí Nguyễn Văn Học (Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự huyện) làm Trưởng ban và đồng chí Trần Nghị (Phó Công an huyện) làm Phó ban. Ban Chính trị cũng gồm 7 cán bộ, chiến sĩ, do đồng chí Lâm Trung Phương (Trưởng ban Tuyên huấn Huyện uỷ) làm Trưởng ban và đồng chí La Văn Nga (Bí thư huyện Đoàn) làm Phó ban. Ban Hậu cần gồm 10 cán bộ, chiến sĩ, do đồng chí Chu Sỹ Lương (Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) làm Trưởng ban và đồng chí Đỗ Đình Tô (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) làm Phó ban.

Cùng ngày 26/3/1979, Huyện uỷ Đại Từ ra Quyết định số 14/QĐ thành lập Tiểu đoàn 1 dân quân, du kích tập trung huyện Đại Từ. Quyết định chỉ rõ : Cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đoàn thoát ly gia đình, tổ chức theo hình thức quân sự hoá hoàn toàn, dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, do chính quyền và nhân dân trong huyện nuôi dưỡng theo chế độ Nhà nước quy định đối với dân quân, du kích tập trung.

Nhiệm vụ trước mắt của Tiểu đoàn là luyện tập quân sự, sẵn sàng nhận lệnh của trên đi chiến đấu ở các chiến trường, tổ chức tăng gia tự túc theo khả năng của đơn vị. Về biên chế, tổ chức, Tiểu đoàn 1 có 368 cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích ở 12 xã trong huyện được biên chế thành 4 đại đội (từ Đại đội 1 đến Đại đội 4), mỗi đại đội có 3 trung đội. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn do Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ định gồm các đồng chí Nguyễn Văn Nạp (Phó ban Thương nghiệp đời sống huyện) làm Tiểu đoàn trưởng, Đặng Văn Chính (Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ xã Khôi Kỳ) làm Tiểu đoàn phó, Nguyễn Văn Ban (Huyện uỷ viên, Phó Chủ nhiệm Công ty Vật tư huyện) làm Chính trị viên.

Một thời gian sau, Huyện uỷ Đại Từ ra quyết định thành lập tiếp Tiểu đoàn 2 dân quân, du kích tập trung huyện Đại Từ. Tiểu đoàn 2 có 416 cán bộ, chiến sĩ, chia thành 4 đại đội, do đồng chí Thượng úy Chu Văn Viên (Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự huyện) làm Tiểu đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Quyết (Huyện uỷ viên - Chủ nhiệm Công ty Cung ứng Vật tư Nông nghiệp huyện) làm Chính trị viên. Ngay sau khi thành lập, cả hai tiểu đoàn đã nhanh chóng lên đường xây dựng phòng tuyến, phục vụ chiến đấu tại các cao điểm trên đỉnh đèo Công (thuộc địa phận xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng).

Sau một tháng lao động khẩn trương, với tinh thần tất cả để chiến thắng quân xâm lược, cả hai tiểu đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Ngày 15/4/1979, hai tiểu đoàn trở về địa phương tham gia sản xuất và tiếp tục làm nông cật trong các đơn vị dân quân, du kích, sẵn sàng lên đường làm nhiệm vụ khi có lệnh. Tháng 5/1979 cả hai tiểu đoàn đều được giải thể⁽¹⁾. Cùng với hai tiểu đoàn đi xây dựng tuyến phòng thủ ở phía trước, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện và Ban Chỉ huy quân sự thống nhất huyện còn quyết định thành lập 4 đại đội phục vụ chiến đấu tại chỗ, gồm: Đại đội Vận tải (do Phòng Giao thông đảm nhiệm), Đại đội Thông tin (do Bureau điện huyện phụ trách), Đại đội Quân y (do Phòng Y tế huyện phụ trách), Đại đội Trinh sát (tuyển chọn mỗi xã 1 tổ).

Quán triệt đường lối quân sự của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, căn cứ vào nhiệm vụ chiến đấu, đặc điểm địa hình và phân bố dân cư, sáu tháng đầu năm 1979, huyện Đại Từ tổ chức xây dựng hoàn chỉnh 6 cụm chiến đấu liên hoàn trên địa bàn huyện. Ở mỗi cụm chiến đấu đều có một đồng chí cán bộ Ban Chỉ huy quân sự huyện làm Chỉ huy trưởng, một đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ hoặc Huyện uỷ viên phụ

⁽¹⁾ Báo cáo số 238/BC ngày 5/7/1979, sơ kết công tác quân sự 6 tháng đầu năm 1979 của Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

trách địa bàn làm Chính trị viên.

Cụm 1 gồm các xã, đơn vị vùng Đông - Đông Nam huyện nằm ven trục Đường 13A từ Bờ Đậu lên Hà Thượng (Cù Vân, An Khánh, Hà Thượng, Phục Linh, Tân Thái, Tự vệ Cơ khí mỏ Việt Bắc, Liên đoàn địa chất 12, Công ty xây lắp số 5, Trại cá Cù Vân, Trạm giống An Khánh và hồ Núi Cốc).

Cụm 2 gồm các xã vùng Tây Bắc huyện án ngữ trục Đường 13A từ Đèo Khế xuống Bản Ngoại (Yên Lãng, Na Mao, Phú Xuyên, Phú Thịnh, La Bằng, Bản Ngoại).

Cụm 3 gồm các xã nằm ở vùng Bắc và Đông Bắc huyện (Minh Tiến, Phúc Lương, Đức Lương, Phú Lạc, Phú Cường), bố trí thành thể trận liên hoàn án ngữ con đường từ ngã ba Khuôn Ngàn đi Định Hoá.

Cụm 4 gồm các xã, đơn vị vùng Trung tâm huyện (Hùng Sơn, Tiên Hội, Bình Thuận, Lục Ba, thị trấn Đại Từ, Nhà máy chè Đại Từ và Nông trường Tân Việt Hoa), được bố trí thành thể trận liên hoàn bảo vệ khu Trung tâm huyện.

Cụm 5 gồm các xã nằm ở sườn phía Đông dãy núi Tam Đảo (Yên Mỹ, Hoàng Nông, Văn Yên, Khôi Kỳ), được bố trí thành cụm trận địa bảo vệ vùng Tây Nam huyện Đại Từ.

Cụm 6 gồm các xã Cát Nê, Quân Chu, Ký Phú, Vạn Thọ, Nông trường Quân Chu, Nhà máy chè đen, Xí nghiệp phốt phát Núi Vãn bố trí thành cụm trận địa bảo vệ tuyến giao thông từ thị trấn Đại Từ đi thị trấn Ba Hàng (huyện lỵ Phổ Yên).

Lực lượng cơ động chiến đấu của huyện gồm 1 tiểu đoàn dân quân, du kích tập trung, do đồng chí Trung uý Bùi Tiến Chức làm Tiểu đoàn trưởng và 1 tiểu đoàn quân dự nhiệm, với khoảng 1.000 cán bộ, chiến sĩ. Mỗi xã trong huyện đều xây dựng được 1 đại đội dân quân, du kích cơ động chiến đấu và từ 1 đến 2 đại đội dân quân chiến đấu tại chỗ, có các đội bắn tỉa, trinh sát, công binh. Các xã nằm ven Đường số 13A tổ chức các đội đánh xe cơ giới địch; các trận địa bắn máy bay (được trang bị các loại súng trung liên, đại liên, 12,7 li) bảo vệ các cụm chiến đấu trên trục Đường 13, đặc biệt là cụm Trung tâm huyện. Toàn huyện tổ chức được 5 đài quan sát bố trí ở các điểm cao của 5 cụm trận địa (trừ cụm Trung tâm huyện) để kết hợp với các đài quan sát của các xã kịp thời phát hiện mọi hoạt động của địch và góp phần đảm bảo thông tin chỉ huy chiến đấu. Các lực lượng bảo đảm giao thông vận tải, lương thực, thực phẩm, phòng không sơ tán và cứu chữa thương binh, được bố trí vào một thể trận liên hoàn, toàn dân, toàn diện vững chắc.

Với tổng số 16.543 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, bằng 17% tổng dân số toàn huyện (có 8.342 nữ, 2.402 đảng viên, 4.042 đoàn viên, 1.617 quân nhân phục viên), thì đây là thời điểm Đảng bộ và nhân dân huyện Đại Từ động viên được số người tham gia lực lượng bán vũ trang địa phương đông nhất và là một trong những thời điểm cán bộ, chiến sĩ lực lượng bán vũ trang huyện Đại Từ có tinh thần, khí thế

chiến đấu và phục vụ chiến đấu cao nhất.

Để nâng cao khả năng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, chấp hành chỉ thị huấn luyện của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự huyện xây dựng kế hoạch, nội dung huấn luyện sát với tình hình chiến đấu. Trong năm 1979, toàn huyện mở được 3 lớp huấn luyện quân sự cho đội ngũ cán bộ dân quân xã và cán bộ tự vệ các cơ quan xí nghiệp, nông trường làm cơ sở tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân, tự vệ rộng khắp, với các nội dung kĩ thuật, chiến thuật, phương pháp chỉ huy chiến đấu (tính năng, tác dụng, cách sử dụng các loại súng bộ binh AK, CKC, K63, AR15, RBD, B40, B41, cối 60 ly; các loại mìn gài, mìn vướng nổ và kĩ thuật, chiến thuật tiểu đội, trung đội vận động tấn công kết hợp tập kích, phục kích, chốt giữ). Ngoài ra, toàn huyện cũng mở được 3 lớp bồi dưỡng đường lối chiến tranh nhân dân, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân cho 341 cán bộ là Xã đội trưởng, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, Xã đội phó, cán bộ đại đội, trung đội, tiểu đội dân quân, tự vệ.

Sau các đợt học tập của cán bộ, 100% các đơn vị dân quân - tự vệ trong huyện triển khai chương trình học tập, huấn luyện cho chiến sĩ, đạt kết quả khá. Riêng nội dung huấn luyện bắn súng, Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức kiểm tra 42 đơn vị trên tổng số 45 đơn vị. Kết quả, có 11 đơn vị đạt loại giỏi, gồm 8 xã (An Khánh, Cù Vân, Phục

Linh, Ký Phú, Phúc Lương, Phúc Thọ, Đức Lương, Quân Chu) và 3 đơn vị tự vệ (Thị trấn Đại Từ, Công ty Xây lắp số 5, Hồ Núi Cốc).

Kết hợp huấn luyện với xây dựng hệ thống công sự chiến đấu tại các cụm chiến đấu, công sự chiến đấu và hầm, hào phòng tránh ở những nơi công cộng, toàn huyện đã đào 63.983 mét hào giao thông, 1.602 hố bắn, 138 hầm ẩn nấp, 8 hầm để đạn, 8 công sự súng đại liên, 4 trận địa cối 82 li. .

Để làm tốt công tác hậu cần tại chỗ, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, Ban Chỉ huy quân sự thống nhất huyện thường xuyên quán triệt chủ trương của Đảng về chiến tranh nhân dân tự lực, tự cường; động viên và phát huy được vai trò, trách nhiệm làm chủ của các đoàn thể quần chúng nhân dân trong huyện đối với nhiệm vụ xây dựng quốc phòng và làm tròn nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến; chuẩn bị thể trận hậu cần nhân dân, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống chiến tranh xảy ra, đáp ứng yêu cầu chiến đấu lâu dài. Cùng với việc xây dựng các kho tàng thuận lợi cho việc cấp phát khi có lệnh, hậu cần nhân dân được tổ chức có chiều sâu, chỉ đạo dự trữ lương thực, thực phẩm cần thiết chuẩn bị cho tác chiến ở từng gia đình.

Năm 1979, nhân dân huyện Đại Từ đã bán lương thực, thực phẩm ngoài nghĩa vụ cho Nhà nước được 21.177kg

thóc, 18.000kg sắn tươi, 17.408kg lợn hơi, 1.540kg trâu hơi, 218kg gia cầm và 2.000kg cá; đồng thời ủng hộ lương thực, thực phẩm cho các lực lượng vũ trang được 3.915 kg thóc, 5.269kg gạo, 729kg sắn khô, 315kg ngô và bột mỳ cùng 6.460 đồng tiền mặt. Ngoài chỉ tiêu chung toàn huyện, các đoàn thể Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện còn quyên góp 250kg gạo nếp, 6.932kg rau xanh, 26kg chè búp, 154 đồng để ủng hộ và tổ chức thăm hỏi các đồng chí thương binh, bệnh binh về điều trị, an dưỡng ở Đoàn 159 đóng tại xã Lục Ba.

Thực hiện nhiệm vụ chi viện cơ sở vật chất cho phía trước, cán bộ và nhân dân huyện Đại Từ đã huy động hơn 1 vạn tàu lá cọ đưa lên huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng để làm lán cho tiểu đoàn dân quân tập trung của huyện. Nhân dân các dân tộc trong huyện Đại Từ gửi 1.000 kg thóc giống, 2 con trâu, 3.214 đồng và hơn 12 ngàn mét phiếu vải lên giúp đồng bào tỉnh Cao Bằng khắc phục hậu quả chiến tranh. Kết quả trên thể hiện tấm lòng và sự cố gắng to lớn của Đảng bộ và quân dân Đại Từ đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Ban Chỉ huy quân sự huyện thường xuyên giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan nhận thức đúng đắn tình hình cách mạng, xác định tốt tư tưởng và quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ theo 5 tiêu chuẩn của người đảng viên và 5 mục tiêu của cuộc vận động "Phát huy bản chất

tốt đẹp nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân" do Ban Bí thư Trung ương Đảng phát động tháng 11/1978. Vì vậy, mặc dù đội ngũ cán bộ cơ quan quân sự huyện thiếu tới 8 cán bộ, chiến sĩ so với biên chế⁽¹⁾ nhưng Ban Chỉ huy quân sự huyện vẫn hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh về tăng gia sản xuất, để tự túc một phần lương thực, thực phẩm, được sự giúp đỡ của nhân dân và chính quyền xã Khôi Kỳ, cơ quan quân sự huyện đã tổ chức cấy lúa, thu hoạch 3.200kg thóc, trồng 3.000 gốc sắn, 4.000 cây bạch đàn. Tận dụng đất xung quanh doanh trại, cán bộ, chiến sĩ Ban Chỉ huy quân sự huyện đã vỡ hoang trồng cây ăn quả và rau xanh, nuôi lợn, nuôi gà, đào ao thả cá,...Do đó, tuy gặp rất nhiều khó khăn trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm của Nhà nước, song đời sống, sức khỏe của cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự huyện vẫn được đảm bảo và ổn định.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng, hàng đầu của công tác quân sự địa phương năm 1979 là công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường. Ban Chỉ huy quân

⁽¹⁾ Theo báo cáo tình hình biên chế của Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ ngày 10/6/1979:

- Ban Tham mưu biên chế 12, thiếu 4.
- Ban Chính trị biên chế 5 thiếu 2,
- Ban Hậu cần biên chế 11 thiếu 2.

sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sát sao các cấp, các ngành làm tốt công tác quản lý, đăng kí nghĩa vụ quân sự, nắm chắc lực lượng dự bị. Trước hành động xâm lược trắng trợn của kẻ thù, ý thức được trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, lại được tuyên truyền, giáo dục kịp thời của các cấp, các ngành, ngay trong những tháng đầu năm 1979, hàng ngàn thanh niên nam, nữ trong huyện đã nô nức tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Để được lên đường cầm súng bảo vệ Tổ quốc, 75 đoàn viên, thanh niên trong huyện đã gửi đơn tình nguyện nhập ngũ đến Ban Chỉ huy quân sự huyện. Các đoàn viên Phạm Văn Bảo (xã Hoàng Nông), Đỗ Thị Tươi (Chi đoàn Lâm nghiệp) đã chích máu kí vào đơn xin tình nguyện nhập ngũ; 10 đoàn viên thanh niên Chi đoàn Lâm nghiệp chích máu viết chung một lá đơn tình nguyện nhập ngũ gửi lên Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự huyện. . .

Kết quả, năm 1979, với 4 đợt tuyển quân số lượng lớn, thời gian gấp rút trong điều kiện phải chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu cả ở địa phương và trên Biên giới, Đảng bộ và nhân dân huyện Đại Từ vẫn hoàn thành tốt công tác động viên tuyển quân, giao quân vượt chỉ tiêu về số lượng, đảm bảo tốt chất lượng, đúng chính

sách, đúng thời gian⁽¹⁾. Toàn huyện có 1.279 người lên đường nhập ngũ. Các xã Cù Vân, An Khánh, Phú Xuyên, Hùng Sơn, Yên Lãng và Na Mao, các đơn vị Liên đoàn Địa chất, Trạm Kiểm lâm, Trạm Lâm nghiệp là những đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân năm 1979. Ngoài 1.279 thanh niên nhập ngũ, năm 1979 huyện Đại Từ còn động viên 48 hạ sĩ quan tái ngũ vào các đơn vị kỹ thuật, lái xe, thông tin, công binh, pháo binh; giáo dục động viên được 46 quân nhân đào, lạc ngũ trở về đơn vị; đưa 34 quân nhân, đào lạc ngũ khác đi lao động cải tạo. Thành tích động viên tuyển quân nói trên có sự đóng góp tích cực của các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ và Mặt trận Tổ quốc huyện. Cùng với việc tổ chức cho đoàn viên, thanh niên học tập về đường lối chiến tranh nhân dân và trách nhiệm, nghĩa vụ của thanh niên đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, các cấp bộ Đoàn từ huyện đến các xã, xóm đã chuẩn bị chu đáo, đầy đủ giấy chuyển sinh hoạt cho đoàn viên đến đơn vị mới. Hội Phụ nữ và Mặt trận Tổ quốc huyện, xã tổ chức thăm hỏi từng gia đình có con em nhập ngũ, giúp giải quyết

(1) Số lượng tuyển quân trong năm 1979:

Đợt 1 chỉ tiêu 500 tân binh, thực hiện 501 tân binh.

Đợt 2 chỉ tiêu 400 tân binh, thực hiện 408 tân binh.

Đợt 3 chỉ tiêu 220 tân binh, thực hiện 220 tân binh.

Đợt 4 chỉ tiêu 150 tân binh, thực hiện 150 tân binh..

khó khăn, vướng mắc của mỗi gia đình, động viên khích lệ tinh thần từng thanh niên lên đường nhập ngũ. Nhờ sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành và đoàn thể, nên năm 1979, huyện Đại Từ động viên được số lượng thanh niên lên đường nhập ngũ cao hơn cả năm cao nhất (năm 1968) trong thời kì trực tiếp kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1965-1975)⁽¹⁾.

Từ năm 1980 đến năm 1985, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ luôn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự trong điều kiện cả nước vẫn ở trong tình trạng vừa có hoà bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh với rất nhiều khó khăn chồng chất. Đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn, nhất là về lương thực, có lúc thiếu thốn nghiêm trọng. Trong khi đó, cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù diễn ra ngày càng phức tạp. Để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phục vụ chiến đấu và chiến đấu khi có chiến tranh xảy ra, chấp hành Chỉ lệnh số 47 của Bộ Quốc phòng và chỉ thị triển khai 4 trạng thái sẵn sàng chiến đấu của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, năm 1980, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện uỷ và Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt rộng rãi 4 nội dung sẵn sàng chiến đấu tới

⁽¹⁾ Năm 1968, Đại Từ có 1.242 thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự.

tất cả cán bộ, chiến sĩ trong các đơn vị dân quân, tự vệ.

Từ năm 1981, tình hình biên giới phía Bắc tiếp tục diễn ra căng thẳng, phức tạp. Trên dọc tuyến biên giới, địch thường xuyên gây ra nhiều vụ xâm canh, xâm cư, lấn chiếm đất đai; tung thám báo, biệt kích vào sâu trong đất ta để dò la tin tức, bắt cóc cán bộ, bắn giết bộ đội và nhân dân ta ở vùng sát biên. Trước tình hình đó, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sẵn sàng chi viện cho các tỉnh biên giới đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch vừa là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, vừa là nhiệm vụ hết sức cấp bách của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang các địa phương. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tập trung chỉ đạo củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng cơ quan quân sự các cấp. Ngày 13/5/1981, Đảng uỷ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh họp phiên bất thường, ra Nghị quyết nhấn mạnh: *“Phải tăng cường xây dựng, giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, coi đó là nhiệm vụ trung tâm, thường xuyên của cấp uỷ và chỉ huy các cấp”*.

Ngày 13/10/1981, Tỉnh uỷ Bắc Thái ra Chỉ thị số 11 về tiến hành xây dựng huyện thành pháo đài quân sự vững chắc, chỉ rõ: *“Xây dựng huyện thành pháo đài quân sự vừa là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, vừa là yêu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay”*. Thực hiện Chỉ thị 11 của Tỉnh uỷ, Ban Chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị

trong lực lượng vũ trang nhân dân huyện thường xuyên củng cố, sửa chữa các trận địa, cụm trận địa được xây dựng từ năm 1979; bổ sung, điều chỉnh các phương án chiến đấu cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ sản xuất của từng xã, từng đơn vị.

Căn cứ vào sự chỉ đạo của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện uỷ, Ủy ban Nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng công tác của Cơ quan Quân sự các cấp từ huyện đến các xã, thị trấn bảo đảm đủ sức làm tham mưu cho các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương trong mọi tình huống. Cơ quan Quân sự huyện được kiện toàn theo hướng đủ về số lượng, tăng cường cán bộ có năng lực giỏi và nhiệt tình cách mạng cao. Biên chế của Cơ quan Quân sự huyện tăng từ 20 cán bộ, chiến sĩ (năm 1979), lên 33 cán bộ, chiến sĩ (năm 1982). Năm 1982, cơ quan quân sự huyện có 25 sĩ quan, 6 hạ sĩ quan và 2 quân nhân chuyên nghiệp. Ban Chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo duy trì chặt chẽ, thành nền nếp thường xuyên các chế độ giao ban, trực chỉ huy, trực chiến bảo đảm đủ quân số sẵn sàng chiến đấu. Công tác đấu tranh phê bình và tự phê bình được đẩy mạnh. Nhờ đó, những tư tưởng tiêu cực mới nảy sinh được giải quyết, ngăn chặn kịp thời; những nhân tố tích cực được động viên tạo điều kiện phát triển.

Công tác xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ được tiến hành theo đúng tinh thần “*thực hiện quân sự hoá toàn dân và vũ trang nhân dân*” do Nghị định 83/CP của Hội đồng Chính phủ ban hành ngày 5/3/1979. Khi chưa xảy ra chiến tranh, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ coi nhiệm vụ sản xuất, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội là chính; khi xảy ra chiến tranh, tổ chức chiến đấu và phục vụ chiến đấu tốt. Xây dựng lực lượng dự bị động viên và đăng kí nghĩa vụ quân sự đã đi vào nền nếp; hằng năm, các đơn vị đều tổ chức đăng kí lần đầu cho số thanh niên đủ 17 tuổi và kiểm tra thực tế số thanh niên trong diện gọi nhập ngũ từ 18 tuổi đến 25 tuổi. Từ năm 1982, theo Luật Nghĩa vụ quân sự mới, tuổi gọi nhập ngũ được quy định từ 18 tuổi đến 27 tuổi. Cơ quan Quân sự huyện kết hợp với các ngành Thống kê, Kế hoạch, Công an hộ khẩu tiến hành rà soát danh sách đăng kí, bảo đảm nắm chắc số quân dự bị và thanh niên trong diện gọi nhập ngũ. Do nắm chắc nguồn gọi nhập ngũ, nên công tác gọi thanh niên nhập ngũ năm 1980 của Đại Từ đạt kết quả cao. Giao quân đợt 1 năm 1980, toàn huyện có 506 thanh niên (trong đó có 20 nữ) lên đường nhập ngũ.

Thực hiện Nghị quyết ngày 25/5/1980 của Thường vụ Quân uỷ Trung ương, cùng với các đơn vị khác trong tỉnh, từ ngày 11/10/1980, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ thực hiện chế độ một người chỉ huy (giúp việc Chỉ huy trưởng có các Chỉ huy phó về Tham mưu, Chính trị). Ban

Chỉ huy quân sự huyện lúc này có 31 cán bộ, chiến sĩ, do đồng chí Lý Công Khoa làm Chỉ huy trưởng.

Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100 - CT/TW *“Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp”*. Theo chỉ thị này, hộ nông dân từng bước trở thành đơn vị tự chủ trong sản xuất nông nghiệp. Do vậy, vấn đề nhân lực lao động trong từng hộ nông dân trở nên bức thiết. Tình hình đó dẫn tới việc giải quyết triệt để tình trạng quân nhân đào ngũ, bỏ ngũ về làm kinh tế gia đình có những khó khăn mới; thêm vào đó, một số cán bộ tại ngũ xin phục viên, xin nghỉ theo chế độ mất sức để trở về làm kinh tế gia đình. Tình hình trên đã tác động xấu đến công tác tuyển quân.

Tuyển quân đợt I/1981, huyện Đại Từ được Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự tỉnh giao chỉ tiêu tuyển 380 tân binh. Hai ngày 9 và 10/4/1981, toàn huyện mới giao cho các đơn vị nhận quân được 326 tân binh, thiếu 54 tân binh so với chỉ tiêu Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự tỉnh giao. Sáu tháng đầu năm 1982 *“công tác tuyển quân của huyện tuy có tiến bộ hơn so với sáu tháng đầu năm 1981, nhưng cũng chỉ đạt một phần ba kế hoạch cả năm”*⁽¹⁾. Trước tình hình trên, để hoàn thành tốt nhiệm vụ động viên tuyển quân sáu tháng

⁽¹⁾ Theo Báo cáo số 08/BC-HU ngày 30/7/1981 của Huyện ủy Đại Từ.

cuối năm 1982, cùng với việc tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, duy trì chặt chẽ công tác đăng kí, quản lí lực lượng thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo tất cả các xã kiểm tra, giải quyết đầy đủ các chế độ cho những gia đình chính sách theo quy định của Nhà nước; ưu tiên ruộng tốt, ruộng gần cho những gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có con tại ngũ; Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức cải tạo lao động tại chỗ đối với 202 quân nhân đào ngũ còn lại; những trường hợp chống đối đều bị xử lí nghiêm khắc (có một trường hợp xử lí bằng Pháp luật).

Nhờ kết hợp nhiều biện pháp tích cực và sự giúp sức của các ban, ngành, đoàn thể, công tác tuyển quân của huyện Đại Từ đã dần dần đạt kết quả tốt hơn. Năm 1982, toàn huyện tuyển được 584 thanh niên vào bộ đội. Liên tiếp trong ba năm, từ năm 1983 đến năm 1985, huyện Đại Từ đăng kí với Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự tỉnh mỗi năm thực hiện giao quân 1 đợt cho chỉ tiêu cả năm. Được Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự tỉnh chấp nhận, ba năm (1983 - 1985), huyện Đại Từ đã tiến hành 3 đợt giao quân (mỗi năm 1 đợt), tuyển được 2.080 thanh niên vào bộ đội, đảm bảo 100% các chỉ tiêu về số lượng, chất lượng và thời gian⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Số lượng giao quân hàng năm: 1983 là 630 người, 1984 là 1.040 người, 1985 là 410 người.

Cùng với công tác tuyển quân, liên tục ba năm 1982 - 1984, huyện Đại Từ là một trong những huyện, thành phố, thị xã của tỉnh tích cực làm công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động được nhiều thanh niên có đủ điều kiện thi vào các trường quân sự để đào tạo thành cán bộ cho quân đội.

Là đơn vị điểm của tỉnh, các cấp bộ Đảng, chính quyền huyện Đại Từ coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng cụm chiến đấu và pháo đài quân sự huyện ngày càng hoàn thiện, tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện ngày càng vững chắc. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện (bao gồm bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ và dự bị động viên) ngày càng lớn mạnh, rộng khắp. Trải qua thực tiễn sản xuất, phục vụ chiến đấu và chiến đấu, đội ngũ cán bộ quân sự địa phương huyện Đại Từ ngày càng trưởng thành. Thế trận chiến tranh nhân dân với 6 cụm chiến đấu liên hoàn và hàng chục trận địa chiến đấu ở các làng, xã thường xuyên được củng cố, tạo thành thế trận bảo vệ vững chắc thành quả lao động và cuộc sống của nhân dân.

Năm 1985, huyện Đại Từ là một trong những huyện, thành phố, thị xã của tỉnh thực hiện tốt và có hiệu quả phương pháp huấn luyện quân sự kết hợp với lao động sản xuất. Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, từ ngày 7 đến ngày 12/12/1985, Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức đợt thực hành huấn luyện quân sự, gắn với lao động sản xuất xây dựng kinh tế ở địa phương đối với

quân dự bị động viên. Tuy là đợt thực hành tập trung quân dự bị mạng tính diễn tập, nhưng với tinh thần huấn luyện sát với thực tế chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, nên Ban Chỉ huy quân sự huyện đã giữ nghiêm các yêu cầu về bí mật, tổ chức phát lệnh tập trung quân dự bị theo đúng quy định. Sáng ngày 7/12/1985, Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự huyện quyết định chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang nhân dân huyện lên trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao; đồng thời phát lệnh tập trung quân dự bị xuống 29 xã và thị trấn, phát lệnh cho các ngành kinh tế trong huyện chuẩn bị các mặt phục vụ cho việc tập trung quân dự bị. Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị động viên (huy động trên 30 xe máy để truyền lệnh, truyền tin; huy động tất cả các xe ca, xe tải theo kế hoạch động viên trên địa bàn huyện để chuyển quân), nên chỉ sau khi phát lệnh 6 giờ, toàn bộ số sĩ quan và sau 12 giờ, toàn bộ số hạ sĩ quan, binh sĩ quân dự bị có lệnh động viên đã có mặt ở địa điểm tập trung.

Sau khi biên chế thành các đơn vị sẵn sàng chiến đấu và thực hành huấn luyện quân sự, chính trị theo quy định, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ và Ủy ban Nhân dân huyện, Ban Chỉ huy quân sự huyện huy động toàn bộ quân dự bị động viên tham gia lao động sửa chữa, khôi phục tuyến giao thông từ xã Phú Thịnh đi xã Đức Lương dài 8 km và bốc đất, đá ở Công trường khai thác than xã An Khánh. Năng suất lao động của các đơn vị dự bị

động viên đều đạt khá, bước đầu tạo được hiệu quả kinh tế thiết thực. Kết quả, đợt động viên quân dự bị huấn luyện quân sự kết hợp với lao động sản xuất từ ngày 7 đến ngày 12/12/1985 đã nâng số công của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ tham gia xây dựng kinh tế địa phương năm 1985 lên 4.700 công, đạt giá trị kinh tế gần 46.200 đồng.

Cùng với nhiệm vụ xây dựng pháo đài quân sự huyện, nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, lực lượng dân quân, tự vệ huyện Đại Từ tiếp tục giữ vững vai trò xung kích trong lao động sản xuất trên đồng ruộng, cũng như trong các nhà máy, xí nghiệp. Trong sản xuất nông nghiệp, từ khi thực hiện Chỉ thị 100 - CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *"Cải tiến công tác khoán và mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp"*, trên cơ sở quy hoạch vùng kinh tế của huyện, lực lượng dân quân các xã Khôi Kỳ, Hùng Sơn, Tiên Hội, Bình Thuận, Văn Yên, Ký Phú, Vạn Thọ, Cát Nê đã tập trung đầu tư thâm canh lúa. Các biện pháp kỹ thuật gieo cấy được áp dụng tương đối đồng bộ, nhất là khâu giống. Các giống lúa mới (Bao thai lùn, Nông nghiệp 8, K3) có năng suất cao được đưa vào gieo cấy đại trà. Các biện pháp kỹ thuật chăm sóc lúa được chú trọng áp dụng, vì vậy năng suất, sản lượng lúa mỗi năm một tăng. Năm 1984, tổng diện tích lúa toàn huyện đạt 10.747 ha, năng suất bình quân đạt 50,5

tạ/ha, tổng sản lượng thóc đạt 27.678 tấn, bằng 81,6% kế hoạch. Đến năm 1985, năng suất 2 vụ lúa bình quân toàn huyện vượt 10,33% kế hoạch, sản lượng vượt 19,64% kế hoạch. Sản xuất lương thực tăng nhanh, nên công tác bảo đảm hậu cần, nhất là vấn đề dự trữ lương thực, thực phẩm cho chiến tranh của huyện có nhiều thuận lợi. Ngoài lượng lương thực huy động đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao (năm 1985, toàn huyện huy động vượt mức 595 tấn thóc), mỗi năm Đại Từ còn dành số lương thực dự trữ đủ dùng trong 3 tháng.

Lực lượng dân quân trong huyện đóng vai trò nòng cốt trong việc củng cố, hoàn thiện cơ chế khoán trong các hợp tác xã nông nghiệp, công nghiệp theo tinh thần chỉ thị của Tỉnh uỷ và các nghị quyết của Huyện uỷ. Năm 1985, toàn huyện có thêm 220 hộ nông dân xin vào làm ăn tập thể, đưa tổng số nông dân trong các hợp tác xã nông nghiệp lên 1.7246 hộ, bằng 96,5% tổng số nông dân trong toàn huyện. Về lâm nghiệp, trung bình mỗi năm lực lượng dân quân các xã cùng với lực lượng tự vệ lâm nghiệp trồng gần 100 ha rừng tập trung, khai thác trên 1.000 mét khối gỗ tròn và 1.000 xít te củi. Đến năm 1984, huyện đã giao được 4.153 ha đất rừng cho nhân dân các xã Lục Ba, Hùng Sơn, Hà Thượng, Cù Vân, Phú Lạc, Phúc Lương, Đức Lương trồng rừng và chăm sóc rừng.

Kết hợp huấn luyện quân sự với phát triển kinh tế, liên

tiếp ba năm 1983 - 1985, lực lượng dân quân và tự vệ huyện Đại Từ đã đóng góp hàng chục ngàn ngày công sửa chữa bảo dưỡng các tuyến giao thông thị trấn Đại Từ - Ký Phú - Cát Nê, thị trấn Đại Từ - Mỹ Yên, Phú Thịnh - Phú Cường - Minh Tiến, Cù Vân - An Khánh và các đường liên xã, liên thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt và phát triển kinh tế, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa.

Cùng trong thời gian này, lực lượng dân quân huyện Đại Từ còn tập trung sửa chữa các đập Cầu Thành (xã Hùng Sơn), Thắng Lợi (xã Tiên Hội), đập tràn Đông Quan (xã Yên Lãng), đập Vai Bành (xã Phú Xuyên); làm mới và làm tiếp đập Đường Phố (xã Phú Lạc), đập Vai Đu (xã Vạn Thọ) phục vụ thiết thực cho sản xuất nông nghiệp.

Ban Chỉ huy quân sự huyện tiếp tục tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp các ngành đẩy mạnh phong trào *Toàn dân thực hiện chính sách hậu phương quân đội*, thực hiện cuộc vận động *"Quân với dân một ý chí"*, xây dựng *"Người công dân kiểu mẫu"* và *"Gia đình cách mạng gương mẫu"*. Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các ngành, đoàn thể ở huyện tích cực vận động, tổ chức thực hiện bảo đảm chi trả đúng, đủ các chế độ trợ cấp vật chất, các chính sách ưu tiên, đãi ngộ cho các gia đình chính sách; sắp xếp việc làm phù hợp cho các đồng chí thương binh, bộ đội xuất ngũ, chuyển ngành. Vào các dịp lễ tết

hằng năm, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân đều tổ chức quyên góp, tặng quà cho các đơn vị bộ đội, viếng Nghĩa trang Liệt sĩ; thăm hỏi, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ. Một số cơ sở dân quân, một số tổ chức Đoàn Thanh niên kết nghĩa với các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn đã tổ chức tu sửa nhà cửa cho các gia đình chính sách, xây dựng nghĩa trang, làm nhà truyền thống..., góp phần xây dựng khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết quân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng vững mạnh.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện, trong 10 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau ngày nước nhà thống nhất, quân và dân huyện Đại Từ đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Nhờ nắm vững quan điểm đường lối chiến tranh nhân dân, các cấp bộ Đảng, chính quyền huyện Đại Từ đã huy động được sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân, của các ngành, các cấp vào việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, xây dựng khu vực phòng thủ huyện, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện vững mạnh, làm tròn nhiệm vụ của hậu phương, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chi viện cho các tỉnh biên giới bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ luôn đi đầu trong lao động sản xuất,

xung kích trong xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi trọng điểm...phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế. Tuy còn có những thiếu sót, khuyết điểm, nhưng những kết quả xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất trong 10 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau ngày thống nhất đất nước đã chứng tỏ sự trưởng thành, lớn mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Chương V

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC (1986- 2000)

Năm 1986, cùng với cả nước, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ bước vào thời kì thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nhằm đưa đất nước ta thoát khỏi tình trạng khó khăn, khủng hoảng, tiếp tục vững bước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Quán triệt Nghị quyết số 33/NQ-TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nhiệm vụ quốc phòng 5 năm 1986 - 1990 và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 1 và Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ xác định tốt nhiệm vụ *“Ra sức củng cố nền quốc phòng toàn dân và xây dựng hậu phương chiến lược vững mạnh. Nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang nhân dân...”*

làm tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ quốc tế và nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế”⁽¹⁾, “Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước và xã hội, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đồng thời có kế hoạch sẵn sàng đối phó với mọi tình huống do kẻ thù gây ra”⁽²⁾.

Qua 10 năm xây dựng đất nước sau chiến tranh (1975 - 1985), tuy Đại Từ là huyện có nhiều kinh nghiệm vượt khó khăn để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển và thu được những thành tựu đáng kể⁽³⁾, nhưng về cơ bản nền kinh tế của huyện Đại Từ vẫn là kinh tế nông nghiệp lạc hậu, lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên và tự cung, tự cấp. Nhằm từng bước khắc phục tình trạng sản xuất nông nghiệp lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên, Huyện uỷ, Ủy ban Nhân dân huyện chủ trương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phong trào toàn dân làm thuỷ lợi, coi đó là một trong những biện pháp cơ bản, quan trọng để tăng năng suất lúa và cây trồng. Cuối năm 1985, đầu năm 1986, huyện Đại Từ triển khai xây dựng công trình thuỷ lợi hồ Phú Xuyên - một công trình thuỷ lợi trọng điểm của huyện có vốn đầu

⁽¹⁾ Nghị quyết số 33/NQ-TW của Bộ Chính trị về nhiệm vụ quốc phòng 5 năm 1986-1990

⁽²⁾ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

⁽³⁾ Nghị quyết số 33/NQ-TW của Bộ Chính trị về nhiệm vụ quốc phòng 5 năm 1986-1990.

tư khoảng 5 triệu đồng (trong đó, Trung ương và Tỉnh đầu tư 4 triệu đồng, huyện Đại Từ đóng góp 1 triệu đồng).

Để xây dựng công trình thủy lợi hồ Phú Xuyên Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ chủ trương lấy lực lượng dân quân làm nòng cốt, lần lượt tập trung dân quân của 28 xã và 2 thị trấn trong huyện đi huấn luyện quân sự kết hợp với làm kinh tế.

Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện, cuối tháng 3 đầu tháng 4/1986, Ban Chỉ huy quân sự huyện huy động 1.138 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ ở 9 xã trong huyện đi huấn luyện quân sự kết hợp với làm kinh tế xây dựng hồ Phú Xuyên đợt đầu. Tiếp đó, từ giữa tháng 4 đến hết tháng 7/1986, Ban Chỉ huy quân sự huyện huy động tiếp 3 đợt dân quân, tự vệ ở các hợp tác xã, thị trấn cơ quan, đơn vị còn lại, mỗi đợt trên, dưới 1.000 cán bộ, chiến sĩ vừa huấn luyện quân sự (1/2 thời gian), vừa lao động xây dựng hồ Phú Xuyên (1/2 thời gian). Kết thúc mùa huấn luyện quân sự năm 1986, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã đóng góp 63.000 ngày công, đào, đắp 20.000m³ đất xây dựng hồ Phú Xuyên, góp phần rất quan trọng vào việc hoàn thành xây dựng hồ trước kế hoạch 5 tháng. Bằng cách làm này, huyện Đại Từ vừa hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện dân quân, tự vệ năm 1986, vừa tạo được vốn đưa vào xây dựng Quỹ Quốc phòng ở huyện và cơ sở.

Nhằm nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh về việc tổ chức Diễn tập quân sự BT- 86, báo động kiểm tra quân số các tiểu đoàn dự bị động viên của các huyện, thành phố, thị xã để huấn luyện quân sự giai đoạn I, kết hợp với tham gia Chiến dịch làm đường giao thông Thác Giềng - Áng Toòng - Na Rì, từ ngày 28/4 đến ngày 17/5/1986, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ tiến hành động viên 1 tiểu đoàn, gồm 4 đại đội quân dự bị động viên ở các xã Bình Thuận, Hùng Sơn, Tiên Hội và thị trấn Đại Từ (mỗi đơn vị động viên 1 đại đội), do đồng chí Lý Công khoa (Huyện đội trưởng) trực tiếp làm Tiểu đoàn trưởng tham gia Diễn tập BT- 86. Sau 15 giờ kể từ khi phát lệnh, báo động kiểm tra quân số, tiểu đoàn dự bị động viên huyện Đại Từ đã có mặt tập trung ở vị trí tập kết, nhanh nhất trong số 12 tiểu đoàn dự bị động viên của các huyện, thành, thị. Trong 19 ngày, tiểu đoàn vừa huấn luyện quân sự, vừa thi công sửa chữa 4 km đường đoạn đỉnh đèo Áng Toòng. Đây là đoạn khó khăn nhất trên toàn tuyến giao thông Thác Giềng - Na Rì. Bằng phương pháp xoay vòng, xen kẽ, huấn luyện với lao động cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn dự bị động viên huyện Đại Từ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sửa chữa 4 km đường, vượt trước kế hoạch thời gian 7 ngày, tiết kiệm được nhiều nguyên vật liệu.

Trong thời gian tham gia chiến dịch làm đường giao thông Thác Giềng - Na Rì, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn chủ động, nhạy bén điều chỉnh kế hoạch huấn luyện và công tác phù hợp với điều kiện thời tiết. Nhờ đó, Tiểu đoàn đã tổ chức huấn luyện hết các chương trình chính trị và quân sự; là 1 trong số 5 tiểu đoàn tổ chức được việc huấn luyện, kiểm tra bắn đạn thật. Kết quả kiểm tra bắn đạn thật 100% cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đoàn đạt yêu cầu trở lên, trong đó 78% khá và giỏi, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cờ *"Đơn vị xuất sắc trong Chiến dịch làm đường Thác Giềng - Na Rì năm 1986"*.

Cùng với việc hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện thắng lợi công tác quân sự địa phương, giữ vững danh hiệu *"Đơn vị dẫn đầu phong trào Thi đua Quyết thắng năm 1985"* do Bộ Tư lệnh Quân khu 1 trao tặng, cán bộ, chiến sĩ Ban Chỉ huy quân sự huyện tập trung xây dựng cơ sở vật chất, chăm lo nâng cao đời sống của cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan. Với nguồn kinh phí xây dựng doanh trại do Ủy ban nhân dân huyện cấp, cán bộ, chiến sĩ cơ quan quân sự huyện đã tổ chức sản xuất được 1,5 triệu viên gạch, 200 tấn vôi, khai thác gần 300 mét khối đá, 24 mét khối cát, xây dựng hệ thống tường rào bao quanh doanh trại dài 450 mét, cao 1,4 mét; làm mới 1 nhà chỉ huy trị giá 436.000 đồng, xây dựng mới một nhà

để xe ô tô trị giá 151.000 đồng, xây dựng đường điện dài 1.000 mét, đưa điện lưới về doanh trại, đáp ứng các nhu cầu về vật chất và tinh thần cho bộ đội. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của mọi cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị, năm 1986, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ đã tự cân đối ngân sách được 60.000 đồng theo chỉ tiêu của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh giao. Mỗi cán bộ trong cơ quan nghỉ hưu được Ban Chỉ huy quân sự huyện giải quyết đủ tiêu chuẩn 5 tấn vôi, 1 chiếc giường hoặc 1 tủ.

Năm 1986, cán bộ, chiến sĩ Ban Chỉ huy quân sự huyện đẩy mạnh tăng gia tự túc lương thực, thực phẩm, thu được 3.359 kg rau xanh các loại, nuôi 8 con lợn (mỗi con có trọng lượng từ 70 kg trở lên), thả trên 4.000 con cá giống, nuôi 2 con trâu, đảm bảo sức cày kéo phục vụ tăng gia sản xuất gần 3 mẫu ruộng.

Năm 1987, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã góp công, góp của cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện xây dựng được 3 ngôi Nhà Tình nghĩa cho thương binh và gia đình liệt sĩ neo đơn; tham mưu cho cấp ủy và chính quyền cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng mới 2 Nghĩa trang Liệt sĩ ở 2 xã Văn Yên và Tiên Hội; hỗ trợ thương binh và gia đình liệt sĩ gặp khó khăn, hoạn nạn 30.000 đồng, 140 kg gạo và 960 ngày công lao động. Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Công an huyện triển khai tốt việc xây dựng Cụm An ninh liên hoàn khu vực

Làng Cẩm (địa bàn tiếp giáp 3 xã Phục Linh, Hà Thượng, Cù Vân, nơi có 6 nhà máy, xí nghiệp và một số đơn vị quân đội đóng quân).

Cụm an ninh liên hoàn khu vực Làng Cẩm là mô hình tổng hợp cả an ninh, quốc phòng và trật tự xã hội, là sự kết hợp giữa thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân trên một địa bàn. Với vị trí, ý nghĩa và tầm quan trọng đó, Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân quyết định thành lập Ban Thường trực chỉ đạo xây dựng Cụm An ninh liên hoàn khu vực Làng Cẩm, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban, các đồng chí Trưởng Công an huyện và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện làm Phó ban. Sau khi được thành lập, bước đầu Cụm An ninh liên hoàn khu vực Làng Cẩm đã phát huy tốt tác dụng trong việc phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm, giữ vững trật tự, trị an trên địa bàn.

Chấp hành Mệnh lệnh số 03 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh về việc thực hành Diễn tập động viên quân dự bị Z87B, từ ngày 28/11 đến ngày 5/12/1987, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ tổ chức báo động kiểm tra quân dự bị động viên ở 10 xã (Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Mỹ Yên, Văn Yên, Ký Phú, Vạn Thọ, Cát Nê, Quân Chu, Lục Ba, Bình Thuận) và Nông trường chè Quân Chu.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ, đồng bộ của

cấp uỷ Đảng, chính quyền, cơ quan quân sự các cấp từ huyện đến các cơ sở, nên cán bộ, chiến sĩ quân dự bị động viên chấp hành nghiêm túc lệnh động viên. Kết quả, 87,5% cán bộ, chiến sĩ được lệnh động viên đã có mặt ở vị trí tập trung kiểm tra quân số, đã khẳng định ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần sẵn sàng chiến đấu cao của cán bộ, chiến sĩ quân dự bị động viên huyện Đại Từ.

Kết thúc năm 1987, huyện Đại Từ tiếp tục hoàn thành xuất sắc công tác quân sự địa phương, được Bộ Tư lệnh Quân khu 1 tặng, cờ *Đơn vị dẫn đầu phong trào Thi đua Quyết thắng khối huyện, thành, thị*; được Chủ tịch nước tặng *Huân chương Quân công hạng Nhất*.

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT ngày 30/11/1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *Cơ chế lãnh đạo mới của Đảng đối với lực lượng vũ trang địa phương*, ngày 22/6/1988, Huyện uỷ Đại Từ ra Quyết định số 30 - QĐ/HU thành lập Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện làm nhiệm vụ giúp Huyện uỷ lãnh đạo công tác quân sự địa phương. Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện do đồng chí Chu Văn Cường (Bí thư Huyện uỷ) làm Bí thư, đồng chí Hà Đức Mưu (Huyện uỷ viên - Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) làm Phó Bí thư và các đồng chí Lương Xuân Thanh (Chỉ huy phó Chính trị Ban Chỉ huy quân sự huyện), Nguyễn Văn Chắt (Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ - Phó Chủ tịch

Ủy ban nhân dân huyện), Hoàng Hồng Sơn (Phó Trưởng Công an huyện) làm Ủy viên.

Sau khi thành lập, Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện họp thông qua Quy chế làm việc và ra nghị quyết Tập trung xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc, đảm bảo đánh thắng địch trong mọi tình huống.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện, năm 1989, toàn bộ 47/47 cơ sở dân quân, tự vệ trong huyện đã được củng cố và kiện toàn tổ chức; tỉ lệ dân quân đạt 6,8% so với tổng dân số nông thôn, tỉ lệ tự vệ đạt 35% so với tổng số cán bộ, công nhân, viên chức; 29/29 xã thành lập được Đội An ninh - Quốc phòng. Các xã Vạn Thọ, Tân Thái, Minh Tiến, Quân Chu, Bình Thuận, Bản Ngoại, Lục Ba, thị trấn Đại Từ và các đơn vị Mỏ than Làng Cẩm, Nhà nghỉ Núi Cốc, Mỏ thiếc, Trại cá Cù Vân, Xí nghiệp chè Đại Từ, Đoàn địa chất 110, Mỏ than Núi Hồng, Xí nghiệp chè Quân Chu, Trại lúa An Khánh làm tốt việc kết hợp huấn luyện dân quân tự vệ với lao động xây dựng kinh tế, đóng góp vào Quỹ Quốc phòng được 3.732.000 đồng. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức kiểm tra công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu của Lực lượng vũ trang nhân dân huyện. Kết quả 100% các đơn vị được kiểm tra đều đạt đơn vị khá về huấn luyện; đơn vị tốt về thực hiện các chế độ sẵn sàng chiến đấu. Công tác tuyển quân của

huyện tiếp tục đạt kết quả tốt. Toàn huyện có 1.460 thanh niên khám tuyển đủ sức khỏe nhập ngũ (có 758 thanh niên sức khỏe A1 và A2); trong đó có 410 thanh niên được lệnh gọi nhập ngũ (có 5 nữ) đã hăng hái, phấn khởi lên đường bảo vệ Tổ quốc (đạt 100% chỉ tiêu trên giao).

Tuy nhiên, trong đợt diễn tập kiểm tra động viên quân dự bị ngày 26/12/1989, trong tổng số 2.644 cán bộ, chiến sĩ quân dự bị có lệnh gọi động viên, vẫn còn tới 233 người vắng mặt không có lý do, 6 người không nhận lệnh (chống lệnh). Trong công tác tuyển quân, toàn huyện vẫn còn tới 20 thanh niên chống lệnh gọi khám tuyển và 1 thanh niên chống lệnh gọi nhập ngũ.

Cuối năm 1989, đầu năm 1990, huyện Đại Từ được Quân khu 1 và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh bổ sung thêm một số sĩ quan xuống làm nhiệm vụ tăng cường cơ sở, giúp cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn xây dựng củng cố và huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ, quản lý quân dự bị động viên và làm công tác động viên tuyển quân. Theo hướng dẫn của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Ủy ban Nhân dân huyện ra Quyết định số 669/QĐ-UB ngày 19/12/1989 thành lập Phòng Phái viên Quân sự huyện làm nhiệm vụ tiếp nhận, sắp xếp, điều động cán bộ xuống tăng cường cho các xã, thị trấn. Ban Chỉ huy quân sự huyện đã tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy ra Quyết định số 115/QĐ-HU, ngày 3/1/1990

thành lập Chi bộ Phòng Phái viên Quân sự huyện trực thuộc Huyện ủy, làm nhiệm vụ lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Phòng Phái viên Quân sự huyện. Chi ủy Chi bộ Phòng Phái viên Quân sự huyện do Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ định, gồm đồng chí Ngô Quốc Thi (cán bộ phụ trách sĩ quan tăng cường cơ sở huyện) làm Bí thư, đồng chí Trần Văn Màu làm Phó Bí thư và các đồng chí Phan Văn Tường, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn Sáu làm Chi ủy viên.

Căn cứ vào tình hình cụ thể của từng cơ sở, Ban Chỉ huy quân sự huyện cùng với Phòng Phái viên nghiên cứu, sắp xếp những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực và kinh nghiệm công tác xuống giúp đỡ, chỉ đạo các cơ sở yếu. Nhờ đó, sau bầu cử Hội đồng nhân dân xã cuối năm 1989 đầu năm 1990, toàn huyện đã bổ nhiệm được 196 cán bộ dân quân, tự vệ mới (gồm 23 Xã đội trưởng, 21 Xã đội phó, 6 cán bộ đại đội và 146 cán bộ trung đội). Sáu tháng đầu năm 1990, toàn huyện có 4.231 cán bộ, chiến sĩ dân quân ở 30/30 cơ sở xã, thị trấn hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự cả năm 1990 (tăng 24 xã so với sáu tháng đầu năm 1989); trong đó, xã Phú Xuyên đạt chỉ tiêu quân số huấn luyện cao nhất (78%), xã Yên Lãng thấp nhất (50%); 2 trong tổng số 18 cơ sở tự vệ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự cả năm 1990.

Trong số 32 cơ sở dân quân, tự vệ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự cả năm 1989 ngay trong sáu tháng đầu

năm, có 2 đơn vị đạt kết quả huấn luyện giỏi (bằng 6,25%), 25 đơn vị huấn luyện khá (bằng 78,12%) và 5 đơn vị huấn luyện đạt yêu cầu (bằng 15,63%). Các xã Hà Thượng, Lục Ba, Vạn Thọ, Minh Tiến, Phú Xuyên, Bản Ngoại, thị trấn Quân Chu, thị trấn Đại Từ và Xí nghiệp chè Quân Chu là những đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ huấn luyện dân quân, tự vệ kết hợp với lao động gây Quỹ Quốc phòng.

Sáu tháng cuối năm 1990, toàn huyện động viên được 520 thanh niên lên đường nhập ngũ (đạt 100% chỉ tiêu tuyển quân). Tuy nhiên, trong số này, sau một tháng huấn luyện tại đơn vị, đã có 13 người phải trả về địa phương vì không đạt tiêu chuẩn về sức khoẻ và trình độ văn hoá. Trong 2.567 thanh niên được gọi đi khám sức khoẻ, còn có tới 248 người không đến khám và 68 người trốn khám và chống khám. Trong số 545 thanh niên có lệnh gọi nhập ngũ, còn có 3 người không có mặt ở nơi giao quân. Đây là một trong những điểm yếu mà huyện Đại Từ - đơn vị lá cờ đầu của tỉnh về công tác quân sự địa phương liên tục từ năm 1985 đến 1990 cần phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết dứt điểm.

Đầu năm 1991, Ban Chỉ huy quân sự huyện cử cán bộ xuống các xã kiểm tra, xử lý dứt điểm số thanh niên chống lệnh khám tuyển và chống lệnh gọi nhập ngũ năm 1990 còn tồn đọng. Được Huyện uỷ và Ủy ban Nhân dân huyện đồng ý, sáu tháng đầu năm 1991, Ban Chỉ huy quân sự

huyện tổ chức học tập và lao động cải tạo được 72 thanh niên; kiên quyết xử lý và cải tạo dứt điểm 42 quân nhân đào ngũ từ những năm trước còn tồn đọng đến năm 1990 và 24 quân nhân đào ngũ sáu tháng đầu năm 1991. Biện pháp xử lý kiên quyết của Ban Chỉ huy quân sự huyện đã góp phần tích cực làm giảm số thanh niên trong huyện chống khám tuyển nghĩa vụ quân sự, chống lệnh gọi nhập ngũ và số quân nhân đào ngũ năm 1991 và các năm tiếp theo. Năm 1991, huyện Đại Từ giao quân vượt chỉ tiêu trên giao 24 tân binh. Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với các ngành giải quyết tranh chấp đất đai ở 2 xã Văn Yên và Hùng Sơn; hướng dẫn 30 xã, thị trấn tổ chức thành lập Hội Cựu chiến binh cơ sở và chỉ đạo 45/45 cơ sở dân quân, tự vệ thành lập Ban Xây dựng Nhà Tình nghĩa ủng hộ thương binh và gia đình liệt sĩ gặp khó khăn. Nhờ có sự chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể của Ban Chỉ huy quân sự huyện, năm 1991, toàn huyện có 25 xã thành lập được Hội Cựu Chiến binh, xây dựng và trao được 26 nhà và 23 sổ tiết kiệm tình nghĩa cho các gia đình liệt sĩ và thương binh (riêng Hội Phụ nữ huyện đã vận động hội viên quyên góp được 4.820.000 đồng để xây Nhà Tình nghĩa và tặng 3 Sổ tiết kiệm tình nghĩa, mỗi sổ trị giá 100.000 đồng). Các xã Phú Lạc, La Bằng, Lục Ba, Bình Thuận hoàn thành xây dựng Nghĩa trang Liệt sĩ.

Năm 1992, Đại Từ là 1 trong 2 huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh hoàn thành kế hoạch của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh về

công tác huấn luyện quân sự cho cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự huyện và lực lượng dân quân, tự vệ cơ sở trước thời hạn 2 tháng; trong đó, 2 xã Phục Linh và Yên Lãng tổ chức tốt cuộc diễn tập phòng chống biểu tình gây rối, bạo loạn, được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đánh giá cao. Kết thúc năm 1992, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thưởng luân lưu đơn vị xuất sắc; toàn huyện có 12 đơn vị được tặng danh hiệu "*Đơn vị Quyết thắng*"; 8 xã, 35 đơn vị (cấp tiểu đội, trung đội, đại đội), 28 cán bộ, 1.278 chiến sĩ dân quân, tự vệ được tặng Bằng khen; 47 đơn vị (cấp tiểu đội, trung đội, đại đội) và 269 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ được tặng Giấy khen.

Tháng 4/1993, do sự bất cẩn của một số người đào, đái thiếc, tại xã Cù Vân đã xảy ra cháy rừng lớn ở khu vực gần kho K9 của Cục Kỹ thuật Quân khu 1. Trước tình hình hàng trăm tấn đạn ở trong kho có nguy cơ cháy nổ, đồng chí Nguyễn Xuân Kháng (Xã đội trưởng Cù Vân) đã khẩn trương báo động, huy động toàn bộ lực lượng dân quân trong xã cùng với nhân dân địa phương dập lửa cứu rừng, bảo vệ an toàn kho K9.

Trước thực trạng rừng ở Đại Từ bị phá hoại nghiêm trọng, diện tích rừng bị nhân dân phát đốt làm nương, rẫy tăng từ 38.000 mét vuông (năm 1992) lên 50.000 mét vuông (tháng 10/1993), cán bộ, chiến sĩ tự vệ Phòng Quân

lí bảo vệ rừng Đại Từ vừa làm tốt nhiệm vụ bảo vệ rừng ở các khu vực Quân Chu, Minh Tiến, Phục Linh, Yên Lãng, vừa tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, ngăn chặn và xử lí kiên quyết 32 vụ phá rừng, phạt 10 triệu đồng nộp ngân sách; phối hợp với Đội Công tác liên ngành của huyện thu trên 10 mét khối gỗ khai thác trái phép. Kết thúc năm 1993, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ được Bộ Quốc phòng tặng Cờ thưởng luân lưu *"Đơn vị dẫn đầu phong trào Thi đua Quyết thắng"*.

Nhằm tăng cường và hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang địa phương ở cấp huyện, thực hiện Quy định số 71/ĐUQS ngày 22/3/1993 của Đảng ủy Quân sự Trung ương về tổ chức cơ sở Đảng trong Quân đội, Hướng dẫn số 01/HD-TC của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, năm 1994, Huyện ủy Đại Từ quyết định giải thể Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện để thành lập Đảng bộ Quân sự huyện và chỉ định Ban Chấp hành (lâm thời) Đảng bộ Quân sự huyện, gồm các đồng chí Chu Văn Nhân (Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy) trực tiếp làm Bí thư, Hà Đức Mưu (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) làm Phó Bí thư và các đồng chí Trịnh Hồng Sáng (Chỉ huy phó Chính trị), Lê Quang Thảo (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng), Nguyễn Văn Chắt (Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) làm Đảng ủy viên. Đảng bộ Quân sự huyện có 4 chi bộ, gồm Chi bộ Ban Tham mưu, Chi bộ

Ban Chính trị, Chi bộ Ban Hậu Cần và Chi bộ Phòng Phái viên Quân sự huyện.

Sau ngày thành lập, Đảng bộ Quân sự huyện thường xuyên chăm lo xây dựng tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên, gắn việc xây dựng tổ chức Đảng *trong sạch vững mạnh* với việc xây dựng *Đơn vị vững mạnh toàn diện* coi trọng lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện; duy trì nghiêm túc chế độ sinh hoạt Đảng, thực hiện tốt nguyên tắc lãnh đạo tập trung, dân chủ, làm tốt công tác tự phê bình và phê bình. Nhờ đó, Đảng bộ đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Từ năm 1994, trước tình trạng số người nghiện hút ma túy lan rộng ra nhiều xã⁽¹⁾, Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể trong huyện tích cực và từng bước giải quyết tệ nạn nghiện hút, trộm cắp, cướp giật,... lập lại trật tự xã hội, làm trong sạch địa bàn.

Thực hiện chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và

(1) Đến năm 1994, trên địa bàn huyện có 450 người nghiện ma túy; trong đó xã Yên Lãng có 54 người, Na Mao 50 người, Hùng Sơn 45 người... Từ nghiện hút ma túy dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội khác (cờ bạc, trộm cắp...), gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn, ảnh hưởng xấu tới công tác quân sự địa phương.

Ban Chỉ huy quân sự huyện, lực lượng dân quân các xã và tự vệ các đơn vị, cơ quan xí nghiệp đã tăng cường tổ chức tuần tra, canh gác, phát hiện, truy quét và xoá bỏ được nhiều tụ điểm tệ nạn xã hội. Lực lượng dân quân tự vệ xã Cù Vân phát hiện và xử lý 7 đối tượng ghi sổ đề, triệt phá 5 tụ điểm nghiện ma túy, thu giữ 8 bộ bàn đèn hút thuốc phiện, 2 đối tượng trong số 10 đối tượng nghiện nặng đã cai được nghiện, 70 đối tượng khác cam kết từ bỏ hút thuốc phiện,... Dân quân các xã kết hợp chặt chẽ việc luyện tập, diễn tập quân sự với việc truy quét, xoá bỏ các tụ điểm tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn. Hai năm 1994 và 1995, trên địa bàn huyện đã có hơn 300 đối tượng vi phạm tệ nạn xã hội được gọi tập trung về Ủy ban nhân dân các xã cải tạo lao động tại chỗ, làm kiểm điểm và cam kết không tái phạm; xử lý 38 đối tượng trộm cắp, tạm giữ 29 đối tượng cờ bạc, tàng trữ, buôn bán thuốc phiện, hoạt động mại dâm ...

Thành tích nổi bật của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ trong năm 1994 là đã hoàn thành thắng lợi 3 đợt động viên quân dự bị giao cho các đơn vị bộ đội chủ lực của Quân khu 1 và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh huấn luyện. Ngay sau khi nhận được chỉ tiêu và kế hoạch động viên quân dự bị của Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ ra Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo động viên quân dự bị do các đồng chí Bí thư Huyện uỷ - Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện làm Trưởng ban, Chỉ huy

trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện làm Phó ban và đại diện các ngành Công an, các đoàn thể quần chúng làm uỷ viên. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Ngành Thông tin - Văn hoá đẩy mạnh công tác vận động, giáo dục, tuyên truyền, động viên quân dự bị; hiệp đồng với các ngành Tài chính, Kho bạc, Thương nghiệp, Y tế đảm bảo cho việc động viên quân dự bị được chu đáo. Ban Chỉ huy quân sự huyện huy động cán bộ xuống cơ sở kiểm tra, phúc tra được 7.054 quân dự bị, tổ chức phân loại, sắp xếp biên chế và hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị nhận quân; phát thông báo cho quân dự bị trước 15 ngày và phát lệnh động viên lên đường trước 7 ngày để mọi người chủ động thực hiện nhiệm vụ.

Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị, nên qua 3 đợt động viên quân dự bị trong năm 1994, huyện Đại Từ động viên được 919 sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ quân dự bị giao cho các đơn vị của Quân khu 1 và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh huấn luyện, đạt 100% các chỉ tiêu về quân số và chất lượng. Hai năm 1994, 1995, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ tiếp tục Bộ Quốc phòng tặng Cờ thưởng luân lưu "*Đơn vị dẫn đầu phong trào Thi đua Quyết thắng*"; Đảng bộ Quân sự huyện được Tỉnh uỷ tặng Cờ "*Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh 5 năm liền 1991 - 1995*", Lực lượng vũ trang nhân dân huyện được Uỷ ban nhân dân

tỉnh tặng Cờ "Đơn vị xuất sắc về công tác huấn luyện - tác chiến - trị an 5 năm 1991 - 1995".

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XIX, năm 1996, Ban Chỉ huy quân sự huyện và Ban Chỉ huy quân sự các xã xây dựng và bổ sung hoàn chỉnh các Kế hoạch A, A2 và xây dựng xong Kế hoạch động viên từ năm 1996 đến năm 2000. Đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ các cấp được củng cố, kiện toàn. Toàn huyện bổ nhiệm 7 Xã đội trưởng, 5 Xã đội phó, 39 Trung đội trưởng, 104 Tiểu đội trưởng là cán bộ dân quân, tự vệ mới khỏe, trẻ, có năng lực lãnh đạo, chỉ huy. Lực lượng dân quân, tự vệ trong huyện có 17.700 cán bộ, chiến sĩ (bằng 12% dân số), trong đó lực lượng chiến đấu là 3.340 người (bằng 2% dân số). Trong lực lượng chiến đấu có 1.980 người thuộc lực lượng chiến đấu tại chỗ; còn lại là lực lượng chiến đấu cơ động và lực lượng các binh chủng chuyên môn (Trình sát, Thông tin, Phòng không, Pháo binh, Quân y,...).

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự địa phương cho cán bộ cơ sở, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện cử 30 cán bộ là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn trong huyện đi dự lớp tập huấn kiến thức quốc phòng ở tỉnh; 68 cán bộ chỉ huy Xã đội và chuyên trách tự vệ đi tập huấn phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và huấn luyện

dân quân, tự vệ ở tỉnh và huyện. Kết quả huấn luyện dân quân tự vệ năm 1996 toàn huyện đạt đơn vị khá. Trong hội thi 3 môn quân sự phối hợp của dân quân, tự vệ do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức, huyện Đại Từ đạt giải nhất, giải nhì cá nhân nam và giải 3 đồng đội. Trong cuộc thi Xã đội trưởng giỏi toàn tỉnh, Đội huyện Đại Từ xếp thứ 5.

Đặc biệt, trong năm 1996, lực lượng vũ trang Đại Từ thực hiện thắng lợi cuộc diễn tập ĐT- 96. Đây là cuộc diễn tập đầu tiên có quy mô toàn huyện với sự tham gia của 30/30 xã, thị trấn và 36 cơ quan, đơn vị trên địa bàn, do Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện và Ban Chỉ huy quân sự huyện chủ động đề ra kế hoạch và lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy thực hiện. Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo diễn tập ĐT- 96 do các đồng chí Nguyễn Văn Tiến (Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện) làm Trưởng ban, Hà Đức Mưu (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) làm Phó ban và đại diện các ngành là thành viên. Mục tiêu của cuộc diễn tập ĐT- 96 nhằm nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân trong huyện đối với nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương; tập duyệt và kiểm tra khả năng huy động tiềm lực của các cơ sở xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị trong huyện vào việc củng cố khu vực phòng thủ trước mắt cũng như sẵn sàng huy động khi có nhu cầu.

Dưới sự điều hành trực tiếp của Ban Chỉ đạo diễn tập

ĐT- 96, chỉ trong 5 ngày, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã xây dựng hoàn chỉnh ý định và kế hoạch diễn tập; hướng dẫn 30 xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch diễn tập báo cáo Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện huy động 158 cán bộ các ban, ngành, đoàn thể ở huyện trực tiếp xuống chỉ đạo cơ sở diễn tập; huy động 644 lượt xe máy phục vụ cho truyền lệnh và chỉ huy diễn tập.

Ngày 21/11/1996, cuộc diễn tập ĐT- 96 bắt đầu bằng tín hiệu chuyển lực lượng vũ trang trong huyện từ trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên lên cao và toàn bộ. Qua 8 ngày thực hành diễn tập, cuộc diễn tập ĐT- 96 đã đạt được những yêu cầu thiết thực về kinh tế, xã hội và đời sống dân sinh, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện năm 1996. *“Chỉ sau 8 ngày diễn tập, bình diện huyện Đại Từ hầu như đổi khác. Các tuyến giao thông đều đảm bảo đường thông, hè thoáng. Các đường liên xã, liên xóm được đắp to, bằng phẳng. Hầu hết các xóm trong huyện đều có đường đảm bảo cho ô tô đến tận nơi. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Các cơ quan thuế, ngân hàng, tín dụng không còn phải băn khoăn về tình trạng thất thu hay nợ đọng, đây đưa”⁽¹⁾*

⁽¹⁾ Theo : Báo Bắc Thái số 3202 ra ngày 3/12/1996.

Sở dĩ cuộc diễn tập ĐT - 96 của huyện Đại Từ đạt được kết quả cao là do Huyện uỷ, Uỷ ban Nhân dân huyện và Ban Chỉ huy quân sự huyện đã biết gắn công tác quốc phòng - an ninh với các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trên địa bàn để nâng cao hiệu lực lãnh đạo của cấp uỷ và điều hành của chính quyền cơ sở. Công tác giáo dục, động viên, tuyên truyền nhiệm vụ diễn tập được các cấp uỷ Đảng, chính quyền triển khai rộng rãi tới mọi tầng lớp nhân dân, được quần chúng đồng tình ủng hộ. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện và Ban Chỉ huy quân sự huyện đã vận dụng triệt để việc kết hợp các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy với các biện pháp tăng cường kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện nên phát hiện được các thiếu sót khuyết điểm của từng cơ sở, kịp thời chỉ đạo khắc phục, đảm bảo được tiến độ và nâng cao hiệu quả diễn tập.

Năm 1997, tỉnh Thái Nguyên được tái lập (theo Quyết định ngày 6/11/1996 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, ngay sau khi tách tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã chủ động xây dựng, bổ sung, kiện toàn các phương án A, A2 và kế hoạch hoạt động tác chiến trị an. Đến tháng 11/1997, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã hoàn thành 9 bộ văn kiện phục vụ nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu (gồm 2 bộ Quyết tâm phòng thủ cơ bản, 2 bộ Kế hoạch A2, 2 bộ Kế hoạch chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, 1 bộ

Kế hoạch phòng chống cháy nổ, 1 bộ Kế hoạch bảo vệ Sở Chỉ huy và 1 bộ Kế hoạch bảo vệ bầu cử). Ban Chỉ huy quân sự huyện còn chỉ đạo, hướng dẫn 100% xã, thị trấn xây dựng, bổ sung hoàn chỉnh hoạt động tác chiến trị an; huy động 225 lượt sĩ quan chỉ huy, trực ban, trực chiến; 2.310 lượt cán bộ chiến sĩ tuần tra, canh gác, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ lễ cắt băng khánh thành Khu di tích lịch sử Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7 ở khu vực Bàn Cờ (xã Hùng Sơn).

Từ ngày 21/11 đến ngày 3/12/1997, thực hiện Nghị định 19/CP của Chính phủ về diễn tập phòng thủ hằng năm, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ huy quân sự huyện lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy toàn bộ 28 xã, 2 thị trấn trong huyện đồng loạt tiến hành diễn tập phòng thủ cơ sở năm 1997 nhằm kiểm tra khả năng sẵn sàng chiến đấu; tiếp tục rèn luyện cho cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan, đoàn thể ở cơ sở làm quen với Cơ chế 02 (Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành các cơ quan Quân sự, Công an làm tham mưu) khi có chiến sự xảy ra; kết hợp giải quyết các nội dung bức xúc về kinh tế, xã hội trên địa bàn (thu dứt điểm thuế nông nghiệp còn tồn đọng nhiều ở các xã Bản Ngoại, Phục Linh, Phú Xuyên; truy quét tệ nạn xã hội và làm đường giao thông nông thôn, làm thủy lợi).

Trong 13 ngày thực hành diễn tập, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ huy quân sự huyện điều động

2.543 lượt cán bộ cơ sở và cán bộ các cơ quan ban, ngành, đoàn thể ở huyện chỉ đạo các cơ sở thực hiện nhiệm vụ diễn tập. Kết quả cuộc diễn tập phòng thủ cơ sở năm 1997 của huyện Đại Từ đã đạt được các nội dung, mục đích, yêu cầu đề ra. Toàn huyện huy động 6.843 lượt xe các loại ô tô, công nông, cải tiến, 2.073 cây tre, gỗ để làm đường giao thông và làm thủy lợi. Các xã, thị trấn trong huyện làm mới và sửa chữa được 543 km đường giao thông liên xóm, liên xã với tổng khối lượng đào đắp, vận chuyển và san mặt bằng 113.757 mét khối đất, đá; phát quang hành lang đường giao thông nông thôn được 224 km; làm mới, tu sửa, nạo vét 321km kênh, mương; đắp 80 đập giữ nước với tổng khối lượng đất, đá đào, đắp, nạo vét lên tới 74.291 mét khối. Toàn huyện huy động thuế và thu nợ thuế được 257.089.000 đồng, thu nợ ngân hàng 118.084.000 đồng, gọi và xử lý 427 trường hợp có hành vi vi phạm Pháp luật (Công an huyện thụ lý 9 vụ, bắt 13 đối tượng, khởi tố 6 đối tượng, truy tố 4 đối tượng, tạm giam 2 đối tượng, xử lý hành chính 7 đối tượng; số còn lại cho làm kiểm điểm, cam kết và lao động bắt buộc tại xã thị trấn).

Trong đợt diễn tập này, các lực lượng công an và dân quân, tự vệ đã phát hiện và thu hồi được nhiều vũ khí vật liệu cháy nổ tàng trữ trái phép trong dân gồm 7 khẩu súng trường K44, 6 khẩu súng cácbin, 5 súng mát, 5 súng côn, 6 quả lựu đạn, 6 viên đạn súng máy cao xạ 14mm, 23,1 kg

thuốc nổ TNT, 107 kíp nổ, 48,5 mét dây cháy chậm.

Cuộc diễn tập phòng thủ cơ sở năm 1997 của 30 xã, thị trấn trong huyện kết thúc thắng lợi đã khẳng định sức mạnh tổng hợp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự điều hành của chính quyền và vai trò tham mưu của các cơ quan quân sự và công an các cấp từ huyện xuống cơ sở; khẳng định vai trò nòng cốt trong mọi mặt công tác của lực lượng vũ trang nhân dân huyện. Thông qua diễn tập, năng lực và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân huyện có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước được nâng lên. Các xã Quân Chu, Tiên Hội, Mỹ Yên, Yên Lãng, Đức Lương, Hà Thượng, Vạn Thọ, Phú Lạc, Khôi Kỳ, thị trấn Quân Chu và các cơ quan Chi cục Thuế, Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ huy quân sự huyện và Công an huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập, được Ủy ban nhân dân huyện biểu dương, khen thưởng.

Năm 1997 cũng là năm đầu tiên tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện *Pháp lệnh về Dân quân, tự vệ* của Chủ tịch nước và Nghị định 35/CP của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện quy định của *Pháp lệnh về Dân quân, tự vệ*, từ tháng 4 đến tháng 10/1997, toàn huyện kết nạp thêm 2.107 chiến sĩ dân quân, tự vệ, chứng nhận hoàn thành chương trình huấn luyện cơ bản 4 năm, cho nghỉ huấn luyện, luân chuyển biên chế vào lực lượng dân quân, tự vệ rộng rãi 6.224 chiến sĩ. Số lượng dân quân, tự vệ toàn huyện lên tới 15.830 người,

bằng 9,6% dân số, trong đó lực lượng dân quân, tự vệ rộng rãi là 9.918 cán bộ, chiến sĩ, bằng 6,2% dân số. Toàn bộ lực lượng dân quân, tự vệ trong huyện được biên chế thành 301 trung đội (gồm 296 trung đội bộ binh, 4 trung đội phòng không và 1 trung đội thông tin truyền lệnh). Trong số 301 trung đội dân quân tự vệ, có 30 trung đội chiến đấu cơ động, 271 trung đội chiến đấu tại chỗ, được chia thành 1.044 tiểu đội bộ binh, 116 tiểu đội các binh chủng chuyên môn (Phòng không, Trinh sát Quân báo, Công binh, Thông tin liên lạc, Quân y, Hoá học, Cối 60 mm).

Để thực hiện tốt *Pháp lệnh về Dân quân, tự vệ*, gắn thực hiện *Pháp lệnh về Dân quân, tự vệ* với nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội khác; trong 4 năm (1997- 2000), Ban Chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo mỗi Ban Chỉ huy quân sự xã, thị trấn, đơn vị tự vệ xây dựng thí điểm từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội dân quân, tự vệ thực hiện theo một số nội dung của Pháp lệnh, sau đó tổ chức rút kinh nghiệm, tìm ra nguyên nhân thành công và chưa thành công để kịp thời có biện pháp khắc phục. Đến năm 2000, lực lượng dân quân, tự vệ ở 100% xã, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn huyện được củng cố kiện toàn về tổ chức và quân số. Hầu hết cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ là thanh niên nam, nữ khoẻ mạnh. Ở độ tuổi từ 18 đến 22, được sắp xếp biên chế vào các lực lượng chiến đấu cơ động, chiến đấu tại chỗ và

trong các binh chủng: đúng tỉ lệ đủ thành phần theo quy định của Pháp lệnh. Các xã Mỹ Yên, Tiên Hội, Phú Cường có nhiều cố gắng trong việc tổ chức thực hiện *Pháp lệnh về Dân quân, tự vệ*.

Đầu năm 2000, toàn huyện có 60.000 người (bằng 37% dân số) trong độ tuổi dân quân, tự vệ trong đó có 6.500 người (bằng 4% dân số) là lực lượng dự bị động viên. Theo sự chỉ đạo chung của tỉnh (lực lượng dân quân chủ yếu nằm trong độ tuổi từ 18 đến 55, lực lượng tự vệ chủ yếu nằm trong độ tuổi từ 20 đến 38 đối với nữ và từ 20 đến 42 đối với nam), huyện Đại Từ đã nâng số lượng dân quân, tự vệ từ 7.936 người năm 1999 lên 9.120 người năm 2000 (tăng 1.285 người). Trong tổng số 9.120 dân quân, tự vệ, có 7.820 dân quân (bằng 5% dân số của 31 cơ sở xã thị trấn)⁽¹⁾ và 1.300 tự vệ (bằng 28,2% tổng số cán bộ, công nhân, viên chức ở 35 đơn vị, cơ quan, xí nghiệp).

Cùng với sự lớn mạnh về số lượng, chất lượng dân quân, tự vệ trong huyện cũng được nâng lên. Tỉ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân, tự vệ tăng từ 4% năm 1997, lên 7% năm 1999; tỉ lệ đoàn viên đạt khoảng 80%. Năm 2000, lực lượng dân quân, tự vệ huyện Đại Từ được tổ chức thành lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi. Lực lượng nòng cốt (lực lượng chiến đấu) có 3.676 cán bộ, chiến sĩ,

⁽¹⁾ Thêm xã Tân Linh tách từ xã Phục Linh.

được biên chế thành 31 trung đội chiến đấu cơ động (gồm 823 người), 199 tiểu đội chiến đấu tại chỗ (gồm 1.067 người), 4 trung đội súng máy cao xạ 12,7mm, 4 khẩu đội cối 60mm; 15 tiểu đội và 23 tổ trinh sát, 6 tiểu đội và 10 tổ công binh, 7 tiểu đội và 25 tổ thông tin liên lạc, 3 tiểu đội và 28 tổ cứu thương (gồm 1.776 người).

Trong 4 năm thực hiện Pháp lệnh dân quân, tự vệ (1997 - 2000), toàn huyện có 55 đồng chí được bổ nhiệm Xã đội trưởng, 48 đồng chí được bổ nhiệm Xã đội Phó, 69 đồng chí được bổ nhiệm Trung đội trưởng, 43 đồng chí được bổ nhiệm Trung đội phó, 425 đồng chí được bổ nhiệm Tiểu đội trưởng dân quân, tự vệ; 95% cán bộ trong các Ban Chỉ huy quân sự xã, thị trấn, đơn vị tự vệ là bộ đội phục viên, chuyển ngành, xuất ngũ, đủ điều kiện và năng lực tổ chức, chỉ huy lực lượng dân quân, tự vệ thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ huấn luyện quân sự và sẵn sàng chiến đấu.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy cho đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ, từ năm 1997 đến năm 2000, ngoài việc cử 160 lượt cán bộ Xã đội trưởng, Xã đội phó, Trung đội trưởng, Trung đội phó và Tiểu đội trưởng binh chủng đi tập huấn tại Trường Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự huyện còn mở 4 lớp tập huấn cho 385 lượt cán bộ là Xã đội phó, cán bộ chuyên trách tự vệ, Trung đội trưởng, Trung đội phó và Tiểu đội trưởng dân quân, tự vệ. Ngoài ra, Ban Chỉ huy quân sự huyện còn tham mưu cho Huyện uỷ, Ủy

ban nhân dân huyện cử 30 đồng chí Bí thư Đảng uỷ xã, thị trấn kiêm Chính trị viên Xã đội đi dự các lớp tập huấn kiến thức quốc phòng do Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh mở. Xã đội trưởng các xã Mỹ Yên, Tiên Hội, Phú Cường, Lục Ba, Hùng Sơn và các đồng chí Chỉ huy tự vệ các đơn vị Nhà máy cơ khí Mỏ, Mỏ than Núi Hồng đã phát huy tốt trách nhiệm cá nhân, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao theo cương vị, chức trách. Tuy nhiên, do năng lực còn hạn chế, lại kiêm nhiệm một số công việc khác, ít chú trọng đến công tác theo chức vụ mình đảm nhiệm, nên các đồng chí “Xã đội phó An Khánh, Xã đội trưởng Ký Phú, phụ trách tự vệ Công ty chè Quân Chu, tự vệ Vườn Quốc gia Tam Đảo hoàn thành nhiệm vụ chưa cao”⁽¹⁾.

Thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu chống âm mưu “Diễn biến hoà bình”, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, từ năm 1998 đến năm 2000, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang nhân dân huyện thường xuyên duy trì nghiêm túc chế độ trực chỉ huy, trực ban tác chiến, tuần tra canh gác, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu ở trạng thái cao nhất. Hằng tháng, Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức giao ban chỉ huy với Xã đội trưởng các xã, thị trấn trong huyện để vừa nắm tình hình,

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết 4 năm thực hiện Pháp lệnh DQTV của Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

vừa triển khai công tác quân sự cho cơ sở. Hằng tháng Ban Chỉ huy quân sự huyện tổng hợp tình hình, báo cáo lên Thường trực Ủy ban nhân dân huyện. Các chế độ báo cáo hằng ngày, hằng tuần và chế độ giao ban chỉ huy tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh được Ban Chỉ huy quân sự huyện duy trì thực hiện nghiêm túc.

Năm 1998, rừng Quốc gia Tam Đảo nằm trên địa bàn hai xã Khôi Kỳ và Hoàng Nông bị cháy. Cán bộ, chiến sĩ dân quân hai xã Khôi Kỳ và Hoàng Nông phối hợp với lực lượng tự vệ Hạt Kiểm lâm Đại Từ, Vườn quốc gia Tam Đảo, cùng nhân dân các xã trên địa bàn dũng cảm lao vào dập lửa, cứu rừng, khoanh được 50 héc ta rừng bị cháy, không để lửa cháy lan sang các khu vực khác, bảo vệ an toàn rừng đầu nguồn và rừng già Tam Đảo.

Năm 1999, lực lượng vũ trang nhân dân huyện tập trung thực hiện các nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, xây dựng củng cố tổ chức; duy trì các chế độ sẵn sàng chiến đấu, tuần tra, canh gác, bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.

Bước sang năm 2000, lực lượng vũ trang nhân dân huyện tiếp tục tập trung làm công tác chuẩn bị và thực hành diễn tập quân sự kết hợp làm kinh tế theo Cơ chế 02 của Bộ Chính trị. Cuộc diễn tập được tiến hành từ ngày 14 đến ngày 16/12/2000, với 7 đơn vị tham gia. Ban Chỉ đạo diễn tập quân sự huyện phê duyệt kế hoạch diễn tập quân

sự kết hợp làm kinh tế từng xã, từng đơn vị, theo từng nội dung, từng tình huống và phương pháp xử lý các tình huống khi có chiến tranh xảy ra. Đồng thời với diễn tập, Ban Chỉ huy quân sự huyện tiến hành hướng dẫn cấm mìn chỉ giới giao thông nông thôn, giải toả hành lang tuyến giao thông liên huyện từ xã Phú Thịnh đi xã Phúc Lương. Qua đợt diễn tập này, 7/7 đơn vị đã thực hiện các nhiệm vụ, vận hành Cơ chế 02 theo kế hoạch; các mệnh lệnh quân sự được thực hiện đầy đủ. Nghị quyết của cấp uỷ được quán triệt, triển khai thực hiện đến đảng viên và nhân dân. Chính quyền có những biện pháp cụ thể điều hành các cấp cơ sở thực hiện các nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp và cả trong trường hợp chuyển sang thời chiến. Các ngành đã làm tốt chức năng tham mưu, đề xuất các biện pháp để cấp uỷ, chính quyền lãnh đạo, điều hành địa phương thực hiện tốt các nhiệm vụ thời chiến. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện phối hợp chặt chẽ với Lực lượng Công an huyện và các ngành trong thực hiện chức năng tham mưu, đồng thời tổ chức thực hiện nhiệm vụ luyện tập, diễn tập trong mọi tình huống.

Trong đợt diễn tập này, lực lượng vũ trang nhân dân huyện tham gia sửa chữa, nâng cấp 246 cầu, ngầm và cống, tự mua 552 cống các loại; sửa chữa, nạo vét 371,1 km kênh mương, 60 phai, đập; san lấp, thu gom than khai thác trái

phép, đồng thời giải toả không cho khai thác 15 hố, huy động san lấp trả lại mặt bằng 20 hố, huy động 113 công vào giải toả. Ngoài ra, lực lượng dân quân, tự vệ huyện còn tham gia xử lý 98 đối tượng nghiện hút, 55 đối tượng trộm cắp, 139 đối tượng tiền án, tiền sự, giải quyết 20 vụ tranh chấp; thu các khoản thuế tồn đọng 125.428.720 đồng. Cuộc diễn tập PT-2000 đã tạo thêm giá trị kinh tế 1,5 tỉ đồng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và củng cố.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng ủy Quân sự huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn đủ số lượng và không ngừng nâng cao chất lượng. Ngay sau khi đồng chí Trịnh Hồng Sáng (Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện) được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh thông báo chuẩn bị nghỉ chờ chế độ hưu trí, ngày 27/7/2000, Đảng ủy Quân sự huyện ra Công văn số 274/ QĐ-HU đề nghị Ban Thường vụ Huyện ủy kiện toàn Đảng ủy Quân sự huyện. Ngày 1/8/2000, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Quyết định số 274/QĐ-HU chỉ định bổ sung đồng chí Đinh Hữu Giang (Chỉ huy phó Chính trị Ban Chỉ huy quân sự huyện) vào Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện khóa II (nhiệm kì 1996-2000). Ngày 2/8/2000, Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện đã bầu đồng chí Đinh Hữu Giang giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện, kịp thời điều hành công việc của Đảng bộ.

Sau khi đồng chí Hoàng Văn Sinh được Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều về giữ chức Bí thư Huyện ủy (thay đồng chí Nguyễn Văn Chất chuyển công tác khác), ngày 7/8/2000, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Quyết định số 279-QĐ/HU chỉ định đồng chí Hoàng Văn Sinh (Bí thư Huyện ủy) giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện.

Ngày 10/10/2000, Đảng bộ Quân sự huyện tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ III. Đại hội đánh giá trong nhiệm kỳ 1996-2000, Đảng bộ Quân sự và Ban Chỉ huy quân sự huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự địa phương. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện luôn là đơn vị dẫn đầu lực lượng vũ trang nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh về công tác quân sự địa phương. Đại hội đã bầu 5 đồng chí Đinh Hữu Giang (Chỉ huy phó Chính trị), Phan Văn Tường (Chỉ huy trưởng), Lê Quang Thảo (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng), Nguyễn Văn Kính (Chỉ huy phó Động viên), Đỗ Xuân Sơn (Chủ nhiệm Chính trị) vào Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện khóa III. Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện khóa III bầu đồng chí Đinh Hữu Giang giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện và bầu 3 đồng chí (Đinh Hữu Giang, Đỗ Xuân Sơn, Nguyễn Văn Phú) vào Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy. Đồng chí Đinh Hữu Giang được phân công giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự

huyện⁽¹⁾. Theo Quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Huyện ủy phân công đồng chí Hoàng Văn Sinh (Bí thư Huyện ủy) tiếp tục giữ chức Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện, đồng chí Nguyễn Văn Tiến (Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) tiếp tục giữ chức Ủy viên Đảng ủy Quân sự huyện.

Đảng bộ Quân sự huyện đặc biệt coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện, duy trì nghiêm túc các chế độ sinh hoạt Đảng, đề cao dân chủ, lãnh đạo tập thể làm tốt công tác phê bình và tự phê bình. Hàng năm, Đảng bộ Quân sự huyện đều lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ làm tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền triển khai thực hiện thắng lợi công tác quân sự địa phương và các nhiệm vụ quan trọng đột xuất khác, được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh (1993-1999). Các chi bộ trong Đảng bộ Quân sự huyện đều đạt tiêu chuẩn *trong sạch vững mạnh*; 99,2% số đảng viên trong Đảng bộ đủ tư cách loại I. Công tác phát triển Đảng trong lực lượng dân quân, tự vệ và lực lượng dự bị động viên cũng được Đảng bộ Quân sự huyện quan tâm; tỉ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân, tự vệ tăng từ 7%

⁽¹⁾ Theo : *Quyết định công nhận Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự huyện số 313-QĐ/HU, ngày 23/10/2000 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ.*

(1999) lên 10,3% (2000), vượt 0,3% so với chỉ tiêu Đảng bộ đề ra. Ban Chỉ huy quân sự huyện thường xuyên coi trọng việc thực hiện nền nếp chính quy, coi trọng công tác giáo dục pháp luật trong lực lượng vũ trang theo chương trình, kế hoạch giáo dục Pháp luật của Bộ Tư lệnh Quân khu 1 và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh. Cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự huyện chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, không để xảy ra các vụ việc vi phạm kỉ luật nghiêm trọng. Hằng năm, Cơ quan Quân sự huyện đều được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh công nhận là đơn vị *vững mạnh toàn diện*.

Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đặc biệt là từ năm 1997 đến năm 2000, ngoài việc xây dựng tổ chức Đảng *trong sạch vững mạnh*, xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện*, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện còn thực hiện tốt chính sách về công tác hậu phương quân đội.

Thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân huyện đẩy mạnh các phong trào thi đua xây dựng Quỹ Tình nghĩa, Nhà Tình nghĩa, Vườn cây tình nghĩa. Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Phòng Thương binh - Xã hội huyện giải quyết

tốt các tôn đặng sau chiến tranh. Cơ quan Quân sự huyện đã tiếp nhận và trao 21 Huân chương của Nhà nước Lào cho cán bộ và chiến sĩ quân đội ta là con em nhân dân các dân tộc trong huyện tham gia chiến đấu giúp cách mạng Lào; trao 30 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (các hạng Nhất, Nhì, Ba) cho cán bộ, chiến sĩ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ phục vụ trong quân đội từ 5 năm trở lên trở về địa phương. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã tặng 463 Sổ Tiết kiệm tình nghĩa trị giá 88.340.000 đồng; thăm hỏi, tặng quà gia đình liệt sĩ, thương binh trị giá 34.190.000 đồng; xây 2 Nhà tình nghĩa trị giá 42.000.000 đồng; tu sửa các Nghĩa trang Liệt sĩ trên địa bàn huyện trị giá trên 26.300.000 đồng. Ngoài ra, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện còn vận động các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tặng 16 Sổ Tiết kiệm tình nghĩa trị giá 4.000.000 đồng, đóng góp hơn 1.260.000 đồng vào Quỹ Tình nghĩa; tặng 2.576 gói quà trị giá gần 113 triệu đồng cho các đối tượng chính sách; tặng 2 ngôi Nhà Tình nghĩa trị giá 43 triệu đồng và sửa chữa 15 ngôi Nhà Tình nghĩa trị giá 17 triệu đồng; hỗ trợ các gia đình chính sách 18 triệu đồng, tặng 15 vườn cây tình nghĩa. Các đơn vị đóng quân trên địa bàn còn tổ chức khám và chữa bệnh miễn phí cho 220 lượt các đối tượng chính sách.

Những việc làm tình nghĩa của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã động viên được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, tạo thành phong trào đền ơn, đáp nghĩa rộng khắp trên địa bàn, góp phần cải

thiện mức sống của các đối tượng chính sách. Trong 4 năm (1997-2000), lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã có nhiều cố gắng thu hồi các loại vũ khí và vật liệu nổ trôi nổi, chưa rõ nguồn gốc, lưu hành trái phép trong nhân dân, bao gồm: 43 khẩu súng các loại, 16 viên đạn, súng máy cao xạ 14,5mm, 46,6 kg thuốc nổ TNT, 213 kíp mìn và 92,5m dây cháy chậm; đồng thời khai thác, sử dụng và bảo quản tốt các loại vũ khí, trang bị, không để xảy ra mất mát, cháy nổ; sử dụng các phương tiện kỹ thuật đảm bảo an toàn, tiết kiệm, không làm hư hỏng, mất mát, đáp ứng tốt các yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu khi có chiến sự xảy ra. Tổng kết 5 năm thực hiện cuộc vận động *“Quản lý, khai thác vũ khí, trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông”* do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức năm 1999, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tặng Bằng khen.

Qua 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-2000) dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện, được các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân trong huyện tận tình giúp đỡ và đồng tình ủng hộ, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương huyện Đại Từ đã nỗ lực phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Bộ Tư lệnh Quân khu 1 tặng Cờ thưởng luân lưu *“Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”* các năm 1986, 1987, 1989, 1990; Cờ *“Đơn vị điển hình tiên tiến xuất sắc 5 năm (1994 - 1999)”*; Bộ

Quốc phòng tặng Cờ thưởng luân lưu "*Đơn vị khá nhất*" các năm 1991, 1993, 1994, 1995, 1996, 1997, 1998; Chính phủ tặng Cờ thưởng luân lưu các năm 1992, 1998, 1999; Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái tặng Cờ "*Đơn vị xuất sắc về công tác huấn luyện tác chiến trị an 5 năm (1991 - 1995)*"; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng Bằng khen về thành tích làm tốt chính sách hậu phương quân đội năm 1997; Nhà nước tặng *Huân chương Chiến công hạng Nhất* về thành tích thực hiện Nghị định 19/CP "*Về công tác Quốc phòng địa phương*".

Đặc biệt, ngày 12/12/2000, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Chủ tịch nước kí Quyết định số 567/KT-CTN tặng danh hiệu cao quý *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì đổi mới (1989-2000)*. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ trở thành đơn vị duy nhất trong tỉnh và Quân khu 1 có vinh dự hai lần được đón nhận danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* (thời kì kháng chiến chống Pháp và thời kì đổi mới). Phát huy truyền thống đơn vị hai lần vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân địa phương huyện quyết tâm cùng với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện ra sức phấn đấu, xây dựng quê hương thành một khu vực phòng thủ vững chắc, vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng - an ninh.

Chương VI

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TRONG GIAI ĐOẠN ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC (2001- 2016)

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XX⁽¹⁾, tổ chức bộ máy lãnh đạo, chỉ huy và đội ngũ cán bộ chủ chốt của Lực lượng vũ trang nhân dân huyện tương đối ổn định. Đảng bộ Quân sự huyện có 32 đảng viên, sinh hoạt ở 3 chi bộ cơ quan Tham mưu, Chính trị, Hậu cần. Ban Chấp hành Đảng bộ có 7 ủy viên, gồm 2 ủy viên do Huyện ủy cử sang tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ là đồng chí Hoàng Văn Sinh (Bí thư Huyện ủy) giữ chức Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện và đồng chí Nguyễn Văn Tiến (Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện) giữ chức Đảng ủy viên và 5

⁽¹⁾ Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI họp từ ngày 14 đến ngày 15/11/2000; Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XX họp từ ngày 23 đến ngày 24/11/2000.

ủy viên do Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ III (họp ngày 10/10/2000) bầu là đồng chí Đinh Hữu Giang (Chỉ huy phó Chính trị) giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy cùng với 4 đồng chí Đảng ủy viên là Phan Văn Tường (Chỉ huy trưởng), Lê Quang Thảo (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng), Nguyễn Văn Kính (Chỉ huy phó Động viên), Đỗ Xuân Sơn (Chủ nhiệm Chính trị).

Quán triệt tinh thần các nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI và Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XX là phải chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương đủ sức mạnh ngăn chặn kịp thời, làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của kẻ địch, giữ vững truyền thống đơn vị lá cờ đầu của tỉnh trong công tác quốc phòng - quân sự địa phương, từ năm 2001 đến năm 2003, trước sự tác động chung của tình hình thế giới, trong nước và những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường, cũng như tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện có những diễn biến phức tạp (tình hình khiếu kiện, các tệ nạn nghiện hút, trộm cắp, cờ bạc... chưa được đẩy lùi, giải quyết dứt điểm), phát huy truyền thống đơn vị hai lần được tặng danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ phấn khởi, tự hào, quyết tâm cùng với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc

trong huyện ra sức phấn đấu, tiếp tục hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chính trị được giao.

Quán triệt sâu sắc các quan điểm tư tưởng và đường lối quân sự do Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và các nhiệm vụ công tác quốc phòng - quân sự hằng năm của Quân khu và tỉnh, Đảng ủy Quân sự và Ban Chỉ huy quân sự huyện đã chủ động, tích cực tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với xây dựng thể trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ huyện, xây dựng cụm làng, xã chiến đấu ngày càng vững chắc; kết hợp chặt chẽ quốc phòng với kinh tế, quốc phòng với an ninh, gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện.

Hằng năm, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Ban Chỉ huy quân sự các xã, thị trấn và Ban Chỉ huy các đơn vị tự vệ trên địa bàn đã chủ động xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các kế hoạch, phương án tác chiến A, A2; thường xuyên duy trì và thực hiện nghiêm túc các chế độ sẵn sàng chiến đấu, luyện tập theo các phương án đó. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cơ quan Quân sự các cấp và các đầu mối tự vệ thường xuyên được kiện toàn đủ số lượng, chất lượng và được tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực công tác, năng lực hoạt động thực tiễn. Ban Chỉ huy

quân sự huyện tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các lực lượng dân quân - tự vệ và dự bị động viên theo đúng *Pháp lệnh về Dân quân tự vệ*. Đến năm 2003, toàn bộ 64 đầu mỗi dân quân, tự vệ (gồm 31 đầu mỗi dân quân ở 31 xã, thị trấn và 33 đầu mỗi tự vệ ở các cơ quan xí nghiệp) trên địa bàn huyện đều đã được củng cố, kiện toàn đảm bảo tỉ lệ dân quân đạt 1,7 % so với dân số, tỉ lệ tự vệ đạt 15 % so với cán bộ, công nhân, viên chức.

Công tác xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ cơ động chiến đấu và lực lượng dân quân, tự vệ các binh chủng thường xuyên được coi trọng. Công tác đăng kí quản lí, phúc tra quân dự bị động viên và các phương tiện kĩ thuật của nền kinh tế quốc dân trên địa bàn huyện có nhiều cố gắng. Năm 2002, Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức tổng phúc tra, nắm nguồn quân dự bị động viên. Kết quả, toàn huyện có 7.368 cán bộ, chiến sĩ, đảm bảo sắp xếp đủ 100 % chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị có nguồn tại địa phương, với tỉ lệ đúng và gần đúng chuyên nghiệp quân sự từ 70% đến 75 %. Ban Chỉ huy quân sự huyện đặc biệt chú trọng đến việc kiện toàn biên chế và nâng cao chất lượng Tiểu đoàn dự bị động viên của huyện và các phân đội làm nhiệm vụ A2. Ba năm (2001 - 2003), toàn huyện đã động viên kiểm tra sẵn sàng chiến đấu và huấn luyện 2.821 lượt

cán bộ, chiến sĩ dự bị động viên, đạt 100 % chỉ tiêu kế hoạch hằng năm. Công tác tuyển quân đạt 100 % chỉ tiêu trên giao, đảm bảo chất lượng, đúng luật định và nhanh gọn, an toàn.

Công tác huấn luyện cho các đối tượng lực lượng thường trực, dân quân, tự vệ được Đảng ủy Quân sự và Ban Chỉ huy quân sự huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đảm bảo hoàn thành nội dung, chương trình, thời gian theo quy định của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh. Hằng năm, lực lượng thường trực huấn luyện đảm bảo quân số trung bình đạt 99,5 % kết quả kiểm tra đạt đơn vị khá. Đối với công huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ, Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương các cấp trong huyện lãnh đạo, chỉ đạo mỗi năm tập trung huấn luyện 10 ngày. Kết quả, hằng năm (từ 2001 đến 2003), toàn bộ 100% cơ sở trong huyện đều hoàn thành nội dung, chương trình huấn luyện dân quân, tự vệ. Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng huấn luyện, 100 % cơ sở đều đạt đơn vị khá.

Trong công tác giáo dục quốc phòng, Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện Quyết định số 2231/QĐ-BQP của Bộ quốc phòng, Hướng dẫn số 1654/HD-BTM của Bộ Tham mưu Quân khu 1 và Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái

Nguyên về bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng cán bộ từ huyện đến cơ sở. Hai năm 2001, 2002, Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện cử được 100 % cán bộ là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và 100% chỉ tiêu trên giao là cán bộ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng cấp huyện đi dự các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên tổ chức Trường Quân sự tỉnh. Ban Chỉ huy quân sự huyện mở các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 167 cán bộ là Bí thư Chi bộ và Trưởng thôn, xóm. Mỗi năm, trên địa bàn huyện có trên 99 % học sinh các trường trung học phổ thông được giáo dục, học tập kiến thức quốc phòng.

Thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 15/4/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị số 07/CT-UB ngày 29/4/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy ra Chỉ thị (số 18-CT/HU, ngày 4/10/2002) *Về việc lãnh đạo cuộc Diễn tập ZT-02 phòng thủ khu vực huyện năm 2002*, yêu cầu các đảng bộ, chi bộ trong toàn Đảng bộ lãnh đạo thực hiện tốt 3 nội dung : Một là, tổ chức quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu, ý nghĩa của đợt diễn tập quân sự năm 2002 đến toàn thể cán bộ, đảng viên, các ban, ngành, Đoàn thể và quần chúng nhân dân. Hai là, Ban

Chỉ huy quân sự huyện chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan của huyện tiến hành công tác chuẩn bị và tham mưu điều hành diễn tập phòng thủ theo kế hoạch và nội dung diễn tập của huyện. Ba là, lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể ở huyện và cấp uỷ, chính quyền các xã, thị trấn, các cơ quan, xí nghiệp chịu trách nhiệm điều hành cơ quan, đơn vị mình thực hiện diễn tập nghiêm túc, đạt chất lượng cao theo đúng kế hoạch và nội dung Ban Chỉ đạo diễn tập đề ra.

Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện uỷ nhấn mạnh Diễn tập quân sự là một trong những nhiệm vụ trọng tâm lãnh đạo hằng năm của Đảng bộ huyện, yêu cầu các cấp uỷ đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp phải quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện uỷ, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị và tổ chức thực hành diễn tập (có thực binh đại đội tấn công bắn đạn thật và sơ tán dã ngoại) đạt kết quả tốt. Trong cuộc *Diễn tập ZT-02* này, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh trực tiếp chỉ đạo, đạo diễn Ban Chỉ huy quân sự huyện và 3 xã Hoàng Nông, Văn Yên, Phú Thịnh thực hành diễn tập ZT-02 theo tinh thần Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (gọi tắt là Cơ chế 02) *Đảng lãnh đạo, chính*

quyền điều hành, cơ quan quân sự và các ban, ngành, đoàn thể làm tham mưu⁽¹⁾, 28 xã, thị trấn còn lại Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo diễn tập quân sự kết hợp với giải quyết một số vấn đề bức xúc về xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn (làm đường giao thông, làm thủy lợi, thu thuế...).

Thông qua Diễn tập phòng thủ khu vực huyện Đại Từ năm 2002, cấp ủy và chính quyền các cấp trong huyện đã nâng cao được trách nhiệm, năng lực quản lý, điều hành; các cơ quan ban, ngành, đoàn thể đã nâng cao được vai trò, trách nhiệm trong công tác làm tham mưu cho cấp ủy và chính quyền theo Cơ chế 02 của Bộ Chính trị. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã nâng cao được một bước khả năng sẵn sàng chiến đấu; nhân dân các dân tộc trong huyện đã xây dựng và nâng cao thêm được ý thức bảo vệ Tổ quốc; thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trên khu vực phòng thủ huyện được củng cố vững chắc thêm. Cuộc diễn tập phòng thủ khu vực huyện Đại Từ ZT - 02 đã kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quân sự với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế địa phương, giữa nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự,

(1) Theo: Nghị quyết số 02/NQ-TW ngày 30/7/1987 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện. Trong cuộc *Diễn tập phòng thủ khu vực huyện Đại Từ ZT-02* này, toàn huyện đã huy động 20.152 công làm thủy lợi, đào đắp gần 23.000 m³ đất, đá, nạo vét được hơn 104 km kênh mương, giá trị thành tiền đạt 201.152.000 đồng; huy động 20.556 công làm đường giao thông nông thôn, đào đắp 20.786 m³ đất đá, tu sửa 103,4 km đường liên thôn, liên xóm, giá trị thành tiền đạt 205.500.000 đồng; thu thuế và thu các khoản nợ khác đạt 447.152.000 đồng. Tổng thu qua diễn tập ZT-02, toàn huyện đạt 853.864.000 đồng⁽¹⁾.

Cuộc *Diễn tập phòng thủ khu vực huyện Đại Từ ZT-02* đã được cấp ủy, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện đồng tình ủng hộ; được Ban Chỉ đạo diễn tập tỉnh đánh giá đạt kết quả khá và được Huyện ủy Đại Từ khẳng định "*đạt được các mục đích, yêu cầu đề ra, bảo đảm an toàn tuyệt đối*"⁽²⁾.

Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện thường xuyên coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục, chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục lí tưởng, đạo đức cách mạng, truyền thống của quân đội với truyền thống quê

⁽¹⁾⁽²⁾ Theo Báo cáo số 52 - BC/HU ngày 31/12/2002 về các mặt công tác năm 2002 của Huyện ủy Đại Từ.

hương. Nhờ đó, tình hình tư tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện ổn định, từng bước nâng cao được nhận thức, hiểu biết của về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nhất trí cao với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và nhiệm vụ lực lượng vũ trang nhân dân trong tình hình mới. Trên cơ sở đó đã nâng cao được ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, cảnh giác trước các âm mưu "Diễn biến hoà bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch, tích cực học tập vươn lên hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Trong công tác xây dựng Đảng bộ, Đảng ủy Quân sự huyện thường xuyên chăm lo củng cố, kiện toàn cấp ủy Đảng các cấp. Năm 2001, ngay sau khi đồng chí Đỗ Xuân Sơn (Đảng ủy viên - Chủ nhiệm Chính trị) chuyển công tác về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh), Đảng ủy Quân sự huyện đã kịp thời đề nghị và được Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ ra quyết định chỉ định bổ sung đồng chí Đỗ Năng Tỉnh (Chủ nhiệm Chính trị) vào Đảng ủy Quân sự huyện. Tháng 10/2002, đồng chí Vũ Tuấn Hùng (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) được Ban Thường vụ Huyện ủy ra quyết định bổ sung vào Đảng ủy Quân sự huyện, giữ chức vụ Đảng ủy viên (thay đồng chí Phan Văn Tường được Bộ Tư lệnh Quân khu 1 điều động, bổ nhiệm làm Phó Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh).

Đối với các chi bộ trong Đảng bộ, thông qua đại hội chi bộ nhiệm kì hằng năm, Chi ủy các chi bộ Tham mưu, Chính trị, Hậu cần đều được kiện toàn, ổn định. Sau đại hội các chi bộ nhiệm kì 2002, Chi bộ Ban Tham mưu do đồng chí Nguyễn Văn Kính (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng) làm Bí thư. Chi bộ Ban Chính trị do đồng chí Đỗ Năng Tỉnh (Chủ nhiệm Chính trị) làm Bí thư. Chi bộ Ban Hậu cần do đồng chí Lưu Đức Đông (Chủ nhiệm Hậu cần) làm Bí thư.

Chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy Đảng các cấp trong Đảng bộ từng bước được nâng cao, lãnh đạo đơn vị hoàn thành nhiệm vụ. Cấp ủy các cấp trong Đảng bộ Quân sự huyện duy trì nghiêm túc, thành nền nếp thường xuyên các chế độ sinh hoạt lãnh đạo, học tập, tự phê bình và phê bình. Sau Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện nhiệm kì 2000-2003 và Đại hội các chi bộ nhiệm kì hằng năm, Đảng ủy Quân sự huyện và Chi ủy các chi bộ trong Đảng bộ đều xây dựng được Quy chế hoạt động của cấp ủy, Kế hoạch xây dựng Đảng bộ, Chi bộ trong sạch vững mạnh, 100 % đảng viên trong Đảng bộ đều có bản đăng kí phấn đấu. Trong công tác lãnh đạo, Đảng ủy Quân sự huyện và Chi ủy các chi bộ trong Đảng bộ thực hiện đúng nguyên tắc tập trung, dân chủ, hoạt động đúng nguyên tắc, đúng quy chế, giải quyết hài hòa các mối quan hệ giữa Bí thư cấp ủy Đảng với người chỉ huy; giữa Đảng ủy Quân sự huyện, Ban

Chỉ huy quân sự huyện với Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và các ban, ngành, đoàn thể của huyện.

Bằng nhiều nội dung và biện pháp, Đảng ủy Quân sự huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc gắn công tác xây dựng tổ chức Đảng, giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên với công tác xây dựng các tổ chức chỉ huy của cơ quan, đơn vị, nâng cao ý thức trách nhiệm cán bộ, chiến sĩ trong thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, chiến sĩ để đánh giá chất lượng tổ chức Đảng và chất lượng đảng viên; gắn chất lượng phân loại, bình xét đảng viên với công tác đề bạt, bổ nhiệm, bố trí, sắp xếp cán bộ; gắn việc xây dựng cấp ủy các cấp với việc xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì các cơ quan, đơn vị; tạo nên sự thống nhất cao giữa chất lượng lãnh đạo của Đảng bộ, chi bộ và đội ngũ đảng viên với chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Năm 2001, Đảng bộ Quân sự huyện có 100% đảng viên đủ tư cách mức 1 và 100% chi bộ đạt *trong sạch vững mạnh*, Đảng bộ Quân sự huyện đạt *trong sạch vững mạnh*.

Năm 2002, việc bình xét, phân loại chất lượng đảng viên và tổ chức Đảng được các cấp ủy Đảng trong Đảng bộ tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc theo đúng các hướng dẫn số 09 và số 10 của Ban Tổ chức Trung ương. Kết quả, 100% đảng viên trong Đảng bộ tham dự bình xét đều đạt tiêu

chuẩn đảng viên đủ tư cách (có 63% đảng viên mức 1 và 37% đảng viên mức 2, không có đảng viên mức 3, 6 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Đảng ủy Quân sự huyện tặng Giấy khen); 100% chi bộ trong Đảng bộ Quân sự huyện đều đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, Đảng bộ Quân sự huyện đạt *Đảng bộ trong sạch vững mạnh* và được Huyện ủy Đại Từ tặng *Giấy khen*. Ban Chỉ huy quân sự huyện được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh công nhận đạt đơn vị *vững mạnh toàn diện*. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện được Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 1 tặng danh hiệu *Đơn vị Quyết thắng*.

Tuy nhiên, kết quả công tác tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương của Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện cũng còn có những hạn chế, khuyết điểm. Các hạn chế, khuyết điểm đó đã được Huyện ủy Đại Từ chỉ rõ "*Chất lượng tổng hợp của Lực lượng vũ trang nhân dân huyện có mặt chưa đồng đều, chưa thực sự vững chắc; năng lực làm tham mưu về công tác quân sự địa phương cho cấp uỷ chính quyền địa phương có nhiệm vụ, có mặt chưa đầy đủ, chưa toàn diện*"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo số 52 - BC/HU ngày 31/12/2002 về tổng-kết các mặt công tác năm 2002 của Huyện ủy Đại Từ.

Thực hiện Chỉ thị số 02/CT- ĐUQS ngày 3/3/2003 của Đảng uỷ Quân sự tỉnh, Hướng dẫn số 79/HD - PCT ngày 5/3/2003 của Phòng Chính trị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Kế hoạch số 31/KH-HU ngày 6/3/2003 của Ban Thường vụ Huyện uỷ, ngày 15/5/2003, Đảng uỷ Quân sự huyện Đại Từ tổ chức Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ IV (nhiệm kì 2003 - 2005). Tham dự Đại hội có 32 trên tổng số 36 đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội đã thảo luận, nhất trí thông qua Báo cáo chính trị và Báo cáo tự phê bình của Đảng uỷ Quân sự huyện nhiệm kì 2000 -2003. Đại hội ra Nghị quyết khẳng định : Trong nhiệm kì vừa qua Đảng bộ Quân sự huyện đã đoàn kết, thống nhất, phát huy trí tuệ lãnh đạo tập thể, gắn với vai trò cá nhân phụ trách, đề ra các chủ trương, biện pháp đúng đắn, lãnh đạo Lực lượng vũ trang nhân dân huyện hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, xây dựng khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ, động viên tuyển quân; xây dựng và huấn luyện các lực lượng dân quân, tự vệ và dự bị động viên; lãnh đạo tốt các hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị, thực hiện chính sách hậu phương quân đội, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Đảng bộ Quân sự huyện đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, Ban Chỉ huy quân sự huyện đạt tiêu chuẩn vững mạnh toàn diện.

Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ Quân sự huyện nhiệm kỳ 2003 - 2005, với các chỉ tiêu 100% chỉ bộ trong sạch vững mạnh, 100 % cấp ủy viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 100 % đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ, có 50 % trở lên đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có đảng viên vi phạm tư cách đảng viên, vi phạm kỉ luật; Đảng bộ Quân sự huyện đạt trong sạch vững mạnh, Ban Chỉ huy quân sự huyện đạt vững mạnh toàn diện.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 5 đồng chí Trung tá Đinh Hữu Giang (Chỉ huy phó Chính trị), Trung tá Vũ Tuấn Hùng (Chỉ huy trưởng), Trung tá Nguyễn Văn Kính (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng), Trung tá Lưu Đình Cài (Chỉ huy phó Động viên), Thiếu tá Đỗ Năng Tĩnh (Chủ nhiệm Chính trị). Theo Quy định của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Huyện ủy phân công đồng chí Hoàng Văn Sinh (Bí thư Huyện ủy) và đồng chí Nguyễn Văn Tiến (Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân) tham gia Đảng ủy Quân sự huyện nhiệm kỳ 2003-2005; trong đó, đồng chí Hoàng Văn Sinh giữ chức vụ Bí thư⁽¹⁾. Đảng ủy Quân sự huyện nhiệm kỳ 2003-2005 bầu đồng chí Đinh Hữu Giang giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy.

⁽¹⁾ Đầu năm 2003, đồng chí Triệu Minh Thái (Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy) được giao Quyền Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Hoàng Văn Sinh chuyển công tác khác).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ 4, từ năm 2003 đến năm 2005, Đảng uỷ, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã làm tốt chức năng tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành trong huyện tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn huyện ngày càng vững mạnh.

Đảng uỷ, Ban Chỉ huy quân sự huyện chủ động tham mưu cho cấp uỷ chính quyền địa phương triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 62 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị định 15 của Chính phủ về công tác giáo dục quốc phòng. Hội đồng Giáo dục Quốc phòng huyện do đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện làm Chủ tịch đã tích cực chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục quốc phòng, góp phần nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ năm 2003 đến năm 2005, Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Trường trung học phổ thông Đại Từ và Trường trung học phổ thông Lưu Nhân Chú tổ chức giáo dục quốc phòng cho 11.153 lượt học sinh, kết quả đạt khá, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Năm 2003, Ban Chỉ huy quân

Tháng 8/2003, đồng chí Đặng Văn Ngự được Tỉnh uỷ chỉ định giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ Đại Từ và được Ban Thường vụ Huyện uỷ phân công giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện.

sự huyện tham mưu và giúp Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 322 cán bộ là Bí thư Chi bộ và 375 cán bộ là Trưởng các xóm, thôn. Ban Chỉ huy quân sự huyện tiếp tục tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 56 của Chính phủ về xây dựng khu vực phòng thủ huyện. Từ năm 2003 đến năm 2005, năm nào Ban Chỉ huy quân sự huyện cũng đều tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ 31 xã, thị trấn trên địa bàn huyện thực hành diễn tập quân sự theo tinh thần Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị; trong đó, 6 xã La Bằng, Tân Linh, Vạn Thọ, Minh Tiến, Bản Ngoại, Hà Thượng thực hành diễn tập có đạo diễn. Kết quả các cuộc diễn tập quân sự hằng năm (từ 2003 đến 2005) đều đạt khá, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Các cuộc diễn tập quân sự hằng năm (từ 2003 đến 2005) đã được Đảng ủy Quân sự huyện (nhiệm kì 2003 - 2005) khẳng định đã "nâng cao ý thức quốc phòng cho cán bộ và nhân dân địa phương. Năng lực chỉ đạo, điều hành, tổ chức hiệp đồng, xử lý tình huống, huy động lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng - an ninh của cấp ủy, chính quyền ở cơ sở từng bước được nâng cao. Các cuộc diễn tập quân sự này đã góp phần giải quyết những vấn đề bức xúc, cấp bách ở địa phương, góp phần ổn định an ninh chính trị

và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tạo môi trường thuận lợi để địa phương phát triển kinh tế - xã hội"⁽¹⁾.

Thực hiện Quyết định 107 của Thủ tướng Chính phủ, Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân huyện thực hiện tốt quy chế phối hợp hoạt động giữa lực lượng vũ trang địa phương với lực lượng Công an trên địa bàn. Kết quả, trong những năm vừa qua, lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng Công an huyện đã thường xuyên gần bó, chủ động tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương đề ra các chủ trương, biện pháp phù hợp, xử lý kịp thời, có hiệu quả các vụ việc liên quan đến trật tự, xã hội và an ninh, quốc phòng xảy ra trên địa bàn huyện. Năm 2004, Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với các ban, ngành chức năng tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức lực lượng dân quân 3 xã Cát Nê, Ký Phú, Văn Yên phối hợp với các lực lượng khác trên địa bàn dập tắt kịp thời vụ cháy rừng Vườn Quốc gia Tam Đảo.

Lực lượng vũ trang nhân dân huyện còn phối hợp chặt chẽ với Lữ đoàn 382, Tiểu đoàn 20, Trung đoàn 246 -

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo số 322/BC-ĐU, ngày 6/6/2005 của Đảng ủy Quân sự huyện Đại Từ.

thuộc Sư đoàn 346 và Trung đoàn 601 thuộc Quân khu 1 đưa 6 đại đội luyện tập hành quân dã ngoại kết hợp làm công tác dân vận, giúp đỡ nhân dân địa phương và các tổ chức quần chúng ở những địa bàn gặp khó khăn, góp phần xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương ngày càng vững mạnh.

Công tác xây dựng, huấn luyện lực lượng vũ trang địa phương tiếp tục được Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo. Đối với lực lượng dự bị động viên, trong 3 năm (2003 - 2005) toàn huyện đã động viên kiểm tra huấn luyện sẵn sàng chiến đấu 4.755 lượt cán bộ, chiến sĩ (gồm 359 lượt sĩ quan, 4.396 lượt hạ sĩ quan, chiến sĩ), đạt 100 % chỉ tiêu trên giao). Tiểu đoàn dự bị động viên của huyện được kiện toàn đủ biên chế, quản lý chặt chẽ, mỗi năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ tổ chức kiểm tra sẵn sàng chiến đấu 1 đại đội và huấn luyện 1 trung đội. Công tác tuyển quân được Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho cấp ủy, chính quyền huyện lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đúng luật, đảm bảo an toàn tuyệt đối, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong thời kì mới. Kết quả, từ năm 2003 đến năm 2005, toàn huyện tuyển chọn được 685 thanh niên vào bộ đội, hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao, bảo đảm 100 % xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều có người nhập ngũ.

Đảng uỷ, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã làm tốt chức năng tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Thực hiện Quyết định 47 của Chính phủ, toàn huyện xét duyệt và báo cáo lên trên 1.447 hồ sơ; đã tổ chức chi trả cho 677 đối tượng được thụ hưởng, bảo đảm chính xác, đúng đối tượng, không có trường hợp nào nhầm lẫn, vướng mắc. Đảng uỷ, Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng, làm tốt việc quy tập mộ liệt sĩ vô danh từ xã Phú Thịnh về Nghĩa trang Liệt sĩ của huyện.

Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ và chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân huyện, Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với các ban, ngành chức năng làm thủ tục, đề nghị Nhà nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân 6 xã, thị trấn có thành tích đặc biệt xuất sắc trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Đảng uỷ Quân sự huyện tập trung lãnh đạo xây dựng cấp uỷ và tổ chức Đảng đạt trong sạch vững mạnh, gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, tạo chuyển biến về năng lực lãnh

đạo, sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Công tác bình xét, phân loại chất lượng đảng viên và tổ chức Đảng hằng năm được các cấp ủy Đảng trong Đảng bộ lãnh đạo chặt chẽ, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng các hướng dẫn của trên. Năm 2003, trong tổng số 33 đảng viên của Đảng bộ tham dự bình xét, phân loại, có 22 đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, 10 đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ, 1 đảng viên vi phạm tư cách đảng viên⁽¹⁾. Chi bộ Ban Chính trị và Chi bộ Ban Hậu cần đạt *Chi bộ trong sạch vững mạnh*; Chi bộ Ban Tham mưu đạt *Chi bộ hoàn thành nhiệm vụ*, Đảng bộ Quân sự huyện được Huyện ủy Đại Từ công nhận *Đảng bộ trong sạch vững mạnh*.

Công tác xây dựng Đảng tiếp tục được các cấp ủy trong Đảng bộ Quân sự huyện coi trọng. Đảng ủy Quân sự huyện và Chi ủy các Chi bộ trong Đảng bộ thường xuyên quan tâm công tác giáo dục chính trị, giáo dục nhiệm vụ cho đội ngũ đảng viên, nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 29/CT-TW

⁽¹⁾ Đảng viên vi phạm khuyết điểm, phải xử lý kỉ luật khiển trách cả về đảng và chính quyền là đồng chí Thiếu tá Chu Đức Vinh, đảng viên Chi bộ Ban Tham mưu.

ngày 17/10/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đổi thẻ đảng viên và gắn việc đổi thẻ đảng viên với việc đánh giá phân loại tổ chức đảng và đảng viên, tạo sự chuyển biến tốt về nhận thức trong công tác xây dựng Đảng. Năm 2004, Đảng bộ Quân sự huyện đã tiến hành 3 đợt đổi Thẻ Đảng viên cho 38 đảng viên trên tổng số 38 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Công tác kiểm tra Đảng được thực hiện đúng kế hoạch. Ngay từ đầu năm 2004, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự huyện đã tập trung xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra trong năm sát với yêu cầu thực tiễn. Trong năm 2004, các cấp ủy Đảng trong Đảng bộ đã tiến hành kiểm tra 35 đảng viên (bằng 92,1% số đảng viên trong Đảng bộ) và 2 chi bộ (bằng 66,66 % số chi bộ trong Đảng bộ). Công tác kiểm tra Đảng, đã góp phần giữ vững chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên và tổ chức Đảng trong toàn Đảng bộ.

Năm 2004, trong số 38 đảng viên của Đảng bộ tham dự bình xét, phân loại chất lượng đảng viên, có 23,68% đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 60,52% đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, 15,80% đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ. Chi bộ Ban Chính trị và Chi bộ Ban Hậu cần đạt *trong sạch vững mạnh*. Chi bộ Ban Tham mưu đạt tiêu chuẩn Chi bộ hoàn thành nhiệm vụ. Đảng ủy Quân sự huyện đề nghị Huyện ủy Đại Từ công nhận Đảng bộ Quân sự huyện đạt *trong sạch vững mạnh*. Tuy nhiên, do còn có

những yếu kém, khuyết điểm, nên ngày 25/2/2005, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ ra *Quyết định số 18-QĐ/HU về công nhận kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng năm 2004*, Đảng bộ Quân sự huyện chỉ đạt tiêu chuẩn *Tổ chức Đảng cơ sở hoàn thành nhiệm vụ*.

Từ ngày 1 đến ngày 18/1/2005, Đảng ủy Quân sự huyện lãnh đạo, chỉ đạo các chi bộ trực thuộc tổ chức thành công Đại hội Chi bộ nhiệm kì năm 2005. Đại hội các chi bộ đã bầu được Chi ủy các chi bộ nhiệm kì mới. Theo đó, Chi ủy Chi bộ Ban Chính trị gồm 3 Chi ủy viên, do đồng chí Trung tá Đỗ Năng Tĩnh (Chủ nhiệm Chính trị) làm Bí thư; Chi ủy Chi bộ Ban Tham mưu cũng gồm 3 Chi ủy viên, do đồng chí Thiếu tá Dương Văn Nghĩa (Phó Tham mưu trưởng) làm Bí thư; Đại hội Chi bộ Ban Hậu cần, bầu đồng chí Thiếu tá Lưu Đức Đông (Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật) làm Bí thư⁽¹⁾.

Hai ngày 31/1 và 3/2/2005, Đảng ủy Quân sự huyện tổ chức Hội nghị kiểm điểm công tác lãnh đạo của tập thể Đảng ủy và kiểm điểm từng Đảng ủy viên trên cương vị công tác được giao năm 2004. Đồng chí Đặng Văn Ngự (Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự

⁽¹⁾ Theo *Quyết định số 35/QĐ-ĐU ngày 18/1/2005 về việc chuẩn y cấp ủy các chi bộ* và *Báo cáo số 36/BC-ĐU ngày 18/1/2005 về kết quả Đại hội các chi bộ nhiệm kì năm 2005 của Đảng ủy Quân sự huyện Đại Từ*.

huyện) chủ trì Hội nghị. Đồng chí Nguyễn Bình Nguyên (Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Chỉ huy phó Chính trị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) và các đồng chí đại diện Ban Cán bộ (Phòng Chính trị, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh), Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự tỉnh. Hội nghị khẳng định : Năm 2004 tập thể Đảng ủy Quân sự huyện có nhiều cố gắng lãnh đạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao, xây dựng được Ban Chỉ huy quân sự huyện vững mạnh toàn diện, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, vũ khí và các trang bị phương tiện kĩ thuật. Hội nghị cũng thẳng thắn chỉ rõ : Tập thể Đảng ủy Quân sự huyện (nhất là giữa đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy và đồng chí Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) chưa thực sự đoàn kết, tính gương mẫu chưa được phát huy đầy đủ, dẫn đến trách nhiệm thấp, đấu tranh phê bình chưa chân thành, thẳng thắn; lãnh đạo duy trì nền nếp chế độ sinh hoạt đơn vị chưa thường xuyên, lãnh đạo đảm bảo đời sống vật chất cho cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan còn hạn chế". Đồng chí Vũ Tuấn Hùng (Đảng ủy viên - Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) còn thiếu gương mẫu trong quan hệ xã hội, gây dư luận xấu trong đơn vị và công tác quản lí cơ sở vật chất còn yếu⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Tài liệu lưu trữ tại Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

Năm 2005, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện có sự thay đổi. Đầu tháng 5/2005, đồng chí Trung tá Triệu Hạnh Kiềm (nguyên Chỉ huy phó Tham mưu trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương) được Quân khu điều về giữ chức vụ Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện (thay đồng chí Vũ Tuấn Hùng chuyển công tác khác), đồng chí Trung tá Đỗ Năng Tĩnh (Chủ nhiệm Chính trị Ban Chỉ huy quân sự huyện) được bổ nhiệm giữ chức vụ Chỉ huy phó Chính trị (thay đồng chí Đinh Hữu Giang chuyển vùng công tác hợp lý hóa gia đình), đồng chí Thiếu tá Nguyễn Văn Sơn (Trợ lý cán bộ Ban Chính trị) được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ nhiệm Chính trị Ban Chỉ huy quân sự huyện.

Để kiện toàn bộ máy lãnh đạo Đảng bộ Quân sự huyện, ngày 31/5/2005, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ ra Quyết định số 41-QĐ/HU chỉ định đồng chí Đỗ Năng Tĩnh (Chỉ huy phó Chính trị) giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy và chỉ định các đồng chí Triệu Hạnh Kiềm (Chỉ huy trưởng), Nguyễn Văn Sơn (Chủ nhiệm Chính trị) giữ chức vụ Đảng ủy viên Đảng ủy Quân sự huyện nhiệm kỳ 2003 - 2005. Cùng ngày (31/5/2005), Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ ra Quyết định số 40-QĐ/HU chỉ định đồng chí Trương Thị Huệ (Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) tham gia Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Nguyễn Văn Tiến chuyển công tác khác).

Thực hiện Chỉ thị (số 324/CT-ĐU ngày 2/3/2005) của Thường vụ Đảng uỷ Quân sự tỉnh, Hướng dẫn (số 98/HD-PCT ngày 2/3/2005) của Phòng Chính trị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Kế hoạch (số 06/KH-HU ngày 29/3/2005) của Ban Thường vụ Huyện uỷ Đại Từ, từ ngày 2 đến ngày 3/8/2005⁽¹⁾, Đảng uỷ Quân sự huyện Đại Từ tổ chức Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ V (nhiệm kì 2005 - 2008). Sau khi thảo luận, tham gia đóng góp ý vào đề cương các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình Đại hội Đảng toàn quốc lần X, vào dự thảo Báo cáo chính trị của Tỉnh uỷ Thái Nguyên trình Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và dự thảo Báo cáo chính trị của Huyện uỷ Đại Từ trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, Đại hội đã phát huy dân chủ rộng rãi, tập trung trí tuệ của toàn Đảng bộ vào việc thảo luận, ra Nghị quyết thông qua Báo cáo chính trị của Đảng uỷ Quân sự huyện nhiệm kì 2003 - 2005 và phương hướng lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kì 2005 - 2008.

Đại hội khẳng định: Trong nhiệm kì 2003 - 2005 vừa qua, Đảng uỷ Quân sự huyện tập trung lãnh đạo xây dựng Đảng bộ Quân sự huyện trong sạch vững mạnh, xây dựng

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo số: 396-KĐ/ĐU ngày 15/6/2008 kiểm điểm công tác lãnh đạo của Đảng uỷ quân sự huyện sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2005 - 2008 lại là ngày 29/7/2005.

Ban Chỉ huy quân sự huyện vững mạnh toàn diện, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Đại hội cũng thẳng thắn chỉ rõ : Trong công tác lãnh đạo của Đảng ủy Quân sự huyện có nhiệm vụ đề ra chưa sát với thực tiễn, dẫn đến tổ chức thực hiện nhiệm vụ có nội dung hoàn thành chưa cao. Đại hội ra Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kì 2005 - 2008, nhấn mạnh : Tập trung xây dựng Đảng bộ Quân sự huyện trong sạch vững mạnh, xây dựng Ban Chỉ huy quân sự huyện vững mạnh toàn diện; hằng năm phấn đấu 100 % đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có 83% trở lên đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, Đảng bộ Quân sự huyện và các Chi bộ trong Đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện khóa V, gồm 5 đồng chí (Trung tá Đỗ Năng Tĩnh, Chỉ huy phó Chính trị; Trung tá Triệu Hạnh Kiểm, Chỉ huy trưởng; Trung tá Nguyễn Văn Kính (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng; Trung tá Lưu Đình Cải, Chỉ huy phó Động viên;

Thiếu tá Nguyễn Văn Sơn, Chủ nhiệm Chính trị). Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ nhất đã bầu đồng chí Đỗ Năng Tỉnh giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện và bầu Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự huyện nhiệm kỳ 2005 - 2008, gồm 3 đồng chí (Đỗ Năng Tỉnh, Phó Bí thư Đảng ủy - Chỉ huy phó Chính trị; Nguyễn Văn Sơn, Đảng ủy viên - Chủ nhiệm Chính trị; Dương Văn Nghĩa, Bí thư Chi bộ Ban Tham mưu - Phó Tham mưu trưởng); trong đó, đồng chí Đỗ Năng Tỉnh giữ chức vụ Chủ nhiệm và đồng chí Nguyễn Văn Sơn giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm. Đại hội bầu đồng chí Đỗ Năng Tỉnh (Chỉ huy phó Chính trị) và đồng chí Triệu Hạnh Kiểm (Chỉ huy trưởng) làm đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ khóa XXI (nhiệm kỳ 2005 - 2010).

Tiếp theo, từ ngày 21 đến ngày 22/10/2005, Huyện ủy Đại Từ triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2005 - 2010). Đồng chí Triệu Hạnh Kiểm (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXI bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2005-2010 và

được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2005-2010 bầu vào Ban Thường vụ Huyện ủy. Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXI, thực hiện Quy định số 36-QĐ/TW ngày 9/5/1998 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổ chức Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày 21/11/2005, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ ra Quyết định số 02-QĐ/HU chỉ định đồng chí Đoàn Khắc Hòa (Bí thư Huyện ủy khóa XXI) giữ chức Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện và chỉ định đồng chí Trương Thị Huệ (Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện) vào Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện.

Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương do Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra "Tập trung xây dựng huyện Đại Từ thành khu vực phòng thủ vững chắc. Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân đảm bảo đủ sức mạnh, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Không ngừng nâng cao cảnh giác, duy trì thường xuyên, chặt chẽ các chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực chiến, đảm bảo sẵn

sàng chiến đấu đối phó mọi tình huống xảy ra" ⁽¹⁾, hai tháng cuối năm 2005, Đảng uỷ, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo 4 xã Hà Thượng, Phục Linh, Cù Vân, Tân Thái diễn tập chiến đấu trị an theo tinh thần Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và 27 xã, thị trấn còn lại thực hành diễn tập chiến đấu trị an kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở đạt kết quả khá.

Chuẩn bị bước sang năm 2006, từ ngày 11 đến ngày 13/12/2005, Đảng uỷ Quân sự huyện chỉ đạo các chi bộ trong Đảng bộ tổ chức thành công Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ năm 2006. Đại hội các chi bộ bầu được các Ban Chỉ uỷ mới, kiện toàn cấp uỷ các chi bộ. Theo đó, Đại hội Chi bộ Ban Chính trị, bầu Ban Chỉ uỷ mới gồm 3 Chi uỷ viên, do đồng chí Trung tá Nguyễn Văn Sơn (Chủ nhiệm Chính trị) làm Bí thư; Đại hội Chi bộ Ban Tham mưu bầu Ban Chỉ uỷ gồm 3 Chi uỷ viên, do đồng chí Thiếu tá Dương Văn

⁽¹⁾ Theo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đại Từ khoá XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI, trang 19, 20.

Nghĩa (Tham mưu phó) làm Bí thư; Đại hội Chi bộ Ban Hậu cần bầu Ban Chi ủy gồm 3 Chi ủy viên, do đồng chí Trung tá Ma Thế Lực (Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật) làm Bí thư.

Ngày 19/1/2006, Đảng ủy Quân sự huyện tổ chức Hội nghị tổng kết công tác quốc phòng - quân sự địa phương năm 2005. Đồng chí Đoàn Khắc Hòa (Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện) chủ trì Hội nghị. Hội nghị khẳng định : Năm 2005, Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã tích cực và chủ động tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương đạt hiệu quả cao, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định và điều kiện thuận lợi cho địa phương phát triển kinh tế, xã hội.

Trong thành tích của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đạt được năm 2005 là kinh tế, xã hội tiếp tục ổn định, mức tăng trưởng kinh tế đạt 8,6 %, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ vững chắc, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định có sự đóng góp quan trọng của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện. Với các thành tích đã đạt được, năm 2005, Đảng bộ Quân sự huyện đã được Ban Thường vụ Huyện ủy công nhận *Tổ*

chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh công nhận Đơn vị đạt tiêu chuẩn vững mạnh toàn diện.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ V, từ năm 2005 đến năm 2008, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện chưa thật ổn định, khiếu kiện của một bộ phận nhân dân trong huyện về việc đền bù giải phóng mặt bằng vẫn xảy ra. Việc khai thác, vận chuyển tài nguyên, khoáng sản trái phép trên địa bàn vẫn có dấu hiệu tiếp diễn và không ổn định.

Trước tình hình đó, trên cơ sở quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng từ Trung ương đến địa phương về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXI, Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện đã chủ động, tích cực thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp cho Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành trong huyện quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 62/CT-TW của Trung ương, Nghị định 15/NĐ - CP của Chính phủ về công tác quốc phòng và Chỉ thị 12/CT-TW của Trung ương, Nghị định Giáo dục Quốc phòng - An ninh (số 116/2007/NĐ-CP, ngày 10/7/2007) của Chính phủ, Hội đồng Giáo dục Quốc phòng - An ninh

huyện do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trực tiếp làm Chủ tịch đã thường xuyên được kiện toàn, tích cực đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động sát với yêu cầu, nhiệm vụ, góp phần làm cho công dân thực hiện tốt hơn quyền và nghĩa vụ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động đấu tranh phòng ngừa có hiệu quả, làm thất bại âm mưu "Diễn biến hoà bình", "bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta.

Trong ba năm (2006-2008), Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương cử 462 cán bộ thuộc các đối tượng 2 và 3 đi dự các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Quân khu và Tỉnh tổ chức. Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu và giúp Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 462 lượt cán bộ thuộc đối tượng 4 và 3.150 lượt cán bộ thuộc đối tượng 5; kết quả các lớp đều đạt khá.

Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với ba trường Trung học phổ thông (Đại Từ, Nguyễn Huệ, Lưu Nhân Chú) tổ chức giáo dục quốc phòng cho 17.242 lượt học sinh, kết quả đánh giá chung đạt loại khá, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Lực lượng dân quân tự vệ được Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương xây dựng có số lượng hợp lý, chất lượng ngày càng

cao; trong đó, lực lượng dân quân đạt tỉ lệ 1,8% so với dân số, lực lượng tự vệ đạt 15,3% so với cán bộ, công nhân, viên chức; tỉ lệ đảng viên đạt 10% so với tổng quân số dân quân tự vệ. Đánh giá chất lượng của Lực lượng dân quân tự vệ huyện Đại Từ, Đảng ủy Quân sự huyện khẳng định *"luôn chấp hành tốt các quy định về sẵn sàng chiến đấu,, làm tốt tuần tra, canh gác, bảo vệ trị an, phòng chống cháy nổ, cháy rừng, cứu hộ, cứu nạn, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của địa phương"*⁽¹⁾.

Lực lượng dự bị động viên tiếp tục được đăng ki, quản lí chặt chẽ, bảo đảm đủ số lượng sắp xếp nguồn cho các đơn vị theo nhu cầu biên chế thời chiến, với tỉ lệ đúng chuyên nghiệp quân sự đạt từ 75% trở lên. Trong 3 năm (2006 - 2008), toàn huyện kiểm tra sẵn sàng chiến đấu và huấn luyện 156 sĩ quan, 2043 hạ sĩ quan, binh sĩ. Tiểu đoàn dự bị động viên của huyện được xếp đủ biên chế, quản lí chặt chẽ, mỗi năm kiểm tra sẵn sàng chiến đấu 1 đại đội, huấn luyện 1 trung đội, kết quả đều đạt khá, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công tác tuyển quân hằng năm đều hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao. Từ năm 2005-2008, toàn huyện đã tuyển chọn được 730 thanh niên vào bộ đội. Quá trình tuyển

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo số 466-BC/ĐU ngày 2/7/2008 của Đảng ủy Quân sự huyện Đại Từ.

quân được chỉ đạo chặt chẽ, đúng Luật Nghĩa vụ quân sự, bảo đảm an toàn tuyệt đối, đáp ứng các yêu cầu xây dựng quân đội trong thời kì mới.

Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể của huyện xây dựng các kế hoạch đảm bảo cho nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc. Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện Nghị quyết số 02 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 56 của Chính phủ về xây dựng khu vực phòng thủ huyện luôn được Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện coi trọng. Hằng năm, Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện đều tham mưu và giúp cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo 25% số xã, thị trấn tổ chức thực hành diễn tập quân sự theo tinh thần Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và chỉ đạo 75% số xã, thị trấn còn lại tự tổ chức diễn tập gắn với xây dựng, phát triển kinh tế địa phương.

Trong năm 2008, để chuẩn bị cho cuộc Diễn tập khu vực phòng thủ huyện vào cuối năm, ngay từ tháng 8, tháng 9/2008, Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo Cơ quan Quân sự huyện làm tốt công tác chuẩn bị, xây dựng các văn kiện diễn tập và các văn bản tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức các cấp, các ngành thực hành diễn tập. Do Đảng ủy,

Ban Chỉ huy quân sự huyện làm tốt công tác chuẩn bị và tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo, nên cuộc Diễn tập khu vực phòng thủ huyện Đại Từ năm 2008 theo tinh thần Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị đã đạt được tất cả các mục đích, yêu cầu đề ra. Trong cuộc diễn tập này, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã động viên 1 đại đội bộ binh thuộc Tiểu đoàn dự bị động viên của huyện, với quân số 107 cán bộ, chiến sĩ tham gia diễn tập thực binh bắn đạn thật (đạn hơi) đảm bảo an toàn; động viên, huấn luyện chiến đấu Trung đội súng máy cao xạ 12,7 li của dân quân xã Bình Thuận, với 22 cán bộ, chiến sĩ và Trung đội dân quân cơ động xã Ký Phú, gồm 28 cán bộ, chiến sĩ đạt kết quả khá. Đặc biệt, trong cuộc Diễn tập khu vực phòng thủ huyện cuối năm 2008 này, huyện Đại Từ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ huy động lực lượng hậu cần tại chỗ, đảm bảo cung cấp cho Sư đoàn 3 thuộc Quân khu 1 (gồm 1 trung đoàn bộ binh đủ quân, khung KTT của Sư đoàn và 2 trung đoàn) luyện tập hành quân dã ngoại phối hợp tham gia diễn tập bắn chiến đấu (đạn hơi) tại xã Quân Chu, được Ban Chỉ đạo diễn tập Quân khu 1 và tỉnh Thái Nguyên đánh giá cao.

Trong giai đoạn thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, đối với công tác hậu phương quân đội,

Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện tập trung tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành triển khai tốt việc thực hiện Quyết định 47 và Quyết định 290 của Chính phủ. Trong đó, đến giữa năm 2008, thực hiện Quyết định 47, toàn huyện xét duyệt và chi trả được 1.982 đối tượng, còn 35 đối tượng chờ quyết định chi trả. Thực hiện Quyết định 290, toàn huyện xét duyệt và chi trả được 208 đối tượng, còn 44 đối tượng chờ quyết định chi trả. Quá trình triển khai thực hiện Quyết định 47 và Quyết định 290 của Chính phủ được đảm bảo chặt chẽ, đúng đối tượng, không nhầm lẫn, vướng mắc. Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện còn phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể ở huyện tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo Đền ơn đáp nghĩa huyện tổ chức xây dựng được 3 ngôi *Nhà tình nghĩa*, trị giá trên 75 triệu đồng, tặng cho các đối tượng là thương binh, bệnh binh và con của liệt sĩ ở các xã Quân Chu, La Bằng, Tiên Hội. Năm 2007, cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Ban Chỉ huy quân sự huyện quyên góp, ủng hộ 10 triệu đồng, xây 2 ngôi *Nhà đại đoàn kết*, tặng cho người nghèo.

Cũng trong giai đoạn này, thực hiện chỉ đạo của đồng chí Trương Thị Huệ (Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện), Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã

tham mưu, giúp Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các ngành chức năng xác minh, lập hồ sơ, đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận Liệt sĩ và cấp bằng Tổ quốc ghi công cho đồng chí Lôi Viết Dìu (cán bộ do Xứ ủy Bắc Kỳ cử về hoạt động gây dựng cơ sở cách mạng tại các xã Phần Súc, Phần Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên từ tháng 10/1944)⁽¹⁾.

Trong công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định 107 của Chính phủ về quy chế phối hợp giữa hai lực lượng Công an và Quân sự. Hằng tháng, hai lực lượng Công an và Quân sự từ huyện đến các xã, thị trấn đều tổ chức giao,

⁽¹⁾ Đồng chí Lôi Viết Dìu, sinh năm 1918, dân tộc Nùng; quê quán xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn; gia đình trú tại xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đồng chí Lôi Viết Dìu tham gia cách mạng đầu năm 1941, là 1 trong số 36 cán bộ, chiến sĩ tham gia thành lập Đội Cứu quốc quân 2 (ngày 15/9/1941 tại xã Trảng Xá, huyện Võ Nhai). Cuối năm 1941, đồng chí Lôi Viết Dìu được cử về Xứ ủy Bắc Kỳ học lớp bồi dưỡng cán bộ cốt cán cho cách mạng miền Núi sau này. Sau lớp học, đồng chí Lôi Viết Dìu được giữ lại công tác tại Cơ quan Xứ ủy Bắc Kỳ. Tháng 10/1944, đồng chí Lôi Viết Dìu được Xứ ủy Bắc Kỳ cử về hoạt động gây dựng cơ sở cách mạng tại các vùng Phần Súc, Phần Mễ, huyện Phú Lương. Ngày 14/12/1944, bọn tay chân của Băng Văn Quỳnh (Lý trưởng Phần Mễ) đã phục kích bắn chết đồng chí Lôi Viết Dìu tại một địa điểm gần Phố Giá (Phần Mễ - Phú Lương).

nắm tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Trên cơ sở đó, hai lực lượng Công an và Quân sự thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp cho cấp uỷ chính quyền địa phương giải quyết các vụ việc phức tạp xảy ra, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn đạt kết quả tốt.

Công tác xây dựng Chi bộ, Đảng bộ trong sạch vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện tiếp tục được Đảng uỷ và Ban Chỉ huy quân sự huyện coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo. Ba năm liền (2006 - 2008), 100% số chi bộ trong Đảng bộ Quân sự huyện đều đạt *trong sạch vững mạnh*, Đảng bộ Quân sự huyện đạt Đảng bộ *trong sạch vững mạnh*, Cơ quan Quân sự huyện được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh công nhận *Đơn vị vững mạnh toàn diện*. Tuy nhiên, năm 2006 trong Đảng bộ Quân sự huyện vẫn còn 2 đảng viên vi phạm tư cách đảng viên⁽¹⁾.

Thực hiện Chỉ thị (số 01/2009/CT-UBND, ngày 6/1/2009) của Ủy ban nhân dân huyện về nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương huyện Đại Từ năm 2009, Đảng uỷ và Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện

⁽¹⁾ Hai đồng chí vi phạm tư cách đảng viên là Đại úy Trần Thái Linh (Trợ lý Bảo vệ - Dân vận, đảng viên Chi bộ Ban Chính trị) và Đại úy Đào Đình Dân (Trợ lý Binh chủng, đảng viên Chi bộ Ban Tham mưu).

ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành *"hoàn thành toàn diện các mặt công tác quốc phòng quân sự địa phương năm 2009"*⁽¹⁾.

Những tháng cuối năm 2009, đầu năm 2010, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Ban Chỉ huy quân sự huyện có sự thay đổi. Tháng 11/2009, đồng chí Dương Ngọc Khánh (nguyên Chủ nhiệm Phòng không, Phòng Tham mưu - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) được cấp trên điều động, bổ nhiệm giữ chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện (thay đồng chí Triệu Hạnh Kiểm nghỉ chế độ hưu trí theo Luật Sĩ quan). Tháng 4/2010, đồng chí Nguyễn Thanh Ngân (nguyên Trợ lý Ban Dân quân Tự vệ, Phòng Tham mưu - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) được cấp trên điều động, bổ nhiệm giữ chức Chỉ huy phó Tham mưu trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện (thay đồng chí Nguyễn Văn Phúc nghỉ chế độ hưu trí theo Luật Sĩ quan). Các đồng chí Chỉ huy trưởng Triệu Hạnh Kiểm và Chỉ huy phó Tham mưu trưởng Nguyễn Văn Phúc nghỉ hưu theo Luật Sĩ quan, Đảng ủy Quân sự huyện thiếu 2 ủy viên (trong số 5 ủy viên do Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện nhiệm kì 2005-2008 bầu ngày 3/8/2005).

⁽¹⁾ Theo : *Nghị quyết số 61-NQ-ĐU, ngày 21/1/2010 của Đảng ủy Quân sự huyện Đại Từ.*

Để kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện đủ số lượng ủy viên, đảm bảo cơ cấu, thành phần lãnh đạo, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ đã ra các quyết định bổ sung các đồng chí Dương Ngọc Khánh (Chỉ huy trưởng) và Nguyễn Thanh Ngân (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng) vào Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện.

Kết quả công tác xây dựng Đảng bộ Quân sự huyện trong sạch vững mạnh tiếp tục được giữ vững. Tháng 1/2010, toàn bộ các chi bộ trong Đảng bộ Quân sự huyện đã tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2010 - 2013 đạt được các mục đích, yêu cầu đề ra. Từ ngày 26 đến ngày 27/4/2010, Đảng bộ Quân sự huyện tổ chức Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ VII (nhiệm kỳ 2010 - 2015), với sự có mặt của 44 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Các đồng chí Phan Văn Tường (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên), Trương Thị Huệ (Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện), Nguyễn Hải Đường (Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) đã đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội thảo luận, ra nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 2010 - 2015. Nghị quyết nhấn mạnh : Thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ

đạo và tổ chức thực hiện xây dựng huyện Đại Từ thành khu vực phòng thủ vững chắc theo tinh thần Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X). Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân huyện vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; xây dựng Đảng bộ Quân sự huyện trong sạch vững mạnh, xây dựng Ban Chỉ huy quân sự huyện vững mạnh toàn diện, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VII (nhiệm kỳ 2010 - 2015), gồm các đồng chí Đỗ Năng Tỉnh, Dương Ngọc Khánh, Lưu Đình Cài, Nguyễn Thanh Ngân và Nguyễn Văn Sơn. Ban Thường vụ Huyện ủy tiếp tục phân công các đồng chí Trương Thị Huệ (Bí thư Huyện ủy) và Nguyễn Hải Đường (Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) tham gia Đảng ủy Quân sự huyện; trong đó, đồng chí Bí thư Huyện ủy Trương Thị Huệ trực tiếp giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện. Hội nghị lần thứ nhất Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện khóa VI tiếp tục bầu đồng chí Đỗ Năng Tỉnh giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện.

Tiếp theo Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ VII, từ ngày 1 đến ngày 3/7/2010, Đảng bộ huyện Đại Từ tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015). Đại hội khẳng định "Trong 5 năm thực

hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXI, Ban Chỉ huy quân sự huyện nắm chắc tình hình địa bàn, duy trì thường xuyên các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, xây dựng các phương án đảm bảo chủ động đối phó với mọi tình huống. Công tác huấn luyện dân quân tự vệ và dự bị động viên được chú trọng đảm bảo đủ thời gian và quân số. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, diễn tập quân sự, tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu, chất lượng tốt. Chỉ tính riêng công tác tuyển quân, trong 5 năm (2005 - 2010), toàn huyện đã tuyển chọn được 1.170 thanh niên vào bộ đội ⁽¹⁾.

Đại hội thảo luận, nhấn mạnh phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo tổng quát của Đảng bộ huyện trong nhiệm kỳ 2010 - 2015 là "Đổi mới mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ và hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền (...), giữ vững quốc phòng - an ninh" ⁽²⁾.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII, gồm 39 Ủy viên. Đồng chí Dương Ngọc Khánh (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) được Đại hội bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII và được

^{(1) (2)} Theo : *Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ (1936 - 2015)*, Huyện ủy Đại Từ xuất bản năm 2015, trang 393, 397.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.

Quán triệt và thực hiện các nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII, Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXII, từ năm 2011 đến năm 2015, Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và Hội đồng Giáo dục Quốc phòng - An ninh huyện ban hành 88 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành trong huyện thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương trên các lĩnh vực : 1 - Kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng; bảo vệ các công trình quốc phòng và các khu vực quân sự. 2 - Thực hiện các biện pháp về xây dựng và bảo vệ tiềm lực quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ huyện. 3 - Tổ chức, xây dựng, huấn luyện và hoạt động của các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ, dự bị động viên và công tác tuyển quân. 4 - Chỉ đạo Lực lượng vũ trang nhân dân huyện phối hợp với Lực lượng Công an và các lực lượng khác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; làm công tác vận động quần chúng và tổ chức thực hiện công tác phòng thủ dân sự. 5 - Đảm bảo ngân sách chi cho công tác quốc phòng - quân sự địa phương và thực hiện chính sách hậu phương quân đội. 6 - Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng quân sự địa phương hằng năm.

Thực hiện các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện và Hội đồng Giáo dục Quốc phòng - An ninh huyện, hằng năm (từ 2011 đến 2015), Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân huyện tổ chức quán triệt nghiêm túc Kết luận số 41, Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 3/10/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 119 -NĐ/CP, Nghị định số 152-NĐ/CP của Chính phủ về công tác quốc phòng và khu vực phòng thủ.

Đảng ủy Quân sự huyện thường xuyên nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động và củng cố, kiện toàn tổ chức của Ban Thường vụ Huyện ủy. Tháng 8/2011, đồng chí Nguyễn Văn Nhâm (Tỉnh ủy viên - Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh) được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công về giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy (thay đồng chí Trương Thị Huệ chuyển công tác lên làm Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên). Theo Quy định của Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ phân công đồng chí Nguyễn Văn Nhâm giữ chức Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện.

Kết quả nổi bật của lực lượng vũ trang huyện Đại Từ năm 2011 là đã làm tốt công tác tham mưu cho Huyện ủy,

Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức các cấp các ngành thực hành cuộc Diễn tập chiến đấu trị an có đạo diễn ở 8 xã (Cù Vân, Hà Thượng, Hùng Sơn, Tiên Hội, La Bằng, Phú Xuyên, Yên Lãng, Tân Thái) và 1 thị trấn (Đại Từ) vận hành theo tinh thần Nghị quyết số 28 của Bộ Chính trị và Nghị định số 152 của Chính phủ; trong đó, Trung đội dân quân xã Hà Thượng (gồm 32 cán bộ, chiến sĩ) thực hành diễn tập thực binh chiến đấu bảo vệ mục tiêu, kết quả đạt loại giỏi. Toàn bộ 22 xã, thị trấn trong huyện còn lại tự thực hành diễn tập chiến đấu trị an (diễn tập không có đạo diễn) đạt được mục đích, yêu cầu đề ra. Cuộc Diễn tập chiến đấu trị an năm 2011 của Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ khẳng định : Hoàn thành tốt nhiệm vụ; trong đó khá hơn là các tập thể Ban Chỉ huy quân sự huyện, Công an huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân và các xã Hà Thượng, Hùng Sơn, Tiên Hội, Quân Chu, La Bằng, Phú Thịnh, Đức Lương, An Khánh, Lục Ba và thị trấn Quân Chu⁽¹⁾.

Kết thúc năm 2011, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh kiểm tra, chấm điểm theo 5 tiêu chuẩn xây dựng *Đơn vị vững mạnh toàn diện* được

⁽¹⁾ Theo : *Báo cáo số 962/BC-BCH, ngày 28/11/2011 của Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.*

điểm trung bình cao nhất Ban Chỉ huy quân sự các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh (8,39 điểm). Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh công nhận là *Đơn vị vững mạnh toàn diện*, được Bộ Tư lệnh Quân khu 1 tặng danh hiệu *Đơn vị Quyết thắng*.

Phát huy phát huy các thành tích đã đạt được năm 2011, năm 2012, Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và Hội đồng Giáo dục Quốc phòng - An ninh huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp các ngành hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác quốc phòng - quân sự địa phương.

Thành tích đáng ghi nhận của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ trong năm 2012 là đã góp phần cùng các lực lượng chức năng làm tốt công tác khắc phục hậu quả vụ sạt lở toàn bộ bãi thải số 3 Mỏ than Phấn Mễ (thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên) nằm trên địa bàn xóm Khuôn 1, xã Phục Linh, huyện Đại Từ xảy ra khoảng 4 giờ sáng ngày 15/4/2012, vùi lấp 14 ngôi nhà và 6 người dân đang sinh sống ở khu vực dưới chân bãi thải. Ban Chỉ huy quân sự huyện đã huy động 2 xe ô tô, 6 nhà bạt dã ngoại, 25 phần nằm, cùng với nhiều dụng cụ phục vụ cho việc tìm kiếm (cuốc, xẻng, xà beng, ...) và 45 cán bộ, chiến sĩ lực lượng thường trực, 44 cán bộ, chiến sĩ dân quân ở 2 xã Tân Linh, Phục Linh) tham gia tìm kiếm, cứu nạn. Dưới sự chỉ

huy trực tiếp của đồng chí Thượng tá Dương Ngọc Khánh (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện), 89 cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã phối hợp với các lực lượng Công an tỉnh, Công an huyện làm tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực tìm kiếm cứu nạn. Sau gần 10 ngày nỗ lực đào bới của các lực lượng tham gia tìm kiếm, cứu nạn của cả tỉnh và huyện, đến hơn 5 giờ sáng ngày 24/4/2012, thi thể nạn nhân cuối cùng trọng số 6 nạn nhân bị chết do đất đá vùi lấp đã được các lực lượng tham gia tìm kiếm, cứu nạn tìm thấy.

Năm 2013, công tác xây dựng và huấn luyện lực lượng vũ trang nhân dân huyện tiếp tục đạt được kết quả tốt. Ngày 19/6/2013, sau khi trực tiếp kiểm tra toàn diện các mặt công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dân quân xã La Bằng, Phòng Dân quân (Bộ Tham mưu - Quân khu 1) kết luận đạt loại giỏi (8,06 điểm). Đến ngày 30/6/2013, toàn bộ 100% (31/31) đơn vị cơ sở đầu mỗi dân quân và 100% (18/18) đơn vị cơ sở đầu mỗi tự vệ, với 92% (2.576/2.800) cán bộ, chiến sĩ dân quân - tự vệ trong toàn huyện đã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự năm 2013. Ngày 15/11/2013, Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức luyện tập kiểm tra sẵn sàng chiến đấu Tiểu đoàn dự bị động viên của huyện. Toàn Tiểu đoàn huy động được 434 cán bộ, chiến sĩ tham gia luyện

tập, đạt 100% chỉ tiêu quân số. Sau luyện tập kiểm tra sẵn sàng chiến đấu, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã giữ lại 1 đại đội (107 cán bộ, chiến sĩ) để huấn luyện thực binh bắn chiến đấu (đạn hơi) trong diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2013.

Chấp hành Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 29/1/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 5/2/2013 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc Diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2013, Đảng uỷ, Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu và giúp Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo diễn tập huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện làm tốt công tác chuẩn bị diễn tập từ khâu lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, đến việc quán triệt, triển khai làm công tác chuẩn bị diễn tập. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đầu tư gần 3,2 tỉ đồng xây dựng và củng cố khu sơ tán, sa bàn, khu ăn ở dã ngoại và khu vực thực binh, lắp đặt đường điện, đường nước sinh hoạt. Ban Chỉ huy quân sự huyện và Công an huyện đã phát huy tốt vai trò tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo diễn tập huyện trong công tác chuẩn bị diễn tập, góp phần quan trọng cho sự thành công của cuộc diễn tập.

Từ ngày 27 đến ngày 28/11/2013, Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã thực hành *Diễn tập khu vực phòng thủ năm 2013* có một phần thực binh với đề mục *Chuyển lực lượng vũ trang huyện Đại Từ vào các trạng thái sẵn sàng chiến đấu; chuyển huyện Đại Từ từ thời bình sang thời chiến, tổ chức chuẩn bị và thực hành tác chiến phòng thủ*, mang mật danh “ZĐT-13”.

Trong quá trình thực hành diễn tập, dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo diễn tập tỉnh và Đoàn Đạo diễn của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ thực hành diễn tập; kịp thời ban hành các văn bản cấp mình làm cơ sở để các cấp, các ngành quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ diễn tập.

Ban Chỉ đạo diễn tập huyện đã chủ động xin ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo diễn tập tỉnh và Đoàn Đạo diễn của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, điều chỉnh nội dung thực hành diễn tập sát tình hình thực tế, bảo đảm vừa hoàn thành nhiệm vụ diễn tập, vừa duy trì tốt các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Cuộc diễn tập đã thể hiện tốt sự vận hành cơ chế lãnh đạo theo tinh thần Nghị quyết (số 28-NQ/TW ngày

22/9/2008) của Bộ Chính trị về *“Tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới”*. Trong quá trình tổ chức thực hành diễn tập đã thể hiện tương đối rõ nét vai trò lãnh đạo, điều hành của các đồng chí Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Các ban, ngành, đoàn thể của huyện đã phát huy tốt vai trò tham mưu cho cấp uỷ Đảng, Chính quyền địa phương trong việc đề ra các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình. Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân huyện đã được kiện toàn đầy đủ các thành phần; việc xây dựng hệ thống văn kiện, kế hoạch phòng không nhân dân, hệ thống thông báo, báo động, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân trong huyện về phương pháp tổ chức sơ tán cơ sở vật chất, kĩ thuật, phòng tránh để bảo toàn lực lượng thời kì đầu chiến tranh.

Các cơ quan Quân sự và Công an đã gắn kết với nhau làm tròn vai trò trung tâm hợp đồng của khu vực phòng thủ; đã vận động sáng tạo Nghị định 77/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp giữa hai lực lượng Quân đội và Công an thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã củng cố và phát huy được vai trò nòng cốt của

minh trong công tác tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương. Các xã Hùng Sơn, Mỹ Yên, Hà Thượng đã thực hành diễn tập đầy đủ các nội dung theo kế hoạch, đạt kết quả tốt.

Trong quá trình thực hành diễn tập, huyện Đại Từ đã huy động 500 cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ làm các nhiệm vụ huấn luyện thực binh, đảm bảo an ninh trật tự và các nhiệm vụ khác phục vụ diễn tập. Trong quá trình tổ chức diễn tập ZDT - 13, huyện Đại Từ đã kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ diễn tập quân sự với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng tại địa phương (làm đường giao thông, xây dựng các công trình thủy lợi, nạo vét kênh, mương ...), mang lại nhiều hiệu quả thiết thực. Toàn huyện đã huy động 121.423 ngày công lao động, giải toả hàng lang an toàn giao thông, tu sửa 157.780 mét đường giao thông liên xã, 542.708 mét đường giao thông liên thôn, lắp mới 105 tầm công các loại, làm mới 1.428 mét kênh mương thủy lợi kiên cố; tổng trị giá ước tính đạt gần 9 tỷ đồng.

Cuộc diễn tập khu vực phòng thủ huyện Đại Từ năm 2013 được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh kết luận "*Đảng bộ, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã tiến hành công tác chuẩn bị và thực hành diễn tập với tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành tốt các nội dung diễn tập theo ý định của Ban Chỉ đạo diễn tập tỉnh. Quá trình diễn tập chấp hành tốt các quy định về*

ăn, ở dã ngoại, bảo đảm an ninh, trật tự, tuyệt đối an toàn về người và vũ khí trang bị. Công tác quản lý, điều hành của các thành phần tham gia diễn tập tại các vị trí thường xuyên và khu vực sơ tán đều bảo đảm nghiêm túc. Cuộc diễn tập khu vực phòng thủ ZĐT-13 năm 2013 của huyện Đại Từ đạt kết quả tốt⁽¹⁾.

Sang năm 2014, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Ban Chỉ huy quân sự huyện có sự thay đổi. Tháng 5/2014, đồng chí Trần Chí Thanh (Chỉ huy phó Động viên) được điều động giữ chức vụ Chỉ huy phó Tham mưu trưởng (thay đồng chí Nguyễn Thanh Ngân được Quân khu điều động, bổ nhiệm làm Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Bình). Tháng 11/2013, đồng chí Hầu Việt Dũng (Chính trị viên phó kiêm Chủ nhiệm Chính trị) được bổ nhiệm giữ chức vụ Chính trị viên (thay đồng chí Đỗ Năng Tỉnh nghỉ hưu); đồng chí Lý Xuân Lược (Trợ lý Ban Chính trị) được bổ nhiệm giữ chức vụ Chính trị viên phó kiêm Chủ nhiệm Chính trị.

Phát huy các thành tích đã đạt được năm 2013, năm 2014, Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện tập trung tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng và huấn luyện các lực lượng dân quân, tự vệ và dự bị động viên. Năm 2014, lực lượng dân

⁽¹⁾ Tài liệu lưu trữ tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

quân, tự vệ ổn định tổ chức biên chế và quân số, gồm 31 cơ sở dân quân (xã, thị trấn)⁽¹⁾ và 18 cơ sở tự vệ (cơ quan, đơn vị, xí nghiệp,...), với tổng số 2.800 cán bộ, chiến sĩ. Toàn huyện huy động được 2.773 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ tham gia huấn luyện, đạt 99,03% so với tổng quân số và giảm 0,43% so với năm 2013.

Đối với lực lượng dự bị động viên, Ban Chỉ huy quân sự huyện sắp xếp bổ nhiệm được 4.492 cán bộ, chiến sĩ (đạt 97% so với chỉ tiêu trên giao và tăng 15 người so với năm 2013). Trong năm, toàn huyện huy động kiểm tra sẵn sàng chiến đấu và tổ chức huấn luyện được 366 cán bộ, chiến sĩ, đạt 100% chỉ tiêu quân số trên giao.

Phong trào "*Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới*" được Đảng ủy, Ban Chỉ huy quân sự huyện coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Trong năm 2014, tại xã Phú Cường, Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Sư đoàn 312 của Quân đoàn 1 và Chi nhánh Viettel Thái Nguyên tổ chức khám bệnh và cấp thuốc miễn phí cho 500 người dân thuộc đối tượng chính sách, tặng 20

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết số 124/NQ-CP, ngày 13/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, từ tháng 4/2014, thị trấn Đại Từ sáp nhập với xã Hùng Sơn thành một đơn vị hành chính, thuộc huyện Đại Từ, lấy tên là thị trấn Hùng Sơn. Từ đó, số đầu mỗi dân quân - tự vệ trong huyện giảm từ 49 đơn vị xuống 48 đơn vị, do số đầu mỗi dân quân giảm từ 31 cơ sở (xã, thị trấn) xuống còn 30 cơ sở (xã, thị trấn).

xuất quà (mỗi xuất 300.000 đồng) cho 20 gia đình chính sách và tặng trang thiết bị y tế (trị giá 20 triệu đồng) cho Trạm Y tế xã.

Năm 2015 - năm cuối cùng thực hiện các nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII, Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXII và Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện Đại Từ lần thứ VII. Ba tháng đầu năm 2015, Ban Chỉ huy quân sự huyện trực tiếp ban hành 3 văn bản và tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện, Hội đồng Giáo dục Quốc phòng - An ninh huyện ban hành 6 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn trên địa bàn tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương năm 2015.

Thực hiện Kế hoạch số 1106, ngày 21/10/2014 của Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh Thái Nguyên và Kế hoạch số 108 - KH/HU, ngày 29/10/2014 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ về việc tổ chức đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, từ ngày 12 đến ngày 21/3/2015, Đảng ủy Quân sự huyện tập trung lãnh đạo các chi bộ trong Đảng bộ làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2015-2018 theo đúng kế hoạch, đạt được các mục đích, yêu cầu đề ra. Đại hội các chi bộ đã lựa chọn, bầu được các Ban Chỉ ủy các chi bộ nhiệm kỳ 2015-2018. Các đảng viên là cán bộ chủ trì, phụ

trách các ban, các bộ phận đều được bầu vào Chi ủy và được bầu giữ các chức vụ Bí thư, Phó Bí thư các chi bộ với số phiếu tín nhiệm cao.

Trên cơ sở thành công của Đại hội các chi bộ nhiệm kì 2015 - 2018, ngày 4/6/2015, Đảng bộ Quân sự huyện tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII (nhiệm kì 2015-2020). Tham dự Đại hội có 53 trên tổng số 55 đảng viên của toàn Đảng bộ. Các đồng chí Nguyễn Văn Nhâm (Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy, Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện), Nguyễn Hải Đường (Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện), Đại tá Đỗ Đại Phong (Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) đã đến dự và chỉ đạo Đại hội. Đồng chí Nguyễn Văn Nhâm (Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy, Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện) đọc diễn văn khai mạc Đại hội, nhấn mạnh mục đích, yêu cầu của Đại hội là tổng kết đánh giá đúng mức thành tích, ưu điểm, chỉ rõ thiếu sót, khuyết điểm của Đảng bộ trong công tác lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ VII, đề ra phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kì 2015-2020; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện khóa VIII và bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXIII.

Sau khi nghe đồng chí Hầu Việt Dũng (Phó Bí thư Đảng ủy - Chính trị viên Ban Chỉ huy quân sự huyện) trình bày dự thảo Báo cáo chính trị và Báo cáo tự kiểm điểm của Đảng ủy Quân sự huyện khóa VII, Đại hội thảo luận, khẳng định : *Trong nhiệm kì 2010-2015, Đảng bộ Quân sự huyện đã lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân huyện hoàn thành tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; từng bước xây dựng, củng cố, tăng cường các tiềm lực trong khu vực phòng thủ huyện⁽¹⁾.*

Đại hội cũng thẳng thắn chỉ rõ : *Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương có mặt còn hạn chế; lãnh đạo xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện tuy có tiến bộ, nhưng chưa đồng đều, chưa thật sự vững chắc; lãnh đạo xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh và xây dựng mối đoàn kết nội bộ cũng chưa thật sự vững chắc⁽²⁾.* Đại hội đề ra phương hướng, nội dung, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kì 2015-2020 là : Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân huyện nâng cao hiệu quả chức

(1)(2) Báo cáo chính trị của Đảng ủy Quân sự huyện Đại Từ khóa VII trình Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ VIII.

năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quốc phòng - quân sự địa phương. Tập trung lãnh đạo xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện khóa VIII, gồm 5 đồng chí Hầu Việt Dũng (Chính trị viên), Dương Ngọc Khánh (Chỉ huy trưởng), Trần Chí Thanh (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng), Vũ Văn Thực (Chỉ huy phó Động viên), Lý Xuân Lực (Chính trị viên phó kiêm Chủ nhiệm Chính trị) và bầu Đoàn Đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXIII. Theo quy định của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các đồng chí Nguyễn Văn Nhâm (Bí thư Huyện ủy), Nguyễn Hải Đường (Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) tham gia Đảng ủy Quân sự huyện khóa VIII; trong đó, đồng chí Nguyễn Văn Nhâm trực tiếp giữ chức vụ Bí thư. Phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện khóa VIII đã bầu đồng chí Hầu Việt Dũng giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy và bầu Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy gồm 3 đồng chí, do đồng chí Hầu Việt Dũng (Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện) làm Chủ nhiệm và hai đồng chí Lý Xuân Lực (Đảng ủy viên), Trần Đức Toàn (Tham mưu phó) làm Ủy viên.

Từ ngày 11 đến ngày 13/8/2015, Huyện ủy Đại Từ tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII (nhiệm kì 2015-2020). Về công tác quốc phòng - quân sự địa phương, Đại hội đánh giá : *Trong nhiệm kì 2010-2015, các cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, đảm bảo ứng phó với mọi tình huống. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, diễn tập quân sự, tuyển quân đều hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra. Năm 2013, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang địa phương trong huyện tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện đạt kết quả tốt, được Ban Chỉ đạo diễn tập tỉnh và Quân khu 1 đánh giá cao*⁽¹⁾.

Về phương hướng, nhiệm vụ công tác quốc phòng - quân sự địa phương trong nhiệm kì 2015 - 2020, Nghị quyết nhấn mạnh : Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên có chất lượng, ngày càng cao, có tinh thần sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIII (nhiệm kì 2015 - 2020), gồm 43 Ủy viên. Đồng chí

⁽¹⁾ Theo : Báo cáo chính trị của Huyện ủy Đại Từ khóa XXII trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, trang 36, 37.

Dương Ngọc Khánh (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) được Đại hội bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIII và được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIII bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện tập trung tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Kết thúc năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện đã quyết định khen thưởng cho 6 tập thể và 10 cá nhân trong lực lượng vũ trang nhân dân huyện có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác quốc phòng - quân sự địa phương năm 2015. Ban Chỉ huy quân sự huyện được Bộ Tư lệnh Quân khu 1 tặng thưởng danh hiệu *Đơn vị Quyết thắng*.

Bước sang năm 2016, đội ngũ cán bộ chủ chốt các cơ quan Ban Chỉ huy quân sự huyện có nhiều thay đổi. Tháng 1/2016, đồng chí Vũ Văn Thực (Chỉ huy phó Động viên) chuyển sang làm Chỉ huy phó Tham mưu trưởng (thay đồng chí Trần Chí Thanh chuyển công tác lên Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh làm Trưởng ban Dân quân tự vệ thuộc phòng Tham mưu); đồng chí Thiệu Minh Thế (nguyên Trưởng ban Khoa học Quân sự thuộc phòng Tham mưu, Bộ Chỉ

huy quân sự tỉnh) được điều về giữ chức vụ Chỉ huy phó Động viên Ban Chỉ huy quân sự huyện.

Để kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ra quyết định bổ sung đồng chí Thiệu Minh Thế vào Đảng ủy Quân sự huyện và phân công đồng chí Lê Kim Phúc (Bí thư Huyện ủy) giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Nguyễn Văn Nhân chuyển công tác làm Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh) và đồng chí Phạm Duy Hùng (Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) tham gia Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Nguyễn Hải Đường chuyển sang làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện).

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ lần thứ XXIII, sáu tháng đầu năm 2016, Đảng ủy và Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên có chất lượng ngày càng cao, có tinh thần sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Đến ngày 20/6/2016, toàn bộ 48 đơn vị cơ sở dân quân, tự vệ trong huyện đã được cấp ủy, chính quyền các cấp rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức và cán bộ, chiến sĩ. Toàn huyện có 2.697 cán bộ, chiến sĩ dân quân và 264 cán bộ, chiến sĩ tự vệ; trong đó, có đủ 30 Chỉ huy trưởng quân sự của 30 xã, thị trấn, 31 Trung đội trưởng của

31 trung dân quân cơ động, 3 Trung đội trưởng của 3 trung đội súng máy phòng không 12,7 mm ...và 482 Thôn đội trưởng (kiêm các chức danh Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng cơ động hoặc binh chủng). Tiểu đoàn Dự bị động viên của huyện được sắp xếp đủ biên chế theo đúng quy định là 434 cán bộ, chiến sĩ (gồm 27 sĩ quan và 407 quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ). Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ được triển khai theo đúng kế hoạch. Đến ngày 20/6/2016, toàn huyện đã có 12 đơn vị cơ sở dân quân, với 1.138 cán bộ, chiến sĩ và 9 đơn vị cơ sở tự vệ, với 129 cán bộ, chiến sĩ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện dân quân, tự vệ cả năm 2016. Đánh giá công tác huấn luyện dân quân, tự vệ sáu tháng đầu năm 2016, Ban Chỉ huy quân sự huyện nhận định *hoàn thành tốt nhiệm vụ, có nhiều tiến bộ so với 6 tháng đầu năm 2015⁽¹⁾*.

Việc thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, ngày 9/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hậu phương tiếp tục được Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh triển khai thực hiện. Đến ngày 20/9/2016, toàn huyện đã chi trả được 150,2 triệu đồng, cho 27 đối tượng được hưởng theo Quyết định số 142/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ và chi trả

⁽¹⁾ Theo : Báo cáo số 578/BC -BCH ngày 20/6/2016 của Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

1.236, 4 triệu đồng cho 315 đối tượng được hưởng theo Quyết định số 62/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ .

Thành tích đáng ghi nhận của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ chín tháng đầu năm 2016 là đã kịp thời huy động 54 lượt cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự huyện và 131 lượt cán bộ, chiến sĩ dân quân tham gia chữa cháy, khắc phục kịp thời hậu quả cháy rừng ở các xã Phú Xuyên, Bình Thuận và tìm kiếm, cứu nạn ở xã Quân Chu.

Trải qua chặng đường gần 16 năm đầu thế kỉ XXI (2001 - 2016), được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ, với truyền thống hai lần được tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã không ngừng nỗ lực phấn đấu, hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tạo môi trường ổn định và thuận lợi cho Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong huyện đẩy mạnh xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trong giai đoạn cách mạng mới, thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng về công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

KẾT LUẬN

Từ Đội Tự vệ Cứu quốc đầu tiên của huyện Đại Từ (thành lập cuối năm 1942) ở khu vực “Lán than” thuộc xã Quân Chu, đến nay (năm 2016), trải qua hơn 70 năm vừa xây dựng, vừa chiến đấu, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã không ngừng lớn mạnh và trưởng thành. Giữa năm 2016, trong toàn huyện, lực lượng dân quân, tự vệ nòng cốt có 2.961 cán bộ, chiến sĩ (đạt 1,74% so với tổng dân số) và trong lực lượng dân quân, tự vệ nòng cốt, có 22% là đảng viên (tăng 5,5% so với năm 2011). Lực lượng dự bị động viên có 19.000 cán bộ, chiến sĩ (trong đó, có 4.199 cán bộ, chiến sĩ là quân nhân dự bị hạng I). Trong số 4.199 cán bộ, chiến sĩ quân nhân dự bị hạng I, có 347 người là đảng viên (bằng 8,26% so với tổng quân số quân nhân dự bị hạng I).

Trải qua hơn 70 năm vừa xây dựng, vừa chiến đấu, đội ngũ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện

Đại Từ đã không ngừng nỗ lực phấn đấu, vươn lên, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, góp phần cùng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong các thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chống chiến tranh xâm lược Biên giới, xây dựng - bảo vệ Tổ quốc và đổi mới đất nước đã qua, cũng như trong thời kì thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế ngày nay. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã vinh dự hai lần được Nhà nước tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* (lần 1 thời kì chống Pháp và lần 2 thời kì đổi mới).

Những thành tích to lớn, vẻ vang mà lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đạt được trong hơn 70 năm qua (1942 - 2016), trước hết đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là của Đảng bộ huyện. Trong tất cả các thời kì, chiến tranh ác liệt hay hoà bình, các cấp bộ đảng từ huyện xuống các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đại Từ đều quan tâm lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân địa phương. Cơ quan Quân sự các cấp trong huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn cả về tổ chức lãnh đạo, chỉ huy và quân số, vũ khí trang bị. Các cấp bộ Đảng, chính quyền từ huyện đến các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã

hết sức coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố Lực lượng vũ trang nhân dân huyện vững mạnh về tất cả các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện (cả bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ và dự bị động viên) đều được các cấp ủy Đảng xét duyệt chính trị chặt chẽ, đảm bảo đều là những người tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với lực lượng vũ trang địa phương, các Đảng bộ, Chi bộ cơ sở đã phân công đồng chí Bí thư cấp ủy Đảng trực tiếp làm Chính trị viên Xã đội hoặc Chính trị viên các Đại đội, Trung đội dân quân, du kích, tự vệ. Trong hầu hết các kì Đại hội Đảng bộ, Huyện ủy Đại Từ đều phân công Huyện ủy viên hoặc Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy trực tiếp phụ trách lực lượng vũ trang địa phương. Từ khi Đảng ủy Quân sự huyện được thành lập (1994), Huyện ủy Đại Từ đã phân công đồng chí Bí thư Huyện ủy trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trực tiếp tham gia Đảng ủy Quân sự huyện.

Sự lớn mạnh và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ cũng bắt nguồn từ sự chở che, hết lòng cứu mang, giúp đỡ của nhân dân các dân tộc trong huyện. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, tuy đời sống còn hết sức khó khăn thiếu thốn (ăn đói, mặc rách), nhưng nhân dân các dân tộc

huyện Đại Từ vẫn chất chiu, giành từng hạt lúa, củ khoai..., để nuôi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Trung đội du kích tập trung (1947 - 1949) và Đại đội 226 bộ đội địa phương huyện (1949 - 1952). Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã “thắt lưng, buộc bụng”, đẩy mạnh sản xuất để vừa đảm bảo đời sống và hoàn thành nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, vừa cung cấp cho cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện huấn luyện, thường trực sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu với không quân Mỹ. Bước sang thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ tận tình, quý báu của nhân dân các dân tộc trong huyện cả về vật chất, lẫn tinh thần. Bên cạnh việc đóng góp đầy đủ các loại quỹ quốc phòng - an ninh, đảm bảo kinh phí cho lực lượng vũ trang nhân dân huyện hoạt động và huấn luyện, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ còn quyên góp lương thực, thực phẩm và cả tiền bạc, công sức để ủng hộ và giúp đỡ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện huấn luyện, diễn tập ...

100 Sự lớn mạnh và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ trong hơn 70 năm qua (1942 - 2016) còn bắt nguồn từ sự phối hợp, giúp đỡ và ủng hộ hết sức quý báu của các ban, ngành, đoàn thể trong huyện. Đại Từ là một huyện

miền núi, địa hình hiểm trở, đời sống của nhân dân các dân tộc trong huyện còn khó khăn. Sự phối hợp, ủng hộ và giúp đỡ quý báu của các ban, ngành, đoàn thể trong huyện là điều kiện thuận lợi, là nguồn động viên sức mạnh hết sức to lớn để cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ không ngừng nỗ lực phấn đấu, vươn lên, lập được nhiều thành tích vẻ vang trong các thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chống chiến tranh xâm lược Biên giới, xây dựng - bảo vệ Tổ quốc và sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước ngày nay.

Kế thừa truyền thống yêu nước và cách mạng từ lâu đời, phát huy truyền thống hai lần được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu cao quý "*Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*" (thời kì kháng chiến chống Pháp và thời kì đổi mới), cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ không ngừng phấn đấu, vươn lên, thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, công nghiệp hóa - hiện đại hoá đất nước của Đảng trên địa bàn huyện; quyết tâm xây dựng huyện Đại Từ thành khu vực phòng thủ vững chắc, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, ổn định và vững mạnh về an ninh chính trị và trật tự xã hội; nhân dân các dân tộc và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1 - BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG 98

1 - XÃ AN KHÁNH

1- Mẹ Nguyễn Thị Thảo (1917 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Huông và Liệt sĩ Nguyễn Thế Kỷ; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

2- Mẹ Trần Thị Vòng (1919 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Hoàng Minh Thanh; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

3- Mẹ Trần Thị Vang (1920 - đã từ trần), quê quán, trú quán xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Lê Hải Sinh; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số /QĐ-

CTN, ngày của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

2 - XÃ BẢN NGOẠI

1- Mẹ Nguyễn Thị Năm (1916 – 1975), quê xã quán xã Tiên Hội; trú quán xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 3 là Liệt sĩ Nguyễn Xuân Thuỷ (sinh năm 1944, nhập ngũ tháng 2/1964, hi sinh ngày 15/3/1969), Liệt sĩ Nguyễn Hữu Nghị (sinh năm 1940, nhập ngũ tháng 5/1966, hi sinh ngày 15/5/1969) và Liệt sĩ Nguyễn Mai Duy (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 5/1968, hi sinh ngày 27/3/1975); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

2- Mẹ Nguyễn Thị Lịch (1924 - đã từ trần); quê quán huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; trú quán xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trịnh Trường Giang và Liệt sĩ Trịnh Văn Đàm; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

3- Mẹ Nguyễn Thị Mỹ (1920 - đã từ trần); quê quán huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; trú quán xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ

Đặng Quang Hồng; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

4- Mẹ Trần Thị Thuận (1861 - đã từ trần); quê quán huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Văn Na; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

3 - XÃ BÌNH THUẬN

1- Mẹ Nguyễn Thị Xuân (1906 - 1980), quê quán, trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Văn Lưu (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 11/1966, hi sinh ngày 15/3/1969); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

2- Mẹ Nguyễn Thị Thanh (1911 - 1984), quê quán xã An lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Ái (sinh năm 1940, nhập ngũ tháng 2/1966, hi sinh ngày 22/4/1972); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng

đanh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

3- Mẹ Nguyễn Thị Lai (từ trần năm 1985), quê quán, trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái xuyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Huy Lịch (sinh năm 1948, nhập ngũ tháng 3/1968, hi sinh ngày 29/7/1969); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

4- Mẹ Hoàng Thị Đẹt (1912 - 1981); quê quán xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Phạm Văn Phúc (sinh năm 1940, nhập ngũ tháng 5/1966, hi sinh ngày 20/1/1970); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1996.

5- Mẹ Vi Thị Ly (1905 - 1973); quê quán tỉnh Lạng Sơn, trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần năm 1973; có con độc nhất là Liệt sĩ Lương Văn Hiến (sinh năm 1935, nhập ngũ tháng 7/1968, hi sinh ngày 26/10/1969); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1996.

6- Mẹ Lê Thị Mạc (1917 - 1970), quê quán thôn Kim Bằng, xã Lam Sơn, tỉnh Hưng Yên; trú quán xã Bình

Thuận, huyện tại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Trương Ngọc Đảm (sinh năm 1952, nhập ngũ tháng 8/1968, hi sinh tháng 7/1969); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1996.

7- Mẹ Dương Thị Lễ (1914 - 1945), quê quán xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương; trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Hữu Thoa (sinh năm 1938, nhập ngũ năm 1965, hi sinh ngày 10/3/1975); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1996.

8- Mẹ Nguyễn Thị Nghênh (1923 - 1953), quê quán xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Ngô Viết Dưỡng, (sinh năm 1941, nhập ngũ năm 1968, đã hi sinh tại mặt trận phía Nam); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 17/12/2002.

9- Mẹ Lê Thị Vo (1919 - 1960), quê quán xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Văn Đạo (sinh năm 1944, nhập ngũ năm

1968, hi sinh năm 1975); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 17/12/2002.

4 - XÃ CÁT NÊ

1- **Mẹ Nguyễn Thị Nụ** (1919 - đã từ trần); quê quán huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây; trú quán xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Lê Văn Quang và Liệt sĩ Lê Đức Phú; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

2- **Mẹ Vũ Thị Chi**, sinh năm 1921; quê quán xã Trục Đạo, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; trú quán xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Tường và Liệt sĩ Nguyễn Tiến Thành; được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

3- **Mẹ Nguyễn Thị Nhất** (1900 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Ba và Liệt sĩ Nguyễn Chí Thanh; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

4- Mẹ Nguyễn Thị Mùi (1884 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Hoàng Văn Canh và Liệt sĩ Hoàng Văn Cậu; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

5- Mẹ Trần Thị Cỏn (1906 - đã từ trần); quê quán xã Tân Khánh, huyện Phú Bình; trú quán xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Xuân Bảo và Liệt sĩ Nguyễn Văn Công; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

6- Mẹ Nguyễn Thị Yên (1924 - đã từ trần); quê quán huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Ngọc và Liệt sĩ Nguyễn Văn Thu; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

5 - XÃ CÙ VÂN

1- Mẹ Nguyễn Thị Gái (1911 - đã từ trần), quê quán phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên; trú quán xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Vũ Tân Cương (sinh năm 1939, nhập ngũ tháng

4/1962, hi sinh ngày 15/6/1972); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

2- Mẹ Nguyễn Thị Lai (1913 - 1984), quê quán tỉnh Hải Dương, trú quán xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Anh Quý (sinh năm 1944, nhập ngũ ngày 7/4/1963, hi sinh ngày 17/5/1968); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

3- Mẹ Trần Thị Tèo (1911 - đã từ trần); quê quán xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 là Liệt sĩ Trần Văn Phú và Liệt sĩ Trần Văn Quý; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

4- Mẹ Trần Thị Sửu (1924 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trịnh Khắc Hải và Liệt sĩ Trần Khắc Thịnh; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

5- Mẹ Vũ Thị Phòng (1925 - đã từ trần); quê quán

huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam; trú quán xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Phan Văn Thái và Liệt sĩ Phan Văn Thi; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

6- Mẹ Dương Thị Nụ (1912 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Ma Văn Kim và Liệt sĩ Ma Văn Đài; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

7- Mẹ Hoàng Thị Tý (1904 - đã từ trần); quê quán xã Tiên Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; trú quán xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Đỗ Văn Đỉnh và Liệt sĩ Đỗ Ngọc Anh; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

8- Mẹ Phạm Thị Lan (1915 - đã từ trần); quê quán huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; trú quán xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Minh Đức và Liệt sĩ Nguyễn Văn Vân; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN,

ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

9- Mẹ Bùi Thị Nhỡ (1911 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Bình An; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

10- Mẹ Hoàng Thị Ty (1904 - đã từ trần); quê quán xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; trú quán xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Phạm Quang Thái; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

6 - XÃ ĐỨC LƯƠNG

1- Mẹ Lộc Thị Thự (1913 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Đức Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Trọng và Liệt sĩ Nguyễn Đình Nhậm; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

7- XÃ HÀ THƯỢNG

1- Mẹ Phạm Thị Mầu, quê quán huyện Xuân Thủy,

tỉnh Nam Định; trú quán xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Đào Văn Hữu (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 1/1965, hi sinh ngày 31/12/1972); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

2- Mẹ Bé Thị Tắc (1911 - đã từ trần); quê quán xã Phục Linh; trú quán xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trần Xuân Thìn và Liệt sĩ Trần Văn Hàm; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

8 - THỊ TRẦN HÙNG SƠN

1- Mẹ Trần Thái Ninh (1910 - đã từ trần), quê quán huyện (nay là thị xã) Phổ Yên; trú quán thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Trần Đình Hoan (sinh tháng 8/1952, nhập ngũ tháng 8/1968, hi sinh ngày 29/7/1969); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

2- Mẹ Nguyễn Thị Ngọt (1905 - đã từ trần), quê quán, trú quán thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Văn Hồng (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 5/1972, hi sinh ngày 16/9/1974);

được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

3- Mẹ Triệu Thị Bồng (1901 - đã từ trần), quê quán xã Hiên Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; trú quán thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Đồng Văn Vui (sinh năm 1926, nhập ngũ năm 1947, hi sinh năm 1952); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 17/12/2002.

4- Mẹ Phạm Thị Đào (1909 - đã từ trần); quê quán huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; trú quán thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Xuân Thử và Liệt sĩ Nguyễn Văn Tụ; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5- Mẹ Nguyễn Thị Gái, sinh năm 1920; quê quán huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; trú quán thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Phạm Ngọc Thọ (hi sinh ngày 13/8/1972) và Liệt sĩ Nguyễn Văn Thìn (hi sinh ngày 26/12/1972); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng

danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN ngày 18/5/2015.

6- Mẹ Lê Thị Cài (1918 - đã từ trần); quê quán xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây; trú quán thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Hà Huy Bích; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

7- Mẹ Văn Thị Tý (1908 - đã từ trần), quê quán, trú quán thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Đình Diễm và Liệt sĩ Nguyễn Đình Huỳnh; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số /QĐ-CTN, ngày của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

9 - XÃ KHÔI KỲ

1- Mẹ Lê Thị Tuất (1909 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Lê Duy Tiến và Liệt sĩ Lê Duy Thiện; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

2- Mẹ Đặng Thị Bắc (1910 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2

con là Liệt sĩ Nguyễn Thanh Sơn và Liệt sĩ Nguyễn Thanh Bình; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

3- Mẹ Nguyễn Thị Khen (1918 - đã từ trần); quê quán xã Mộc Nha, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; trú quán xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Lê Tiến Bá và Liệt sĩ Lê Tiến Vương; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

4- Mẹ Ma Thị Lạc (1919 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Phạm Văn Ty và Liệt sĩ Phạm Văn Thịnh ; được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

10 - XÃ KÝ PHÚ

1- Mẹ Trần Thị Ty (1930 - 1956), quê quán, trú quán xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Ngô Đức Chính (sinh năm 1953 nhập ngũ tháng 7/1970, hi sinh ngày 6/7/1973); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 17/12/2002.

2- Mẹ Hoàng Thị San (1920 - đã từ trần); quê quán xã Vạn Thọ; trú quán xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trần Xuân Cầu và Liệt sĩ Trần Thanh Ba; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

11 - XÃ LA BÀNG

1- Mẹ Triệu Thị Hồng (1899 - đã từ trần); quê quán huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; trú quán xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Âu Văn Khinh và Liệt sĩ Âu Minh Phương; được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

2- Mẹ Nguyễn Thị Quý (1917 - đã từ trần); quê quán huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định; trú quán xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trần Xuân Thùy và Liệt sĩ Trần Văn Nhân; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

12 - XÃ LỤC BA

1- Mẹ Vũ Thị Gái (1906 – 1980), quê quán xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; trú quán xã Lục

Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 3 con là Liệt sĩ Phan Gia Bảng (sinh năm 1926, nhập ngũ tháng 3/1946, hi sinh ngày 26/7/1949), Liệt sĩ Phan Gia Ngọc (sinh năm 1946, nhập ngũ tháng 1/1966, hi sinh ngày 11/9/1969), Liệt sĩ Phan Gia Châu (sinh năm 1942, nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 10/2/1971); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 17/12/1994.

2- Mẹ Nguyễn Thị Ngẩn (1922 – đã từ trần), quê quán tỉnh Thái Bình; trú quán xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trần Đức Tục (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 1/1966, hi sinh ngày 20/6/1969), Liệt sĩ Trần Dục Thế (sinh năm 1949, nhập ngũ tháng 8/1969, hi sinh ngày 21/7/1970); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 17/12/1994.

3- Mẹ Trần Thị Tụ (1926 – đã từ trần), quê quán, trú quán xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Đình Viên (sinh năm 1948, nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 10/11/1972); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 17/12/1994.

4- Mẹ Nguyễn Thị Thu (1907 - đã từ trần); quê quán huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; trú quán xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trần Văn Ty và Liệt sĩ Trần Văn Dậu; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

13 - XÃ MINH TIẾN

1- Mẹ Trần Thị Lai (1916 - đã từ trần), quê quán xã Na Mao, trú quán xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Trần Văn Hạnh (sinh năm 1943, nhập ngũ tháng 7/1968, hi sinh ngày 9/5/1970); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

2- Mẹ Dương Thị Khang (1916 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Ma Văn Đàn và Liệt sĩ Ma Văn Nhân; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

3- Mẹ Hoàng Thị Minh (1911 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trần Quốc Lập và Liệt sĩ Trần Nông Nghiệp; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam*

anh hùng tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

4- Mẹ Hoàng Thị Nguyệt (1917 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Khoảng và Liệt sĩ Nguyễn Văn Eng; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

14 - XÃ MỸ YÊN

1- Mẹ Dương Thị Tứ (1908 - 1989), quê quán, trú quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Văn Gác (sinh tháng 7/1940, nhập ngũ tháng 7/1968, hi sinh ngày 16/6/1969); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

2- Mẹ Nguyễn Thị Linh (1898 - đã từ trần), quê quán, trú quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Văn Cách (sinh năm 1932, nhập ngũ tháng 2/1949, hi sinh ngày 16/1/1968); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1996.

3- Mẹ Đào Thị Lự (1924 - 1955), quê quán, trú quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Dương Văn Ngư (sinh năm 1948, nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 12/4/1970); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 17/12/2002.

4- Mẹ Dương Thị Âm (1920 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Đào Xuân Phú và Liệt sĩ Đào Văn Minh; được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

5- Mẹ Nguyễn Thị Sự (1911 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Đặng Xuân Tụ và Liệt sĩ Đặng Văn Bấy; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

6- Mẹ Chu Thị Thung (1919 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Phùng Đức Long và Liệt sĩ Nguyễn Văn Tâm; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

7- **Mẹ Hoàng Thị Ngọ** (1920 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Lân và Liệt sĩ Nguyễn Văn Lý; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

15 - XÃ NA MAO

1- **Mẹ Nguyễn Thị Chắt** (1914 - 1952), quê quán, trú quán xã Na Mao, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Trần Văn Cử (sinh năm 1950, nhập ngũ tháng 9/1968, hi sinh 14/6/1970); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

2- **Mẹ Ngô Thị Chén** (1905 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Na Mao, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Lâm Duy Hiệp và Liệt sĩ Lâm Văn Công; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

16 - XÃ PHỤC LINH

1- **Mẹ Lương Thị Nhất** (1912 - đã từ trần), quê quán, trú quán xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc là Liệt sĩ Bế Văn Thành (sinh năm 1940, nhập ngũ tháng 4/1968, hi sinh ngày 8/4/1970); được Chủ tịch

nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1995.

2- Mẹ Đinh Thị Bé (1918 - đã từ trần), quê quán xã Vũ Thắng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Ngô Anh Đạo (sinh tháng 6/1958, nhập ngũ tháng 8/1978, hi sinh ngày 24/8/1979); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1996.

3- Mẹ Ngô Thị Chắt (1911 - 1992), quê xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Đinh Văn Quán (sinh năm 1933, nhập ngũ ngày 10/2/1952, hi sinh ngày 28/3/1954); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1996.

17 - XÃ PHÚ LẠC

1- Mẹ Vũ Thị Cã (1923 - còn sống); quê quán xã Liên Hà, huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Tây; trú quán xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Khạng và Liệt sĩ Nguyễn Văn Khạ; được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN ngày 18/5/2015.

2- Mẹ Nguyễn Thị Sửu (1900 - đã từ trần); quê quán xã Quang Lăng, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây; trú quán xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Dương Quang Tính và Liệt sĩ Dương Minh Toán; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

3- Mẹ Nông Thị Cúc (1914 - đã từ trần); quê quán xã Yên Lăng; trú quán xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trần Văn Thi và Liệt sĩ Trần Văn Cừ; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

4- Mẹ Trần Thị Tẩy (1930 - đã từ trần); quê quán xã Bạch Hạ, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây; trú quán xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Ngô Xuân Hưng và Liệt sĩ Ngô Tiến Mạnh; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

18 - XÃ PHÚ CƯỜNG

1- Mẹ Đỗ Thị Nhỡ (1902 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Phú Cường, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2

con là Liệt sĩ Nguyễn Đình Chắm và Liệt sĩ Nguyễn Lập Khâm; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

2- **Mẹ Lộc Thị Lịch** (1908 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Phú Cường, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trương Văn Các và Liệt sĩ Trương Văn Yên; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

3- **Mẹ Vũ Thị Cừu** (1922 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Phú Cường, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trần Trọng Lực và Liệt sĩ Trần Khắc Lượng; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

19 - XÃ PHÚ XUYỀN

1- **Mẹ Nông Thị Hải** (1912 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trần Hữu Sinh và Liệt sĩ Trần Thanh Xuân; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

2- Mẹ Lương Thị Trang (1915 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Thì và Liệt sĩ Nguyễn Văn Vũ; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

3- Mẹ Bùi Thị Lâm (1915 - đã từ trần); quê quán xã Trọng Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Phạm Văn Phối và Liệt sĩ Phạm Văn Đam; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

4- Mẹ Đồng Thị Vinh (1918 - đã từ trần); quê quán xã Yên Lãng, trú quán xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Lương Viết Cường và Liệt sĩ Nông Hồng Điệp; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

5- Mẹ Nguyễn Thị Hàn (1900 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Lương Văn Sự; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

20 - XÃ PHÚC LƯƠNG

1- **Mẹ Nguyễn Thị Gái** (1924 - đã từ trần); quê quán huyện Phú Nghĩa, tỉnh Nam Định; trú quán xã Phúc Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Ngô Văn Tâm và Liệt sĩ Ngô Xuân Tình; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

2 - **Mẹ Lý Thị Lược** (1915 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Phúc Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Đào Trọng Khóa và Liệt sĩ Đào Quang Lại; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

21 - THỊ TRẦN QUÂN CHU

1- **Mẹ Nguyễn Thị Luân** (1912 - đã từ trần); quê quán xã Tân Đức, huyện Phú Bình; trú quán thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Khởi và Liệt sĩ Nguyễn Hải Phấn; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

22 - XÃ TÂN LINH

1 - Mẹ Trần Thị Tươi (1922 - đã từ trần); quê quán xã Trảng An, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; trú quán xã Tân Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Vẻ và Liệt sĩ Nguyễn Văn Huân; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

23 - XÃ TÂN THÁI

1- Mẹ Đào Thị Mùi (1924 - còn sống), quê quán, trú quán xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Hoàng Văn Nghê và Liệt sĩ Hoàng Văn Nghiệp; được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

2- Mẹ Trần Thị Hòa (1930 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Trần Văn Cường và Liệt sĩ Trần Ngọc An; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

24 - XÃ TIỀN HỢI

1- Mẹ Phạm Thị Hoi (1921 - đã từ trần), quê quán xã Trục Cát, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; trú quán xã

Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Chu Đức Vũ và Liệt sĩ Chu Văn Kim; được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

2- Mẹ Lý Thị Thèn (1915 - đã từ trần); quê quán huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn; trú quán xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Hoàng Văn Thường và Liệt sĩ Hoàng Văn Thắng; được phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3- Mẹ Hoàng Thị Vinh (1905 - đã từ trần); quê quán huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; trú quán xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Hoàng Văn Phái và Liệt sĩ Hoàng Văn Sài; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

25 - XÃ VĂN YÊN

1- Mẹ Phạm Thị Niệm (1920 - đã từ trần); quê quán xã Nam Hồng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Đỗ Văn Dương và Liệt sĩ Đỗ Xuân Dượng; được truy

tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

2- Mẹ Tạ Thị Thuận (1916 - đã từ trần); quê quán, trú quán xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Lê Văn Phúc và Liệt sĩ Lê Văn Hậu; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

26 - XÃ YÊN LÃNG

1- Mẹ Nguyễn Thị Viết (1910 - 1983), quê quán xã Kim Trân, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; trú quán xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Văn Đăng (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 11/1966, hi sinh ngày 29/5/1972); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 24/4/1996.

2- Mẹ Lê Thị Thêm (1920 - 1946), quê quán xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; trú quán xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Đặng Văn Chiêu (nhập ngũ tháng 4/1964, hi sinh ngày 15/9/1968); được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí quyết định truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ngày 17/12/2002.

3- Mẹ Hoàng Thị Chi (1930 - còn sống), quê quán, trú quán xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con hi sinh trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc là Liệt sĩ Chu Đức Minh và Liệt sĩ Chu Công Chính; được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN ngày 18/5/2015.

4- Mẹ Nguyễn Thị Hồng (1912 - đã từ trần); quê quán huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; trú quán xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Phạm Văn Ty và Liệt sĩ Phạm Văn Mậm; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

5- Mẹ Lê Thị Còn (1884 - đã từ trần); quê quán Phúc Xá, thành phố Hà Nội; trú quán xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Văn Phát và Liệt sĩ Nguyễn Văn Phúc; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

6- Mẹ Trần Thị Vân (1922 - đã từ trần), quê quán, trú quán xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2

con là Liệt sĩ Phạm Văn Cầu và Liệt sĩ Phạm Văn Tiến; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* Quyết định số 886/QĐ-CTN, ngày 18/5/2015 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

7- **Mẹ Trần Thị Tươi** (1918 - đã từ trần), quê quán, trú quán xã Yên Lăng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con là Liệt sĩ Nguyễn Hồng Lợi và Liệt sĩ Nguyễn Văn Lập; được truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* tại Quyết định số /QĐ-CTN, ngày của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

Phụ lục 2 - DANH SÁCH TẬP THỂ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN. 14

1- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 424/KT-CTN, ngày 22/8/1998 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*.

(Đại Từ là huyện miền núi nằm ở vùng Tây - Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên, phía bắc giáp huyện Định Hoá, phía nam giáp huyện Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên, phía đông

giáp huyện Phú Lương, phía tây giáp hai tỉnh Tuyên Quang và Vĩnh Phúc).

2 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Cù Vân được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp* tại Quyết định số 424/KT-CTN, ngày 22/8/1998 của Chủ tịch Nước, do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).

(Cù Vân là xã miền núi nằm ở vùng Nam huyện Đại Từ, phía tây bắc giáp xã Hà Thượng, phía nam giáp xã An Khánh đều của huyện Đại Từ, phía đông giáp xã Cổ Lũng của huyện Phú Lương).

3 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Yên Lãng có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 424/KT-CTN, ngày 22/8/1998 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*.

(Yên Lãng là xã miền núi ở vùng Tây huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện lỵ Đại Từ 14 km, phía đông giáp 4 xã cùng huyện Đại Từ lần lượt từ phía nam lên phía bắc là các xã Phú Xuyên, Na Mao, Phú Cường, Minh Tiến; phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang).

4 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hùng Sơn có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*.

(Hùng Sơn là xã miền núi của huyện Đại Từ, phía tây bắc giáp xã Tiên Hội, phía đông bắc giáp xã Tân Linh, phía đông nam giáp xã Hà Thượng, phía tây nam giáp thị trấn huyện lỵ Đại Từ).

5 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Lục Ba có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 160/KT-CTN, ngày 28/4/2000 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*.

(Lục Ba là xã miền núi nằm ở vùng Tây Nam huyện Đại Từ, phía bắc giáp xã Bình Thuận, phía tây giáp xã Văn Yên, phía tây bắc giáp xã Mỹ Yên, phía tây nam giáp các xã Ký Phú và Vạn Thọ, phía đông nam giáp hồ Núi Cốc).

6 - Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Yên có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), được Chủ

tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 160/KT-CTN, ngày 28/4/2000 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*.

(Mỹ Yên là xã miền núi nằm ở vùng Tây Nam huyện Đại Từ, phía tây bắc giáp xã Hoàng Nông, phía tây nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc, phía đông nam giáp xã Văn Yên, phía bắc giáp xã Khôi Kì, phía đông giáp các xã Bình Thuận và Lục Ba đều thuộc huyện Đại Từ).

7 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã La Bằng có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 160/KT-CTN, ngày 28/4/2000 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*.

(La Bằng là xã miền núi nằm ở vùng Tây Bắc huyện Đại Từ, phía tây bắc giáp xã Phú Xuyên có đỉnh núi cao 1260 mét, phía bắc giáp xã Phú Thịnh, phía nam giáp xã Bản Ngoại, phía đông giáp xã Hoàng Nông) .

8 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Minh Tiến có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

kí Quyết định số 636 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*.

(Minh Tiến là xã miền núi nằm ở vùng Tây huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện lị Đại Từ trên 20 km, phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang, phía bắc giáp xã Bình Thành của huyện Định Hóa, phía đông bắc giáp xã Phúc Lương, phía đông nam giáp xã Yên Lãng, phía đông nam giáp xã Phú Cường đều của huyện Đại Từ).

9 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Quân Chu có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*.

(Quân Chu là xã miền núi nằm ở vùng Tây Nam huyện Đại Từ, phía tây bắc giáp xã Cát Nê, phía tây nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc, phía đông nam giáp xã Phúc Thuận của huyện Phổ Yên, phía đông giáp thị trấn Quân Chu).

10 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Văn Yên có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương

danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*.

(Văn Yên là xã miền núi ở vùng Nam huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện lị Đại Từ 12 km, phía tây - tây bắc giáp xã Mỹ Yên, phía nam giáp Vườn quốc gia Tam Đảo, phía đông nam giáp xã Ký Phú, phía đông bắc giáp xã Lục Ba).

11 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bản Ngoại có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*.

(Bản Ngoại là xã miền núi ở vùng Bắc huyện Đại Từ, cách thị trấn huyện lị 5 km, phía bắc giáp xã Phú Lạc, phía tây bắc giáp xã Phú Thịnh, phía tây giáp các xã La Bằng, Hoàng Nông, phía đông nam giáp xã Tiên Hội).

12 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã An Khánh có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp*.

(An Khánh là xã miền núi ở cực đông của huyện Đại Từ, phía tây bắc giáp xã Cù Vân của huyện Đại Từ, tây nam giáp xã Phúc Xuân, đông nam giáp xã Phúc Hà của thành phố Thái Nguyên, phía đông bắc giáp xã Sơn Cẩm của huyện Phú Lương).

13- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hà Thượng có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 634 KT-CTN, ngày 24/6/2005 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Mĩ*.

(Hà Thượng là xã miền núi, nằm trên trục quốc lộ 37, cách thị trấn huyện lỵ Đại Từ 7 km về phía đông nam, phía bắc giáp xã Phúc Linh, phía đông giáp xã Cù Vân, phía nam giáp xã Tân Thái, phía tây bắc giáp xã Hùng Sơn đều của huyện Đại Từ).

14 - Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước của Đảng (1989 - 2000), được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 465/KT-CTN, ngày 12/12/2000 tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì đổi mới*.

**Phụ lục 3 - DANH SÁCH CÁC XÃ, THỊ TRẤN ĐƯỢC
CÔNG NHẬN LÀ AN TOÀN KHU (ATK)**

STT	XÃ, THỊ TRẤN	QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
1	Yên Lãng	Số 213/2003/QĐ-TTg, ngày 23/10/2003.
2	La Bằng	Số 213/2003/QĐ-TTg, ngày 23/10/2003.
3	Phú Cường	Số 213/2003/QĐ-TTg, ngày 23/10/2003.
4	Bản Ngoại	Số 213/2003/QĐ-TTg, ngày 23/10/2003.
5	Mỹ Yên	Số 213/2003/QĐ-TTg, ngày 23/10/2003.
6	Minh Tiến	Số 213/2003/QĐ-TTg, ngày 23/10/2003.
7	Phúc Lương	Số 213/2003/QĐ-TTg, ngày 23/10/2003.
8	Phú Xuyên	Số 213/2003/QĐ-TTg, ngày 23/10/2003.
9	Hoàng Nông	Số 213/2003/QĐ-TTg, ngày 23/10/2003.
10	Đức Lương	Số 213/2003/QĐ-TTg, ngày 23/10/2003.
11	Khôi Kỳ	Số 213/2003/QĐ-TTg, ngày 23/10/2003.
12	Phú Thịnh	Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011.
13	Quân Chu	Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011.

- | | | |
|----|-----------------|---------------------------------|
| 14 | Cát Nê | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |
| 15 | Na Mao | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |
| 16 | Phục Linh | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |
| 17 | Tân Linh | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |
| 18 | Hà Thượng | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |
| 19 | Tiên Hội | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |
| 20 | Phú Lạc | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |
| 21 | Hùng Sơn | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |
| 22 | Ký Phú | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |
| 23 | Lục Ba | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |
| 24 | T.T Đại Từ | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |
| 25 | T.T Quân
Chu | Số 1379/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011. |

Phụ lục 4 - DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ QUÂN SỰ HUYỆN CÁC KHÓA (1994 - 2016)

Khóa I (Nhiệm kì 1994 - 1996)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Chu Văn Nhàn (Bí thư Huyện ủy)	Bí thư
2	Trịnh Hồng Sáng (Chỉ huy phó Chính trị)	Phó Bí thư
3	Nguyễn Văn Chát (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện)	Ủy viên
4	Hà Đức Mưu (Chỉ huy trưởng)	Ủy viên
5	Lê Quang Thảo (Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng)	Ủy viên

Khóa II (Nhiệm kì 1996 - 1998)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Chu Văn Nhàn (Bí thư Huyện ủy)	Bí thư .
2	Trịnh Hồng Sáng (Chỉ huy phó Chính trị)	Phó Bí thư.

- | | | |
|---|--|----------|
| 3 | Nguyễn Văn Chất (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện) | Ủy viên. |
| 4 | Hà Đức Mưu (Chỉ huy trưởng) | Ủy viên. |
| 5 | Lê Quang Thảo (Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng) | Ủy viên. |

Khóa III (Nhiệm kì 1998 - 2000)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Chu Văn Nhàn (Bí thư Huyện ủy)	Bí thư .
2	Trịnh Hồng Sáng (Chỉ huy phó Chính trị)	Phó Bí thư.
3	Nguyễn Văn Chất (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện)	Ủy viên.
4	Hà Đức Mưu (Chỉ huy trưởng)	Ủy viên.
5	Lê Quang Thảo (Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng)	Ủy viên.

- Tháng 8/1999, đồng chí Nguyễn Văn Chất (Bí thư Huyện ủy) giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Chu Văn Nhàn chuyển công tác khác); đồng

chí Nguyễn Văn Tiến (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện) tham gia Đảng uỷ Quân sự huyện.

- Tháng 4/2000, đồng chí Phan Văn Tường (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) tham gia Đảng uỷ Quân sự huyện (thay đồng chí Hà Đức Mưu nghỉ chờ chế độ hưu trí).

- Tháng 8/2000, đồng chí Hoàng Văn Sinh (Bí thư Huyện uỷ) giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện (thay đồng chí Nguyễn Văn Chất chuyển công tác khác); đồng chí Đinh Hữu Giang (Chỉ huy phó Chính trị Ban Chỉ huy quân sự huyện) giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện (thay đồng chí Trịnh Hồng Sáng nghỉ chờ chế độ hưu trí).

Khóa IV (Nhiệm kì 2003 - 2005)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Hoàng Văn Sinh (Bí thư Huyện uỷ)	Bí thư .
2	Đinh Hữu Giang (Chỉ huy phó Chính trị)	Phó Bí thư.
3	Nguyễn Văn Tiến (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện)	Ủy viên.

- 4 Phan Văn Tường (Chỉ huy trưởng) Ủy viên.
- 5 Lê Quang Thảo (Chỉ huy phó - Ủy viên.
Tham mưu trưởng)
- 6 Nguyễn Văn Kính (Chỉ huy phó Ủy viên.
Động viên)
- 7 Đỗ Xuân Sơn (Chủ nhiệm Chính trị). Ủy viên.

- Tháng 2/2002, đồng chí Lưu Đình Cài (Chỉ huy phó Động viên) tham gia Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Lê Quang Thảo nghỉ chờ chế độ hưu trí).

- Tháng 10/2002, đồng chí Vũ Tuấn Hùng (Chỉ huy trưởng) tham gia Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Phan Văn Tường chuyển công tác).

- Đầu năm 2003, đồng chí Triệu Minh Thái (Quyền Bí thư Huyện ủy) giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Hoàng Văn Sinh chuyển công tác).

Khóa V (Nhiệm kì 2003 - 2005)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Triệu Minh Thái (Quyền Bí thư Huyện ủy)	Bí thư .
2	Đinh Hữu Giang (Chỉ huy phó Chính trị)	Phó Bí thư .
3	Nguyễn Văn Tiến (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện)	Ủy viên.
4	Vũ Tuấn Hùng (Chỉ huy trưởng)	Ủy viên.
5	Nguyễn Văn Kính (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng)	Ủy viên.
6	Lưu Đình Cài (Chỉ huy phó Động viên)	Ủy viên
7	Đỗ Năng Tĩnh (Chủ nhiệm Chính trị)	Ủy viên

- Tháng 8/2003, đồng chí Đặng Văn Ngự (Bí thư Huyện ủy) giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện.

- Năm 2004, đồng chí Trương Thị Huệ (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện) tham gia Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Nguyễn Văn Tiến chuyển công tác khác).

Tháng 5/2005, đồng chí Triệu Hạnh Kiềm (Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện) tham gia Đảng ủy Quân sự huyện giữ chức vụ Ủy viên (thay đồng chí Vũ Tuấn Hùng chuyển công tác).

Khóa VI (Nhiệm kì 2005 - 2010)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Đặng Văn Ngự (Bí thư Huyện ủy)	Bí thư .
2	Đỗ Năng Tĩnh (Chỉ huy phó Chính trị, Chính trị viên)	Phó Bí thư .
3	Trương Thị Huệ (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện)	Ủy viên.
4	Triệu Hạnh Kiềm (Chỉ huy trưởng)	Ủy viên.
5	Nguyễn Văn Kính (Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng)	Ủy viên.
6	Lưu Đình Cải (Chỉ huy phó Động viên)	Ủy viên.

7 Nguyễn Văn Sơn Ủy viên.

(Chủ nhiệm Chính trị, Chính trị
viên phó - Chủ nhiệm Chính trị)

- Tháng 9/2005, đồng chí Đoàn Khắc Hòa (Quyền Bí thư, Bí thư Huyện ủy) giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện.

- Tháng 7/2006, đồng chí Nguyễn Văn Phúc (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng) được Huyện ủy chỉ định làm Đảng ủy viên (thay đồng chí Nguyễn Văn Kính nghỉ hưu).

- Từ tháng 7/2008, đồng chí Trương Thị Huệ (Bí thư Huyện ủy) giữ chức Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Đoàn Khắc Hòa chuyển công tác). Cuối năm 2008, đồng chí Nguyễn Hải Đường (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện) tham gia Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Trương Thị Huệ).

- Tháng 11/2009, đồng chí Dương Ngọc Khánh (Chỉ huy trưởng) được chỉ định tham gia Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Triệu Hạnh Kiểm nghỉ hưu).

- Tháng 4/2010, đồng chí Nguyễn Thanh Ngân (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng) được Huyện ủy chỉ định tham gia Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Nguyễn Văn Phúc nghỉ hưu).

Khóa VII (Nhiệm kì 2010 - 2015)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trương Thị Huệ (Bí thư Huyện ủy)	Bí thư .
2	Đỗ Năng Tĩnh (Chính trị viên)	Phó Bí thư.
3	Nguyễn Hải Đường (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân)	Ủy viên.
4	Dương Ngọc Khánh (Chỉ huy trưởng)	Ủy viên.
5	Nguyễn Thanh Ngân (Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng)	Ủy viên.
6	Lưu Đình Cài (Chỉ huy phó Động viên)	Ủy viên.
7	Nguyễn Văn Sơn (Chính trị viên phó - Chủ nhiệm Chính trị)	Ủy viên.

Khóa VIII (Nhiệm kì 2015 - 2020)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Văn Nhâm (Bí thư Huyện ủy)	Bí thư .
2	Hầu Việt Dũng (Chính trị viên)	Phó Bí thư
3	Nguyễn Hải Đường (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân)	Ủy viên.
4	Dương Ngọc Khánh (Chỉ huy trưởng)	Ủy viên.
5	Trần Chí Thanh (Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng)	Ủy viên.
6	Vũ Văn Thực (Chỉ huy phó Động viên)	Ủy viên.
7	Lý Xuân Lực (Chính trị viên phó - Chủ nhiệm Chính trị)	Ủy viên.

Đầu năm 2016, đồng chí Lê Kim Phúc (Bí thư Huyện ủy) giữ chức Bí thư (thay đồng chí Nguyễn Văn Nhâm chuyển công tác khác).

Đồng chí Phạm Duy Hùng (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện) tham gia Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Nguyễn Hải Đường chuyển sang làm Chủ tịch Hội đồng Nhân dân huyện) .

Đồng chí Triệu Minh Thế (Chỉ huy phó Động viên) được Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ định vào Đảng ủy Quân sự huyện (thay đồng chí Trần Chí Thanh chuyển công tác về phòng Tham mưu - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh).

CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ HUYỆN ĐẠI TỪ (1994 - 2016)



1 - Đồng chí Chu Văn Nhân (1944 - đã từ trần) : Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (1994 - 1999); quê quán xã Bảo Cường, huyện Định Hoá; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, tham gia cách mạng tháng 10/1968; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1966.



2 - Đồng chí Nguyễn Văn Chắt (1946 - đã từ trần) : Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (9/1999 - 8/2000); quê quán, trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng tháng 7/1965.



3 - Đồng chí Hoàng Văn Sinh : Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (8/2000 - đầu năm 2003); sinh năm 1957; quê quán xã Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 1/1989.



4 - Đồng chí Triệu Minh Thái: Quyền Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (đầu năm 2003 - 8/2003).



5 - Đồng chí Đặng Văn Ngự : Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (8/2003 - 9/2005); sinh năm 1953; quê quán xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.



6 - Đồng chí Đoàn Khắc Hòa : Quyền Bí thư, Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (9/2005 - 7/2008); sinh năm 1956; quê quán xã Lục Ba, huyện Đại Từ; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 6/1974, xuất ngũ tháng 9/1988; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 9/4/1981.



7 - Đồng chí Trương Thị Huệ : Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (7/2008 - 8/2011); sinh năm 1961; quê quán xã An Khánh, huyện Đại Từ; trú quán phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 3/4/1995.



8 - Đồng chí Nguyễn Văn Nhâm: Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (9/2011 - 2015), sinh năm 1960; quê quán xã Cải Đan, huyện Phổ Yên (nay là phường Cải Đan, thành phố Sông Công); trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 10/11/1987.



9 - Đồng chí Lê Kim Phúc : Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện (từ đầu năm 2016), sinh năm 1969; quê quán xã Bình Phú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 30/11/2002.

CÁC ĐỒNG CHÍ CHỈ HUY QUÂN SỰ

HUYỆN ĐẠI TỪ (1947 - 2016)



1 - Đồng chí Triệu Minh Trường (1923 - đã từ trần): Huyện đội trưởng (10/1947- cuối năm 1949); quê quán xã Trần Minh, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; trú quán xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ cuối năm 1946, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 3/1946.



2 - Đồng chí Triệu Tuấn (1917 - đã từ trần): Chính trị viên Huyện đội (10/1947 - 8/1949); quê quán xã Quảng Trù, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; trú quán xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ 10/1947, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 1/1947.



3 - Đồng chí Nguyễn Quang Vinh (1920 - đã từ trần): Huyện đội phó (10/1947 - 1948); quê quán, trú quán xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ năm 1942, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.



4 - Đồng chí Triệu Minh Tân (1929 - đã từ trần): Huyện đội trưởng (đầu năm 1950 - 1954); quê quán xã Trấn Minh, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; trú quán xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9/1946, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.



5 - Đồng chí Nguyễn Tam Sơn (1923 - đã từ trần): Chính trị viên Huyện đội (1950 - đầu năm 1954); quê quán xã Điền Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; trú quán xã Định Trung, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Yên; tham gia cách mạng trước tháng 8/1945, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 3/1947.



6 - Đồng chí Sơn : Huyện đội trưởng (1962 - 1963); gia đình trú quán tại Cửa Nam - Hà Nội.



7 - Đồng chí Lưu Kim Thản :Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy (1963) - Chính trị viên Huyện đội (1962 - 1963).



8 - Đồng chí Triệu Quý Minh : Chính trị viên phó Huyện đội (1962 - 1965), sinh năm 1930; quê quán xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ; trú quán xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2/1959, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 11/1962.



9 - Đồng chí Trình Quốc Thái (1930 - đã từ trần): Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy (1967 - 1968) - Chính trị viên Huyện đội (1963 - 1968); quê quán và trú quán xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1950, đã nghỉ hưu; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1950.

10 - Đồng chí Kỷ : Huyện đội trưởng (1964 -1965).

11 - Đồng chí Thìn : Huyện đội trưởng (1966 -1970).

12 - Đồng chí Vũ Phan : Huyện đội phó (1968).

13 - Đồng chí Trần Đàn : Chính trị viên phó (1970).

14 - Đồng chí Nông Văn Ty : Huyện đội phó (1970).

15 - Đồng chí Vũ Thịnh : Huyện đội trưởng (1971).

16 - Đồng chí Lê Văn Đức : Chính trị viên phó Huyện đội (1972).



17 - Đồng chí Nguyễn Văn Học (1929 - đã từ trần): Huyện đội phó (8/1970 - 11/1980); quê huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; trú quán xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1947.



18 - Đồng chí Nguyễn Văn Phác (1930 - đã từ trần): Huyện đội trưởng (1971 - 1974); quê quán, trú quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1950, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.



19 - Đồng chí Trần Thi: Huyện đội trưởng (1974 - 8/1978), sinh năm 1939; quê quán, trú quán huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; nhập ngũ năm 1959, đã nghỉ hưu, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.



20 - Đồng chí Nguyễn Duy Oánh (1930 - đã từ trần): Chính trị viên (4/1975 - 1984); quê quán xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; trú quán xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 10/1948, nghỉ hưu năm 1984, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1949.



21 - Đồng chí Trương Phi Vân (1938 - đã từ trần): Chỉ huy trưởng (9/1978 - 4/1981); quê quán xã An Khánh, trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 5/1958, nghỉ hưu năm 1981; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1963.



22 - Đồng chí Lưu Văn Viết : Chính trị viên phó (1978 - 1984), sinh năm 1943; quê quán, trú quán xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1966, nghỉ hưu năm 1984, cấp bậc Thiếu tá, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 23/1/1967.



23 - Đồng chí Dương Công Kế: Chỉ huy phó (1978 - 1983), sinh năm 1939; quê quán, trú quán xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1966, nghỉ hưu năm 1983, cấp bậc Đại úy, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 8/12/1968.



24 - Đồng chí Chu Văn Viên: Chỉ huy phó (1978 - 1982), sinh năm 1935; quê quán, trú quán xã Đức Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1952, xuất ngũ 1955, tái ngũ 1966, nghỉ hưu năm 1983, cấp bậc Đại úy, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 31/12/1959.



25 - Đồng chí Vũ Anh Tào (1949 - đã tử trận): Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng (11/1980 - 2/1985); quê quán, trú quán xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 11/1966, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1970.



26 - Đồng chí Lý Công Khoa: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy (1983 - 1986) - Chỉ huy trưởng (4/1981 - 10/1987); sinh năm 1934; quê quán, trú quán xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2/1954, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1958.



27 - Đồng chí Nông Bá Quyền (1950 - đã từ trần): Chỉ huy phó Chính trị (6/1984 - 9/1987); quê quán xã Đức Lương, trú quán thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1967, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1968.



28 - Đồng chí Hà Đức Mưu: Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng (6/1984 - 9/1987), Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy (1986 - 2000) - Chỉ huy trưởng (10/1987 - 4/2000), cấp bậc Đại tá; sinh năm 1948, quê quán xã Mỹ Yên, trú quán thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 4/1966; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1968.



29 - Đồng chí Lương Xuân Thanh (1947 - đã từ trần): Chỉ huy phó Chính trị (9/1987 - 9/1989); quê quán, trú quán xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1967, đã nghỉ hưu, cấp bậc Đại úy; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 2/1968.



30 - Đồng chí Trịnh Hồng Sáng: Chỉ huy phó Chính trị (10/1989 - 8/1999); sinh năm 1953; quê quán, trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8/1969; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1973, nghỉ hưu năm 1999, cấp bậc Thượng tá.



31 - Đồng chí Lê Quang Thảo: Chỉ huy phó Tham mưu trưởng (2/1987 - 2/2002); sinh năm 1953; quê quán xã Hương Công, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 1/1972, nghỉ hưu năm 2002, cấp bậc Thượng tá; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1979.



32 - Đồng chí Phan Văn Tường: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Chỉ huy trưởng (4/2000 - 10/2002), sinh năm 1960; quê quán xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ; trú quán phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1978; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 7/1982; từ năm 2015 là Phó Tư lệnh Quân khu 1, cấp bậc Thiếu tướng.



33 - Đồng chí Nguyễn Văn Kính: Chỉ huy phó Động viên (10/1995 -2002), Chỉ huy phó Tham mưu trưởng (2002 - 2006); sinh năm 1955, quê quán xã Lục Ba; trú quán thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8/1976, nghỉ hưu năm 2006, cấp bậc Thượng tá; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1981.



34 - Đồng chí Vũ Tuấn Hùng: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Chỉ huy trưởng (10/2002 - 5/2005), cấp bậc Thượng tá, sinh năm 1964; quê quán và trú quán xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9/1983, đã nghỉ hưu; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1985.



35 - Đồng chí Đinh Hữu Giang: Chỉ huy phó Chính trị (10/1999 - 2006); sinh năm 1958; quê quán xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; trú quán thành phố Hồ Chí Minh; nhập ngũ tháng 8/1976, đã nghỉ hưu, cấp bậc Đại tá; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1980.



36 - Đồng chí Lưu Đình Cải: Chỉ huy phó Động viên (2002 - 2014), cấp bậc Thượng tá; sinh năm 1960; quê quán xã Yên Nghĩa, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội); trú quán phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8/1978, nghỉ hưu năm 2015, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1984.



37 - Đồng chí Triệu Hạnh Kiểm: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Chỉ huy trưởng (5/2005 - 2009), sinh năm 1955; quê quán xã Dân Chủ, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng; trú quán xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8/1976, nghỉ hưu năm 2009, cấp bậc Thượng tá; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 5/1980.



38 - Đồng chí Đỗ Năng Tĩnh: Chỉ huy phó Chính trị, Chính trị viên (2005 - 2013); sinh năm 1959; quê quán, trú quán xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8/1978, nghỉ hưu năm 2013, cấp bậc Đại tá; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 10/1980.



39 - Đồng chí Nguyễn Văn Sơn: Chính trị viên phó kiêm Chủ nhiệm Chính trị (6/2007 - 12/2011); sinh năm 1960; quê quán, trú quán xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 5/1978, nghỉ hưu năm 2012, cấp bậc Thượng tá; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 1/8/1980.



40 - Đồng chí Nguyễn Văn Phúc: Chỉ huy phó Tham mưu trưởng (6/2006 - 4/2010), sinh năm 1959; quê quán xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 6/1977, nghỉ hưu năm 2011, cấp bậc Thượng tá; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1980.



41 - Đồng chí Dương Ngọc Khánh: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy (từ năm 2010) - Chỉ huy trưởng (từ tháng 11/2009), cấp bậc Thượng tá, sinh năm 1964; quê quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ; trú quán phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9/1983, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1987.



42 - Đồng chí Nguyễn Thanh Ngân : Chỉ huy phó Tham mưu trưởng (4/2010 - 4/2014), sinh năm 1972; quê quán xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; trú quán phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 3/1991; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 30/3/1994; từ tháng 5/2014 là Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; cấp bậc Thượng tá.



43 - Đồng chí Hầu Việt Dũng : Chính trị viên phó kiêm Chủ nhiệm Chính trị (1/2012 - 10/2013), Chính trị viên (từ tháng 11/2013), cấp bậc Trung tá, sinh năm 1976; quê quán, trú quán xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9/1994, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1999.



44 - Đồng chí Lý Xuân Lực : Chính trị viên phó kiêm Chủ nhiệm Chính trị (từ tháng 11/2013), cấp bậc Trung tá, sinh năm 1975; quê quán xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9/1993, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1998.



45 - Đồng chí Trần Chí Thanh: Chỉ huy phó Tham mưu trưởng (5/2014 - 12/2015), sinh năm 1976, cấp bậc Trung tá; quê quán xã Vụ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; trú quán phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9/1994, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1998; từ tháng 1/2016 là Trưởng ban Dân quân, phòng Tham mưu, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.



46 - Đồng chí Vũ Văn Thực : Chỉ huy phó Động viên (2014 - 2015), Chỉ huy phó Tham mưu trưởng (từ tháng 1/2016), cấp bậc Trung tá, sinh năm 1974; quê quán, trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2/1992, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1995.



47 - Đồng chí Thiệu Minh Thế : Chỉ huy phó Động viên (từ tháng 1/2016), cấp bậc Thượng tá, sinh năm 1966; quê quán xã Dũng Nghĩa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; trú quán phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9/1985, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1993.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG



Các đồng chí Chỉ huy phó Chính trị Bộ CHQS tỉnh, Bí thư Huyện ủy - Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện Đại Từ chụp ảnh lưu niệm với các đồng chí Chính trị viên Ban CHQS xã, thị trấn dự lớp bồi dưỡng kiến thức công tác đảng công tác chính trị trong lực lượng dân quân tự vệ.



Hội diễn văn nghệ quần chúng của LLVT nhân dân huyện Đại Từ tổ chức tại xã Hùng Sơn, nơi ngày 27-7-1947 diễn ra Lễ Mít tinh công bố Quyết định của Chính phủ lấy ngày 27-7 hằng năm là ngày Thương binh - Liệt sĩ.



Đồng chí Đàm Đình Trại, Phó Tư lệnh Chính trị Quân khu I kiểm tra Phân đội cơ động sẵn sàng chiến đấu của dân quân tự vệ huyện Đại Từ.



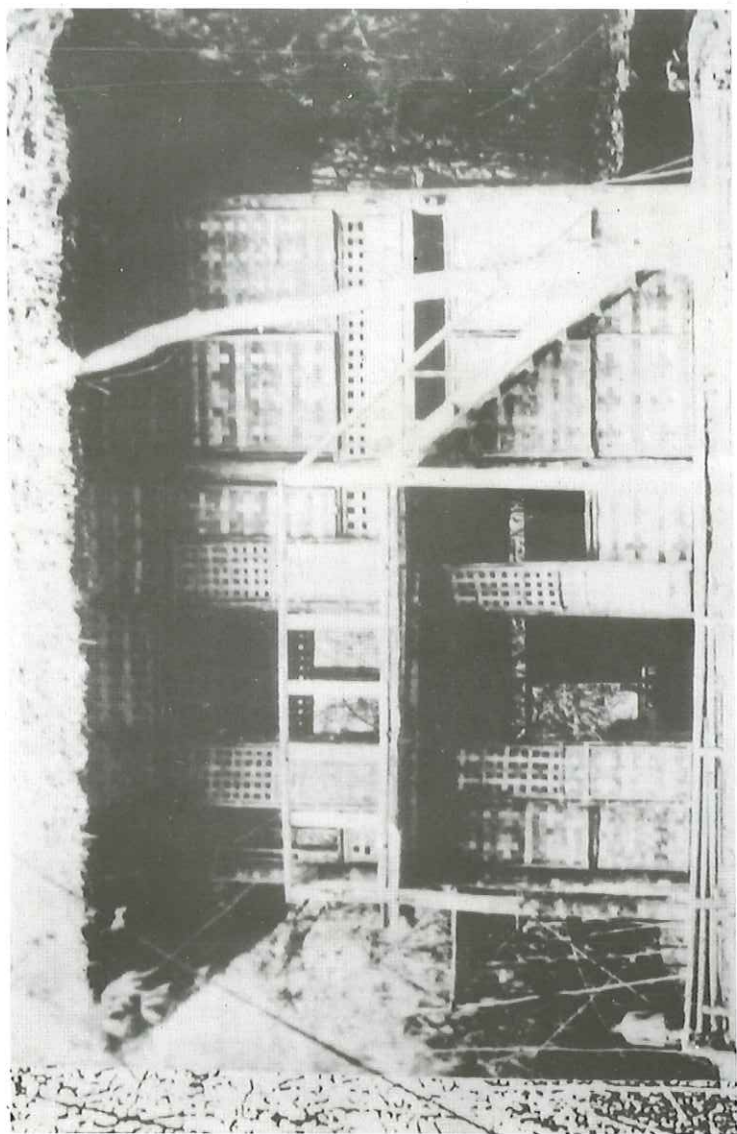
Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ kết hợp huấn luyện quân sự với làm đường giao thông nông thôn.



Con em nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ hăng hái lên đường
nhập ngũ, bảo vệ Tổ quốc.



Khẩu đội súng máy cao xạ 12 ly 7 của tự vệ mỏ than Núi Hồng
đơn vị đạt kết quả cao trong Hội thao Quốc phòng (năm 1986).



Nhà sàn Bác Hồ ở và làm việc từ tháng 8 đến đầu tháng 10 năm 1954 tại xã Bản Ngoại.



Lực lượng vũ trang địa phương huyện Đại Từ đào phá bom chưa nổ còn sót lại sau hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ (năm 2002).



Cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự huyện Đại Từ tham gia trồng rừng, góp phần phủ xanh đất trống, đồi trọc (năm 2005).



Lực lượng vũ trang địa phương huyện Đại Từ diễn tập khu vực phòng thủ (năm 2008).



Lực lượng Công an và Lực lượng vũ trang địa phương huyện Đại Từ diễn tập phòng chống gây rối, bạo loạn và giải cứu con tin (năm 2013).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 - Huyện ủy Đại Từ : Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ 1936 - 2015, Huyện ủy Đại Từ xuất bản năm 2015.

2 – Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên: Lịch sử Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên 1947 - 2012, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên xuất bản năm 2014

3 – Các báo cáo hằng quý, sáu tháng, một năm và văn kiện các kì Đại hội Đảng của Đảng bộ Quân sự tỉnh Thái Nguyên, Đảng bộ Quân sự huyện Đại Từ.

4 – Các báo cáo hằng quý, sáu tháng, một năm và văn kiện chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên và Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ .

TABLE 1. THAM NHẢO

- 1 - Hướng dẫn của Ban chấp hành Huyện ủy huyện Đại Từ 1990 - 2012, Hướng dẫn của Ban chấp hành Huyện ủy huyện Đại Từ năm 2014.
- 2 - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên: Lịch sử Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên 1947 - 2012, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên xuất bản năm 2014.
- 3 - Các báo cáo hàng quý, năm thường, một năm và năm kế hoạch của Ban chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh Thái Nguyên, Đảng bộ Quân sự huyện Đại Từ.
- 4 - Các báo cáo hàng quý, năm thường, một năm và năm kế hoạch của Ban chấp hành Đảng bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên và Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
LỜI NÓI ĐẦU	3
Chương I - QUÊ HƯƠNG - CON NGƯỜI - TRUYỀN THỐNG	7
Chương II - QUÂN VÀ DÂN ĐẠI TỪ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (9/1945 - 7/1954)	71
Chương III - QUÂN VÀ DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (8/1954 - 5/1975)	140
Chương IV - LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TRONG THỜI KÌ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (5/1975 - 12/1985)	211
Chương V - LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC (1/1986- 12/2000)	252
Chương VI - LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TRONG GIAI ĐOẠN ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC (2001- 2016)	290
KẾT LUẬN	353
PHẦN PHỤ LỤC	358
TÀI LIỆU THAM KHẢO	406
	407

In 200 cuốn khổ 14,5¹ cm x 20,5 cm tại Công ty cổ phần In Thái Nguyên.
Giấy phép xuất bản số: 1322/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông
Thái Nguyên cấp ngày 15/12/2016. In xong và nộp lưu chiểu tháng
12/2016.